

I CÁC VUA

Warren W. Wiersbe

MỤC LỤC

01. HOÀNG HÔN VÀ BÌNH MINH
02. SỰ KHÔN NGOAN TỪ THIÊN THƯỢNG
03. LÀM TRỌN GIẤC MƠ CỦA ĐA-VÍT
04. NHÀ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ TẤM LÒNG CỦA SA-LÔ-MÔN
05. VƯƠNG QUỐC, QUYỀN LỰC VÀ SỰ VINH HIỂN
06. NGƯỜI KHÔN NGOAN ĐẠI DỘT
07. ÔNG TA SẼ KHÔNG NGHE
08. VỊ VUA MỚI, TỘI LỖI CŨ
09. CUỘC ĐIỀU HÀNH CỦA CÁC VUA
10. HÃY ĐỂ NGỌN LỬA TÀN LỤY!
11. NGƯỜI TRONG HANG ĐỘNG
12. A-HÁP KẺ NÔ LỆ CHO TỘI LỖI
13. XEM LẠI CÁC VUA - SỰ PHẢN ÁNH CỦA TÌNH THẦN TRÁCH NHIỆM

1. HOÀNG HÔN VÀ BÌNH MINH (IVua 1:1-2:46 ISu 29:22-30)

Cơn khủng hoảng không tạo nên một con người nhưng nó có thể phơi bày bản chất của con người đó”. Từ cổ chí kim, ý niệm này đã được nhiều nhà tư tưởng thể hiện một cách sâu sắc trong những tác phẩm của mình dưới nhiều hình thức khác nhau. Nói cách khác, “Những điều mà cuộc sống đem lại cho bạn phụ thuộc vào những gì có ở nơi bạn”. Ánh mặt trời làm cứng đất sét cũng chính là ánh mặt trời làm tan tảng băng.

Khi vua Đa-vít đang ở vào những giờ phút cuối của đời mình thì vương quốc Y-sơ-ra-ên phải đối mặt với một cuộc khủng hoảng lớn và nhiều người đã có những phản ứng khác nhau.

1. A-đô-ni-gia, kẻ cơ hội (IVua 1:1-10)

Khi đối diện với cơn khủng hoảng, một nhà lãnh đạo chân chính sẽ tự hỏi, “Tôi có thể làm điều gì hữu ích nhất để giúp đỡ những người khác?” Một kẻ cơ hội thì nhìn vào cuộc khủng hoảng và tự hỏi, “Tôi có thể tận dụng tình thế này như thế nào để giúp mình thăng tiến và đạt được những ước vọng của mình?” Những kẻ cơ hội thường xuất hiện như những vị khách không được mời. Họ tập trung mọi sự chú ý vào chính mình và hoàn tất công việc của mình bằng việc làm cho cơn khủng hoảng càng tồi tệ hơn. A-đô-ni-gia là loại người như vậy.

Cơ hội (IVua 1:1-4). A-đô-ni-gia là người lớn nhất trong những người con còn sống của Đa-vít. Có thể ông khoảng 35 tuổi vào thời điểm đó. Con trưởng nam của Đa-vít là Am-nôn đã bị Áp-sa-lôm giết chết; người con thứ nhì là Ki-lê-áp (hay còn gọi là Đa-ni-ên) có lẽ đã chết sớm bởi vì không có tài liệu nào ghi chép về cuộc đời anh ta; con trai thứ ba là Áp-sa-lôm đã bị Giô-áp giết chết (3:1-2). Là con trai trưởng của Đa-vít, A-đô-ni-gia nghĩ rằng mình xứng đáng với ngai vàng. Suy cho cùng, Đa-vít luôn đau yếu và sẽ sớm qua đời, vì thế điều quan trọng là phải có một vị vua trên ngai vàng của Y-sơ-ra-ên. Giống như người anh là Áp-sa-lôm (IISa 15:1-6), A-đô-ni-gia nắm lấy cơ hội của mình khi Đa-vít đang yếu sức và nằm liệt giường. Mặc dù vậy, A-đô-ni-gia đã đánh giá quá thấp sức chịu đựng và sự khôn ngoan của Đa-vít, người chiến sĩ lão luyện, nên cuối cùng anh đã phải trả giá đắt cho tính tự phụ bằng cả cuộc đời của mình.

A-bi-sác đã trở thành người bầu bạn và chăm sóc cho Đa-vít. Có thể nàng đã được công nhận là vợ lẽ của nhà vua một cách chính thức, vì thế không có gì trái với đạo đức trong mối quan hệ giữa họ. Nàng sẽ trở thành một nhân vật quan trọng trong chuỗi những sự kiện đầy kịch tính sau cái chết của Đa-vít (IVua 2:13-23). A-đô-ni-gia đã mắc sai lầm khi nghĩ rằng cha mình không thể điều hành công việc một cách bình thường vì thế anh ta đã can thiệp vào công việc của cha. Tuy nhiên, anh đã mắc sai lầm to lớn. Thay vì là một người con cảm thông với cha, A-đô-ni-gia tự cho rằng ngai vàng là của mình. Nếu giành được sự ủng hộ của anh chị em, những nhà lãnh đạo triều đình, các thầy tế lễ và quân đội, anh ta có thể đảo chính và trở thành vị vua kế tiếp của vương quốc Y-sơ-ra-ên.

Kẻ phản bội (IVua 1:5-7). Theo gương của người anh đáng hổ thẹn là Áp-sa-lôm (IISa 15:7-12), A-đô-ni-gia bắt đầu tự tôn mình lên và tìm kiếm sự ủng hộ của dân

sự. Giống như Áp-sa-lôm, A-đô-ni-gia rất lịch lãm và được cha nuông chiều (c.6,13-14). Những người thiếu suy nghĩ đã tham gia vào cuộc vận động của anh ta. Nhờ vào sự khéo léo của mình, A-đô-ni-gia đã nhận được sự ủng hộ của cả quân đội và các thầy tế lễ khi ông đã lôi kéo được quan tổng binh Giô-áp, và thầy tế lễ cả A-bi-tha. Cả hai người này đã phò trợ vua Đa-vít và đã từng sát cánh với nhà vua trong những lúc nguy nan nhất nhưng bây giờ họ lại quay trở lại chống đối ông. Và lại, A-đô-ni-gia biết rằng Đức Chúa Trời đã chọn Sa-lô-môn làm vị vua kế vị của Y-sơ-ra-ên (IVua 2:15) cả A-bi-tha và Giô-áp cũng biết điều đó. Khi Đức Chúa Trời lập giao ước với Đa-vít (IISa 7:1-29), Ngài bày tỏ rằng một đứa con trai trong tương lai sẽ lên ngôi ông và xây dựng đền thờ (ISu 22:8-10), và người đó chính là Sa-lô-môn (ISu 28:4-7). A-đô-ni-gia, A-bi-tha, Giô-áp đang chống lại ý muốn của Đức Chúa Trời đã được bày tỏ họ quên rằng “mưu của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời” (Thi 33:11).

Người trung thành (IVua 1:8-10). Một lần nữa giống như anh mình là Áp-sa-lôm, A-đô-ni-gia tổ chức một bữa yến tiệc linh đình (IISa 15:7-12) và mời tất cả các anh em mình tham dự ngoại trừ Sa-lô-môn (c.26). Ông cũng không mời những triều thần quan trọng của vương quốc bao gồm thầy tế lễ cả Xa-đốc, người đứng đầu đội thị vệ của vua Bê-na-gia, tiên tri Na-than và những “dõng sĩ” của Đa-vít (IISa 23:1-39).¹ Đây là bữa yến tiệc lên ngôi và các vị khách mời đang tung hô A-đô-ni-gia là vua Y-sơ-ra-ên (c.25). Có lẽ một vài người trong số họ nghĩ rằng vị vua già yếu Đa-vít đã đặt tay trên A-đô-ni-gia và phong cho ông làm vua. Hơn nữa, các anh em của A-đô-ni-gia đều có mặt ở bữa yến tiệc cho thấy rằng họ không có quyền thừa kế ngai vàng. Nhưng chắc chắn ai cũng nhận thấy sự vắng mặt của Sa-lô-môn, Xa-đốc, Bê-na-gia và Na-than. Liệu có ai thắc mắc rằng Na-than đã xúc dầu cho A-đô-ni-gia ở đâu và khi nào, và nếu ông đã được xúc dầu, tại sao điều này lại diễn ra trong bí mật? Những tội tở trung thành của Đức Chúa Trời và Đa-vít đã bị bỏ mặc, một tình tiết rõ ràng rằng A-đô-ni-gia đã tự phong mình làm vua mà không hề nhận được thẩm quyền từ Đức Chúa Trời hoặc vua Đa-vít.

Kinh Thánh thường cho thấy rằng “lẽ thật vấp ngã giữa đường phố và sự ngay thẳng chẳng được vào” (Es 59:14), nhưng Đức Chúa Trời luôn luôn hoàn thành được mục đích của Ngài. “Kẻ ác bị công việc tay mình làm trở vẩn lầy” (Thi 9:16). Bữa yến tiệc lớn của A-đô-ni-gia là dấu hiệu nhắc cho các tội tở trung thành của Đa-vít rằng họ phải cấp báo cho nhà vua biết đã đến lúc phải phong Sa-lô-môn làm vị vua kế vị của vương quốc Y-sơ-ra-ên.

2. Na-than, người trung thành (IVua 1:11-53)

Tiên tri Na-than là người bạn và cũng là người cố vấn trung thành của Đa-vít. Na-than mang đến tin tức tốt lành về giao ước của Đức Chúa Trời cho Đa-vít và hậu tự của ông (IISa 7:1-17). Chính Na-than đã cảnh tỉnh, động viên vua Đa-vít để đưa ông thoát khỏi giai đoạn đen tối nhất sau khi phạm tội tà dâm với Bát-sê-ba (12:1-31). Có lẽ Na-than có tài về âm nhạc vì ông đã giúp Đa-vít tổ chức những buổi lễ thờ phượng trong đền thánh (IISu 29:25-26). Khi Sa-lô-môn ra đời, Na-than đã thông báo cho cha mẹ đứa trẻ rằng Đức Chúa Trời muốn nó cũng được gọi là “Giê-đi-đia, nghĩa là được Đức Giê-hô-va yêu mến” (IISa 12:24-25). Khi nghe tin về bữa

yến cùng với lời tuyên bố về quyền kế vị ngai vàng của A-đô-ni-gia, Na-than lập tức hành động.

Na-than báo tin cho Bát-sê-ba (IVua 1:11-14). Mặc dầu không biết thêm điều gì về Bát-sê-ba sau khi Sa-lô-môn ra đời, chúng ta cũng đừng vội kết luận rằng bà không có phần quan trọng trong những vấn đề của hoàng cung. Việc bà một mình hành động trong đoạn này chứng tỏ bà là người phụ nữ can đảm, mong muốn làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Mặc dầu biết chắc con trai bà sẽ là vua nhưng nếu lỡ A-đô-ni-gia thành công trong việc chiếm ngôi, cả Bát-sê-ba và con trai bà sẽ bị giết (c.12,21). Nhưng việc Na-than ngay lập tức tìm đến Bát-sê-ba cho thấy rằng ông biết được điều mà người mẹ của vị vua tương lai này có thể làm. Cũng giống như vậy, cách A-đô-ni-gia tìm đến Bát-sê-ba và cách Sa-lô-môn đón tiếp bà (IVua 2:13-19) cho thấy cả hai người này đều cho rằng bà là người phụ nữ có uy thế lớn. Thật đáng tiếc cho nhiều người khi nghĩ rằng Bát-sê-ba chỉ là “nàng vợ lẽ” trong khi chính sự can thiệp của bà đã cứu vương quốc Y-sơ-ra-ên khỏi thảm họa trong giờ phút nguy kịch nhất.

Bát-sê-ba báo tin cho Đa-vít (IVua 1:15-21). Nhà tiên tri đã định sẵn cho Bát-sê-ba những lời phải nói, một bản tường trình ngắn gọn chỉ bao gồm hai câu hỏi được trình bày với giọng rất khẩn thiết. Từ chìa khóa trong cuộc nói chuyện này là “thề”, được sử dụng trong câu 13,17,29 và 30. Na-than và Bát-sê-ba biết rằng Đa-vít đã hứa Sa-lô-môn sẽ là vị vua kế vị và Sa-lô-môn là người được Đức Chúa Trời lựa chọn. Đa-vít đã chính thức thông báo về sự xúc dầu cho Sa-lô-môn khi ông nói về việc xây dựng đền thờ (ISu 22:28). Việc Đức Chúa Trời cho Sa-lô-môn một cái tên đặc biệt cho thấy chắc chắn Sa-lô-môn sẽ là người kế vị Đa-vít (IISa 12:24-25).

Bát-sê-ba quỳ trước nhà vua (c.16,23,31,47,53) và nhắc ông nhớ về lời thề rằng Sa-lô-môn sẽ làm vua dân Y-sơ-ra-ên. Sau đó bà báo cho ông biết A-đô-ni-gia đang tổ chức một bữa yến tiệc lớn mừng lễ lên ngôi và A-bi-tha, Giô-áp cùng tất cả các vương tử trừ Sa-lô-môn đang ở đó. Chắc chắn bữa tiệc này không nhằm tôn vinh Sa-lô-môn. A-đô-ni-gia tự phong mình làm vua, nhưng cả Y-sơ-ra-ên đang chờ đợi lời tuyên bố chính thức của Đa-vít về người sẽ kế vị. Nếu trở thành vua, thì hiển nhiên rằng A-đô-ni-gia sẽ nhanh chóng loại bỏ Bát-sê-ba và con trai bà. Điều Đa-vít sẽ làm có liên quan đến sự sống hoặc cái chết. A-bi-sác là người chứng kiến những điều Bát-sê-ba nói (c.15).

A-than báo tin cho Đa-vít (IVua 1:22-27). Trong khi Bát-sê-ba đang nói chuyện với nhà vua được thì Na-than đến. Sau đó Bát-sê-ba rời khỏi phòng (c.28) và Na-than được phép vào yết kiến vua tại giường. Ông đã hỏi nhà vua hai câu hỏi: có phải Đa-vít đã tuyên bố A-đô-ni-gia sẽ ngồi trên ngai vàng và có phải nhà vua đã thực hiện việc này trong bí mật mà không hề nói cho tôi tớ ông là nhà tiên tri? (c.24,27). Xen giữa hai câu hỏi này là lời thông báo về việc A-đô-ni-gia đang tổ chức lễ lên ngôi của mình, tất cả các vương tử trừ Sa-lô-môn đều đến dự, A-bi-tha cùng các nhà lãnh đạo quân sự cũng có mặt ở đó. Na-than không nhắc đến Giô-áp nhưng Bát-sê-ba đã làm việc đó. Điều Na-than cho biết là Giô-áp đã đem theo các tướng lãnh của mình vì thế hiện thời quân đội đang ủng hộ A-đô-ni-gia. Tuy vậy, những tôi tớ trung thành của Đa-vít, Na-than, Xa-đốc và Bê-na-gia đã bị A-đô-ni-

gia loại ra. Với tình thế như vậy, Na-than tự hỏi liệu A-đô-ni-gia có thể có đủ quyền lực để xưng mình là vua.

Rất có thể lời tường thuật của Na-than về những sự việc này nhắc Đa-vít nhớ về những ngày đen tối khi Áp-sa-lôm nổi loạn và Đa-vít không muốn đất nước mình phải trải qua một cuộc nội chiến khác. Sa-lô-môn là con trai của sự hòa bình (ISu 22:9). Do được nuôi dưỡng trong cung điện, Sa-lô-môn không từng trải qua chiến tranh như cha ông; và nếu nội chiến xảy ra, làm sao ông có thể xây đền thờ?

Đa-vít chỉ thị cho những tội tớ trung thành của mình (IVua 1:28-37). Trước cuộc khủng hoảng, Đa-vít hành động ngay lập tức và truyền cho Na-than gọi Bát-sê-ba trở vào. Nhà vua và Bát-sê-ba nói chuyện riêng với nhau (c.32). Một lần nữa Đa-vít khẳng định với Bát-sê-ba sự thật rằng Sa-lô-môn con trai bà sẽ làm vua Y-sơ-ra-ên. Ông đã từng thề với bà điều này và sẽ không nuốt lời. Sau đó Đa-vít đi xa hơn về lời thề của mình và lập Sa-lô-môn là người cùng nhiếp chính với mình kể từ ngày đó! “Ngày nay ta sẽ hoàn thành điều đó...” (c.30). Nếu Đa-vít trì hoãn quá lâu, cuộc nổi loạn của A-đô-ni-gia sẽ lớn mạnh. Nếu Đa-vít qua đời thì ai còn có thẩm quyền để hành động? Bằng việc lập ngay Sa-lô-môn làm người cùng nhiếp chính, Đa-vít đã kiểm soát được sự việc và Sa-lô-môn sẽ thi hành mệnh lệnh của ông. Sa-lô-môn không còn là hoàng tử hay hoàng thái tử nữa: ông bây giờ là người cùng nhiếp chính với cha mình và là vua Y-sơ-ra-ên.

Sau đó Đa-vít truyền gọi những tội tớ trung thành của ông là tiên tri Na-than, thầy tế lễ Xa-đốc và người đứng đầu đội quân thị vệ Bê-na-gia. Họ là những người Đa-vít có thể tin tưởng. Ông ra lệnh cho họ hãy phong Sa-lô-môn làm vua trong buổi lễ trọng thể tại Ghi-hôn. Đây là địa điểm quan trọng nằm ở sườn phía Tây núi Si-ôn cách Ê-rô-gên nơi A-đô-ni-gia đang tổ chức yến tiệc một dặm (c.9). Sẽ không mất nhiều thời gian để tin tức đến được với A-đô-ni-gia! Sa-lô-môn sẽ cưới con la của Đa-vít và dân sự sẽ được thông báo rằng Sa-lô-môn đang chia sẻ ngai vàng với Đa-vít và sẽ là người kế vị vua cha. Xa-đốc và Na-than sẽ dùng dầu thánh nơi bàn thờ xức cho Sa-lô-môn. Kèn sẽ thổi lên, loan báo cho mọi người đây là một sự kiện trọng thể. Sa-lô-môn bây giờ là vua, là người cai trị toàn thể Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (IVua 4:20,25).

Bê-na-gia là con trai thầy tế lễ (ISu 27:5), nhưng ông chọn công việc quân sự và trở thành một trong những dũng sĩ của Đa-vít (IISa 23:20-23) đồng thời là người đứng đầu đội thị vệ của nhà vua hay còn gọi là quan trưởng của người Kê-rê-thít và Phê-lê-thít (c. 38 IISa 8:18). Sau khi nghe chỉ thị của Đa-vít, Bê-na-gia bày tỏ ngay sự đồng tâm nhất trí của mình với đức vua vì vậy ông cho binh lính của mình ủng hộ Đa-vít và Sa-lô-môn. Sau này, Sa-lô-môn xử tử Giô-áp vì tội phản bội vua cha để đi theo A-đô-ni-gia. Sa-lô-môn bàn giao lại cho Bê-na-gia chức vụ mà Giô-áp đã đảm trách (IVua 2:35). Bê-na-gia cũng trung thành với Sa-lô-môn như đã từng trung thành với Đa-vít.

Đức Chúa Trời báo tin cho dân Y-sơ-ra-ên (IVua 1:38-53). Xa-đốc, Na-than và Bê-na-gia được đội quân nhà vua bảo vệ, tuân lệnh Đa-vít thông báo cho toàn thể Y-sơ-ra-ên biết Sa-lô-môn là vua. Dân sự vui mừng khôn xiết khi họ chơi kèn và tung hô “Vua Sa-lô-môn vạn tuế”. Tiếng la vang xuống thung lũng và vọng đến Ê-rô-gên nơi mọi người đang tung hô “Vua A-đô-ni-gia vạn tuế” (c.25).

Khi A-đô-ni-gia và các khách mời của mình dự xong tiệc, họ nghe tiếng la cùng tiếng kèn và tự hỏi chuyện gì đang diễn ra ở Giê-ru-sa-lem. Có phải vua Đa-vít đã qua đời? Hay đó là một sự tuyên chiến?

Những câu hỏi này được giải đáp khi Giô-na-than đến. Ông là con trai của thầy tế lễ A-bi-tha, người đã ủng hộ Đa-vít trong cuộc nổi loạn của Áp-sa-lôm (II Sa 17:17-22). A-đô-ni-gia nghĩ rằng Giô-na-than mang đến tin tức tốt lành, nhưng hóa ra đó là tin tệ nhất có thể có cho A-đô-ni-gia, A-bi-tha và Giô-áp. Giô-na-than tường thuật rằng đã có người tận mắt chứng kiến Sa-lô-môn cỡi con lừa của nhà vua còn Xa-đốc và Na-than thì xúc dầu cho vị vua mới. Nhưng câu 47-48 lại mô tả những gì đang diễn ra nơi giường Đa-vít (c.36-37), và chúng ta tự hỏi từ đâu mà Giô-na-than có được những thông tin này. Có phải ông nghe Bê-na-gia ra lệnh cho đội quân của mình phải trung thành với Sa-lô-môn như họ đã từng trung thành với Đa-vít? Có phải Na-than và Xa-đốc đã lặp lại lời của Đa-vít cho dân sự?

Giô-na-than nói rõ rằng vào chính thời điểm đó Sa-lô-môn làm vua Y-sơ-ra-ên. A-đô-ni-gia, những kẻ đồng đảng và các vị khách mời biết điều này có nghĩa gì. Tất cả họ đều vô cùng hoang mang. Các khách mời, kể cả những vương tử hãy còn non nớt, thấy đều đứng dậy chạy về thành phố tìm sự an toàn, còn A-đô-ni-gia chạy đến đền tạm ẩn náu. Đây là căn lều được dựng ở Giê-ru-sa-lem để đặt hòm giao ước (ISu 16:1,37). Còn Đền tạm cùng các khí dụng khác thì đặt tại Ga-ba-ôn (16:39-40 IVua 3:4). Có một bàn thờ tại đó và A-đô-ni-gia nắm các sừng của bàn thờ. Đây là điều mà mọi người gặp nguy hiểm thường làm trước khi sáu thành ẩn náu được xây dựng (2:28 Xu 21:13-14). Nơi ẩn náu ít ra cũng có thể góp phần trì hoãn sự phán xét và cho bị cáo một cơ hội được giải bày (Phu 19:1-21).

Sa-lô-môn bày tỏ sự nhân từ với người anh trai của mình khi cho A-đô-ni-gia trở về nhà tại Giê-ru-sa-lem. Đây chẳng qua là sự giam lỏng tại gia vì đội thị vệ của nhà vua lúc nào cũng có thể giám sát A-đô-ni-gia. Sa-lô-môn cũng cảnh cáo anh mình hãy cẩn thận trong cách cư xử vì chỉ cần một sự nổi loạn thì A-đô-ni-gia sẽ phải chết. Nếu bước ra khỏi ranh giới, A-đô-ni-gia sẽ bị xử tử. A-đô-ni-gia cúi lạy trước Sa-lô-môn, nhưng tấm lòng ông không hề phục tùng Đức Chúa Trời hay em trai mình.

3. Đa-vít, người thực tế (IVua 2:1-11) (ISu 29:26-30)

“Trong đời mình, Đa-vít đã phục vụ cho mục đích của Đức Chúa Trời” (Cong 13:36), nhưng ông cũng quan tâm đến Sa-lô-môn và thế hệ sau. Đa-vít có nhiều kẻ thù, một vài người trong số họ ở ngay trong nhà và là những người thân cận của ông, ông muốn chắc chắn rằng vị vua mới sẽ không phải vướng mắc những vấn đề như của ông. Trong 40 năm trị vì, Đa-vít đã thống nhất đất nước, đánh bại kẻ thù, giải quyết thành công những vấn đề của vương quốc và chuẩn bị rất nhiều cho việc xây dựng đền thờ. Ông hát bài ca chót (II Sa 23:1-7) và trao phó nhiệm vụ cuối cùng của mình cho Sa-lô-môn.

“Hãy đặt Đức Chúa Trời lên trên hết” (IVua 2:1-4). Cựu Ước ghi lại những lời cuối cùng của Gia-cốp (Sa 49:1-33), Môi-se (Phu 33:1-29), Giô-suê (Gios 23:1-24:27) và Đa-vít (IVua 2:1-11). Câu “Ta hầu đi con đường chung của cả thế gian” được trích dẫn từ lời của Giô-suê vào lúc cuối đời (Gios 23:14), và câu “Khá mạnh dạn và nên

người trượng phu” dường như là lời Đức Chúa Trời nói với Giô-suê khi ông bắt đầu bước vào chức vụ (1:6). Sa-lô-môn là một người trẻ tuổi được sống trong sự bảo bọc che chở vì thế rất cần lời khuyên dạy này. Trên thực tế, ngay từ lúc bắt đầu trị vì, Sa-lô-môn đã phải thực hiện nhiều quyết định cứng rắn và ban hành nhiều mệnh lệnh đầy khó khăn. Đa-vít đã ủy thác cho Sa-lô-môn công việc xây đền thờ, một công tác sẽ phải mất bảy năm. Một ngày nào đó Sa-lô-môn sẽ qua đời và Đa-vít muốn con trai mình có thể nhìn lại cuộc đời nó với sự thỏa lòng. Phước cho người nào có lòng ngay thẳng trước mặt Đức Giê-hô-va, có lương tâm trong sạch, có thể nhìn lại cuộc đời mình và nói như Chúa Giê-xu: “Con đã tôn vinh Cha trên đất, làm xong công việc Cha giao cho làm” (Gi 17:4).

Những lời của Đa-vít tương tự những lời của Môi-se khi ông trao phó trách nhiệm cho Giô-suê (Phu 31:1-30). Đầu tiên, Môi-se khuyên bảo Giô-suê “hãy nên người trượng phu”, hãy đối mặt với trách nhiệm của mình bằng sự can đảm và ngay thẳng (c.1-8). Sau đó, Môi-se ban luật pháp cho các thầy tế lễ và khuyên bảo mọi người (kể cả Giô-suê) hãy học và làm theo. Đa-vít mong đợi Sa-lô-môn sẽ thông thạo luật pháp và giao ước của Đức Chúa Trời (17:14-20), và nếu vị vua mới này tuân theo những lời của Đức Giê-hô-va thì người sẽ được ban cho nhiều sức mạnh, sự khôn ngoan và phước hạnh.

Tuy nhiên Đa-vít cũng nhắc con trai mình về lời giao ước đặc biệt của Đức Chúa Trời liên quan đến vương triều nhà Đa-vít (c.4 IISa 7:1-17). Ông cảnh báo rằng nếu bất tuân luật pháp của Đức Chúa Trời thì Sa-lô-môn sẽ gánh lấy sự trừng phạt, sự đau khổ cho chính mình và cho đất nước. Ngược lại, nếu tuân thủ theo mệnh lệnh của Đức Chúa Trời thì Ngài sẽ chúc phước cho Sa-lô-môn và dân sự. Điều quan trọng hơn nữa là Chúa sẽ nhìn thấy điều đó Ngài sẽ làm cho hậu tự nhà Đa-vít luôn vững bền trên ngôi vua. Đa-vít ý thức sâu xa về trọng trách của quốc gia Y-sơ-ra-ên. Họ sẽ là một phương tiện để qua đó lời hứa về Đấng Cứu Thế được thành tựu. Kế hoạch cứu chuộc của Đức Chúa Trời cho nhân loại trong tương lai sẽ được thực hiện qua tuyển dân Y-sơ-ra-ên. Thật đáng tiếc khi Sa-lô-môn không đi theo đường lối của Đức Giê-hô-va một cách trọn vẹn. Việc làm này đã tạo điều kiện cho sự thờ cúng thần tượng lan tràn khắp nơi và dẫn đến việc vương quốc bị chia cắt.

“Bảo vệ vương quốc!” (IVua 2:5-9). Đa-vít biết rằng có những hiểm họa đang rình rập trong vương quốc, ông cảnh báo Sa-lô-môn phải hành động ngay lập tức và xử lý hai kẻ nguy hiểm. Giô-áp, quan tổng binh của Đa-vít, là kẻ được nêu tên đầu tiên. Giô-áp đã đứng về phía Đa-vít trong những thử thách khó khăn nhất, nhưng có đôi lúc ông đã tự làm theo ý riêng và đã phạm tội mưu sát hai người vô tội. Giô-áp là cháu của Đa-vít, là anh của A-bi-sai và A-sa-ên. Cả ba người họ đều là những dũng sĩ. Giô-áp đã giết Áp-ne vì Áp-ne đã giết A-sa-ên (IISa 2:12-3) Giô-áp giết con trai của Đa-vít là Áp-sa-lôm mặc dù biết Đa-vít muốn cho con trai mình sống (18:1-30). Chính Giô-áp đã mưu sát A-ma-sa, người được Đa-vít lập làm trưởng đạo binh (IISa 20:1-43) và hẳn đã ủng hộ A-đô-ni-gia trong cuộc tìm kiếm ngai vàng (IVua 1:7). Giô-áp cũng có dính líu trong kế hoạch của Đa-vít nhằm giết chồng của Bát-sê-ba là U-ri (IISa 11:14), và có lẽ vị tướng xảo quyết này đã dùng những hiểu biết của mình để đe dọa nhà vua. Đa-vít không nhắc đến chuyện của U-ri hay Áp-sa-lôm nhưng chắc chắn Sa-lô-môn biết Giô-áp là kẻ phản bội nhà vua.

Kẻ nguy hiểm thứ hai là Si-mê-i (IVua 2:8-9). Hắn ta là người Bên-gia-min và thuộc về dòng dõi Sau-lơ. Hắn luôn muốn nhìn thấy sự phục hồi ngai vàng cho nhà Sau-lơ. Hắn đã nguyện rửa Đa-vít khi ông chạy trốn khỏi Áp-sa-lôm

(II Sa 16:5-13). Nguyện rửa nhà vua là một sự vi phạm luật pháp (Xu 22:28) nhưng Đa-vít đã chấp nhận cách xử sự không mấy tử tế này của Si-mê-i và coi đó như là một sự rèn luyện của Đức Chúa Trời. Sau đó, khi Đa-vít trở về với ngai vàng, Si-mê-i đã hạ mình trước mặt nhà vua và Đa-vít đã tha thứ cho hắn (II Sa 19:18-23). Nhưng Đa-vít biết rằng luôn luôn có những phần tử ủng hộ Sau-lơ ở các chi phái phía Bắc, vì thế ông cảnh báo Sa-lô-môn phải đặt Si-mê-i dưới sự kiểm soát chặt chẽ.

Không chỉ nhớ đến những kẻ nguy hiểm như Giô-áp và Si-mê-i, Đa-vít còn nhớ đến những người đã giúp đỡ ông như Bát-xi-lai (c.7), người đã chu cấp cho Đa-vít và những người theo ông những gì họ cần khi họ chạy trốn khỏi Áp-sa-lôm (17:27-29). Đa-vít muốn thưởng cho Bát-xi-lai một chỗ ngồi nơi bàn của mình, nhưng người đàn ông già yếu này lại muốn qua đời tại nhà của mình. Bát-xi-lai đã xin Đa-vít ban ân huệ cho con trai mình là Kim-ham (19:31-38) nhưng bây giờ Đa-vít chỉ thị cho Sa-lô-môn phải quan tâm đến tất cả các con trai của Bát-xi-lai chứ không riêng một mình Kim-ham.

Đa-vít đã “hầu đi con đường chung của cả thế gian”, và “bằng hà tuổi cao, thỏa nguyện về đời mình, về sự giàu có, và về vinh hiển...” (ISu 29:28). Sa-lô-môn đã lên ngôi vua và ngai vàng của ông đã vững chắc, vì thế không cần thiết có bất cứ quyết định chính thức hay nghi lễ nào nữa.

4. Sa-lô-môn, nhà chiến lược (IVua 2:12-46)

Các công việc của vị vua mới đều đã được định sẵn: xử lý Giô-áp, xử lý Si-mê-i, thưởng cho các con trai của Bát-xi-lai và xây đền thờ. Nhưng cơn khủng hoảng đầu tiên xảy ra với ông chủ yếu đến từ người anh cùng cha khác mẹ A-đô-ni-gia.

Yêu cầu của A-đô-ni-gia (IVua 2:13-25). Sa-lô-môn đã có lòng độ lượng chấp nhận sự qui phục triều đại mới của A-đô-ni-gia (IVua 1:53), mặc dù ông biết rằng người này là giả dối và sẵn sàng dấy loạn một lần nữa. Chi tiết A-đô-ni-gia đi đến Bát-sê-ba với lời cầu xin cho thấy ông nghĩ rằng bà có ảnh hưởng lớn đối với con trai mình. Lời tuyên bố của A-đô-ni-gia trong câu 5 chỉ ra những sự rối rắm trong suy nghĩ của ông: nếu Sa-lô-môn được Đức Chúa Trời chọn để ngồi trên ngai vàng và A-đô-ni-gia biết điều đó thì tại sao ông lại cố gắng đảo chính và giành lấy ngai vàng? Giống như Áp-sa-lôm, ông nghĩ rằng thành công có nghĩa là một cuộc diễn hành rầm rộ và tiếng tung hô của mọi người. Có lẽ khi A-đô-ni-gia nói “vì do nơi Đức Chúa Trời mà thuộc về người (Sa-lô-môn)”, ông chỉ muốn Bát-sê-ba cảm động.

Các nhà nghiên cứu có nhiều cách diễn dịch khác nhau về vai trò của Bát-sê-ba trong tình huống này. Một số người cho rằng bà rất ngây thơ khi giúp A-đô-ni-gia cầu xin Sa-lô-môn, nhưng thật ra Bát-sê-ba đã tự chứng tỏ mình là một người phụ nữ can đảm và có nhiều ảnh hưởng. Rất có thể bà đang nghi ngờ về một âm mưu khác bởi vì chiếm hữu được vợ hay các cung phi của vua có nghĩa là đã sở hữu được cả vương quốc. Đây là điều giải thích tại sao Áp-sa-lôm công khai chiếm hữu

các cung phi của Đa-vít (II Sa 16:20-23), điều này đồng nghĩa với việc thông báo cho dân sự biết rằng ông bây giờ là vua. Thật khó để tin rằng mẹ nhà vua không biết gì về chi tiết này. Tôi có thể sai nhưng tôi cảm thấy rằng bà nhận lời A-đô-ni-gia là vì bà biết rằng Sa-lô-môn sẽ dùng cơ hội này để phôi bày âm mưu của A-đô-ni-gia. Bằng việc lấy A-bi-sác làm vợ, A-đô-ni-gia đang tuyên bố mình là người cùng nhiếp chính với Sa-lô-môn.

Sa-lô-môn lập tức nhận ra lý do đằng sau lời yêu cầu và nói “Cũng hãy xin nước cho người luôn!”. Nhà vua biết rằng A-đô-ni-gia, A-bi-tha và Giô-áp vẫn còn liên kết với nhau nhằm giành quyền thống trị vương quốc. Bằng việc hỏi A-bi-sác làm vợ, A-đô-ni-gia đã tự đưa ra bản án tử hình cho mình và Bê-na-gia đã đi đến lấy mạng kẻ phản bội. Đa-vít không còn nữa để đau xót cho cái chết của một đứa con trai khác, nhưng việc hành hình A-đô-ni-gia là sự hoàn trả cuối cùng cho món nợ phải đền gấp bốn lần của Đa-vít (II Sa 12:5-6). Đứa trẻ con của Bát-sê-ba đã chết, Áp-sa-lôm giết Am-nôn, Giô-áp giết Áp-sa-lôm và Bê-na-gia xử tử A-đô-ni-gia. Đa-vít phải trả giá cho tội lỗi của ông gấp bốn lần.

Việc cách chức A-bi-tha (IVua 2:26-27). Nhưng Sa-lô-môn không dừng ở đó: ông đã tước bỏ chức thầy tế lễ của A-bi-tha, người đã theo phe A-đô-ni-gia và đuổi ông về ẩn dật tại thành phố dành cho các thầy tế lễ ở A-na-tốt, cách Giê-ru-sa-lem ba dặm. Khi cách chức A-bi-tha, Sa-lô-môn đã làm ứng nghiệm lời tiên tri phán về nhà Hê-li rằng gia đình ông sẽ không còn tiếp tục trong chức vụ thầy tế lễ (ISa 2:27-36 Exe 44:15-16). Xa-đốc trở thành thầy tế lễ cả (c.35) và hậu tự ông tiếp tục chức vụ đến tận năm 171 T.C. Sa-lô-môn nhận thấy A-bi-tha đã tận tụy phục vụ cha mình nên ông không xử tử hắn.

Việc xử tử Giô-áp (IVua 2:28-35). Giô-áp rất có thể đã có một hệ thống do thám hiệu quả và khi ông nghe tin A-đô-ni-gia bị xử tử, ông biết mình là người tiếp theo trong danh sách. Ông chạy trốn đến Đền tạm ở Giê-ru-sa-lem, nơi Đa-vít đã dựng để đặt hòm giao ước (II Sa 6:17) tại đó ông đòi hỏi sự ẩn náu bằng cách nắm các sừng của bàn thờ. Tuy nhiên, chỉ có người phạm tội ngộ sát mới được làm điều này và yêu cầu sự xét xử, còn Giô-áp là kẻ phạm tội mưu sát, bất trung với vua Đa-vít và vua Sa-lô-môn. Giô-áp thách thức cả Bê-na-gia và Sa-lô-môn bằng việc từ chối ra khỏi Đền tạm, nhưng Sa-lô-môn sẽ không chịu thua cách cư xử ngạo mạn của kẻ rõ ràng là phản bội và mưu sát. Mặc dầu là một chiến sĩ nhưng Bê-na-gia thuộc về gia đình thầy tế lễ nên ông được phép vào nơi thánh, và ông đã đi vào đánh giết Giô-áp tại nơi bàn thờ và chôn cất hắn. Sau đó Sa-lô-môn đã phong cho Bê-na-gia làm quan tổng binh thay cho Giô-áp (c.35).

Điều quan trọng mà chúng ta cần phải hiểu là Sa-lô-môn không đơn thuần hành động để trả thù cho cha mình. Sa-lô-môn giải thích rằng cái chết của Giô-áp cất đi vết nhơ do huyết vô tội mà Giô-áp đã làm đổ ra khi hắn giết Áp-ne và A-ma-sa. Huyết vô tội đổ ra làm ô uế cả xứ (Dan 35:30-34) và huyết của kẻ vô tội sẽ đòi sự báo thù nơi Đức Giê-hô-va (Sa 4:10). Những thành ẩn náu chỉ dành cho những kẻ lỡ tay giết một ai đó. Họ có thể chạy đến một trong sáu thành này và được an toàn cho đến khi các trưởng lão xem xét vụ án. Nhưng những kẻ mưu sát như Giô-áp sẽ không được nhận bất cứ ân huệ nào mà sẽ bị xử tử, như thế huyết vô tội mà họ đã làm đổ ra sẽ không làm ô uế xứ thánh (Phu 19:1-13 21:1-9 Le 18:24-30). Sự đối đãi

của Sau-lơ đối với dân Ga-ba-ôn đã làm ô uế xứ thánh và đã tạo ra những sự khó khăn cho Đa-vít (II Sa 21:1-14), nhưng Sa-lô-môn không muốn điều đó xảy ra trong đời trị vì của mình.

Sự liều lĩnh của Si-mê-i (IVua 2:36-46). Bởi vì Si-mê-i có họ hàng với Sau-lơ (II Sa 16:5 I Sa 10:21), ông là kẻ có thể gây rối loạn, xúi giục chi phái Bên-gia-min hay có lẽ là cả mười chi phái phía Bắc Y-sơ-ra-ên chống lại vị vua mới. Đa-vít đã mang lại sự thống nhất và hòa bình cho đất nước nên Sa-lô-môn không muốn Si-mê-i phá hỏng điều đó. Ông ra lệnh cho Si-mê-i phải di dời đến Giê-ru-sa-lem, cất một cái nhà cho mình và ở tại đó. Nếu ông ra khỏi thành phố và đi qua khe Xết-rôn thì ông sẽ phải chết. Vào thời bấy giờ Giê-ru-sa-lem không phải là thành phố lớn nên người của Sa-lô-môn có thể giám sát người Bên-gia-min này, kẻ đã nguyện rửa Đa-vít, hất bụi và ném gạch đá vào ông.

Si-mê-i tuân thủ điều này trong ba năm nhưng sau đó lại bất tuân. Khi hai kẻ tội tở ông trốn đến Gát cách đó 25 dặm, Si-mê-i quyết định đi một mình và dẫn chúng về. Chắc chắn rằng ông đã có thể thuê một ai đó để bắt hai kẻ tội tở về nhưng ông lại tự mình làm điều đó. Có lẽ ông nghĩ mình đã hoàn thành kỳ hạn giao kèo hoặc có thể ông nghĩ rằng những cận vệ nhà vua không chú ý đến ông. Rất có thể ông cố ý thách thức Sa-lô-môn khi vượt quá giới hạn để xem thử nhà vua sẽ làm gì. Ông đã khám phá ra được điều đó. Sa-lô-môn biết được Si-mê-i đã rời khỏi thành phố nên khi ông trở về, nhà vua đã đối chất với Si-mê-i về tội của ông. Sa-lô-môn nói ngắn gọn nhưng đầy uy quyền, kết tội Si-mê-i vì những gì ông đã làm với Đa-vít và những gì ông vừa mới làm với Sa-lô-môn và kết thúc bằng việc Bê-na-gia xử tử kẻ phản bội Si-mê-i.

Sa-lô-môn là “người thái bình” (ISu 22:6-10), nhưng mà ông đã bắt đầu sự trị vì của mình bằng ba lệnh xử tử. Nhưng sự thái bình thật sự phải dựa trên sự công bình, không phải trên cảm tính “Nhưng sự khôn ngoan từ trên mà xuống trước hết là thanh sạch, sau đó lại hòa thuận...” (Gia 3:17). Vùng đất đã bị ô uế bởi máu vô tội mà Giô-áp đã làm đổ và nó chỉ có thể được thanh tẩy bằng việc xử tử kẻ giết người. Đa-vít không xử tử Giô-áp, ngay cả sau khi Giô-áp giết Áp-sa-lôm, bởi vì Đa-vít biết tay mình cũng vấy máu vô tội (Thi 51:14). Đa-vít đã phạm tội khi ra lệnh cho Giô-áp làm đổ máu vô tội của U-ri, nhưng tay Sa-lô-môn thì thanh sạch. Sa-lô-môn thật sự là “người thái bình”, và ông đã có được sự thái bình khi mang đến sự công bình cho vương quốc.

Theo quan điểm của con người (không phải là quan điểm của Kinh Thánh) thì đây là sự kết thúc của Đa-vít và là sự khởi đầu cho Sa-lô-môn. “Nhưng con đường người công bình giống như sự sáng chiếu rạng, càng sáng thêm lên cho đến giữa trưa” (Ch 4:18). Là một người lãnh đạo, Đa-vít “giống như sự chói lòa buổi sáng...khác nào một buổi sớm mai chẳng có mây” (II Sa 23:4), và vì Đa-vít, Đức Chúa Trời đã để một ngọn đèn sáng mãi ở Giê-ru-sa-lem (IVua 11:36 IIVua 8:19). Ngay cả bây giờ, khi chúng ta đọc và hát các thi thiên của ông cũng như học về cuộc đời ông, ánh sáng đó vẫn soi dẫn đường lối chúng ta.

2. SỰ KHÔN NGOAN TỪ THIÊN THƯỢNG (IVua 3:1-4:34)

Khi Sa-lô-môn lên ngôi, dân Y-sơ-ra-ên sớm nhận thấy ông không phải là một Đa-vít thứ hai. Ông là một nhà thông thái nhưng không phải là một chiến sĩ. Ông là người thích xây đền đài hơn là chiến đấu. Đa-vít vui hưởng đời sống giản dị của một người chăn chiên, còn Sa-lô-môn lại chọn cách sống xa hoa. Cả Đa-vít và Sa-lô-môn đều viết thi thiên nhưng Sa-lô-môn giỏi hơn về châm ngôn. Chúng ta có nhiều thi thiên của Đa-vít trong sách Thi Thiên nhưng chúng ta không có một thi thiên nào trong ba ngàn thi thiên của Sa-lô-môn ngoại trừ (Thi 72:1-20 127:1-5).

Đa-vít là một người chần chừ đầy lòng yêu mến và phục vụ dân sự của Đức Chúa Trời trong khi Sa-lô-môn trở nên nổi tiếng qua cách ông sử dụng những người chu cấp cho lối sống phung phí của mình. Khi Đa-vít qua đời, dân sự than khóc; còn sau khi Sa-lô-môn qua đời, dân sự cầu xin người kế vị là Giê-rô-bô-am giảm nhẹ gánh nặng mà cha ông đã chất trên họ. Đa-vít là người chiến sĩ đặt niềm tin vào Đức Chúa Trời trong khi đó Sa-lô-môn là nhà chính trị đặt niềm tin vào quyền lực, những hiệp ước và sự thành tựu. Frederick Buechner nói rằng, “Vua Sa-lô-môn là người khôn ngoan nhất trong những kẻ ngu dốt từng đội vương miện”.

Sa-lô-môn được nhắc đến 300 lần trong Cựu Ước và rất nhiều lần trong Tân Ước. Ông có tên trong gia phả của Chúa Giê-xu (Mat 1:6-7) và được nhắc đến như là ví dụ về sự huy hoàng (6:29 Lu 12:27) và khôn ngoan (Mat 12:42 Lu 11:31). Ông được công nhận là người xây dựng đền thờ (Cong 7:47). Một trong những cửa đền thờ được lấy tên là Sa-lô-môn (Gi 10:23 Cong 3:11 5:12). Cha ông, vua Đa-vít được xem là nhà lãnh đạo mẫu mực, và những ghi chép về ông đã trở thành tiêu chuẩn để đánh giá những vị vua Giu-đa kế vị. Tuy nhiên, không ai xem Sa-lô-môn là gương mẫu của một nhà lãnh đạo tin kính Chúa.

Chương 3 và 4 ghi lại những sự kiện xảy ra trong ba năm đầu trị vì trước khi Sa-lô-môn xây dựng đền thờ (IVua 6:1) và ông được mô tả dưới nhiều vai trò khác nhau.

1. Người đem lại hòa bình (IVua 3:1a)

Tên của Sa-lô-môn có nguồn gốc từ một chữ trong tiếng Hê-bơ-rơ là *shalom* có nghĩa là “hòa bình” và trong suốt những năm trị vì, vương quốc của ông luôn hòa bình với các nước lân cận. Cha ông là Đa-vít đã hy sinh cả đời mình trong chiến trận để đánh bại các nước thù địch và giành đất đai cho Y-sơ-ra-ên, nhưng Sa-lô-môn có cách giải quyết khác cho những vấn đề ngoại giao. Ông kết ước với các vua láng giềng bằng cách cưới con gái họ, điều này giải thích tại sao ông có đến 700 bà vợ là công chúa cũng như 300 cung phi (11:3). Có vẻ như Sa-lô-môn kết ước với bất kỳ tiểu vương nào có con gái mà ông có thể cưới được, mặc dù luật pháp Môi-se đã răn dạy các vua Do Thái không nên có nhiều vợ (Phu 17:14-20).

Người vợ đầu tiên mà ông cưới sau khi lên ngôi vua là con gái của Pha-ra-ôn Ai Cập, kẻ thù cũ của dân Y-sơ-ra-ên. Sự liên minh này cho thấy Ai Cập đã yếu hơn các nước khác còn Y-sơ-ra-ên đã lớn mạnh hơn bởi vì các vua Ai Cập không bao giờ gả con gái họ cho các vua lân cận.² Điều đáng lưu ý là Sa-lô-môn không để người vợ Ai Cập của mình³ ở trong cung điện của Đa-vít vì nơi đó gần hòm giao

ước (IISu 8:11), nhưng ông để bà ở trong một cung điện khác cho đến khi cung điện riêng của bà được xây dựng xong. Ông đã mất bảy năm xây dựng đền thờ của Đức Chúa Trời nhưng mất đến mười ba năm để xây dựng cung điện cho riêng mình (IVua 6:37-7:1).

Những hiệp ước đầy rắc rối của Sa-lô-môn đã làm mất đi vị trí trung tâm độc nhất của dân Y-sơ-ra-ên khi dân sự Chúa bị hòa lẫn với các dân tộc khác. Họ là dân thánh của Đức Chúa Trời, những người được chọn trong vòng các dân tộc Đức Chúa Trời đã dựng nên (Xu 33:16 Phu 4:7-8,32-34). Đức Chúa Trời không lập giao ước với các dân ngoại cũng như Ngài không ban cho họ luật pháp, sự vinh hiển và chức thầy tế lễ thánh của Ngài (Ro 9:1-5). Đức Chúa Trời phán với dân Do Thái “Ta là Giê-hô-va, Đức Chúa Trời của các ngươi, đã phân rẽ các ngươi cùng các dân” (Le 20:24,26). Khi nào dân Y-sơ-ra-ên còn tin cậy và vâng theo lời Ngài, quốc gia của họ sẽ “ở bình an” (Phu 33:2. Tiên tri Ba-la-am đã mô tả dân Y-sơ-ra-ên như là “một dân ở riêng ra, không nhập số các nước” (Dan 23:9).

Đức Chúa Trời đã đặt dân Y-sơ-ra-ên ở giữa các dân ngoại để làm chứng về Ngài như là một Đấng sống và hiện hữu và đặt họ làm sự sáng cho các dân ngoại (Es 42:6). Nếu Y-sơ-ra-ên trung tín đi theo đường lối của Đức Chúa Trời (Phu 27:1-30:26), Ngài sẽ chúc phước cho họ và dùng họ như là “bài giảng sống động” cho các nước thờ tà thần xung quanh họ. Tuy nhiên, dân Y-sơ-ra-ên đã bắt chước các dân ngoại, thờ lạy hình tượng và từ bỏ trách nhiệm làm chứng về một Chúa chân thật. Vì lý do này mà Đức Chúa Trời đã phạt họ lưu đày qua Ba-by-lôn. Đức Chúa Trời muốn đặt Y-sơ-ra-ên ở “đằng đầu” các dân nhưng vì sự thỏa hiệp của họ, Y-sơ-ra-ên lại ở “đằng đuôi” (28:13,44). Có thể Sa-lô-môn đã nghĩ rằng ông đang làm cho tình hình chính trị tiến triển bằng cách đưa Y-sơ-ra-ên hòa mình vào các quốc gia khác, nhưng hậu quả lại là sự thoái hóa về thuộc linh. Sa-lô-môn cũng bước vào sự thỏa hiệp thương mại với các nước lân cận nhằm thu lợi về cho mình (IVua 10:1-15,22) và làm cho vương quốc được phồn thịnh nhưng cái giá ông phải trả quá đắt.

Vương quốc Y-sơ-ra-ên chỉ thật sự được phồn thịnh khi tin vào Đức Chúa Trời và tuân theo giao ước của Ngài. Nếu họ trung thành với Đức Chúa Trời, Ngài hứa sẽ ban cho họ những gì họ cần, bảo vệ họ khỏi kẻ thù và chúc phước trên công việc của họ. Nhưng ngay từ khi người Do Thái bắt đầu nền quân chủ, những vị lãnh đạo Y-sơ-ra-ên chỉ ra rõ ràng là họ “muốn như các dân tộc khác” (ISa 8:1-22), và Sa-lô-môn đã dẫn họ gần hơn đến mục tiêu đó. Sau cùng, Sa-lô-môn đã cưới nhiều bà vợ theo tà giáo bắt đầu thờ lạy các vị thần giả dối của họ, nên Đức Chúa Trời đã trừng phạt ông. (11:1-27).

2. Nhà xây dựng (IVua 3:1b)

Sa-lô-môn được nhắc đến như là vị vua xây dựng đền thờ trong thời ông trị vì (đoạn 5-7 IISu 2:1-4:22). Mỗi giao hảo với Hi-ram, vua Ty-rơ, tạo điều kiện cho ông tìm được nhiều gỗ quý và những người thợ lành nghề. Nhưng ông cũng xây cung điện làm nơi ở cho riêng (IVua 7:1-12), và “cung rừng Li-ban”, nơi chế tạo và cất giữ vũ khí (10:16-17), hiên để ngai và hiên xét đoán. Ông cũng xây một cung điện ở Giê-ru-sa-lem cho người vợ của ông là công chúa Ai Cập (IISu 8:1) Những vị khách đến

với vương quốc bị choáng ngợp bởi sự lộng lẫy của những công trình kiến trúc này (đoạn 10).

Mặc dù Sa-lô-môn không phải là một chiến sĩ, ông vẫn rất quan tâm đến an ninh của vương quốc. Ông mở rộng và củng cố “Mi-lô” (IVua 9:24 11:27) là tường thành hoặc đồn lũy bảo vệ mà Đa-vít đã bắt đầu xây dựng (IISa 5:9). Từ “Mi-lô” có nghĩa là “sự đồ đầy”. Sa-lô-môn có sở thích đặc biệt về ngựa và xe ngựa, ông đã xây “những thành chứa xe” (4:26 9:17-19 10:26-29). Ông dường như trở thành “người buôn bán ngựa” khi mua và bán ngựa với các nước khác (IISu 1:14-17 9:25-28), chắc chắn đây là nguồn thu lợi đáng kể cho thương mại. Ông cũng xây dựng “các thành làm kho dự trữ lương phạn” ở các nơi chiến lược (9:15-19 IISu 8:1-6). Vào thời điểm đó, Y-sơ-ra-ên kiểm soát nhiều tuyến thương mại quan trọng cần phải được bảo vệ. Các binh lính được bố trí trong những thành này và họ được cung cấp lương thực và vũ khí.

Sa-lô-môn đã vi phạm luật pháp của Môi-se không chỉ bởi việc cưới nhiều vợ nhưng cũng bởi việc làm tăng thêm ngựa và nương dựa vào lính kỵ (Phu 17:14-17). Trái với mạng lệnh của Đức Chúa Trời, Sa-lô-môn quay trở lại Ai Cập để thực hiện cả hai việc này! Nhà vua được yêu cầu phải chép một bản sách Phục truyền luật lệ ký cho mình (17:18-20), và chúng ta tự hỏi rằng Sa-lô-môn đã đáp ứng lại theo cách nào khi ông đọc những mạng lệnh về vợ và ngựa. Hay ông đã từng ngẫm nghĩ về những gì cha mình viết trong (Thi 20:7) cũng xem (33:16-19)? Trong đời trị vì của Sa-lô-môn, sự giàu có và rục rờ bên ngoài của Y-sơ-ra-ên chỉ che đậy sự suy tàn bên trong mà cuối cùng đã dẫn đến sự chia rẽ sau đó là sụp đổ.

3. Người thờ phượng (IVua 3:2-15)

Sa-lô-môn chắc chắn có một sự khởi đầu tốt vì ông “kính mến Đức Giê-hô-va và đi theo các luật lệ của Đa-vít” (c.3) nhưng một sự khởi đầu tốt không bảo đảm cho một kết thúc tốt đẹp. Saulơ, vị vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên, đã khởi đầu bằng sự khiêm nhường và chiến thắng nhưng ông lại kết thúc bằng việc bị Đức Chúa Trời từ bỏ và đã tự sát trong chiến trận. Chính Sa-lô-môn đã viết trong (Tr 7:8) “cuối cùng của một việc hơn sự khởi đầu của nó” và “Danh tiếng hơn dầu quý giá và ngày chết hơn ngày sinh” (7:1). Chúng ta được đặt tên ngay sau khi sinh ra, và giữa khoảng thời gian sống và chết, chúng ta có thể làm giảm hoặc tăng giá trị của cái tên đó. Sau khi chết, chúng ta không thể thay đổi tiếng tốt thành tiếng xấu hoặc tiếng xấu thành tiếng tốt. Nhà thơ Longfellow người Mỹ đã viết, “Tuyệt thay cho lúc bắt đầu, song hồi chung kết còn hơn muôn phần”.

Sự dâng của lễ (IVua 3:2-4). Đức Chúa Trời có ý định rằng dân Y-sơ-ra-ên phải có một nơi làm trung tâm của sự thờ phượng và không bắt chước những quốc gia ở Ca-na-an bằng việc xây dựng “những nơi cao”⁴ ở bất cứ nơi nào họ chọn. Khi Y-sơ-ra-ên vào đất hứa, họ được ra lệnh phải phá hủy “những nơi cao” này cùng các thần tượng được thờ lạy tại đây (Dan 33:52 Phu 7:5 12:1 33:29). Tuy vậy, dân Y-sơ-ra-ên vẫn còn thờ phượng Đức Chúa Trời tại “các nơi cao” cho đến khi đền thờ được xây dựng và sự thờ phượng tập trung được thiết lập trong vương quốc. Kể từ đó, cụm từ “nơi cao” bắt đầu được sử dụng có nghĩa là “một nơi để thờ phượng” và người Do Thái thờ phượng Đức Giê-hô-va tại những nơi tế lễ tạm thời này.

Ga-ba-ôn là nơi tế lễ như thế và Đền tạm được đặt tại đây. Đặt bước khởi đầu trong việc xây dựng Đền tạm, Đa-vít đã di dời hòm giao ước về Giê-ru-sa-lem nhưng phần còn lại của Đền tạm, bao gồm bàn thờ bằng đồng vẫn còn được đặt tại Ga-ba-ôn, cách Bắc Giê-ru-sa-lem năm dặm. Sa-lô-môn nhóm họp các vị lãnh đạo Y-sơ-ra-ên và sắp xếp cho họ đi đến Ga-ba-ôn với ông để cùng thờ phượng Đức Chúa Trời (II Su 1:1-6). Sự kiện này không chỉ là một hành động dâng của tế lễ nhưng nó còn tỏ cho dân sự thấy sự thống nhất trong hàng ngũ những người lãnh đạo. Sa-lô-môn đã dâng một ngàn con sinh làm của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời khi ông cùng các cận thần của mình thờ phượng và tìm kiếm mặt Đức Giê-hô-va. Của lễ thiêu biểu trưng cho sự tận hiến hoàn toàn cho Đức Chúa Trời.

Sự mặc khải (IVua 3:5). Buổi lễ kéo dài cả ngày và đoàn người nghỉ đêm ở Ga-ba-ôn. Tại đây, vua Sa-lô-môn đã nhận được một giấc mơ đặc biệt từ Đức Chúa Trời. Đa-vít có tiên tri Na-than và Gát là người cố vấn nhưng dường như không có một nhà tiên tri nào trong những người cố vấn của Sa-lô-môn. Đức Chúa Trời nói chuyện với nhà vua hai lần thông qua giấc mơ (9:1-9). Đôi khi Đức Chúa Trời gửi thông điệp của Ngài thông qua chiêm bao không chỉ riêng cho đầy tớ Ngài nhưng còn cho những người ở các nước khác, như cho A-bi-mê-léc (Sa 20:1-18), cho các đầy tớ người Ai Cập của Pha-ra-ôn (Sa 40:1-26), và cho chính Pha-ra-ôn (41:1-57).

Sa-lô-môn nghe Đức Chúa Trời phán “Hãy xin điều gì ngươi muốn ta ban cho ngươi?” (c.5). Mệnh lệnh và câu hỏi của Đức Chúa Trời là sự tỏ bày ân điển của Ngài cũng như sự thử nghiệm tấm lòng của Sa-lô-môn. (Từ “xin” được tìm thấy tám lần trong đoạn này). Điều người ta cầu xin thường cho thấy điều thật sự họ mong ước, và điều họ mong ước tùy thuộc vào cách họ hình dung về tiếng gọi của cuộc đời mình. Nếu Sa-lô-môn là một chiến sĩ, ông sẽ cầu xin được chiến thắng kẻ thù của mình; nhưng ông nhìn nhận mình là một người lãnh đạo trẻ tuổi rất cần sự khôn ngoan để có thể phục vụ tốt dân sự của Chúa. Ông đã nối ngôi Đa-vít, vị vua vĩ đại nhất Y-sơ-ra-ên, và ông biết rằng dân chúng sẽ không thể không so sánh và đối chiếu giữa cha ông và ông. Nhưng hơn thế nữa, ông đã được kêu gọi để xây dựng đền thờ của Đức Chúa Trời, một công tác đầy khó khăn cho nhà một lãnh đạo chưa có kinh nghiệm. Sa-lô-môn biết rằng ông không thể nào hoàn tất công tác vĩ đại đó nếu không có sự khôn ngoan từ thiên thượng.

Sự cầu xin (IVua 3:6-9). Lời cầu nguyện của Sa-lô-môn ngắn gọn và vào đúng trọng tâm. Nó được nói ra với sự khiêm nhường chân thật: ba lần Sa-lô-môn đã tự gọi mình là “kẻ tội tó Chúa”. Đầu tiên, Sa-lô-môn nhớ lại quá khứ và cảm tạ Đức Chúa Trời vì sự thành tín và tình yêu bền vững của Ngài dành cho cha ông (c.6). Sa-lô-môn nhận biết sự tốt lành của Đức Chúa Trời khi Ngài gìn giữ cha ông qua nhiều thử thách và sau đó cho ông có con trai nối ngôi. Ở đây Sa-lô-môn nhắc đến giao ước của Đức Chúa Trời lập với Đa-vít khi ông diễn tả tấm lòng khát khao được xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời (II Sa 7:1-29). Trong giao ước đó, Đức Chúa Trời hứa rằng con trai Đa-vít sẽ xây đền thờ và Sa-lô-môn chính là con trai đó. Sa-lô-môn thừa nhận rằng ông là vua không bởi vì Đức Chúa Trời nhận thấy năng lực của ông nhưng bởi vì Ngài giữ lời hứa của Ngài với Đa-vít cha ông.

Sau đó, Sa-lô-môn liên hệ đến hiện tại và nhận biết ân điển của Đức Chúa Trời khi lập ông làm vua (c.7). Nhưng ông cũng thừa nhận sự non trẻ và thiếu kinh

nghiệm của mình vì thế ông rất cần sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời khi trở thành vua Y-sơ-ra-ên. Vào lúc đó Sa-lô-môn có thể khoảng 20 tuổi và dĩ nhiên trẻ hơn rất nhiều so với các cố vấn và cận thần của ông, một vài người trong số họ đã phục vụ cha ông. Ông gọi mình là “một đứa trẻ nhỏ” (ISu 22:5 29:1), một dấu hiệu của sự thành thật và khiêm nhường. Cụm từ “đi ra đi vào” nói đến quyền lãnh đạo của đất nước (Dan 27:15-17 Phu 31:2-3 ISa 18:13,16 IIVua 11:8).

Trong lời cầu nguyện của mình, nhà vua không chỉ thừa nhận sự nhỏ bé của ông mà còn nhắc đến sự to lớn của đất nước (c.8). Dân Y-sơ-ra-ên là dân của Đức Chúa Trời. Điều này có nghĩa là Đức Chúa Trời có một mục đích lớn lao cho họ hoàn thành trên đất và vua của họ có trách nhiệm rất lớn trong việc quản trị họ. Đức Chúa Trời đã mở rộng đất nước rất nhiều và làm thành lời hứa của Ngài với Áp-ra-ham (Sa 12:2 13:16 15:5), với Y-sác (Sa 26:1-5), với Gia-cốp (28:10-14), và Sa-lô-môn muốn phước hạnh đó cứ tiếp tục.

Nhà vua kết thúc lời cầu nguyện bằng việc dự đoán trước tương lai và cầu xin Đức Chúa Trời ban cho ông sự khôn ngoan cần thiết trong việc cai trị đất nước (c.9). Khôn ngoan là một yếu tố quan trọng trong đời sống ở vùng Trung Cận Đông và mỗi vị vua đều có một nhóm những “nhà thông thái” để cố vấn cho mình. Nhưng Sa-lô-môn không cầu xin có được nhóm những nhà cố vấn khôn ngoan; ông cầu xin sự khôn ngoan cho chính mình. Vào thời đó, người khôn ngoan là người *khéo léo quản trị cuộc sống*. Nó mang ý nghĩa nhiều hơn là khả năng tạo dựng một cuộc sống; nó là khả năng vận dụng và khai thác hết mọi điều cuộc sống có thể đem đến. Sự khôn ngoan thật sự bao gồm kỹ năng giao tiếp cũng như khả năng thông hiểu và hợp tác với những luật lệ cơ bản Đức Chúa Trời đã đặt vào sự sáng tạo của mình. Người khôn ngoan không những có kiến thức về bản chất con người và thế giới đã được tạo ra nhưng họ còn biết sử dụng những kiến thức này đúng cách và vào đúng thời điểm thích hợp. Sự khôn ngoan không phải là một ý niệm trên lý thuyết hay là một sản phẩm trừu tượng; nó rất thực tế và mang tính cá nhân. Có rất nhiều người có đủ khôn ngoan để kiếm sống đầy đủ nhưng họ lại thiếu sáng suốt để có một cuộc sống tốt đẹp, một cuộc sống trọn vẹn để tôn vinh Đức Chúa Trời.

Sa-lô-môn cầu xin Đức Chúa Trời ban cho ông “tấm lòng khôn sáng”, bởi vì dấu cho lý trí có khôn ngoan bao nhiêu, nếu tấm lòng sai trật, cả cuộc sống sẽ sai trật theo. “Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con hơn hết vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra” (Ch 4:23). Từ “khôn sáng” trong nguyên văn có nghĩa là “lắng nghe; Sa-lô-môn muốn một “tấm lòng biết lắng nghe”. Sự khôn sáng thật sự đến từ việc lắng nghe những lời Đức Chúa Trời phán, và theo Cựu Ước Do Thái “lắng nghe” có nghĩa là “vâng lời”. Khi Đức Chúa Trời phán với chúng ta, điều chúng ta cần làm không phải là học và đưa ra nhận xét về những gì Ngài nói, nhưng là làm theo những điều đó. Người có tấm lòng khôn sáng có sự hiểu biết sâu sắc, nhận biết lẽ thật và thực hành điều đó. Người đó có thể phân biệt những điều khác biệt (Phi 1:9-11), biết điều thật và điều giả, điều thuộc gì là tạm bợ, điều gì có giá trị đời đời. Loại khôn sáng này được mô tả trong (Es 11:1-5), đây là lời tiên tri về Đấng Mêsi. Ngày nay những người tin Chúa có thể trông cậy vào lời hứa trong Gia 1:5.

Sự tán thành (IVua 3:10-13). Đức Chúa Trời đẹp lòng về lời cầu xin sự khôn ngoan của Sa-lô-môn vì nó cho thấy rằng nhà vua quan tâm đến việc phục vụ Đức Chúa Trời và dân sự Ngài thông qua sự tìm kiếm và làm theo ý muốn Chúa. Sa-lô-môn chưa bao giờ đọc (Mat 6:33), nhưng ông đã thực hành nó và Đức Chúa Trời ban cho ông thêm nhiều phước hạnh mà ông không xin. Đức Chúa Trời luôn luôn dành điều tốt nhất của Ngài cho những người chọn lựa Chúa. Khi bạn đọc Châm ngôn, bạn sẽ thấy sự tìm kiếm sự khôn ngoan thông sáng sẽ dẫn đến nhiều phước hạnh kèm theo (Ch 3:1-2,10,13-18). Trong đoạn tiếp theo, chúng ta sẽ học biết về sự giàu có và vinh hiển của Sa-lô-môn cũng như việc ông thu hút các vị khách từ những vương quốc khác muốn nghe về sự khôn ngoan của ông như thế nào.

Bổn phận (IVua 3:14) Đức Chúa Trời đã cẩn thận nhắc nhở Sa-lô-môn rằng sự vâng theo lời giao ước và sự tận hiến của ông cho Ngài là chìa khóa cho những phước hạnh trong tương lai. Sa-lô-môn được yêu cầu phải chép một bản sách Phục truyền cho ông (Phu 17:18-20), và nó bao gồm cả giao ước được ghi trong (28:1-30:20). Sa-lô-môn cũng biết được những điều kiện trong giao ước Đức Chúa Trời lập với Đa-vít (IISa 7:1-17) nó đòi hỏi cả sự vâng lời của con trai Đa-vít và người kế vị (c.12-16). Đức Chúa Trời hứa ban cho Sa-lô-môn được sống lâu trên đất nếu ông tuân theo lời Ngài (Ch 3:2,16), như vậy ông sẽ tôn vinh Đức Chúa Trời và cha mình là Đa-vít và có thể đòi hỏi lời hứa trong (Xu 20:12 Eph 6:1-3). Thật đáng tiếc khi Sa-lô-môn với tất cả sự khôn ngoan của mình lại quên đi phần thỏa thuận này dần dần chìm đắm trong tội lỗi và sự bất tuân, vì thế Đức Chúa Trời đã phải trừng phạt ông.⁷

Khi Sa-lô-môn quay trở về Giêrusalem, ông đến Đền tạm nơi dựng hòm giao ước và dâng thêm của tế lễ tại đó (c.15). Hòm giao ước tượng trưng cho sự hiện diện của Đức Chúa Trời giữa vòng dân sự Ngài và cho luật lệ của Chúa trên dân sự (Thi 80:1 99:1). Sa-lô-môn nhận biết quyền tể trị tối cao của Đức Chúa Trời trên chính cuộc đời ông và trên cuộc sống của đất nước. Nói cách khác, Sa-lô-môn biết rằng ông đứng vị trí thứ hai trong quyền lãnh đạo. Khi ông bắt đầu quên đi chân lý cơ bản đó thì chính ông rơi vào rắc rối.

4. Người có ơn nhận thức (IVua 3:16-28)

Những người lãnh đạo được Đức Chúa Trời chọn lựa không thể lúc nào cũng duy trì sự vinh quang thiên thượng cho riêng mình nhưng phải đem sự vinh quang và phước hạnh đó vào vị trí của sự phục vụ và trách nhiệm. Đức Chúa Giê-xu rời núi hóa hình đi qua thung lũng của sự xung đột, mâu thuẫn (Mat 17:1-21), Phao-lô từ bỏ sự cao trọng của thiên đàng mà mang lấy sự đau đớn bởi cái giẫm xóc vào da thịt ông ở trên đất này (IICo 12:1-10). Sa-lô-môn đã thờ phượng Đức Chúa Trời ở Ga-ba-ôn và Giê-ru-sa-lem nhưng bây giờ ông trở về với trách nhiệm trên ngai vàng.

Giống như cha mình là Đa-vít, Sa-lô-môn cho những thường dân có thể đến tiếp kiến nhà vua (IISa 14:1-33). Đức Chúa Trời đã ban cho Sa-lô-môn món quà đặc biệt của sự khôn ngoan và bây giờ là thời điểm ông sử dụng nó. Ông đã đứng trước hòm giao ước, ngai của Đức Chúa Trời, và bây giờ dân sự ông có thể đứng trước ngai ông và tìm kiếm sự giúp đỡ. Nhưng việc ông cho phép hai con bọm đứng trước ngai mình là một hành động đầy sự nhả nhận. Giống như Chúa Giê-xu, ông

đón tiếp cả “người thâu thuế và kẻ có tội” (Lu 15:1-2), duy chỉ khác một điều là Chúa Giê-xu còn đi xa hơn trong việc giải quyết nan đề của họ: Ngài thay đổi tấm lòng và tha thứ tội lỗi họ. Trong mọi phương diện, Chúa Giê-xu “tôn trọng hơn Sa-lô-môn nhiều” (Mat 12:42).

Luật pháp Môise đã ngăn cấm và trừng phạt nghiêm khắc tình trạng mãi dâm (Le 19:29 21:7,9,14 Phu 23:18) tuy nhiên dường như tình trạng này vẫn được dung dưỡng trong Y-sơ-ra-ên. Sách Châm ngôn cảnh báo những người trẻ về mưu mẹo của những cô gái điếm (“người đàn bà lạ”) và Phaolô dạy dỗ những người tin Chúa phải tránh xa khỏi gái điếm (ICo 6:15-16). Hai người đàn bà này sống chung với những gái điếm khác trong nhà chứa, họ cùng mang thai và cùng sanh con. Người ta không thể không cảm thương cho những đứa bé ra đời trong một nơi như thế, không có cha chăm sóc và bảo vệ chúng. Tuy nhiên với loại đàn ông tìm đến gái điếm thì làm sao có thể trở thành người cha tốt được!

Vì không có nhân chứng cho sự ra đời của hai đứa bé cũng như sự chết của một trong hai, tình huống như thế không thể xét xử tại tòa án theo cách bình thường. Chính lời của người đàn bà này sẽ tố cáo người đàn bà kia, mặc dầu rõ ràng rằng một trong hai người đàn bà là kẻ nói dối. Dùng sự khôn ngoan tuyệt vời Đức Chúa Trời ban cho, Sa-lô-môn đã bỏ qua lời khai của hai người đàn bà và đi thẳng vào tấm lòng họ, vì trung tâm của mọi vấn đề xuất phát từ trong lòng. Bằng việc đề nghị “chia đôi đứa trẻ” cho họ, Sa-lô-môn đã thấy được tấm lòng của người mẹ thật và trả con lại cho bà. Chúng ta không được biết ông làm gì với người đàn bà đã nói dối và ăn cắp (bắt cóc) đứa bé. Chúng ta tin rằng người mẹ thật sẽ từ bỏ cách sống tội lỗi và nuôi dưỡng con trai mình theo đường lối của Đức Chúa Trời.

Trong nhiều tuần, những chi tiết của vụ việc là đề tài bàn tán trong nhiều cuộc nói chuyện của dân Y-sơ-ra-ên, và quyết định của Sa-lô-môn cho thấy rằng ông thật sự là người khôn ngoan.

5. Nhà cầm quyền (IVua 4:1-28) (ISu 1:14-17)

Đa-vít là nhà lãnh đạo thiên tài (IISa 8:15-18 20:23-26) và con trai ông thừa hưởng khả năng đó nơi ông. Mặc dầu Sa-lô-môn có sự khôn ngoan và quyền lực rất lớn, ông không thể nào giải quyết mọi công việc của vương quốc một mình. Một nhà lãnh đạo giỏi là người biết chọn những người cộng tác có năng lực, để cho họ phát huy tài năng của mình và bằng cách đó họ có thể phục vụ Đức Chúa Trời và con người.

Các triều thần (IVua 4:1-6). A-xa-ria là thầy tế lễ cả (c.2). Ông là con trai của A-hi-mát và cháu của Xa-đốc, thầy tế lễ đã trung thành phục vụ Đa-vít. Hình như A-hi-mát đã chết vì thế con trai ông được giao cho chức việc của ông. (IISa 15:27,36 ISu 6:8-9). Từ “ben” trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là con trai hoặc cháu trai. Trong khi Đa-vít chỉ có một người ký lục, Sa-lô-môn có đến hai người (c.3), và họ đều là con trai của Si-sa, ký lục của Đa-vít. Si-sa cũng được gọi là Sê-ra-gia (IISa 8:17), Sê-gia (IISa 20:25) và Sa-vê-sa (ISu 18:16). Vương quốc của Sa-lô-môn rộng lớn và phức tạp hơn rất nhiều so với vương quốc mà cha ông đã cai trị, vì thế việc lưu giữ văn thư phải cần nhiều hơn.

Giô-sa-phát đã làm quan thái sử dưới thời Đa-vít (II Sa 8:16-20:24), và Bê-na-gia được Sa-lô-môn đặt làm quan tổng binh (IV Vua 2:35). Bê-na-gia sinh ra trong gia đình thầy tế lễ nhưng ông lại chọn cuộc sống của một nhà quân sự. A-bi-tha bị đi đày vì ông đã tham gia vào âm mưu phản loạn của A-đô-ni-gia (2:27;), còn Xa-đốc qua đời và cháu ông thay thế chức vị của ông. Vì cả Xa-đốc và A-bi-tha đã phục vụ Đa-vít nên tên của họ có trong bảng danh sách các triều thần. A-xa-ria là trưởng 12 người làm đầu các quan lại cai trị 12 tỉnh đã được Sa-lô-môn phân chia trong Y-sơ-ra-ên (c.7-19). Cha ông có thể là tiên tri Na-than, hoặc Na-than con trai Đa-vít (II Sa 5:14), hoặc một người nào khác tên Na-than. Na-than là tên phổ biến trong Y-sơ-ra-ên.

Xa-bút là thầy tế lễ hầu việc như người cố vấn đặc biệt cho nhà vua; A-hi-sa giải quyết những sự vụ phức tạp trong cung vua; và A-đô-ni-ram quản xuất những người làm xây dựng trong các công trình xây dựng của vương quốc (IV Vua 9:15-23 II Su 2:2,17-18 8:7-10). Những người này không phải là người Y-sơ-ra-ên nhưng là kẻ ngoại bang. Tuy nhiên, trong việc xây dựng đền thờ, Sa-lô-môn bắt những người Y-sơ-ra-ên đến tuổi đi lính phục vụ bốn tháng mỗi năm trong các công việc chung (IV Vua 5:13-18). A-đô-ni-ram cũng được gọi là A-đô-ram và khi Rô-bô-am lên làm vua thì ông đã bị dân chúng ném đá chết (IV Vua 12:18-20). Sa-mu-ên đã cảnh báo dân sự rằng vua của họ sẽ làm những việc như vậy (ISa 8:12-18).

Những người làm đầu quan lại (IV Vua 4:7-19,27-28). Sa-lô-môn đã quy định 12 “tỉnh” theo nhiều diện tích khác nhau và đặt một người đứng đầu mỗi tỉnh. Ranh giới của mỗi tỉnh không theo ranh giới cũ của các chi phái nhưng kết hợp chặt chẽ những vùng đất mà Đa-vít đã chiếm được trong chiến trận và mỗi tỉnh sẽ cung cấp lương thực cho nhà vua trong một tháng. Rất có thể những người này kiêm luôn nhiệm vụ thu thuế, tuyển mộ binh lính và xây dựng đền thờ cùng những cung điện khác. Bằng việc thành lập những quận mới vượt qua ranh giới cũ, Sa-lô-môn có thể đã hy vọng sẽ giảm thiểu sự trung thành của các chi phái và loại bỏ một số căng thẳng giữa chi phái Giu-đa và các chi phái phía bắc. Tuy vậy, kế hoạch này chỉ làm tăng thêm căng thẳng, đặc biệt từ khi Giu-đa không có trong chương trình lập lại tỉnh mới. Là chi phái hoàng gia nơi có thành phố của vua, Giu-đa được cai quản riêng.

Bất cứ vị vua nào có 700 bà vợ và 300 cung phi cùng với vô số triều thần và những vị khách thường xuyên đều có nhu cầu rất lớn về lương thực. Nữ vương nước Sê-ba đến Giê-ru-sa-lem “có hầu hạ rất đông” có lẽ đến hàng trăm người. Theo câu 22-23, một bữa ăn trong cung điện mỗi ngày cần 30 cô-rơ bột miến lọc, 60 cô-rơ bột miến thường, 10 con bò mập trong chuồng và 20 con bò nơi đồng cỏ, 100 con chiên cùng rất nhiều loại thú rừng và gà vịt. Sa-lô-môn cũng cần rất nhiều thóc lúa cho ngựa của ông chính vì thế mà rất nhiều lúa mạch được dùng. Các nước chư hầu có thể coi những vật phẩm hàng tháng này là một phần trong đồ tiến cống của họ cho vua Sa-lô-môn, nhưng các chi phái Do Thái cho rằng đây là hình thức bóc lột làm sỉ nhục họ. Sau khi Sa-lô-môn qua đời, không có gì đáng ngạc nhiên khi mười chi phái nổi dậy chống lại “tất cả ngựa và người của nhà vua”.

Vì một vài lý do nào đó, năm trong số mười hai người làm đầu quan lại được nhận diện bởi cha họ vì từ “ben” trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “con trai của”

(c.8-11,13). Con trai của A-bi-na-đáp (c.11) có thể là con trai của anh Đa-vít và vì thế có bà con với Sa-lô-môn (ISa 16:8 17:13). Ông đã cưới con gái của Sa-lô-môn, và A-hi-mát cũng như vậy (c.15). Rất có thể Sa-lô-môn khuyến khích việc này trong đời trị vì của mình bởi vì ông không có con lớn khi ông lên ngôi. Ba-a-na có thể là anh của Giê-hô-sa-phát, quan thủ bộ (c.3,12). Mười hai người này có quyền rất lớn trong đất nước và là một phần của bộ máy quan liêu hối lộ mà Sa-lô-môn nói đến trong (Tr 5:8-12).

Những nét độc đáo (IVua 4:20-28). Nước Y-sơ-ra-ên trở nên nổi tiếng bởi dân số đông đúc, sự thanh bình yên ổn, những cung điện, vị vua khôn ngoan và lối sống hưởng thụ, “ăn uống và vui chơi” (c.20). Dĩ nhiên dân số phát triển là do lời hứa của Đức Chúa Trời với tổ phụ của họ (Sa 15:5 17:8 22:17 26:4 32:12) và những lời hứa của Ngài trong giao ước (Phu 28:1-14). Bờ cõi được mở rộng cũng là một phần trong lời hứa của Đức Chúa Trời (Sa 15:18 Xu 23:31 Phu 1:7 Gios 1:4). Các nước chư hầu phục tùng sự cai trị của Sa-lô-môn, hằng năm đều tiến cống cho ông và Sa-lô-môn hưởng phước lớn nhờ giao ước của Đức Chúa Trời với Đa-vít (IISa 7:1-29). Trái với luật pháp của Đức Chúa Trời, Sa-lô-môn lại mua nhiều ngựa (Phu 17:16) và xây dựng nhiều thành để chứa chúng (c.26 IVua 10:26-29 IISu 1:14-17 9:25,28).

6. Nhà thông thái (IVua 4:29-34)

Vua Đa-vít thích thú tận hưởng thế giới Đức Chúa Trời tạo dựng và ông đã viết nhiều bài thánh ca ca ngợi Đấng sáng tạo cùng những tạo vật của Ngài, trong khi đó Sa-lô-môn lại xem thiên nhiên như là đối tượng để nghiên cứu. Đức Chúa Trời ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan và thông sáng trời hơn mọi người phương đông và ông có thể diễn thuyết chính xác về những vật sống trong sự sáng tạo của Đức Chúa Trời. (Tr 2:5) cho chúng ta biết Sa-lô-môn lập những vườn cây lớn và chắc chắn tại nơi đây ông quan sát cách các cây trồng phát triển.

Ê-than và Hê-man được nói đến trong (ISu 15:19) như là những người hát xướng của Đa-vít được giao nhiệm vụ chỉ huy buổi thờ phượng trang nghiêm. Ê-than còn được gọi là Giê-đu-thun, ông có thể là người đã viết Thi thiên 39 và 89 (ISu 16:41-42 25:1,6), và Thi thiên 88 được cho là của Hê-man. Những người này còn được biết đến bởi sự khôn ngoan của họ. Ngoài (IVua 2:6), chúng ta không biết thêm gì về Canh-côn và Đa-ra.

Gần ba ngàn câu châm ngôn của Sa-lô-môn đã bị thất lạc, chỉ khoảng sáu trăm câu được chép lại trong sách Châm ngôn. “Sách hành trạng của Sa-lô-môn” (IVua 11:41) cùng các sách về ông do Na-than, A-hi-gia và Giê-đô (IISu 9:29) viết cũng bị thất lạc. Chúng ta có thêm nhiều kiến thức về thiên nhiên khi đọc các sách Châm ngôn, Truyền đạo, và Thi thiên của Sa-lô-môn vì thế những lời chỉ dẫn chính xác của Sa-lô-môn đã mang lại nhiều lẽ thật về tâm linh và những bài học thực tế cho cuộc sống. Sa-lô-môn trở thành người có danh tiếng đồn ra khắp các dân tộc chung quanh và những người có quyền thế từ khắp thế gian đến để xem sự giàu có và nghe sự khôn ngoan của ông.

Khi Sa-lô-môn là vua, cả đất nước luôn được thanh bình và thịnh vượng. Đối với người dân và các vị khách thì mọi sự đều thành công, tuy vậy không phải trong vương quốc tất cả đều tốt đẹp. Sa-lô-môn có vẻ như đang bước đi với Đức Chúa

Trời và tìm kiếm ý muốn Ngài từ khi ông lên ngôi cho đến khi tận hiến trong việc xây dựng đền thờ. Nhưng Alexander Whyte đã miêu tả điều này rất sống động khi viết “con sâu bí mật...lúc nào cũng đang gặm nhấm trong triều đình mà Sa-lô-môn nương dựa vào”.⁹ Sa-lô-môn không có sự tận hiến trung tín cho Đức Chúa Trời giống cha ông, và các bà vợ ngoại đạo đang gieo trồng trong lòng ông những hạt giống sanh ra trái đắng.

3. LÀM TRỌN GIẤC MƠ CỦA ĐA-VÍT (IVua 5:1-6:38 7:13-51 ISu 2:1-4:22)

“Tôi hẳn không vào trại mình ở, chẳng lên giường tôi nghỉ, không cho mắt tôi ngủ, cũng không cho mí mắt tôi nghỉ nhọc, cho đến chừng tôi tìm một chỗ cho Đức Giê-hô-va, một nơi ở cho Đấng toàn năng của Gia-cốp” (Thi 132:3-5 KJV). Vua Đa-vít đã viết như vậy để diễn tả sự mong ước nhiệt thành trong việc xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời. “Tôi đã xin Đức Giê-hô-va một điều và sẽ tìm kiếm điều ấy! Ấy là tôi muốn trọn đời được ở trong nhà Đức Giê-hô-va, để nhìn xem sự tốt đẹp của Đức Giê-hô-va và cầu hỏi trong đền của Ngài” (27:4).

Đức Chúa Trời biết tấm lòng của Đa-vít nhưng nói rõ rằng Ngài có chương trình khác cho người tôi tớ được Ngài yêu mến (ISa 7:1-29). Đa-vít quá bận rộn với những cuộc chiến bảo vệ và mở rộng bờ cõi Y-sơ-ra-ên nên ông không có thời gian giám sát công việc phức tạp và đòi hỏi nhiều nỗ lực như thế. Sa-lô-môn, người hòa bình, được Đức Chúa Trời chọn để xây đền thờ mà cha ông đã chuẩn bị và khuyến khích ông rất nhiều trong công tác này (ISu 22:1-19 28:1-21).

Từ thời Môi-se, dân Y-sơ-ra-ên đã dâng của lễ thiêu và của tế lễ ở đền tạm, nhưng bây giờ họ không còn là đoàn người hành hương mà là một quốc gia định cư ngay trên đất của họ. Đền tạm là một công trình kiến trúc vững chắc, có thể di dời được và đã đến lúc dân Y-sơ-ra-ên xây dựng một đền thờ cho Đức Chúa Trời vĩ đại của họ. Những quốc gia xung quanh có các đền thờ thờ các thần hư không của họ, vì thế chỉ thật sự đúng khi dân Y-sơ-ra-ên xây dựng một đền thờ nguy nga để tôn thờ Đức Giê-hô-va, Đấng sống và có thật. Vào tháng thứ hai năm 966 (tháng tư hoặc tháng năm của chúng ta), năm thứ tư đời trị vì của mình, Sa-lô-môn bắt đầu công việc và các chương này ghi lại nhiều giai đoạn của tiến trình xây dựng.

1. Tìm được vật liệu (IVua 5:1-12) (ISu 2:1-16)

Khi chuẩn bị cho việc xây cất đền thờ, Đa-vít đã để những chiến lợi phẩm có được dành riêng cho Đức Chúa Trời (ISu 22:14). Các thứ này lên đến 3.750 tấn vàng, 37.500 tấn bạc, và một khối lượng đáng kể đồng, sắt, gỗ và đá. Ông giao cho Sa-lô-môn tất cả các của cải này trước mặt hội chúng (29:1-5). Đa-vít còn lấy của cải của riêng mình mà dâng thêm và sau đó kêu gọi những người đứng đầu Y-sơ-ra-ên đóng góp cho công việc (29:1-10). Tổng số cuối cùng là 4.050 tấn vàng và hơn 38.000 tấn bạc, chưa kể hàng ngàn tấn đồng và sắt cùng nhiều thứ đá quý. Đây là một sự khởi đầu tuyệt vời cho kế hoạch xây dựng.

Đa-vít trao cho Sa-lô-môn kiểu dáng đền thờ mà Đức Chúa Trời đã truyền cho ông (28:1-21). Đa-vít cũng tuyển chọn nhiều thợ thủ công và nhân công để làm theo kế hoạch. Những người này làm công việc đục gỗ đẽo đá chuẩn bị vật liệu cho đền

thờ (22:4). Sa-lô-môn tranh thủ mỗi giao hảo tốt đẹp với Hi-ram để yêu cầu ông cung cấp nhân công và gỗ cần cho đền thờ.

Hi-ram đã gửi đến Sa-lô-môn lời chúc mừng tốt đẹp nhân dịp Sa-lô-môn lên ngôi, và Sa-lô-môn đã gửi lại lời cảm ơn cùng lời yêu cầu sự giúp đỡ trong việc xây dựng đền thờ. Trong thông điệp của mình, Sa-lô-môn nói rằng ông biết cha ông đã từng bàn với Hi-ram về việc xây đền thờ vì thế đây không phải lần đầu Hi-ram nghe về điều này. Thậm chí Đa-vít còn kể cho Hi-ram nghe về giao ước của Đức Chúa Trời (II Sa 7:1-29) và việc Ngài chọn Sa-lô-môn là người xây đền thờ cho Ngài. Sa-lô-môn nói rõ rằng không phải ông đang xây tượng đài tưởng nhớ về vinh quang của cha mình mà là xây dựng một đền thờ tôn vinh danh Đức Chúa Trời (C.5 IVua 8:16-20,29,33,35,41-44).

Sa-lô-môn cũng yêu cầu có được một người thợ giỏi để làm các vật dụng tinh xảo và phức tạp trong đền thờ (7:13-14 IISu 2:7), vua Hi-ram sai Hi-ram (hay còn gọi là Hu-ram A-bi, (2:13-14) đến cho ông. Cha Hi-ram là người Ty-rơ, mẹ là người thuộc chi phái Nép-ta-li.² Ông giỏi về nghề chế đồ kim loại và được giao việc đúc hai cây trụ trước cửa đền thờ cùng các vật dụng kim loại bên trong đền thờ. Khi Môi-se dựng đền tạm, Đức Chúa Trời đã tuyển chọn những người thợ cần thiết và chúc phước trên công việc của họ (Xu 31:1-11 35:30-35).

Lá thư của Sa-lô-môn thật ra là một hợp đồng thương mại. Trong đó ông đưa ra đề nghị chi trả cho số gỗ bằng việc cung cấp lương thực hàng năm cho nhà Hi-ram (IVua 5:11), đồng thời cũng trả công xứng đáng cho các công nhân (IISu 2:1) Khi công việc hoàn tất, nhà vua Hi-ram hàng năm đã nhận được 125.000 giạ lúa mì, 125.000 giạ lúa mạch, 115.000 galông rượu và dầu ô-liu. Tất cả các thứ này được chia sẻ cho họ. Trong lời đáp lại, Hi-ram chấp nhận các điều khoản và vạch kế hoạch thực hiện. Người của ông sẽ đốn gỗ tại trên Li-ban và sau đó kết bè thả ra biển hoặc chở bằng tàu đến Gia-phô (hiện nay là Gia-pha, (2:16). Tại Gia-phô, người của Sa-lô-môn sẽ nhận gỗ và chuyển vào đất liền đến nơi xây dựng, cách đó 35 dặm theo đường chim bay.

Bất cứ mục sư hay ban trị sự nào đều có thể công nhận việc xây dựng không phải là dễ và chúng có thể đem lại điều tốt nhất hoặc tệ nhất cho dân sự của Đức Chúa Trời. Nhưng giống như Môi-se, người đã giám sát việc xây dựng đền tạm, Sa-lô-môn có sự tận hiến rất lớn. Cả hai người này đều biết Đức Chúa Trời đã chọn họ điều khiển công việc và Ngài sẽ giúp họ hoàn tất thành công. Cả hai đều có một khối lượng của cải và vật liệu rất lớn được tùy ý sử dụng trước khi họ bắt đầu công việc và cả hai đều nhận được kế hoạch xây dựng từ chính Đức Chúa Trời. Cả hai đều may mắn có được những người quan trọng sẵn sàng dâng hiến rời rộng cho công tác xây dựng.

2. Những người thợ thủ công (IVua 5:13-18) (IVua 9:15-23 IISu 2:2,17-18 8:7-10)

Người ta phải mất rất nhiều công sức để chặt cây, đốn gỗ và vận chuyển chúng đến nơi xây dựng. Theo kết quả tu bộ dân số chưa hoàn chỉnh của Đa-vít, có 1.300.000 đinh nam trong đất nước (II Sa 24:9) và Sa-lô-môn chỉ chiêu mộ 30.000 công nhân xây dựng đền thờ, khoảng 2.3 % tổng số lao động. Từng mười ngàn

người luân phiên nhau, một tháng ở Li-ban phụ giúp người của Hi-ram, hai tháng ở nhà. Các người này là người Do Thái và không bị đối xử như nô lệ (IVua 9:22 Le 25:39-43). Chúng ta không biết họ có được chia phần trong tiền công mà Sa-lô-môn hứa trả cho công nhân của Hi-ram hay không, nhưng có lẽ là không.

Sa-lô-môn cũng kiểm tra số ngoại kiều trong nước và bắt 150.000 người trong số họ đi khuôn vác và đẽo đá xây đền thờ (IVua 5:15-18 9:15-23 IISu 2:17-18 8:7-10). Trong số này có 70.000 người khuôn vác và 80.000 người đẽo đá trên núi. Có tất cả 3.000 người chịu trách nhiệm giám sát các người này và 300 người giám sát là người nước ngoài, ngoài ra còn có trên 250 đốc công người Do Thái. Các tảng đá phải được đẽo gọt kỹ lưỡng để khít với nhau khi đặt vào vị trí của đền thờ và việc này đòi hỏi sự chuẩn bị và giám sát cẩn thận.

Mặc dầu Sa-lô-môn tuyển mộ rất ít dân chúng nhưng người Do Thái lại oán giận ông vì đã bắt 30.000 người của họ làm việc tại Li-ban bốn tháng trong năm. Những lời chỉ trích này làm tăng thêm sức mạnh cho cuộc nổi loạn của dân sự chống lại Rô-bô-am và thúc đẩy nhanh việc phân chia đất nước sau khi Sa-lô-môn chết (IVua 12:1-21). Sa-lô-môn đã thật sự chất gánh nặng cho dân sự trong vấn đề nhân công và thuế.

Cả người Do Thái và người ngoại bang đều dự phần vào việc xây dựng đền thờ, và điều này càng đáng chú ý hơn khi đền thờ sẽ là “nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc” (Es 56:7 Mat 21:13 Lu 19:46). Sau khi chiếm giữ, chính quyền Ba-tư đã giúp người Do Thái xây lại đền thờ của mình, và đền thờ Hê-rốt có một khu vực dành riêng cho dân ngoại. Thật đáng buồn khi một số nhà lãnh đạo Do Thái giáo đã biến khu vực đó thành nơi mua bán các đồ tế lễ và đổi chác tiền bạc. Hội Thánh ngày nay là đền thờ của Đức Chúa Trời, nơi có những người tin Chúa Giê-xu bao gồm cả người Do Thái và người ngoại (Eph 2:11-22). Nó được “xây nên” nhằm tôn vinh Đức Chúa Trời, cả người Do Thái và người ngoại” nhờ Chúa Giê-xu là “hòn đá sống mà được thêm vào trong đền thờ (IPhi 2:5).

Những công nhân của Hi-ram không phải là những người thờ phượng Đức Chúa Trời và những người ngoại bang trong nước Y-sơ-ra-ên không phải là những người mới theo đạo Do Thái, nhưng Đức Chúa Trời đã dùng cả hai nhóm “người ngoài cuộc” này trong việc xây dựng đền thờ của Ngài. Đức Chúa Trời muốn cho “mọi người được cứu rỗi” (ITi 2:4), nhưng thậm chí nếu họ không phải là người tin Chúa, Ngài vẫn có thể dùng họ để hoàn thành mục đích của Ngài. Ngài đã dùng Nê-bu-cát-nết-sa và quân Ba-by-lôn để trừng phạt Y-sơ-ra-ên, và Ngài gọi Nê-bu-cát-nết-sa là “đầy tớ ta” (Gie 25:9). Ngài cũng dùng Si-ru, vua nước Ba-tư, giải phóng cho dân Y-sơ-ra-ên và giúp họ xây lại đền thờ (Exo 1:1-11). Điều này khích lệ chúng ta trong việc cầu nguyện và phục vụ vì Đức Chúa Trời có thể dùng những người chúng ta đánh giá thấp để hoàn thành ý định của Ngài trên đất. Đức Chúa Trời còn có thể làm việc qua những viên chức chính phủ chưa tin Chúa để mở cửa cho dân Ngài hay đáp ứng nhu cầu của họ.

3. Việc xây dựng đền thờ (IVua 6:1-37) (IISu 3:1-17)

Hai tội lớn nhất của Đa-vít là gì? Nhiều người sẽ trả lời là “Tội tà dâm với Bát-sê-ba và tội kiểm kê dân số” và câu trả lời của họ hoàn toàn đúng. Vì hậu quả của

tội kiểm kê dân số nên Đa-vít phải mua đất trên núi Mô-ri-a làm nơi xây bàn thờ và thờ phượng Đức Chúa Trời (IISa 24:1-25). Đa-vít lấy Bát-sê-ba và Đức Chúa Trời ban cho họ một đứa con trai đặt tên là Sa-lô-môn (12:24-25). Và bây giờ chúng ta biết Sa-lô-môn đang xây đền thờ nhờ vào của cải của Đa-vít trên núi Mô-ri-a! Đức Chúa Trời đã dùng hậu quả của hai tội lỗi nặng nhất của Đa-vít, một ít của cải và một đứa con trai, trong việc xây đền thờ! “Nhưng nơi nào tội lỗi đã gia thêm thì ân điển lại càng dư dật hơn nữa” (Ro 5:20). Đây không phải là điều khuyến khích chúng ta phạm tội, bởi vì Đa-vít đã trả giá đắt cho tội lỗi của mình, nhưng đây là sự khích lệ cho chúng ta cứ tiến bước trong con đường phục vụ Chúa sau khi chúng ta đã ăn năn xưng nhận tội lỗi của mình. Sa-tan muốn chúng ta nghĩ rằng tất cả đã thất bại nhưng Chúa ân điển vẫn luôn hành động (IPhi 5:10).

Kiến trúc bên ngoài (IVua 6:1-10,36-38 IISu 3:1-17). Ngày xưa có đơn vị đo một “cubit ngắn” hoặc “cubit thường” tương đương khoảng 18 in-sơ (in-sơ: đơn vị đo chiều dài của Anh bằng 2,54 cm) và một “cubit dài” tương đương 21 in-sơ. Cubit thường được dùng cho đền thờ (IISu 3:3), có nghĩa là công trình sẽ dài 90 phút (foot: đơn vị đo chiều dài của nước Anh bằng 0,3048 m), rộng 30 phút và cao 45 phút. Cổng vào đền thờ rộng 30 phút và sâu 50 phút, và hành lang thầy tế lễ sẽ bao quanh nơi thánh. Nó tách riêng với cấu trúc bên ngoài nhờ một bức tường bằng gỗ và đá chạm (c.36 4:9). Gie 36:10 gọi hành lang thầy tế lễ là “hành lang trên”, cho thấy nó cao hơn hành lang bên ngoài. Các cửa của đền thờ quay về hướng tây, giống như các cổng của đền tạm.

Không giống như đền tạm, đền thờ có các phòng bao quanh nằm trên ba tầng lầu gắn với vách tường ngoài của đền thờ về phía nam, đông và tây. Mỗi phòng cao bảy phút rưỡi. Các bức tường đỡ các phòng này có cấu trúc như ba bậc thang, và các phòng này được nâng đỡ bởi những cột trụ bằng gỗ tựa vào ba bậc thang này. Phòng trên cùng rộng mười phút rưỡi, ở tầng hai rộng chín phút và tầng dưới cùng rộng bảy phút rưỡi. Các phòng này có lẽ dùng để làm kho. Ở giữa bức tường phía nam của đền thờ là một cửa dẫn vào phòng dưới cùng và cầu thang xoắn ốc dẫn lên tầng giữa và tầng trên cùng. Mỗi tầng đều phải có lối đi nhỏ nối các phòng. Ở bức tường phía bắc và phía nam, trên ba mức phòng, là một cửa sổ hẹp đưa vào chút ánh sáng (c.4). Trong đền tạm của Môi-se không có cửa sổ. Tuy nhiên, ánh sáng cần thiết cho nơi thánh đến từ 10 giá đèn, 5 cái dọc theo tường phía bắc và 5 cái dọc theo tường phía nam. Dĩ nhiên một công trình kiến trúc to lớn như thế cần có một nền móng vững chắc (c.38).

Lời tiên tri (IVua 6:11-13). Chúng ta không biết ai đem đến thông điệp này (có thể là một nhà tiên tri) hay là nó được đem đến khi nào, nhưng Đức Chúa Trời đã gửi Lời Ngài đến với nhà vua khi ông đang nản lòng với kế hoạch xây dựng cũng hoặc có thể đang bắt đầu cảm thấy tự hào về những gì mình đang thực hiện. Đức Chúa Trời nhắc nhở Sa-lô-môn giống như Ngài vẫn thường nhắc nhở chúng ta rằng Ngài không cảm động về việc làm của chúng ta nếu chúng ta bất tuân lời Ngài. Điều Ngài muốn là một tấm lòng vâng phục (Eph 6:6). Đức Chúa Trời sẽ hoàn thành lời hứa của Ngài với Đa-vít và Sa-lô-môn (IISa 7:1-29) không phải bởi vì việc Sa-lô-môn xây dựng đền thờ nhưng vì ông tuân theo lời Ngài. Một lời răn bảo tương tự cũng có trong giao ước của Đức Chúa Trời với Môi-se được chép trong Phu 28:1-30:20, vì

thế đây không phải là sự khám phá mới đối với Sa-lô-môn. Đây là lần thứ hai Đức Chúa Trời phán với Sa-lô-môn về sự vâng phục (3:5), và Ngài sẽ phán với ông lần nữa về điều này sau khi đền thờ được xây dựng xong (9:3-9).

Kiến trúc bên trong (IVua 6:14-35). Khi phần cơ bản của đền thờ hoàn tất, các công nhân tập trung xây dựng bên trong, là phần quan trọng nhất vì các thầy tế lễ thực hiện các nghi lễ cho Đức Chúa Trời tại nơi này. Những tường bên trong từ dưới đất lên trần được đóng ván cây tùng và bọc vàng (c.22), trên đó khắc hình hoa nở và nụ. Nền đền thờ được đóng ván cây thông và lót vàng (c.15,30). Hai cánh cửa khép lại được từ hành lang thầy tế lễ dẫn vào nơi thánh (c.31-35). Giống như những chê-ru-bim, các cánh cửa này được làm bằng gỗ ô-li-ve bên trên bọc vàng và chúng còn có bản lề bằng vàng (IVua 7:50). Dây xích vàng được giăng ngang trước cửa vào (c.21).

Ở trong cùng phía tây nơi thánh, cách cửa vào 60 phút, có treo một bức màn phân biệt nơi chí thánh (IISu 3:10), tạo ra một căn phòng hình khối có kích thước là 30 phút mỗi mặt (c.20)⁴. Trong đền tạm của Môi-se, căn phòng nơi chí thánh cũng hình khối nhưng chỉ có 15 phút mỗi mặt. Trên thực tế, kích thước của đền thờ gấp hai lần kích thước của đền tạm (90x30 phút thay vì 45x15). Bức tường trong nơi chí thánh được đóng ván cây tùng và bọc vàng, và nền được làm bằng gỗ thông mạ vàng. Thậm chí những cây đinh dùng trong nơi chí thánh cũng mạ vàng. Nơi chí thánh chính là nơi để hòm giao ước.

Hòm giao ước tượng trưng cho ngôi của Đức Chúa Trời là “Đấng ngự trên chê-ru-bim” (Thi 80:1). Nó là một cái hòm gỗ, dài 45 in-sơ, rộng 27 in-sơ và cao 27 in-sơ. Vì bên trong có hai bảng luật pháp nên nó cũng được gọi là “hòm bảng chứng” (Xu 25:22). Phía trên hòm bảng chứng là “nắp thi ân” bằng vàng, và ở hai đầu nắp là hai tượng chê-ru-bim làm bằng gỗ â-liu dát vàng. Tượng chê-ru-bim cao 15 phút và từ đầu cánh này đến đầu cánh kia dài 15 phút, vì thế khi hòm giao ước đặt trong nơi chí thánh, bốn cánh chê-ru-bim chạm vách đền thờ (c.23-28 25:10-22 37:1-9). Mỗi năm một lần, thầy tế lễ thượng phẩm được phép vào nơi chí thánh, rảy huyết của con sinh trên nắp thi ân và như thế sẽ chuộc tội cho dân sự trong năm (Le 16:1-34).

Hi-ram đúc hai cột trụ bằng đồng lớn, mỗi cột cao 27 phút và chu vi 18 phút. Các cột này rỗng ruột, dày khoảng 4 in-sơ (Gie 52:21). Trên đầu mỗi cột có phần chạm trổ cao bốn phút (IIVua 25:17), bao gồm quả bóng lộn ngược, những cánh hoa sen và lưới kết quả lựu đồng. Hai cột tên là “Gia-kin (“Chúa sẽ kiên lập”)" và “Bô-ách” (“tại đền ấy có sức lực”)). Chúng đứng bên ngoài lối vào nơi chí thánh, Gia-kin bên hữu và Bô-ách bên tả. Từ “he” trong lời giải nghĩa này chắc chắn chỉ về Chúa, các cây cột là bằng chứng cho người Do Thái rằng chính Đức Chúa Trời là Đấng thành lập quốc gia của họ và niềm tin của người Y-sơ-ra-ên vào Đức Giê-hô-va là nguồn sức mạnh cho họ. Một số người coi đây là sự chứng thực cho vương triều Đa-vít, được Đức Chúa Trời thiết lập (IISa 7:1-29) và được Ngài tiếp tục.

4. Trang bị đồ đạc cho đền thờ (IVua 6:1-38) (IVua 7:13-51 IISu 4:1-22)

Việc trang bị đồ đạc cho đền thờ rất quan trọng đối với các thầy tế lễ vì nếu không có những đồ đạc cần thiết, họ không thể thực hiện công việc của mình hay làm đẹp lòng Đức Chúa Trời.

Bàn thờ bằng đồng (IISu 4:1). Khi bạn đến đền thờ từ phía đông, bạn sẽ đi vào lối dẫn vào bên trong hành lang thầy tế lễ. Dân sự mang con sinh và của tế lễ của họ dâng cho Đức Chúa Trời bằng lối này. Bàn thờ đồng ngang 30 phút và cao 15 phút (4:1) ở bên phải về phía bắc. Chiều cao của bàn thờ cho ta thấy có thể có những bậc thang nơi các thầy tế lễ có thể đứng và làm lễ (Exe 43:13-17). Một số học giả cho rằng bàn thờ thấp hơn 15 phút nhưng ở trên một bệ đá nên làm cho nó cao hơn. Bàn thờ trong đền tạm chỉ cao 4 phút rưỡi.

Chậu rửa hay biển bằng đồng (IVua 7:23-26 IISu 4:2-5,10). Phía bên trái lối vào, ở phía nam hành lang (c.39), là “hồ rửa tội” lớn thay thế cho chậu rửa tội nhỏ hơn trong sân đền tạm (Xu 30:17-21 38:8). Nó hình tròn và làm bằng đồng dày một gang tay với hình hoa huệ ở quanh miệng, và nó có thể chứa 17.000 ga-lông nước (gallon: đơn vị đo lường chất lỏng, bằng 4,64 lít ở Anh, và bằng 3,78 lít ở Mỹ). Cái chậu lớn này rộng 15 phút và cao 7 phút rưỡi. Nó được đặt trên lưng của tượng 12 con bò, mỗi nhóm gồm ba con bò quay mặt theo những hướng khác nhau. Có lẽ 12 con bò này tượng trưng cho 12 chi phái Y-sơ-ra-ên (IIVua 16:17).

Chắc hẳn phải có một hệ thống tháo nước nhỏ để các thầy tế lễ có thể rửa tay chân, nhưng hệ thống này không được nói đến trong đoạn này. Có thể có những vòi nước ở dưới đáy chậu. Nếu các thầy tế lễ không giữ tay chân sạch sẽ khi hành lễ trong đền thờ, họ có thể bị chết (Xu 30:20). Trong Kinh Thánh, nước uống là hình ảnh chỉ về Chúa Thánh Linh (Gi 7:37-39) trong khi nước rửa tượng trưng cho lời Đức Chúa Trời (Thi 119:9 Gi 15:3 Eph 5:25-27). Khi các thầy tế lễ phục vụ Đức Chúa Trời trong đền thờ, họ bị ô uế và cần được thanh tẩy; cũng như thế, khi chúng ta phục vụ Đức Chúa Trời, chúng ta có thể trở nên quá ô uế và cần “được thanh tẩy bởi lời của Chúa”. Chúa Giê-xu đã mô tả chân lý này trong Giăng 13 khi Ngài rửa chân cho các môn đồ.

Mười cái bục đồng và những hồ rửa (IVua 7:27-39 IISu 4:6). Các vật này được trang trí rất đẹp bằng những bánh xe đồng, 6 phút vuông và cao 4 phút rưỡi có tay cầm ở mỗi góc. Mỗi bục có thể để một cái chậu chứa 230 ga-lông nước. Các bục này được để trong hành lang thầy tế lễ gần nơi thánh, 5 cái ở phía bắc và năm cái ở phía nam. Vì các bục này đặt trên bánh xe nên có thể dễ dàng di chuyển sang nơi khác. Chúng được dùng để rửa và chuẩn bị con sinh (4:6) và có lẽ được dùng cho sự thanh tẩy chung cho cả đền thờ. Nước dơ sau đó có thể thoát ra và được dùng ở nơi thích hợp, và các chậu rửa sẽ được đổ đầy nước sạch từ biển bằng đồng.

Thật đáng chú ý rằng các chậu rửa hữu dụng này cũng được trang trí rất đẹp. Điều này dạy chúng ta rằng Đức Chúa Trời thấy vẻ đẹp từ trong sự thánh khiết và từ sự thánh khiết của vẻ đẹp (Xu 28:2 Thi 29:2 96:6,9 110:3)

Bàn thờ xông hương (IVua 6:20,22 7:48). Bàn thờ được làm bằng gỗ cây tùng phủ vàng, nhưng trong Kinh Thánh không đề cập đến kích thước của nó. Nó ở trước bức màn phân cách nơi thánh và nơi chí thánh. Các thầy tế lễ xông hương trên bàn thờ này vào mỗi buổi sáng và buổi chiều khi họ đi xem xét những cây đèn

trong đền thờ (Xu 30:1-10 37:25-29). Trong Kinh Thánh, việc xông hương là hình ảnh tượng trưng của lời cầu nguyện của chúng ta đến với Đức Chúa Trời (Thi 141:1-2 Kh 5:8 Lu 1:8-10). Đức Chúa Trời đã truyền cho Môi-se cách pha trộn các hương liệu để dùng trong đền tạm và đền thờ (Xu 30:34-38), và không ai được phép bắt chước hay sử dụng hỗn hợp này vào mục đích khác. Bàn thờ vàng không được dùng cho mục đích nào khác, và vào ngày lễ chuộc tội hằng năm, thầy tế lễ cả sẽ bôi huyết con sinh lên bàn thờ này để thanh tẩy nó (30:10). Chúng ta không thể đến gần Chúa và mong đợi Ngài nghe và đáp lời cầu nguyện của chúng ta (Thi 66:18 He 10:19-2) nếu chúng ta không có “tay trong sạch và lòng thánh khiết” (Thi 24:3-5).

Những chân đèn và bàn bằng vàng (IVua 7:48-49 IISu 4:7-8,19-20). Trong đền tạm mà Môi-se dựng nên chỉ có một cái bàn để bánh trần thiết, nhưng trong đền thờ có đến 10 cái bàn bằng vàng, 5 cái ở mỗi bên của nơi thánh. Đền tạm chỉ có một chân đèn bằng vàng với 7 ngọn nến, nhưng đền thờ có đến 10 chân đèn bằng vàng trong nơi thánh, 5 cái ở tường phía bắc và 5 cái ở tường phía nam. Chúng mang lại ánh sáng cần thiết cho nơi thánh.

Những vật dụng (IVua 7:40-45 IISu 4:7-8,11-22). Các thầy tế lễ cần nhiều vật dụng khác nhau để thực hiện công việc của mình, bao gồm kéo cắt tàn tim đèn, chén đựng nước rảy và huyết con sinh, đĩa, vá, nồi nấu thịt từ của lễ chuộc tội và xẻng xúc tro. Đền thờ là một công trình kiến trúc nguy nga chứa những đồ vật làm bằng vàng và đánh bóng bằng thiếc, nhưng các công việc thường ngày sẽ không thể thực hiện được nếu không có những vật dụng nhỏ bé này.

Thật khó tính chi phí của đền thờ bằng tiền tệ hiện thời. Chỉ biết giá trị của những quý kim ngày nay thôi thì chưa đủ nhưng chúng ta còn phải biết khả năng mua bán trao đổi của chúng. Vì thế chúng ta cần tính xem Sa-lô-môn đã tốn bao nhiêu cho nhân lực và vật liệu và thử chuyển chúng ra giá trị hiện thời. Khi bạn nhận thấy rằng chính là vàng đã phủ lên tường và nền nhà, các vật dụng, các cửa và các chê-ru-bim, bạn không ngần ngại kết luận rằng đây là một công trình kiến trúc đáng giá. Tuy nhiên tất cả sự đẹp đẽ này đều bị tàn phá và những cửa cái này bị tịch thu khi quân Ba-by-lôn chiếm được Giê-ru-sa-lem và hủy phá đền thờ (Gie 52:1-34). Nê-bu-cát-nết-sa cướp đền thờ và lưu đày tù nhân theo từng giai đoạn. Cuối cùng người của ông đốt thành phố và đền thờ vì như thế họ sẽ lấy được vàng trong đó.

Thật đáng tiếc khi Sa-lô-môn, người đã xây dựng đền thờ, lại chính là người cưới nhiều vợ ngoại bang và khuyến khích việc thờ hình tượng trong Y-sơ-ra-ên. Chính tội lỗi đó đã đưa đất nước ông đi xa khỏi Đức Chúa Trời và đem lại cho họ sự phán xét nghiêm khắc từ Đức Chúa Trời.

4. NHÀ CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI VÀ TẤM LÒNG CỦA SA-LÔ-MÔN (IVua 8:1-9:9,25-28 IISu 5:1-7:22)

“Hỡi các công dân, chúng ta không thể chạy trốn lịch sử”. Abraham Lincoln đã nói những lời này với Quốc hội Mỹ vào ngày 1 tháng 12 năm 1862, nhưng vua Sa-lô-môn có thể đã nói điều đó với những nhà lãnh đạo Do Thái khi ông khánh thành đền thờ vào ngày lễ lều tạm vào năm thứ hai mươi bốn đời trị vì của mình.¹ Bất cứ người Do Thái nào trên thế giới hoặc ở vào bất cứ thế kỷ nào, họ đều có nguồn gốc

từ Áp-ra-ham, Môi-se và Đa-vít. Vua Đa-vít được nói đến 12 lần trong đoạn này² và Môi-se được nhắc đến ba lần. Trong lời cầu nguyện của mình, Sa-lô-môn có nhắc đến giao ước của Đức Chúa Trời với cha mình (II Sa 7:1-29) và cả giao ước Đức Chúa Trời lập với Môi-se được chép trong (Phu 28:30). Điểm nhấn mạnh chính trong lời cầu nguyện của ông là cầu xin Đức Chúa Trời nghe những người cầu nguyện hướng về đền thờ và tha thứ tội lỗi cho những ai phạm tội. Lời thỉnh cầu này dựa trên lời hứa trong (30:1-10). Vua Y-sơ-ra-ên được ra lệnh phải chép một bản sách Phục truyền (17:18-20), và những lời của Sa-lô-môn dựa trên sách Phục truyền cho thấy ông biết sách này rất rõ.

Loại “nhà” nào mà Sa-lô-môn cung hiến vào ngày đó?

1. Một ngôi nhà của Đức Chúa Trời (IVua 8:1-11) (IISu 5:1-14)

Sa-lô-môn nhóm họp tại Giê-ru-sa-lem những nhà lãnh đạo của 12 chi phái Y-sơ-ra-ên và bất cứ người dân nào có thể tham dự được từ phía bắc đến phía nam (c.65). Họ sẽ giúp đỡ ông trong việc cung hiến đền thờ của Đức Chúa Trời. Từ “nhà” được sử dụng 26 lần trong đoạn này (37 lần trong 5:1-7:22), vì công trình kiến trúc này thật sự là “nhà của Đức Chúa Trời” (c.10,11,17, v.v...). Nhưng điều gì khiến cho toà nhà quý giá này là nhà của Đức Chúa Trời? Không đơn giản là vì Đức Chúa Trời ra lệnh xây nó và chọn Sa-lô-môn là người xây dựng, hay chính Ngài trao cho Đa-vít kế hoạch và cung cấp của cải để xây nó. Những điều trên cũng quan trọng, nhưng điều làm cho đền thờ này trở thành nhà của Đức Chúa Trời là sự hiện diện của Đức Giê-hô-va trong đền thánh này.

Hòm giao ước được đem vào (IVua 8:1-9 IISu 5:1-9). Trong nơi chí thánh, Đức Giê-hô-va “ngự giữa chê-ru-bim” (Thi 80:1). Những quốc gia đa thần cũng có đền thờ, bàn thờ, thầy tế lễ và của lễ riêng của họ, nhưng đền thờ của họ trống rỗng và của lễ của họ vô dụng. Đức Chúa Trời sống động và có thực sự ngự giữa đền thờ trên núi Mô-ri-a! Đó chính là lý do tại sao việc làm đầu tiên của Sa-lô-môn trong việc cung hiến đền thờ là dời hòm giao ước từ trại Đa-vít (II Sa 6:17) vào trong nơi chí thánh của đền thờ.³ Các khí dụng thánh của đền tạm cũng được đem lên đền thờ và để tại đó (IISu 5:5). Hòm giao ước cũng chỉ là một chiếc hòm gỗ nguyên thủy được đặt trong nghi thức thờ phượng dưới sự vận hành của Đức Chúa Trời để không điều gì có gì có thể thay thế ngai của Đức Chúa Trời hay bảng luật pháp của Môi-se được để trong hòm. Lễ cung hiến đền thờ diễn ra trong kỳ lễ lều tạm này rất quan trọng vì hòm giao ước đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên trong suốt hành trình trong đồng vắng của họ.

Các thầy tế lễ đặt hòm giao ước trước tượng chê-ru-bim lớn mà Hi-ram đã làm. Hai cánh của tượng này dài chiều ngang nơi chí thánh (IVua 6:23-30) Tượng chê-ru-bim trên nắp thi ân đầu tiên đối diện nhau, trong khi tượng chê-ru-bim mới nhìn ra nơi thánh nơi các thầy tế lễ hành lễ. Các thiên sứ của Đức Chúa Trời không chỉ “xem thấu” sự huyền bí của ân điển Đức Chúa Trời (I Phi 1:12), nhưng họ còn nhìn ngắm công việc của người Đức Chúa Trời và học biết về ân điển Ngài (ICo 4:9 11:10 Eph 3:10 ITi 5:21). Bình đựng ma-na và cây gậy của A-rôn cũng đặt trước hòm (Xu 16:33 Dan 17:10 He 9:4), cả hai thứ này đều là những vật nhắc nhớ về sự nổi loạn trong Y-sơ-ra-ên (Xu 16:1-3 Dan 16:1-50). Nhưng bây giờ quốc gia này đang bắt

đầu một sự khởi đầu mới và những vật này không cần thiết nữa. Điều quan trọng là Y-sơ-ra-ên tuân thủ theo luật pháp của Đức Chúa Trời được để trong hòm báng chúng. Người Do Thái bây giờ không còn là những người hành hương, nhưng cây gậy vẫn được để trong hòm như là một lời nhắc nhở về sự thành tín của Đức Chúa Trời đối với họ trong suốt 40 năm rèn luyện.

Sự vinh hiển giáng xuống (IVua 8:10-11 IISu 5:11-14). Hòm giao ước là biểu tượng về ngôi vua và sự hiện diện của Đức Chúa Trời; chính sự hiện hữu thật sự của Đức Chúa Trời trong nhà Ngài rất quan trọng. Một khi Sa-lô-môn và dân sự đã tôn vinh Đức Chúa Trời đặt Ngài trong nơi chí thánh, vinh hiển của Đức Chúa Trời giáng xuống và bao phủ khắp nhà Ngài. Trụ mây đã dẫn dắt dân Y-sơ-ra-ên suốt trong đồng (Dan 9:15-23), nhưng bây giờ sự vinh hiển đã đến ngự vào đền thờ đẹp đẽ mà Sa-lô-môn xây dựng. Khi sự vinh quang bao phủ đền thờ, các thầy tế lễ dùng môi miệng và các nhạc cụ mà tôn vinh Đức Chúa Trời, bởi vì Đức Chúa Trời ngự giữa sự ngợi khen của dân sự Ngài (Thi 22:3).

Sự hiện hữu của vinh hiển Đức Chúa Trời là dấu hiệu phân biệt nước Y-sơ-ra-ên (Xu 33:12-23 Ro 9:4). Tội lỗi của dân sự làm cho vinh hiển của Đức Chúa Trời rời khỏi đền tạm (ISA 4:19-22), nhưng nay sự vinh hiển đã trở lại. Tuy nhiên nước Y-sơ-ra-ên lại sẽ phạm tội và bị đày sang Ba-by-lôn, tại đó tiên tri Ê-xê-chi-ên đã có sự hiện thấy về việc sự vinh hiển của Đức Chúa Trời rời khỏi đền thờ (Exe 8:1-4 9:3 10:4,18-19 11:22-23). Mặc dầu vậy Đức Chúa Trời cũng cho ông thấy sự vinh hiển trở lại đền thờ (43:1-5). Sự vinh hiển đến thế gian qua chính Chúa Giê-xu (Gi 1:14 Mat 17:1-7), nhưng tội nhân đã đóng đinh “Chúa vinh hiển (ICo 2:8). Khi Chúa Giê-xu về trời, đám mây của sự vinh hiển bao phủ Ngài (Cong 1:9) và đền thờ bị bỏ hoang (Mat 23:38-24)

Khi Đức Thánh Linh giáng lâm vào ngày lễ Ngũ tuần (Cong 2:1-47), vinh hiển của Đức Chúa Trời đã ngự trị trong lòng con dân Ngài một cách riêng tư (ICo 6:19-20) cũng như trong Hội thánh địa phương (ICo 3:16) và Hội thánh trên toàn cầu (Eph 2:19-22). Cho đến khi Chúa Giê-xu đem chúng ta vào trong sự vinh hiển đời đời thì đặc ân và trách nhiệm của chúng ta vẫn là đem vinh hiển về cho Chúa khi chúng ta phục vụ Ngài trên đất. Khi Hội thánh nhóm lại thờ phượng Đức Chúa Trời bằng tâm thần và lẽ thật, hãy bày tỏ sự vinh hiển của Đức Chúa Trời (ICo 14:23-25).

2. Ngôi nhà của lời chứng (IVua 8:12-21) (IISu 6:1-11)

Đức Chúa Trời không chỉ ngự giữa dân sự Ngài nhưng Ngài còn ban cho họ lời của Ngài và giữ lời hứa một cách thành tín. Đó là chủ đề chính của phần này, vì ở đây Sa-lô-môn tôn vinh Đức Giê-hô-va thông qua việc hồi tưởng lại lịch sử xây dựng đền thờ.

Sự mầu nhiệm của Đức Chúa Trời (IVua 8:12-13 IISu 6:1-2). Nhà vua đang đứng trên một cái bục đặc biệt (IISu 6:13), đối mặt với đền thánh, các thầy tế lễ đứng ở bàn thờ (IVua 5:12) và dân sự tập trung thành nhóm. Tất cả họ đều đã xem thấy sự bày tỏ vinh quang kỳ diệu của Đức Chúa Trời. Lúc này Sa-lô-môn mở đầu bài nói chuyện của mình bằng câu nói “Đức Giê-hô-va có phán rằng Ngài ngự trong nơi tối tăm mờ mịt” (c.12). Tại sao ông nói là tối tăm trong khi họ vừa mới được nhìn ngắm sự vinh quang chói rực của Đức Chúa Trời? Sa-lô-môn đang nhắc đến lời

của Đức Chúa Trời phán với Môi-se trên núi Si-na-i: “Này, ta sẽ ở trong đám mây mịt mịt đi đến ngươi; đặng khi nào ta phán cùng ngươi, thì dân sự nghe và tin cậy ngươi luôn luôn” (Xu 19:9). Thật sự đã có một đám mây mù mịt trên núi (Xu 19:6 20:21 Phu 4:11 5:22) và Môi-se đã bước vào sự tối tăm đó với sự sợ hãi rất lớn (He 12:18-21). Sa-lô-môn đang liên hệ sự kiện của ngày đó với kinh nghiệm của dân Y-sơ-ra-ên trong quá khứ tại núi Si-na-i, bởi vì dân sự của Đức Chúa Trời không được phép rời bỏ nguồn gốc của họ trong lịch sử.

Đức Chúa Trời là sự sáng (IGi 1:5) và ngự giữa sự sáng (ITi 6:16), nhưng Ngài không thể bày tỏ chính Ngài hoàn toàn cho con người vì “không ai thấy mặt ta mà còn sống” (Xu 33:20). Trên núi Si-na-i Đức Chúa Trời nhấn mạnh việc lắng nghe Ngài, không phải là nhìn thấy Ngài để người Do Thái không bị cám dỗ làm ra hình tượng của Đức Chúa Trời và thờ lạy chúng. Giống như Hội Thánh ngày nay, dân Y-sơ-ra-ên là dân sự lắng nghe và vâng lời Đức Chúa Trời. Vua Đa-vít đã nhìn thấy Đức Chúa Trời trong sự tối tăm dưới chân Ngài như cái màn trướng (Thi 18:9,11 97:2). Đức Chúa Trời luôn có sự huyền bí làm hạ thấp chúng ta, bởi vì chúng ta không phải lúc nào cũng hiểu được Ngài và đường lối của Ngài, nhưng sự huyền bí này cũng khích lệ chúng ta tin nơi Chúa và nương dựa nơi lời của Ngài. Sa-lô-môn không muốn dân sự nghĩ rằng Đức Chúa Trời bây giờ là “láng giềng” của họ và vì thế họ có thể nói chuyện với Ngài hay nói về Ngài theo bất cứ cách nào họ thích. “Nhưng Đức Giê-hô-va ở trong đền thánh của Ngài, trước mặt Ngài, cả đất hãy làm thinh” (Ha 2:20) NASB).

Giống như người đầy tớ báo cáo công việc cho chủ của mình, Sa-lô-môn thông báo rằng ông đã xây xong cái đền làm nơi ngự của Đức Chúa Trời (c.13). Điều này nhắc chúng ta nhớ về việc Môi-se hoàn thành công tác xây dựng đền tạm (Xu 40:33), về Chúa Cứu Thế Giê-xu đã hoàn tất những điều Cha Ngài giao cho (Gi 17:4), về cả Giăng Báp-tít và Phao-lô đã làm xong công tác của mình (Cong 13:25 IITi 4:7). Tất cả chúng ta rồi sẽ phải tường trình cuộc đời và sự phục vụ của chúng ta trên đất khi gặp Đức Chúa Trời (Ro 14:10-13), và vì thế chúng ta cần phải trung tín với sự kêu gọi của Ngài dành cho để chúng ta có thể có kết thúc tốt đẹp.

Sự tốt lành và sự thành tín của Đức Chúa Trời (IVua 8:15-21). Trong hơn 50 năm chức vụ, tôi có được đặc quyền giúp đỡ nhiều Hội Thánh trong việc cung hiến đền thờ; và trong thông điệp của mình, tôi cố gắng nhấn mạnh công việc của Đức Chúa Trời trong lịch sử của dân sự Ngài. Như A.T. Pierson thường nói, “Lịch sử là chuyện của Ngài”. Thật dễ cho những người mới trong Hội Thánh và những thế hệ tiếp theo quên đi lịch sử của Hội Thánh họ. Ngày Sa-bát, những ngày lễ trong năm (Le 23:1-44), và sự hiện diện của đền thờ sẽ làm nhân chứng cho người Do Thái, cả người trẻ và già, rằng Giê-hô-va là Đức Chúa Trời của họ. Từ “nhớ” được dùng ít nhất 14 lần trong sách Phục truyền bởi vì Đức Chúa Trời không muốn dân sự Ngài quên đi bài học trong quá khứ.

Trong sự tốt lành và ân điển của Đức Chúa Trời, Ngài đã lập giao ước với Đa-vít liên quan đến gia đình và ngôi vị của ông (IISa 7:1-29), trong đó có lời hứa về một người con trai sẽ xây dựng đền thờ. Điều gì miệng Đức Chúa Trời nói, chính tay Ngài sẽ hoàn thành nó (c.15), và điều gì Ngài hứa với Đa-vít, Ngài sẽ hoàn thành thông qua Sa-lô-môn (c.20). Nhưng Đức Chúa Trời làm những điều này vì sự vinh

hiển của danh Ngài, không phải để tôn vinh Đa-vít hay Sa-lô-môn (c.16-20). Danh của Đức Chúa Trời được nhắc đến ít nhất 14 lần trong lời giới thiệu và cầu nguyện của Sa-lô-môn. Nhà vua đã biết dâng cho Đức Chúa Trời tất cả sự vinh hiển. Bất cứ khi nào dân sự đến thờ phượng, họ sẽ nhớ rằng chính sự tốt lành và sự thành tín của Đức Chúa Trời làm cho đền thờ được đứng vững.

3. Nhà cầu nguyện (IVua 8:22-53) (ISu 6:12-42)

Theo (6:13) khi Sa-lô-môn cầu nguyện ông quỳ trên một cái bục đặc biệt gần bàn thờ và giơ tay lên trời. Tư thế cầu nguyện truyền thống của chúng ta (“khoanh tay và nhắm mắt”) là xa lạ với người Do Thái. Tư thế của họ là nhìn lên với sự tin tưởng hướng về Đức Chúa Trời trên trời (hay hướng về đền thờ) và giơ tay lên bày tỏ sự thấp kém và chờ đợi sự trả lời (c.38,54 Xu 9:29,33 Thi 63:4 88:9 143:6). Điều này được áp dụng cho Hội Thánh thời Phao-lô (ITi 2:8). Từ “trời” được dùng ít nhất hàng chục lần từ câu 22-54.

Sa-lô-môn mở đầu lời cầu nguyện của mình bằng sự ngợi khen và cảm tạ Đức Chúa Trời là Đấng lập và giữ giao ước. “Chẳng có một thần nào giống như Chúa” (c.23 so sánh với Xu 15:11 và Phu 4:39). Sau đó ông nhắc đến giao ước của Đức Chúa Trời với Đa-vít cha mình. Giao ước này chỉ ra rằng Sa-lô-môn là người thừa kế Đa-vít và là người xây dựng đền thờ (II Sa.7). Nhưng Sa-lô-môn cũng nhắc đến lời hứa của giao ước về vương triều nhà Đa-vít và cầu nguyện rằng dòng dõi nhà Đa-vít sẽ tiếp tục như Đức Chúa Trời đã hứa. Dĩ nhiên, sự hoàn thành sau cùng của lời hứa đó là trên Chúa Giê-xu (Lu 1:26-33,67-75 Cong 2:29-30 Ro 1:3).

Khi Sa-lô-môn cầu nguyện, ông bị bối rối bởi sự tương phản giữa sự vĩ đại của Đức Chúa Trời và sự tầm thường của công việc ông đã làm trong việc xây dựng đền thờ. Làm sao Thượng Đế, Chúa của trời đất, có thể ngự giữa đền thờ do tay người làm ra? Sa-lô-môn đã bày tỏ điều tương tự cho vua Hi-ram trước khi ông bắt đầu xây dựng (ISu 2:6) và tiên tri Ê-sai đã lặp lại lời này (Es 66:1). Ê-tiên có nhắc đến những lời này của Sa-lô-môn khi ông tự bảo vệ mình trước tòa công luận Do Thái (Cong 7:47-50), và Phao-lô nhấn mạnh chân lý này trong bài giảng cho dân ngoại (17:24). Sa-lô-môn nhận ra rằng việc Đức Chúa Trời sẵn lòng ngự giữa dân sự Ngài hoàn toàn là việc làm ân điển.

Ý chính trong lời cầu nguyện của Sa-lô-môn là mắt Đức Chúa Trời sẽ đoái xem đền thờ, tai Ngài sẽ lắng nghe lời cầu nguyện của dân sự và đáp lời họ khi họ cầu nguyện hướng về đền thờ. Ông xin Đức Chúa Trời hãy tha thứ tội lỗi của dân sự khi họ cầu nguyện (c.30,34,36,39,50) và “binh vực quyền lợi của dân sự Ngài là Y-sơ-ra-ên” (c.59). Sa-lô-môn biết điều kiện trong giao ước chép trong Phục truyền 28-29, và những tai họa mà ông nhắc đến trong lời cầu nguyện của mình chính là những sự kỷ luật Ngài hứa dành cho Y-sơ-ra-ên nếu họ bất tuân luật pháp của Ngài. Nhưng Sa-lô-môn cũng biết Phục truyền. 30 lời hứa về sự tha thứ và phục hồi nếu dân sự của Đức Chúa Trời ăn năn, quay trở lại với Ngài. Giô-na hướng về đền thờ cầu nguyện và Đức Chúa Trời tha tội cho ông (Gion 2:4). Đa-ni-ên cầu nguyện cho dân sự khi ông hướng về Giê-ru-sa-lem (Dan 6:10). “Nhà ta sẽ gọi là nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc” (Es 56:7 Mat 21:13 Mac 11:17 Lu 19:46). Sa-lô-môn trình lên Đức Chúa Trời bảy lời thỉnh cầu rõ ràng.

(1) *Sự công bình trong vương quốc* (IVua 8:31-32 IISu 6:22-23). Sa-lô-môn đã bắt đầu công tác trị vì bằng việc phân xử hai người đàn bà (IVua 3:16-28), nhưng ông không thể giải quyết mọi mâu thuẫn cá nhân trong vương quốc khi vẫn phải thi hành mọi nghĩa vụ của nhà vua. Các quan trưởng được chỉ định để phân xử những vụ việc nhỏ trong dân chúng (Xu 18:13-27 21:5-6 22:7-12 Phu 17:2-13 25:1), và các thầy tế lễ cũng luôn có mặt để áp dụng luật pháp và đưa ra quyết định (ISu 23:4 26:29). Nếu một người bị buộc tội đã phạm tội với người lân cận của mình, bị cáo sẽ phải thề trước bàn thờ của đền thờ và Đức Chúa Trời sẽ tuyên bố người đó có tội hay không. Lời phán quyết này được tuyên bố ra sao không được giải thích, nhưng có lẽ các thầy tế lễ dùng U-rim và Thu-mim (Xu 28:30 Le 8:8). Sự công bình trong vương quốc cần thiết để người dân hưởng “cuộc sống, tự do, và mưu cầu hạnh phúc”. Thật bi thảm vì những năm sau đó, chính những vị vua vô thần của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa là những người cho phép sự bất công bước vào vương quốc.

Trách nhiệm của quan tòa là “kết tội kẻ ác ... và chứng minh cho sự ngay thẳng”, nhưng khi cứu vớt linh hồn tội nhân, Đức Chúa Trời biện hộ cho những người không theo tôn giáo nào (Ro 4:5) thông qua sinh tế là Chúa Giê-xu trên thập tự giá (5:6). Đức Chúa Trời đã định tội tất cả mọi người (3:23) vì thế Ngài sẽ bày tỏ ân điển cho toàn thể nhân loại và cứu vớt những ai đặt niềm tin nơi Con Ngài.

(2) *Thất bại quân sự* (IVua 8:33-34 IISu 6:24-25). Sự thất bại này xảy ra bởi vì dân sự đã phạm tội theo cách nào đó (Gios 7:1-26) và Đức Chúa Trời không đẹp lòng với họ. Nếu Y-sơ-ra-ên tuân theo những điều kiện trong giao ước, trong xứ sẽ có hòa bình và Đức Chúa Trời sẽ cho Y-sơ-ra-ên đánh bại mọi kẻ thù nào tấn công họ. Nhưng nếu Y-sơ-ra-ên phạm tội, Đức Chúa Trời sẽ cho phép kẻ thù chiến thắng họ (Le 26:6-8,14-17,25,33,36-39 Phu 28:1,7,15,25-26,49-52). Nếu sự thất bại này làm cho họ ăn năn, Đức Chúa Trời sẽ tha thứ cho họ, Ngài sẽ giải thoát và đem những tù binh trở về nhà.

(3) *Hạn hán trong xứ* (IVua 8:35-36 IISu 6:26-27). Y-sơ-ra-ên có tên trong xứ bởi vì giao ước của Đức Chúa Trời với Áp-ra-ham, nhưng họ chỉ có thể sở hữu nó và tận hưởng phước lành trong xứ chỉ khi nào họ tuân theo luật lệ của Đức Chúa Trời. Một trong những kỷ luật nghiêm khắc nhất liệt kê trong giao ước là hạn hán trong xứ (Le 26:19 Phu 28:22-24,48). Đức Chúa Trời hứa với dân sự Ngài sẽ cho mưa xuống vào mùa của nó (11:10-14) chỉ khi nào họ tôn vinh Ngài. Vì người Y-sơ-ra-ên là những người chăn nuôi và làm nông nghiệp, mưa thật sự rất cần thiết cho sự sống còn của họ. Bất cứ khi nào dân sự tuân theo Đức Chúa Trời, họ sẽ hưởng được những vụ mùa bội thu và súc vật bầy đàn của họ sẽ khỏe mạnh và tăng lên nhanh chóng. Mục đích của hạn hán là đem dân sự đến chỗ ăn năn, và Đức Chúa Trời hứa sẽ tha tội cho họ và đem mưa đến trong đất. (IVua 18:1-41).

(4) *Những thiên tai khác* (IVua 8:37-40 IISu 6:28-31).⁴ Đức Chúa Trời cảnh báo trong giao ước rằng sự bất tuân của Y-sơ-ra-ên sẽ đem lại sự trừng phạt nghiêm khắc cho họ. Ngài sẽ đem đến nạn đói (Le 26:26,29 Phu 28:17,48), bệnh tàn rụi của cây cối (Le 26:20 Phu 28:18,22,30,39-40), sự xâm hại của sâu bệnh (28:38,42), và nhiều dịch bệnh khác (Le 26:16,25 Phu 28:21-22,27,35,59-61). Tuy nhiên, nếu dân Chúa vâng theo lời Ngài, Ngài sẽ bảo vệ họ và xứ của họ khỏi những thiên tai này. Nhưng một

lần nữa, Sa-lô-môn cầu xin Đức Chúa Trời tha thứ cho dân sự Ngài khi họ xưng nhận tội lỗi, và phục hồi xứ của họ (IISu 7:13-14).

Trong lời cầu nguyện của mình, Sa-lô-môn thường nhắc đến đất đai (c.34,36-37,40-41,46-48) vì đây là một phần trong của thừa kế Y-sơ-ra-ên nhận được từ Đức Chúa Trời. Khi dân sự bắt đầu phạm tội, Đức Chúa Trời trừng phạt họ trong xứ (xem sách Các quan xét), và khi họ cứ tiếp tục trong tội lỗi, Ngài cho phép những nước thù địch đem họ ra khỏi xứ. Vào năm 722 B.C, người A-sy-ri xâm chiếm Y-sơ-ra-ên và đồng hoá họ, và vào năm 606-586 người Ba-by-lôn đánh bại người Giu-đa, đốt Giê-ru-sa-lem và đền thờ, và bắt nhiều người Y-sơ-ra-ên đến Ba-by-lôn làm phu tù. Khi Đức Chúa Trời trừng phạt dân sự Ngài bên ngoài xứ, Ngài cuối cùng chữa họ khỏi bệnh thờ thần tượng.

(5) *Những dân ngoại đến cầu nguyện* (IVua 8:41-34 IISu 6:32-33). Họ không phải là những “khách ngoại bang” cư ngụ trong Y-sơ-ra-ên và có những nghĩa vụ và trách nhiệm đối với luật pháp (Le 16:29 17:10,12 18:26 19:34 20:2 25:6,45) Từ “người nước ngoài” là những người đến Y-sơ-ra-ên bởi vì họ đã nghe về sự vĩ đại của Đức Chúa Trời và đền thờ của Ngài. (Những công nhân không phải là người Do Thái đã giúp trong việc xây dựng đền thờ). Người Do Thái có trách nhiệm là “ánh sáng” cho những quốc gia thờ thần tượng và hướng dẫn họ đến sự vinh hiển của Đức Chúa Trời hằng sống và có thật. Sa-lô-môn có ý tưởng này trong trí khi ông cầu xin Đức Chúa Trời lắng nghe và đáp lời cầu nguyện của những người ngoài giao ước, để “muôn dân của thế gian nhận biết dân Chúa và kính sợ Chúa” (c.43,60). Nếu những người này bắt đầu cầu nguyện Đức Giê-hô-va, có lẽ họ sẽ đi đến tin cậy và tôn vinh Ngài.

Ngay chính từ khi quốc gia bắt đầu, khi Đức Chúa Trời gọi Áp-ra-ham và Sa-ra-rê rời khỏi U-rơ đi đến Ca-na-an, Đức Chúa Trời tuyên bố rằng Ngài muốn Y-sơ-ra-ên trở thành nguồn phước cho thế gian (Sa 12:1-3). Sự phán xét của Đức Chúa Trời chống lại Pha-ra-ôn và Ai Cập cùng với việc Ngài đi xuyên qua Biển Đỏ trong Xuất Ê-díp-tô ký (Gios 2:8-13) là bằng chứng cho những quốc gia xung quanh (Xu 9:16). Khi Đức Chúa Trời làm cho sông Giô-đanh bày đất khô ra để dân Y-sơ-ra-ên có thể đi vào đất hứa, Ngài bày tỏ quyền năng và vinh hiển của Ngài cho những quốc gia khác (Gios 4:23-24). Phước lành của Ngài trên Y-sơ-ra-ên trong đất Ca-na-an là bằng chứng cho những đất nước thờ đa thần (Phu 28:7-14), và chiến thắng của Đa-vít với Gô-li-át cũng vậy (ISa 17:46). Đức Chúa Trời chúc phước cho chúng ta để chúng ta trở thành một nguồn phước, không phải để chúng ta khoe khoang về những phước lành. Người Do Thái cầu nguyện “Nguyện Đức Chúa Trời thương xót chúng tôi, và ban phước cho chúng tôi, soi sáng mặt Ngài trên chúng tôi. Để đường lối Chúa được biết trên đất, và sự cứu rỗi của Chúa được biết giữa các nước” (Thi 67:1-2). Hội Thánh ngày nay cần có những lời cầu nguyện như vậy và giữ mục tiêu đó trong trí.

(6) *Quân đội trong chiến trận* (IVua 8:44-45 IISu 6:34-35). Khi Đức Chúa Trời đưa dân Ngài vào chiến trận, đó là “một cuộc thánh chiến” chỉ có thể thắng bằng sức mạnh và sự khôn ngoan của Ngài. Các thầy tế lễ thổi những cây kèn bạc để kêu gọi vào chiến trận (13:12-16 Dan 10:1-10). Họ giúp quân đội tìm biết ý muốn Đức Chúa Trời (ISa 23:1-2), và họ khuyến khích các chiến sĩ chiến đấu vì sự vinh hiển của Đức

Chúa Trời và chỉ tin cậy vào một mình Ngài mà thôi (Phu 20:1-4). Ngay cả giữa lúc chiến trận, các chiến sĩ cũng có thể hướng về đền thờ và cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ. Khi mô tả những vũ khí của người chiến sĩ Cơ Đốc, Phao-lô đã nói đến lời cầu nguyện như là một trong những thứ cần thiết để chiến thắng (Eph 6:18-19). Nhà văn Pháp Voltaire viết “Người ta nói rằng Đức Chúa Trời luôn đứng về phía những quân đoàn mạnh nhất”, nhưng sự thật là Đức Chúa Trời lại đứng về phía những ai cầu nguyện theo ý Ngài.

(7) **Bại trận và bị bắt làm phu tù** (IVua 8:46-53 IISu 6:36-39). Đại từ “họ” trong câu 46 chỉ về người dân Y-sơ-ra-ên, và lịch sử Y-sơ-ra-ên cho thấy rằng đất nước này dễ phạm tội. Tất cả chúng ta đều là tội nhân (Ch 20:9 Ro 3:23), nhưng những phước lành đặc biệt Đức Chúa Trời dành cho Y-sơ-ra-ên và giao ước của Ngài với họ làm cho sự bất tuân của họ càng thêm nghiêm trọng. Bằng việc bất tuân luật pháp của Đức Chúa Trời và bắt chước tội lỗi của những nước thờ thần tượng xung quanh, người Do Thái đang phạm tội chống lại ánh sáng từ thiên thượng. Trong giao ước, Đức Chúa Trời cảnh báo rằng sự chống lại Chúa lập đi lập lại sẽ dẫn đến sự tù đầy (Le 26:27-45 Phu 28:49-68). Những kỷ luật khác lấy những phước lành của xứ khỏi người Do Thái, nhưng chính sự tù đầy đem họ ra khỏi xứ. Người Do Thái đã kinh nghiệm sự bại trận và sự tù đầy. A-sy-ri tấn công vương quốc Y-sơ-ra-ên ở phía bắc vào năm 722. Ba-by-lôn tấn công vương quốc Giu-đa ở phía nam vào năm 606-586 và người Do Thái bị lưu đày đến Ba-by-lôn. Sự kiện khủng khiếp này đã được Ê-sai (Es 6:11-12 11:11-12 39:6) và Mi-chê (Mi 4:10) nói tiên tri. Giê-rê-mi bày tỏ rằng sự lưu đày đến Ba-by-lôn sẽ kéo dài 70 năm (Gie 25:1-14 29:11-14). Khi tiên tri Đa-ni-ên hiểu được những gì Giê-rê-mi viết, ông bắt đầu cầu nguyện xin Đức Chúa Trời giữ lời hứa của Ngài (Phu 30:1-10) và giải phóng đất nước (Da 9:1). Rất có thể nhiều người Do Thái khác (“những người còn sót lại”) cũng can thiệp vào, và Đức Chúa Trời đã cảm động lòng Si-ru, vua Phe-rơ-sơ, để cho phép người Do Thái trở về xứ của họ và xây lại đền thờ (Exo 1:1-11 IISu 36:22-23).

Sa-lô-môn trình lên Đức Chúa Trời nhiều lý do tại sao Đức Chúa Trời nên tha thứ cho dân Ngài khi họ ăn năn tội và quay trở về với Ngài. Trên hết, họ là dân sự của Ngài, những người mà Ngài đã chuộc và giải thoát khỏi cảnh làm nô lệ tại Ai-Cập (c.51). Y-sơ-ra-ên là dân đặc biệt của Ngài, được tách biệt khỏi những dân tộc xung quanh để tôn vinh Đức Chúa Trời và hoàn thành công tác của Ngài trên đất. Một lần nữa, Sa-lô-môn lại bày tỏ sự hiểu biết của ông về sách Phục truyền (Phu 4:20 7:6 9:26-29 32:9).

Ông kết thúc lời cầu nguyện của mình bằng việc xin mắt Chúa hãy đoái xem đền thờ và những người thờ phượng ở đó, xin Chúa hãy lắng tai nghe lời cầu xin của những người cầu nguyện tại đền thờ và hướng về đền thờ (IISu 6:40-42). Câu chúc phước của ông trong câu 41 được tìm thấy trong (Thi 132:8-10). Y-sơ-ra-ên không còn là những người hành hương, nhưng họ vẫn cần Đức Chúa Trời dẫn dắt và giúp đỡ. (Cũng xem những lời của Môi-se trong (Dan 10:35-36). Cảm ơn những chiến thắng của Đa-vít trong chiến trận, Đức Chúa Trời đã giữ lời hứa của Ngài và đem Y-sơ-ra-ên vào sự yên nghỉ; nhưng như Andrew Bonar nói “Chúng ta hãy cảnh giác sau chiến thắng như trước khi chiến trận”. Sa-lô-môn kết thúc lời cầu nguyện của mình bằng việc cầu xin Đức Chúa Trời đừng loại bỏ ông, vị vua được

xức dầu, con trai và người thừa kế của Đa-vít. “*Khá nhớ lại sự nhân từ của Chúa đối với Đa-vít*” (IISu 6:42), điều này nói đến lời hứa của Đức Chúa Trời với Đa-vít trong giao ước (IISa 7:1-29 Thi 89:19-29).

“*Sự nhân từ chắc thật đã hứa cùng Đa-vít*” này (Es 55:3) bao gồm sự giáng thế của Chúa Giê-xu Christ, hậu tự Đa-vít, là Chúa Cứu Thế của thế gian (Cong 13:32-40).

4. Nhà ngợi khen (IVua 8:54-61) (IISu 7:1-3)

Nhà vua đã quỳ trên cái bực đặc biệt gần bàn thờ, tay giơ lên trời, nhưng bây giờ ông đứng lên chúc phước cho dân sự. Thông thường thì các thầy tế lễ là người chúc phước (Dan 6:22-27), nhưng trong dịp đặc biệt như thế này, nhà vua có thể chúc phước như Đa-vít đã làm (IISa 6:18,20). Sa-lô-môn chúc phước cho cả hội chúng và dâng lời cảm tạ Đức Chúa Trời vì ân điển lớn lao của Ngài.

Khi Sa-lô-môn ôn lại lịch sử của nước Do Thái, ông kết luận rằng Đức Chúa Trời không bao giờ thất hứa, dầu một lần cũng không. Dân sự của Đức Chúa Trời thường quên Ngài, nhưng Ngài không bao giờ quên họ. Ngài hứa với Môi-se rằng Ngài sẽ cho dân sự an nghỉ, và Ngài đã làm điều đó (Xu 33:14). Bằng quyền năng của mình, Đức Chúa Trời đã giúp đỡ Giô-suê chiến thắng các đất nước ở Ca-na-an và tuyên bố xứ thuộc về sản nghiệp của Y-sơ-ra-ên. Môi-se truyền cho dân sự khi họ đã vào đất hứa, Đức Chúa Trời sẽ cho họ một đền thánh, nơi họ có thể dâng của tế lễ và thờ phượng Đức Chúa Trời (Phu 12:1-14) và bây giờ đền thờ đó đã được xây dựng. Trong bài giảng chia tay với các quan trưởng, Giô-suê cũng nhấn mạnh sự thật tương tự (Gios 23:14-15 21:45). Nhưng Giô-suê đồng thời nhắc nhở họ rằng những lời cảnh cáo sẽ được làm thành cũng như những lời hứa, và ông cảnh báo họ phải vâng lời Đức Chúa Trời trong mọi việc.

Sa-lô-môn đặc biệt nhấn mạnh đến một lời hứa mà Đức Chúa Trời đã hứa cùng tổ phụ ông và được lặp lại nhiều lần trong lịch sử Do Thái rằng Đức Chúa Trời sẽ không rời bỏ dân sự Ngài. Đức Chúa Trời đã ở cùng Áp-ra-ham trong suốt cuộc đời ông, và Ngài hứa sẽ ở với Y-sác (Sa 26:3,24) và Gia-cốp (28:15 31:3 46:1-4). Ngài nhắc lại lời hứa đó cho Môi-se (Xu 3:12 33:14) và Môi-se lặp lại cho Giô-suê (Phu 31:6-8,17). Chính Đức Chúa Trời cũng hứa điều đó với Giô-suê (Gios 1:5,9 3:7 6:27). Ngài cũng hứa với Ghê-đê-ôn (Cac 6:15-16), và tiên tri Sa-mu-ên lặp lại lời hứa của Đức Chúa Trời cho cả vương quốc (ISa 12:22). Đa-vít khích lệ Sa-lô-môn bằng lời hứa này khi ông xức dầu cho Sa-lô-môn xây đền thờ (ISu 28:20).

Sau thời Sa-lô-môn, tiên tri Ê-sai nhắc lại lời hứa này và yên ủi những người Do Thái bị bắt làm phu tù qua Ba-by-lôn (Es 41:10,17 42:16 44:21 49:14-16). Đức Chúa Trời dùng điều này để khích lệ Giê-rê-mi (Gie 1:8,19 20:11), và Chúa Giê-xu phán điều này cho các môn đồ của Ngài trước khi Ngài về trời (Mat 28:19-2) Hội Thánh ngày nay có thể đòi hỏi lời hứa này như những người tin Chúa ngày xưa (He 13:5). (Thi 27:9 37:25,28 38:21).

Sa-lô-môn cũng cầu xin Đức Chúa Trời giúp đỡ ông và dân sự ông có lòng hướng về Đức Chúa Trời và sẵn sàng tuân lệnh Ngài (c.58). Ông biết sách Phục truyền và chắc chắn ông thuộc (Phu 5:29) “Ồ! Chớ chi dân này thường có một lòng kính sợ ta, hằng giữ theo các điều răn ta như thế, để chúng nó và con cháu chúng

nó được phước đời đời!”. Sa-lô-môn răn bảo dân sự khá có lòng thành thật và toàn tâm toàn ý đi theo Đức Chúa Trời (c.61).

Cuối cùng, Sa-lô-môn cầu xin Đức Chúa Trời hãy nhớ đến những lời cầu nguyện mà ông đã nói bằng môi miệng và xuất phát từ tấm lòng (c.59-60). Những lời chúng ta nói chỉ là hơi thở và âm thanh, chúng biến mất ngay lập tức. Điều này khích lệ chúng ta khi biết rằng không có lời cầu nguyện nào trình dâng lên Đức Chúa Trời bị bỏ quên, nhưng Đức Chúa Trời nhớ những lời cầu nguyện của chúng ta, Ngài sẽ trả lời chúng vào đúng thời điểm và theo cách của Ngài. (Kh 5:8 8:3). Những lời cầu nguyện của Sa-lô-môn không phải là ích kỷ. Ông muốn người Y-sơ-ra-ên phải trung thành với Đức Chúa Trời để mọi nước trên thế gian sẽ đến tìm biết và tin tưởng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên. Thật khích lệ biết bao khi biết lời cầu nguyện của một con người có thể ảnh hưởng và đụng chạm đến toàn thế gian! Đức Chúa Trời vẫn muốn nhà của Ngài được gọi là “nhà cầu nguyện cho mọi dân tộc”.

Đức Chúa Trời đáp lời cầu xin của Sa-lô-môn bằng cách giáng lửa từ trời xuống thiêu hủy của lễ trên bàn thờ, và một lần nữa vinh quang của Đức Chúa Trời bao trùm cả đền thờ (IISu 7:1-3). Đức Chúa Trời giáng lửa từ trời xuống khi thầy tế lễ A-rôn chúc phước cho dân sự (Le 9:23-24), điều này cũng xảy ra khi tiên tri Ê-li kêu cầu Đức Chúa Trời (IVua 18:38). Bây giờ Ngài giáng lửa khi vua Sa-lô-môn dâng lời cầu nguyện và của lễ lên cho Đức Chúa Trời. Dân sự đáp lại bằng cách quỳ xuống đất và ngợi khen Đức Chúa Trời. Hãy tưởng tượng âm thanh của hàng ngàn người la to “Chúa là nhân từ, vì sự thương xót của Ngài còn đến đời đời” (IISu 7:3 NASB). Đức Chúa Trời đã chấp nhận lời cầu nguyện của nhà vua và sự thờ phượng của dân sự.

5. Ngôi nhà đoàn kết (IVua 8:62-66) (IISu 7:4-10)

Hội chúng nhóm họp cho lễ cung hiến đền thờ đến từ biên giới phía nam của vương quốc (“khe Ê-díp-tô”: sông Ê-díp-tô chỉ có nước vào mùa mưa) cho đến biên giới phía bắc (“cống Ha-mát”) và tạo thành một “hội chúng rất lớn” (c.65 IVua 4:21). Nhiều người trong số họ dâng của lễ thiêu cho Đức Chúa Trời và chính mình Sa-lô-môn dâng 22.000 con bò đực và 120.000 con chiên và dê. Bàn thờ mới quá nhỏ để dâng lên nhiều của lễ như vậy, vì thế để giải quyết vấn đề, nhà vua đã thánh hoá cái sân trong đền thờ và dùng nó làm nơi dâng của tế lễ.

Thông thường dân sự ăn tiệc và vui vẻ trong tuần lễ chuẩn bị cho lễ Lều Tạm. Bữa tiệc kỷ niệm sự chăm sóc của Đức Chúa Trời đối với dân sự Ngài trong những năm ở trong đồng vắng, và người Y-sơ-ra-ên có thể nhìn lại những gì đã qua và dâng lời cảm ơn Chúa. Nhưng bây giờ họ có thể nhìn xung quanh và cảm tạ Đức Chúa Trời về đền thờ mới, lời hứa của Đức Chúa Trời, và sự hiện diện của vinh quang Đức Chúa Trời. Giống như những của lễ khác, của lễ thù ân (Le 3:1-17 7:11-34) được dâng lên cho Đức Chúa Trời, nhưng một phần thịt đưa cho các thầy tế lễ và người dâng của lễ giữ lại một phần. Anh ta và nhà anh ta có thể ăn tiệc và thậm chí có thể mời các bạn của mình cùng ăn. Người Do Thái nuôi súc vật lấy sữa, lông và con thú nhỏ nhưng họ không ăn thịt, vì thế bữa tiệc của lễ thù ân sau khi tế lễ thật sự là một điều thú vị. Lễ cung hiến đền thờ kéo dài một tuần, bữa tiệc ở tuần

sau đó và sự kiện này kết thúc bằng một ngày giữ lễ trọng thể (II Su 7:8-9). Các của lễ có lẽ được dâng ngày này qua ngày khác, vì thịt của của lễ thù ân chỉ có thể ăn trong hai ngày và những phần thịt còn lại phải bị thiêu qua ngày thứ ba (Le 19:5-8).

Trong khi một số Hội Thánh quá thích thú trong việc ăn uống-“Phòng cao đã trở thành phòng ăn”- thì không có gì là sai trong việc con dân của Chúa dùng bữa chung với nhau. Chúa Giê-xu thường dùng bữa khi giảng dạy, và Hội Thánh đầu tiên thỉnh thoảng tổ chức những “bữa ăn thân ái” (*agape*), những bữa ăn chỉ có thể là ngon lành đối với những người nghèo, đặc biệt là những người nô lệ (ICo 11:20-22,33-34 Giu 1:12). Những môn đồ ở thành Giê-ru-sa-lem thường ăn chung với nhau Cong 2:42-47 4:35 6:1), và lòng mến khách là một đức tính tốt đẹp thường được khuyến khích trong các thư tín (Ro 12:13 16:23 ITi 3:2 5:10 Tit 1:8 IPhi 4:9 IIIGi 1:8). *“Vậy, anh em hoặc ăn hoặc uống hay là làm sự chi khác hãy vì sự vinh hiển Đức Chúa Trời mà làm”* (ICo 10:3).

Tuy nhiên, của lễ thù ân tượng trưng cho Chúa Giê-xu là sự hòa hiệp của chúng ta (Eph 2:14) với Ngài là Đấng đã ban cho chúng ta món quà của sự hòa bình (Gi 14:27). Bởi sự hy sinh của Ngài trên thập tự giá, chúng ta được “hòa thuận với Đức Chúa Trời” (Ro 5:1), và khi chúng ta đầu phục Ngài, chúng ta có “sự bình an của Đức Chúa Trời” ở trong lòng (Phi 4:6-9). Con cái của Đức Chúa Trời được “nuôi dưỡng” trong Chúa Giê-xu khi chúng ta đọc lời Chúa, lấy đó là một phần trong cuộc sống chúng ta và khi chúng ta vâng lời Chúa. Chúa Giê-xu là trung tâm của tình bằng hữu giữa chúng ta, giống như trong lễ cung hiến đền thờ, của lễ thù ân là trung tâm của tình bằng hữu.

Đức Chúa Trời không ở trong những tòa nhà thờ chúng ta dựng nên, nhưng khi chúng ta nhóm lại trong những tòa nhà được cung hiến cho Ngài, chúng ta nên nhấn mạnh sự thờ phượng, tình bằng hữu, sự vui mừng và sự làm chứng. Những buổi nhóm như vậy sẽ là dịp cho sự vui mừng và sự trang nghiêm. *“Khá hầu việc Đức Giê-hô-va cách kính sợ và mừng rỡ cách run rẩy”* (Thi 2:11). Khi Thánh Linh ngự trị, sự vui mừng và sự tôn kính sẽ tràn ngập buổi nhóm.

6. Nhà trách nhiệm (IVua 8:62-66) (IVua 9:1-9 II Su 7:11-22)

Sự hiện diện của vinh quang Đức Chúa Trời trong đền thờ và việc lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt của lễ đảm bảo cho Sa-lô-môn rằng lời cầu nguyện của ông đã được Đức Chúa Trời nghe và chấp nhận. Nhưng không phải lúc nào trong đền thờ cũng chỉ có vinh quang rực rỡ hay có lửa từ trời thiêu đốt của lễ như vậy; Đức Chúa Trời còn phán lời Ngài với Sa-lô-môn vì “lời Chúa còn lại đời đời” (IPhi 1:25).

Lời hứa (IVua 8:1-3 II Su 7:11-16). Như Ngài đã từng làm tại Ga-ba-ôn (IVua 3:4-5), Đức Chúa Trời hiện ra với Sa-lô-môn và truyền cho ông những lời cần phải nghe. Ngài bảo đảm cho nhà vua rằng Ngài đã nghe lời cầu nguyện của ông và sẽ trả lời nó. Mắt Ngài sẽ luôn đoái xem cái nhà mà Sa-lô-môn đã xây và cung hiến, tai Ngài sẽ luôn lắng nghe lời cầu nguyện của dân sự Ngài. Dân sự và vua của họ đã cung hiến đền thờ cho Đức Chúa Trời, nhưng bây giờ Ngài sẽ thánh hóa nó và biến nó thành của riêng Ngài. Danh Đức Chúa Trời ngự tại đó, mắt Ngài sẽ luôn dõi theo, và tai Ngài sẽ luôn lắng nghe. Đó thật sự là nhà của Đức Chúa Trời.

IISu 7:11-16 có nói đến một số lời cầu xin cụ thể của Sa-lô-môn, và Đức Chúa Trời hứa trả lời từng lời cầu xin. Khi dân Ngài phạm tội, Ngài sẵn sàng tha thứ cho họ nếu họ hạ mình xuống, cầu nguyện, tìm kiếm mặt Ngài và xây bỏ khỏi tội lỗi. Ngoài Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời chưa hề lập giao ước với một quốc gia nào khác, nhưng vì Cơ Đốc Nhân ngày nay là con cái Ngài và được gọi bằng tên của Ngài, họ có thể được hưởng lời hứa này.

Sự vâng lời (IVua 8:4-5 IISu 7:17-18). Nhưng Đức Chúa Trời đề cập vấn đề này một cách cụ thể và riêng tư với Sa-lô-môn, có liên quan đến giao ước Ngài đã lập với cha ông là Đa-vít (IISa 7:1-29). Đức Chúa Trời tái khẳng định những điều kiện trong giao ước và xác quyết với Sa-lô-môn rằng nhà Đa-vít sẽ luôn có một vị vua ngồi trên ngai cho đến khi nào hậu tự ông vẫn còn tuân theo luật pháp và bước đi trong sự kính sợ Chúa. Sa-lô-môn không thể đòi hỏi ơn phước từ Đức Chúa Trời chỉ bởi vì Đa-vít là cha ông và ông đã vâng lời Đa-vít mà xây đền thờ. Sa-lô-môn phải là một người giống như cha ông, một người theo lòng Đức Chúa Trời (13:14), một người thanh liêm (Thi 78:72). Đáng lưu ý là Đức Chúa Trời không hề nhắc đến tội tà dâm, sự lừa dối và âm mưu giết U-ri của Đa-vít. Đây là những tội lỗi nghiêm trọng mà Đa-vít đã phải trả giá rất đắt, nhưng ông đã xưng nhận nó và Đức Chúa Trời đã tha thứ cho ông.

Lời cảnh báo (IVua 8:6-9 IISu 7:19-22). Đức Chúa Trời đã ban cho người Do Thái lời của Ngài, và Ngài muốn họ làm theo. Nhà vua phải là người thực hành vâng lời Chúa và làm gương cho những người khác. Thật đáng buồn là sau khi Sa-lô-môn qua đời, đất nước bị chia đôi và cả hai vương quốc dần dần suy tàn cho đến khi chúng bị hủy diệt. Những lời này của Đức Chúa Trời chỉ là những điều nhắc lại các điều kiện trong giao ước được chép trong (Le 26:1-46 Phu 28:1-30:20), giao ước này người Do Thái biết rất rõ. Vương quốc Giu-đa trở lại thờ thần tượng, không vâng lời Đức Chúa Trời, và khiến Ngài phải trừng phạt họ. Quân đội Ba-by-lôn hủy phá toàn xứ, tiêu hủy thành Giê-ru-sa-lem, cướp phá và đốt cháy đền thờ Sa-lô-môn đã xây dựng. Thay vì là nguồn phước cho các nước trên thế gian, thành phố và đền thờ đổ nát gây sốc cho những người đến thăm và trở thành đề tài cho họ nhạo báng.

Trước khi chúng ta xét đoán dòng dõi nhà Đa-vít, chúng ta hãy suy nghĩ xem có bao nhiêu Hội Thánh, trường học, tổ chức giáo phái và những đoàn Cơ Đốc đã bỏ qua niềm tin thật sự và thôi không đem lại vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Chúng ta phải thành thật ghi trên những tòa nhà đẹp đẽ nơi trước kia Chúa từng được tôn vinh và từ nơi đó phúc âm của Chúa Giê-xu được rao ra cho thế gian hư mất rằng “Ichabod- sự vinh hiển đã ra khỏi”.

Từ khi Sa-lô-môn băng hà vào năm 931 cho đến vương triều của Sê-đê-kia (597-586), triều đại nhà Đa-vít sẽ tiếp tục vì Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục giữ lời hứa của Ngài với Đa-vít. Nhưng chỉ có một người Do Thái duy nhất ngày nay còn sống xứng đáng ngồi trên ngai Đa-vít và có thể chứng minh qua phả hệ đó là Giê-xu người Na-xa-rét, con trai của Đức Chúa Trời. Một ngày kia Ngài sẽ trị vì trên ngai Đa-vít và **“sự nhận biết vinh quang Đức Giê-hô-va sẽ đầy dẫy khắp đất như nước đầy tràn biển”**. (Ha 2:14).

IVua 8:10-28; xem giải nghĩa IVua 7:1-12

5. VƯƠNG QUỐC, QUYỀN LỰC VÀ SỰ VINH HIỂN (IVua 7:1-

12 9:10-10:29 II Su 8:1-9:29)

Nhiều người nhớ đến vua Sa-lô-môn là người xây đền thờ cho Đức Chúa Trời ở Giê-ru-sa-lem, nhưng trong đời trị vì của mình, ông rất bận rộn với nhiều công việc khác nhau. Những đoạn này phác họa lại một số việc Sa-lô-môn đã làm để đưa đất nước mình đi lên và đồng thời nâng cao đời sống của ông. Nhưng những việc làm này cũng cho thấy tính cách của Sa-lô-môn và phơi bày một số mặt yếu kém mà sau này đưa đến một kết quả cay đắng. Dần dần, Sa-lô-môn trở nên thích thú với giá cả hơn là giá trị, với danh tiếng hơn là nhân cách, với sự hào nhoáng của vương quốc hơn là lợi ích của dân chúng và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời.

1. Sa-lô-môn xây cung điện (IVua 7:1-12)

Công việc xây dựng kiến trúc đền thờ được hoàn tất trong bảy năm¹, nhưng phải mất nhiều năm nữa để Hi-ram và thợ của ông trang trí bên trong và làm các vật dụng của đền. Trong khi họ đang bận rộn với công việc ở đền thờ, Sa-lô-môn thiết kế và xây dựng cung điện cho riêng mình. Đó là sự kết hợp giữa dinh thự riêng, cung điện, xưởng đúc vũ khí và nơi tiếp đón trọng thể. Sa-lô-môn viết “Ta làm những công việc cả thế; ta cất nhà cho mình” (Tr 2:4 NASB).

Khi bạn đọc lời miêu tả kế hoạch xây dựng, bạn có cảm giác rằng nó bao gồm những cấu trúc riêng lẻ, nhưng (IVua 9:10) nói đến “hai cái nhà”, đền thờ và “cung điện”. Cung điện lớn gấp hai lần đền thờ và có thể có hai đến ba tầng. Nó dài 150 phút, rộng 75 phút và cao 45 phút. (Đền thờ dài 90 phút, rộng 30 phút, cao 45 phút). Cả công trình bao gồm hai cổng vòm hay những hàng cột, dinh thự riêng của Sa-lô-môn, một dinh thự cho người vợ Ai-Cập (và có lẽ một phần hậu cung của ông), phòng để ngai (“hiên xét đoán”), và một phòng tiếp tân lớn. Tất cả đều liên kết với nhau nhờ một sân lớn giống như sân trong ở đền thờ.

Không có một miêu tả cụ thể nào để có thể hướng dẫn chúng ta, nhưng dường như khi bạn bước vào tòa nhà, bạn sẽ đi qua một cổng vòm nhỏ hơn được thiết kế như lối vào chính (c.7). Cổng này dẫn vào một cổng vòm lớn hơn hay hàng cột làm bằng gỗ bá hương, có thể là một phòng chờ. Từ đây bạn sẽ bước vào “hành lang cột”, bao gồm 60 cây cột bằng gỗ bá hương (c.2-3), 45 cây cột chống đỡ trần nhà bằng gỗ bá hương tạo thành nền nhà của tầng hai. 15 cây cột được đặt đối diện nhau dựa vào tường, từ phải sang trái lối vào, và 15 cây cột ở phía dưới trung tâm của phòng. Tất cả những cây cột này đều chống đỡ xà gỗ bá hương. 15 cây cột khác được đặt ở những nơi nào cần thiết, đặc biệt là ở lối vào (c.6).

Bởi vì có quá nhiều cột gỗ bá hương từ Li-ban nên kiến trúc này được biết đến như là “cung rừng Li-ban”. Phòng hội nghị rất có thể được dùng cho những dịp hội họp long trọng của triều đình. Sa-lô-môn trưng bày 300 cái khiên lớn và 200 cái khiên nhỏ được làm bằng gỗ dát vàng (10:16-17). Mỗi cái khiên lớn sử dụng 7 pao rưỡi vàng, tổng cộng đã dùng 1.500 pao vàng; mỗi cái khiên nhỏ sử dụng 3 pao rưỡi vàng, tổng cộng 1.025 pao vàng. Tất cả 500 khiên sử dụng 2.525 pao vàng. Vĩ vàng quá mềm để dùng cho sự tự vệ, những cái khiên này không được dùng

trong trận chiến mà chỉ để gây ấn tượng với các vị khách. Chúng chỉ được đem ra khỏi cung điện trong những dịp lễ đặc biệt.

Từ phòng hội nghị bạn bước vào bên trong phòng để ngai, còn gọi là “Hiên xét đoán”. Nơi đây Sa-lô-môn tiếp các cận thần của mình, dàn xếp những mối bất hòa với ông và đưa ra phán xét có liên quan đến những vấn đề của đất nước. Ngai vàng uy nghi của ông được mô tả trong 10:18-20 ở tại đây. Cung Sa-lô-môn ở và cung của hoàng hậu có lẽ ở sau phòng để ngai này (7:7-8). Dĩ nhiên có nhiều cửa vào dẫn đến các phần khác nhau của toà nhà, tất cả những cửa này đều được bảo vệ bởi đội quân đặc biệt của nhà vua. Sa-lô-môn có một lối đi riêng dẫn từ dinh thự của ông đến đền thờ. Sau đền thờ của Đức Chúa Trời, “cung điện” của Sa-lô-môn ắt hẳn là một công trình kiến trúc đường bệ.

IVua 7:13-51 xem giải nghĩa IVua 5:1-6:38

IVua 9:1-9 xem giải nghĩa IVua 8:62-66

2. Sa-lô-môn làm một người bạn thất vọng (IVua 9:10-14) (ISu 8:1-2)

Hi-ram, vua Ty-rơ, từng là bạn tốt của Đa-vít, và Đa-vít đã kể cho ông biết kế hoạch của mình về việc xây dựng đền thờ cho Đức Chúa Trời (IVua 5:1-3), kế hoạch mà Đức Chúa Trời không cho Đa-vít thực hiện. Sau khi Đa-vít qua đời, Sa-lô-môn trở thành bạn của Hi-ram (Ch 27:10) và ông đã giao kèo với Hi-ram về việc giúp đỡ xây dựng đền thờ (IVua 5:1-12). Hi-ram sẽ cung cấp gỗ và công nhân cho Sa-lô-môn đổi lại Sa-lô-môn phải trả lương cho công nhân và chu cấp lương thực cho nhà Hi-ram. Sa-lô-môn cũng bắt người Do Thái đi đẽo đá (5:13-18) và những người ngoại bang trong xứ cũng cùng chung gánh nặng (9:15,20-23 ISu 8:7-10).

Nhưng (IVua 9:11,14) cho chúng ta biết Hi-ram cũng cung cấp cho Sa-lô-môn 120 ta-lâng vàng (khoảng 4 tấn rưỡi). Vua Sa-lô-môn có ít nhất 3.750 tấn vàng dự trữ trước khi ông bắt đầu xây dựng đền thờ (ISu 22:14-16), việc ông lấy vàng của Hi-ram làm chúng ta ngạc nhiên. Vàng, bạc và những vật liệu khác dùng cho đền thờ liệt kê (22:28-29) được dâng cho Đức Chúa Trời vì thế chúng không được dùng để xây một tòa nhà nào khác. Điều này có nghĩa là Sa-lô-môn phải cần vàng cho khu “cung điện” và có lẽ cả cho các cái khiên vì thế ông phải mượn chúng từ Hi-ram đổi lại ông ban cho Hi-ram 20 thành nằm ở cạnh biên giới Phê-ni-xi và Ga-li-lê.³

Ngoài việc Sa-lô-môn không nên quá phung phí trong sự xây dựng “cung điện” ra ông còn không có quyền bỏ đi 20 thành phố chỉ để trả nợ cho mình. Toàn đất đai trong xứ thuộc về Đức Chúa Trời và không thể chuyển giao cho người khác được (Le 25:23). Mục đích của năm hân hỉ (25:8) là làm cho những đất đai đã bán trở về chủ cũ của nó và như thế không có chi phái nào bị tước đoạt khỏi tài sản của họ. Nhưng Sa-lô-môn đang bắt đầu cư xử giống như cha vợ người Ai Cập của mình, người đã tiêu diệt toàn bộ dân số của một thành phố Ca-na-an và trao thành phố đó cho con gái của mình như là món quà cưới (c.16).

Nhưng Hi-ram không thích những thành phố Sa-lô-môn trao cho ông! Sau khi xem qua chúng, ông gọi chúng là “Ca-bun” trong tiếng Hê-bơ-rơ có nghĩa là “không ra gì hết”. Ông không nghĩ rằng vật thể chấp đáng giá với những gì ông đã đầu tư. Tuy nhiên, câu chuyện dường như có một kết thúc có hậu. Sa-lô-môn phải

trả những gì ông đã mượn vì Hi-ram trả lại Sa-lô-môn những thành phố ông đã trao cho mình. Sa-lô-môn xây sửa lại chúng cho người Y-sơ-ra-ên (IISu 8:1-2). Có phải Sa-lô-môn trả nợ bằng 120 ta-lâng vàng mà nữ vương nước Sê-ba dâng cho ông (IVua 10:10)?

Trong sự việc này, Sa-lô-môn phơi bày một số nét cá tính làm chúng ta phải suy nghĩ. Chi phí quá cao của “cung điện” đòi ông hỏi phải vay nợ, và sau đó là việc trao cho bạn mình là vua Hi-ram những vật thể chấp quá tẻ, thậm chí còn không xứng để cho nữa. Theo phương diện con người mà nói thì nếu không có Hi-ram, đền thờ sẽ không được xây dựng, và đây không phải là cách Sa-lô-môn nên đối xử với một người bạn rộng rãi như vậy.

2. Sa-lô-môn làm vững mạnh vương quốc (IVua 9:15-24) (IISu 8:1-11)

Khi Đức Chúa Trời hiện ra với Sa-lô-môn tại Ga-ba-ôn, Ngài hứa ban cho ông sự giàu có và vinh hiển trọn đời ông đến nỗi không có một vị vua nào sánh nổi với ông (IVua 3:13). Ngài đã giữ lời hứa đó, làm cho Sa-lô-môn nổi danh và những thành công của ông làm nhiều người ở các những nước khác ngưỡng mộ. Cha của Sa-lô-môn là Đa-vít đã xâm chiếm đất đai của kẻ thù và mở mang vương quốc nhưng ông không cố gắng tạo dựng một mạng lưới quốc tế để làm cho Y-sơ-ra-ên hùng mạnh giữa các nước. Đa-vít là một vị tướng lãnh tài ba không sợ bất cứ kẻ thù nào, nhưng Sa-lô-môn là một nhà ngoại giao và nhà chính trị khôn ngoan không bỏ qua bất cứ cơ hội nào để gia tăng của cải và quyền lực của mình. Phần này liệt kê cho chúng ta những thành công của Sa-lô-môn cả ở trong và ngoài nước.

Chúng ta thường không nghĩ Sa-lô-môn là một nhà quân sự, nhưng kỳ công này lại được chép trong Kinh Thánh (IISu 8:3). Ha-mát là một thành phố ở phía bắc Đa-mách, nằm ở biên giới xa nhất phía bắc vương quốc Y-sơ-ra-ên (Dan 34:8 Gios 13:5). Người dân ở vùng này có tham dự lễ cung hiến đền thờ (IVua 8:65 IISu 7:8). Thành phố nằm trên tuyến thương mại rất quan trọng vì từ đây Sa-lô-môn có thể thu thuế hải quan và đồng thời phải canh phòng những kẻ xâm lược. Cùng với Ha-mát, Sa-lô-môn củng cố các thành Hát-so, Mê-giê-đô và Ghê-xe và biến chúng thành “những thành dự trữ”. Đó là nơi dành cho quân kỵ, xe ngựa, vũ khí và lương thực dự trữ cho quân đội Do Thái. Sa-lô-môn biết rằng nếu ông không bảo vệ ngoài biên giới, chiến tranh sẽ nổ ra đầu cho đã có những hiệp ước giữa ông với các nước lân bang.

Sa-lô-môn cũng củng cố và mở rộng “Mi-lô”, một nơi cao kế bên tường thành Giê-ru-sa-lem, nó chống đỡ tường thành và bảo vệ nhiều hơn cho thành phố. Từ Mi-lô có nghĩa là “đồn lũy”. Đây là một “nơi bảo vệ vững chắc” được Đa-vít xây dựng (IISa 5:9) và Sa-lô-môn tiếp tục (IVua 9:24 11:27).

Nhà vua và gia đình, những người dân trong thành phố, của cải trong đền thờ và cung điện phải được bảo vệ.

Để hoàn thành công việc xây cất Mi-lô, nhà vua đã bắt những người ngoại bang trong Y-sơ-ra-ên, những con cháu còn sót lại của người Ca-na-an từng cai trị vùng đất làm công nhân phục dịch (c.20 Sa 15:18-21 Gios 3:10). Trong việc xây dựng đền thờ, ông cũng tuyển mộ những người Do Thái tạm thời (IVua 5:13-14 9:15,22-23),

nhưng không một công nhân Do Thái nào bị đối xử như nô lệ. Những người Do Thái được làm người lãnh đạo trong công tác xây dựng đền thờ.

3. Sa-lô-môn thờ phượng Đức Chúa Trời (IVua 9:25) (ISu 8:12-16)

Hàng năm, những người nam Do Thái trưởng thành phải lên Giê-ru-sa-lem để dự lễ Vượt qua, lễ mùa gặt và lễ lều tạm (Xu 23:14-19 Phu 16:1-17). Đối với Cơ Đốc nhân ngày nay, ba lễ này biểu thị cho sự chết của Chúa Giê-xu vì tội lỗi của chúng ta (Gi 1:29 ICo 5:7) sự phục sinh của Chúa Giê-xu và sự giáng lâm của Đức Thánh Linh (15:23 Cong 2:1-47) và sự nhóm họp của con cái Đức Chúa Trời trên thiên đàng (Kh 20:1-6). Đối với người Do Thái, lễ Vượt qua là cơ hội để họ nhìn lại sự kiện được giải phóng khỏi cảnh nô lệ tại Ai Cập, trong khi lễ lều tạm kỷ niệm về sự chăm sóc của Đức Chúa Trời trong những năm họ ở trong đồng vắng. Lễ mùa gặt ca ngợi sự tốt lành của Đức Chúa Trời trong việc đem mùa thu hoạch đến.

Sa-lô-môn ở Giê-ru-sa-lem, nhưng ông đã làm gương bằng việc đi đến đền thờ và dâng của lễ. Các thầy tế lễ dĩ nhiên là người dâng hương và của lễ. Của lễ thiêu tượng trưng cho sự tận hiến hoàn toàn cho Đức Chúa Trời; của lễ thù ân nói lên sự hòa thuận trong mối quan hệ với Đức Chúa Trời và người khác; hương đốt là hình ảnh của lời cầu nguyện dâng lên cho Chúa (Xu 30:1-10 Thi 141:2 Kh 8:3). Trong Kinh Thánh không có trường hợp người dân thường dâng hương lên bàn thờ vàng vì đây là công việc thầy tế lễ làm hai lần trong ngày thay cho cả nước. Tuy vậy, (Thi 72:24), “một thi thiên của Sa-lô-môn”, nói đến lời cầu nguyện liên tục dành cho nhà vua (c.15), và không có lý do nào thấy rằng Sa-lô-môn có thể đã không dâng một số vật liệu cần thiết cho hương thánh (IVua 10:2,10 Xu 30:34-38).

(ISu 8:1-18) cho biết Sa-lô-môn có dâng của tế lễ trong những ngày lễ trên cùng trong ngày Sa-bát và tuần trăng mới. Về mặt này, ông đã tuân theo luật pháp Môi-se và ông cũng làm theo kế hoạch do Đa-vít đặt ra về chức việc của thầy tế lễ và người Lê-vi trong đền thờ (ISu 23:1-26:32). A-sáp đứng đầu những nhạc công (16:4-5). Có 4.000 người ca hát chia làm 24 ban và mỗi người giúp việc trong đền thờ hai tuần mỗi năm. Có một đội hợp xướng đặc biệt gồm 288 người (25:7). Sa-lô-môn cẩn thận trong việc xem xét những bài hát và nhạc cụ của Đa-vít có được sử dụng và kế hoạch của ông về sự sắp xếp thầy tế lễ và người Lê-vi có được tiến hành hay không.

4. Sa-lô-môn mở rộng ảnh hưởng của mình (IVua 9:25) (IVua 8:26-10:13 ISu 8:17-9:12)

Sa-lô-môn là một nhà doanh nghiệp lớn. Ông ký kết hợp đồng thương mại với nhiều nước, xây dựng hải quân, và thuê những thủy thủ lành nghề của Hi-ram quản lý cho ông. Là những người dân trong đất liền, người Do Thái không theo đuổi nghề hàng hải, vì thế Sa-lô-môn dựa vào người Phê-nê-xi, những người ở miền duyên hải để quản lý mọi công việc của ông. Những sản phẩm nhập khẩu từ phương đông làm giàu thêm cho kho bạc của Sa-lô-môn và giúp vương quốc hòa nhập hơn với thế giới bên ngoài. Việc làm này chắc chắn tạo nhiều cơ hội cho người Do Thái làm chứng về Đức Chúa Trời của họ cho dân ngoại, nhưng không có một ghi chép nào về những việc làm như vậy. Sa-lô-môn phải giữ một ngân quỹ lớn và ông cần nhiều tiền như ông có thể kiếm được. Trong một chuyến hải trình,

người ta mang về 420 ta-lâng vàng, khoảng 60 tấn vàng. Các con tàu cũng mang về những vật phẩm xa xỉ như ngà voi, con khỉ và con công. Dường như Sa-lô-môn cũng có một vườn thú (Tr 2:4-9). Nhà văn Anh Oliver Goldsmith đã nói như vậy:

Khi tật bệnh tràn lan,
Nhanh như cắt vồ mồi;
Thân xác người mục nát,
Của cải sẽ về đâu...

Động cơ chuyến thăm viếng của nữ vương nước Sê-ba (IVua 10:1-13) chắc chắn đến từ nỗ lực trong thương mại của Sa-lô-môn cũng như niềm ao ước của bà được gặp Sa-lô-môn, được tận mắt chứng kiến sự vinh quang của vương quốc và thử xem sự khôn ngoan tột bậc của ông. Sê-ba là một nước giàu có và rất văn minh nằm ở phía nam A-rập. Nữ vương của họ đến đem theo nhiều món quà quý giá và cũng có ý nghĩa cho biết đó là những gì họ phải dâng tặng (Es 60:6 Gie 6:20 Exe 38:13). Bà “nói với ông mọi điều có trong lòng mình” và ông giải đáp cho bà mọi điều bà muốn biết. Những điều bà nghe và những gì bà thấy làm bà kinh ngạc. Bà đã nghe mọi người thuật lại nhưng bà chưa thật sự tin cho đến khi bà được tận mắt chứng kiến. Chúng ta được nhắc nhở về kinh nghiệm của Thô-ma (Gi 20:24-29).

Nhưng những gì ghi chép về chuyến thăm viếng của nữ vương nước Sê-ba cho chúng ta có cơ hội để nhìn lại cuộc sống trong cung vua. Nữ vương không những ngạc nhiên về cung điện của Sa-lô-môn nhưng bà còn bị gây ấn tượng bởi những bữa ăn tại đó (IVua 4:7,22-23), chế phục và việc quản lý các tội tó, chỗ ngồi của các quan và khách mời, những của cải lạ thường được trưng bày trên bàn và xung quanh bàn. Bà đi với Sa-lô-môn trên lối đi riêng của ông đến đền thờ, tại đó bà xem ông thờ phượng. (10:5 IISu 9:4). Những lời nói khôn ngoan của Sa-lô-môn và sự giàu có của vương quốc ông là quá lớn so với bà mặc dù chính bà không phải là một người nghèo túng! Bà đem cho Sa-lô-môn những món quà đắt tiền, bao gồm những vật phẩm đa dạng và 120 ta-lâng vàng (bốn tấn rưỡi). Sa-lô-môn đáp lại bằng cách ban cho bà bất cứ những gì bà xin vì lòng mến khách của mình.

Nữ vương không thể nào kiềm chế được mình. Bà công khai nói rằng Sa-lô-môn và những đầy tớ của ông là những người hạnh phúc nhất trên thế gian, mặc dầu sau đó trong Truyền đạo chính Sa-lô-môn đã viết “Đồng hư không, thủy hư không!”. Chúng ta tự hỏi liệu các quần thần và tội tó của Sa-lô-môn có dần dần quen với tất cả sự phù hoa và đời sống vương giả, đặc biệt là sự phô trương của cải lố lẹt. Thậm chí Sa-lô-môn còn viết “*Thà có ít của cải mà kính sợ Đức Giê-hô-va, còn hơn là tài sản nhiều mà bối rối cập theo. Thà một món rau mà thương yêu nhau, còn hơn ăn bò mập béo với sự ganh tỵ cập theo*” (Ch 15:16-17). Những vị khách dùng bữa sẽ thấy thú vị khi nghe những lời khôn ngoan của Sa-lô-môn nhưng các quần thần và tội tó của ông đã nghe chúng trước đó. Một trong những sự nguy hiểm khi sống trong hoàn cảnh như vậy là chúng ta bắt đầu cho mọi thứ mình có là điều dĩ nhiên, và lâu dần không còn biết đến giá trị của chúng nữa. Điều này có thể áp dụng cho cả của cải thuộc linh và của cải vật chất.

Khi nữ hoàng nói “Đáng ngợi khen thay Giê-hô-va Đức Chúa Trời của vua” không phải là bà đang xác nhận đức tin của bà nơi Đức Giê-hô-va. Những người thời đó tin vào “vị thần của vùng đất”. Mỗi quốc gia có một hay nhiều vị thần riêng (IVua 20:28;) và khi bạn mất nước, bạn mất luôn vị thần của mình (ISa 26:19). Một khi nữ vương trở về nhà, bà sẽ tiếp tục thờ lạy vị thần của xứ mình mặc dầu bà đã được nhìn xem sự vinh hiển của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên và nghe biết sự khôn ngoan của Ngài. Chúa Giê-xu không khen ngợi nữ vương Sê-ba vì niềm tin của bà mà vì bà đã cố gắng vượt qua 1.500 dặm để nghe về sự khôn ngoan của Sa-lô-môn, trong khi con trai của Đức Chúa Trời, một người “tôn trọng hơn Sa-lô-môn”, đang ở giữa dân Do Thái (Mat 12:39-42). Thật đáng tiếc khi bỏ lỡ cơ hội!

Thật thú vị khi so sánh chi tiết về cuộc gặp gỡ giữa Sa-lô-môn và nữ vương nước Sê-ba với chi tiết về cuộc xử kiện đầu tiên của Sa-lô-môn với hai người dâm phụ (IVua 3:16). Họ là những người dân thường còn bà là một nữ hoàng, họ có rất ít còn bà rất giàu có. Nhưng cửa của nhà vua vẫn mở cho cả ba người và ông cố gắng giúp đỡ họ. Dĩ nhiên, nữ vương Sê-ba ký kết hiệp ước thương mại với Sa-lô-môn, nhưng không có bằng chứng nào cho thấy bà tin vào Đức Chúa Trời sống và có thật.

Mạng lưới thương mại mà Sa-lô-môn thiết lập chắc chắn giúp ích rất nhiều cho nền kinh tế của đất nước và thu hút nhiều vị khách có ảnh hưởng tới Giê-ru-sa-lem, nhưng liệu điều này có giúp ích cho nhà vua và người dân của ông đến gần với Đức Chúa Trời? Y-sơ-ra-ên không cần phải tách biệt khỏi cộng đồng các nước vì nó là ánh sáng cho dân ngoại, nhưng Y-sơ-ra-ên phải tránh xa khỏi tội lỗi của những nước không tin vào Đức Chúa Trời hằng sống và có thật. Bên cạnh dòng chảy của hàng hóa ngoại nhập là dòng chảy của nhiều ý tưởng ngoại lai, bao gồm quan niệm về tôn giáo và sự thờ phượng; cuối cùng chính Sa-lô-môn, bị ảnh hưởng những người vợ ngoại bang, đã không chống nổi lại thần tượng (11:1).

IVua 10:1-13; xem giải nghĩa IVua 9:25

5. Sa-lô-môn sống trong sự huy hoàng (IVua 10:14-29) (IIIsu 9:13-28)

Khi Đức Chúa Trời hứa ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan, Ngài cũng hứa ban cho ông sự giàu có và vinh hiển (IVua 3:13). Việc sở hữu hay thừa kế của cải không phải là tội lỗi. Áp-ra-ham là người rất giàu có và ông đã để lại toàn bộ tài sản của mình cho con trai ông là Y-sác (Sa 24:34-36). Kiếm tiền một cách chân chính không phải là tội, nhưng yêu mến tiền bạc và sống chỉ để đạt được sự giàu có là tội lỗi (ITi 6:7-10).

Chính Sa-lô-môn đã viết, “Kẻ tham tiền bạc chẳng hề chán lắc tiền bạc; kẻ ham của cải chẳng hề chán về huê lợi. Điều đó cũng là sự hư không” (Tr 5:10). Một người nào đó đã khôn ngoan nói rằng, “Có những thứ tiền có thể mua được thì thật tốt, miễn là bạn không đánh mất những điều tiền không thể mua được.”

Huê lợi hàng năm của Sa-lô-môn là 666 ta-lâng vàng, khoảng 25 tấn. Nó đến từ nhiều nguồn: (1) thuế, (2) lệ phí cầu đường, thuế quan và thuế thân, (3) thương mại, (4) vật cống từ các nước chư hầu, và (5) quà tặng. Việc ông sử dụng nhân công cũng là một hình thức thu lợi. Phải tiêu tốn rất nhiều tiền để thoả mãn cách

sống huy hoàng của ông, và sau khi Sa-lô-môn chết, dân Y-sơ-ra-ên đã phản đối gánh nặng mà họ đang mang và yêu cầu được giảm nhẹ gánh nặng (IVua 12:1-15).

Tại sao Sa-lô-môn lại cần 500 cái khiên được làm bằng 2.525 pao vàng? Tại sao ông lại cần một cái ngai bằng ngà voi phủ vàng? Tại sao ông và những vị khách mời của mình lại chỉ uống từ những cái bình bằng vàng? Ông thu thập hàng ngàn con ngựa và lính kỵ để làm gì? Tại sao ông lại cần 700 bà vợ và 300 cung phi? *Trong việc theo đuổi mỗi một mục đích này, Sa-lô-môn đã bất tuân chính lời của Đức Chúa Trời!* Đức Chúa Trời đã cảnh cáo trong (Phu 17:14-20) rằng vua Y-sơ-ra-ên không nên có nhiều ngựa và không nên đến Ai Cập để mua ngựa, cũng như không nên có nhiều vợ và vàng. Sa-lô-môn không những kiếm được nhiều ngựa nhưng chính ông còn là người buôn ngựa! (17:20) cảnh báo nhà vua rằng phải luôn khiêm nhường trước mặt Đức Chúa Trời “và không tự cho mình là tốt hơn anh em mình”. Không khó để tin rằng lòng Sa-lô-môn đang dương dương tự đắc, và sự tự cao luôn luôn dẫn đến sự bại hoại và sa ngã (Ch 16:18).

Vào thời đó và đặc biệt đối với người Do Thái, Sa-lô-môn trở thành một kiểu mẫu của sự giàu có và vinh hiển, chắc chắn có nhiều người ghen tỵ với ông. Nhưng Chúa Giê-xu nói rằng những hoa huệ do Đức Chúa Trời tạo nên còn được mặc đẹp hơn vua Sa-lô-môn ở trong sự vinh hiển của mình (Mat 6:28-30). Vẻ đẹp thật sự đến từ bên trong, từ “con người bề trong giấu ở trong lòng” (IPhi 3:4). Chúng ta càng thêm nhiều của cải trước sự ngưỡng mộ của mọi người, chúng ta càng có ít tài sản và vẻ đẹp thật sự.

Đa-vít có những tiên tri và thầy tế lễ. Họ là những người cho ông lời khuyên và ngay cả cảnh , quở trách ông, nhưng dường như không ai khuyên răn Sa-lô-môn phải chú ý hơn vào nếp sống của mình thay vì lo việc tích góp của cải. Một câu châm ngôn La mã nói rằng “Sự giàu có giống như là nước muối, bạn càng uống thì bạn càng khát”. Henry David Thoreau nói một người là giàu có tỷ lệ với những gì anh ta có thể bỏ qua; và Chúa Giê-xu đã hỏi “Người nào nếu được cả thiên hạ mà mất linh hồn mình thì có ích gì? Vậy thì người lấy chi mà đổi linh hồn mình lại?” (Mat 16:26).

6. NGƯỜI KHÔN NGOAN DẠI DỘT (IVua 11:1-43 ||Su 9:29:31)

“Kinh Thánh không bao giờ nhắm mắt làm ngơ trước tội lỗi của những người anh hùng được chép trong đó”, nhà diễn thuyết thiên tài người Anh Alexander Maclaren đã viết. “Kinh Thánh không hề che dấu một điểm khiếm khuyết, một nếp nhăn nào các chân dung những nhân vật được nói đến nhưng Kinh Thánh phơi bày tất cả với sự chính xác tuyệt đối.”¹ Sự chân thật đầy cảm hứng này được tìm thấy trong những ghi chép về cuộc đời của vua Sa-lô-môn. Đức Chúa Trời ban cho Sa-lô-môn sự khôn ngoan tuyệt vời, sự giàu có tột bậc, và những cơ hội to lớn, nhưng trong tuổi già của mình, ông lại quay mặt với Đức Chúa Trời, có những quyết định ngu dại, và có kết thúc không tốt đẹp gì. “Sự ngu dại của người nào làm cho hư hỏng đường lối mình” (Ch 19:3). Sa-lô-môn đã viết những lời này và chắc hẳn ông tin vào chúng, nhưng ông lại không để ý đến chúng.

Không khó để chúng ta tìm thấy những bước trong tiến trình đi xuống của Sa-lô-môn.

1. Sa-lô-môn bất tuân lời của Đức Chúa Trời (IVua 11:1-8)

Trở lại Ai Cập có lẽ là bước đi đầu tiên của Sa-lô-môn trong việc quay mặt với Đức Chúa Trời. Ông tìm được một cô dâu từ Ai Cập (c.1 IVua 3:1 9:24) ông mua ngựa và xe ngựa tại đó (4:26-28 10:26-29). Cả hai hành động này phơi bày sự thiếu lòng tin của Sa-lô-môn. Ông cưới công chúa Ai Cập nhằm để xây dựng một hiệp ước hòa bình với cha nàng, và ông muốn nhiều ngựa và xe ngựa vì ông không thật sự tin rằng Đức Giê-hô-va có thể bảo vệ vương quốc. Những gì Đa-vít cha ông đã viết không có trong quan điểm của Sa-lô-môn: “Kẻ này nhờ cậy xe cộ, kẻ khác nhờ cậy ngựa; nhưng chúng tôi nhờ cậy danh Giê-hô-va, là Đức Chúa Trời chúng tôi” (Thi 20:7). Những cuộc hôn nhân cùng với việc thu thập ngựa và xe ngựa của ông là những sự không vâng lời trực tiếp với mạng lệnh rõ ràng của Đức Chúa Trời (Phu 17:16-17 7:1-6 Xu 23:31-34 34:15-16 Gios 23:12-13). Gương xấu của Sa-lô-môn trong việc chọn vợ từ các nước thờ thần tượng đã tạo ra vấn đề cho E-xơ-ra và Nê-hê-mi hơn bốn thế kỷ sau (Exo 9:2 10:2-3 Ne 3:23-27).

Trong những cụm từ về những “Địa danh trong Kinh Thánh”, Ai Cập tượng trưng cho cảnh nô lệ của thế gian². Đồng vắng là biểu tượng của sự thiếu lòng tin của con dân Đức Chúa Trời, giống như dân Y-sơ-ra-ên, họ đi lầm đường và không nắm bắt được gia tài của họ trong Đấng Christ.³ Vùng đất hứa tượng trưng cho sự yên nghỉ mà Đức Chúa Trời dành cho những ai tin vào Đấng Christ, đầu phục Ngài, và tiến về phía trước trong cuộc chiến với lòng tin cậy. Tất cả những người tin Chúa đã được cứu khỏi thế gian đối nghịch với Đức Chúa Trời (Ga 1:4), và tất cả họ được thúc đẩy để nhận lấy gia tài trong Đấng Christ bây giờ và không còn đi vòng vòng không mục đích trong đời sống nữa. Không một Cơ Đốc Nhân nào phải tin vào thế gian vì bất cứ điều gì, bởi vì chúng ta đã nhận lấy mọi phước lành mà chúng ta cần từ Đấng Christ (Eph 1:3 IPhi 1:1-4). Chúng ta đang ở trong thế giới vật chất, không phải trong thế giới tâm linh (Gi 17:14:19), và tất cả những nhu cầu của chúng ta được Cha chúng ta ở trên trời đáp ứng (Mat 6:11 Phi 4:19).

Sự nguy hiểm của việc cưới những người không tin Chúa và thờ thần tượng được giải thích rõ ràng trong câu 2, là một trích dẫn từ (Phu 7:4 “chúng nó hẳn sẽ quyến dụ lòng các ngươi hướng theo các thần chúng nó.” Đó là những điều chính xác xảy ra với Sa-lô-môn (c.3,4,9). Dân Am-môn và Mô-áp là hậu tự của Lót, cháu trai của Áp-ra-ham (Sa 19:30). Dân Am-môn thờ thần Mô-lóc gớm ghiếc và dâng con trẻ của họ trên bàn thờ của thần này (Le 18:21 20:1-5 Gie 7:29-34 Exo 16:20-22). Kê-móc là thần chính của dân Mô-áp, Át-tạt-tê là nữ thần của người Ty-rơ và Si-đôn. Là nữ thần của sự sinh sản, việc thờ phượng bà bao gồm cả “sự mại dâm hợp pháp”, có các đền thờ mại dâm của nam và nữ. Sự thờ phượng này là một sự bần thiêu không thể tả xiết. (Phu 23:1-8 IVua 14:24 15:12 22:46). Người Ba-by-lôn cũng thờ phượng nữ thần này và gọi là Ishtar.

Sa-lô-môn kêu gọi dân sự hãy có “lòng trọn lành đối với Đức Chúa Trời” (IVua 8:61), có nghĩa là hoàn toàn đầu phục một mình Đức Chúa Trời; nhưng chính lòng ông lại không trọn lành với Đức Chúa Trời (c.4). Sa-lô-môn không hoàn toàn từ bỏ Đức Giê-hô-va nhưng biến Ngài trở thành một trong những thần mà ông thờ phượng (9:25). Đây là sự vi phạm trực tiếp hai điều răn đầu tiên trong mười điều răn được Đức Chúa Trời đưa cho Môi-se trên núi Si-na-i (Xu 20:1-6). Giê-hô-va Đức

Chúa Trời là Chúa duy nhất, Đức Chúa Trời sống và có thật, Ngài sẽ không bị đặt ngang vị trí với những thần tượng hư không của những quốc gia khác. “Vì ta là Đức Chúa Trời, chẳng có Chúa nào khác; ta là Đức Chúa Trời, chẳng có ai giống như ta” (Es 46:3).

Sự thỏa hiệp của Sa-lô-môn không phải là việc thành linh, vì ông từ từ đi xuống trong việc thờ thần tượng (Thi 1:1). Ban đầu ông cho phép các bà vợ của mình thờ lạy thần của họ; sau đó ông chịu đựng việc thờ thần tượng của họ và thậm chí xây điện thờ cho họ. Cuối cùng ông bắt đầu tham dự vào những buổi thờ lạy thần tượng với các bà vợ của mình. Tình yêu xác thịt ông dành cho các bà vợ của mình hấp dẫn hơn tình yêu thuộc linh ông dành cho Đức Chúa Trời, Chúa của Y-sơ-ra-ên. Ông là người có lòng bất nhất và bất tuân. Những người hai lòng và không kiên định thì nguy hiểm (Gia 1:8). Làm sao Y-sơ-ra-ên có thể là ánh sáng cho những nước ngoài bang khi vua của họ công khai thờ phượng và ủng hộ những thần tượng của các nước này? Ông thường dâng của tế lễ và đốt hương chỉ cho một mình Giê-hô-va Đức Chúa Trời, nhưng khi về già, ông bắt đầu thờ lạy những thần tượng hư không mà các bà vợ mình thờ phượng (IVua 8:25 11:8).

Khi bạn đọc sách Truyền đạo, bạn khám phá ra rằng khi lòng Sa-lô-môn bắt đầu xây bỏ Đức Chúa Trời, ông trải qua giai đoạn cay đắng và tuyệt vọng. Ông thậm chí tự hỏi rằng cuộc đời ông có đáng để sống. Không có sự bước đi gần gũi với Đức Chúa Trời, tâm hồn ông trống rỗng, vì thế ông tìm kiếm niềm vui, tham gia nhiều vụ mạo hiểm trong thương mại với các nước, và tiến hành nhiều chương trình xây dựng đồ sộ. Tuy nhiên, ông vẫn không tìm thấy sự khoái lạc trong cuộc sống. Trong Truyền đạo có ít nhất 38 lần ông viết “Hư không của sự hư không”.

Tình yêu ông dành cho những giá trị tâm linh bị thay thế bởi một tình yêu của thú vui xác thịt và của cải vật chất, và dần dần lòng ông xây bỏ Đức Chúa Trời. Đầu tiên ông làm bạn với thế gian (Gia 4:4), sau đó bị ô uế bởi thế gian (1:27), rồi ông bước vào sự yêu mến thế gian (IGi 2:15-17) và làm theo thế gian (Ro 12:2). Đáng buồn thay, kết quả của sự sa sút này có thể dẫn đến việc bị kết tội với thế gian và mất tất cả (ICo 11:32). Đó là điều đã xảy ra với Lót (Sa 13:10-13 14:11-12 19:1), và nó có thể xảy ra với những người tin Chúa ngày nay.

2. Sa-lô-môn phớt lờ lời cảnh cáo của Đức Chúa Trời (IVua 11:9-13)

Sự vinh hiển của hoàng gia Sa-lô-môn không làm Đức Chúa Trời ấn tượng, vì Đức Chúa Trời nhìn thấy trong lòng (ISa 16:7) và dò xét tấm lòng (ISu 28:9 Gie 17:10 Kh 2:23). Chính Sa-lô-môn đã viết “Khá cẩn thận giữ tấm lòng của con hơn hết, vì các nguồn sự sống do nơi nó mà ra” (Ch 4:23), nhưng trong tuổi già của mình, tấm lòng của chính ông lại cách xa Đức Chúa Trời. Từ khi William Harvey khám phá ra vòng tuần hoàn của máu vào thế kỷ 17, mọi người biết rằng trung tâm sự sống của cơ thể con người là trái tim. Nhưng những gì đúng với tự nhiên cũng đúng với tinh thần và linh hồn. Chúng ta phải yêu mến Đức Chúa Trời với tất cả tấm lòng của mình (Phu 6:5) và tiếp nhận lời Ngài vào lòng chúng ta (Ch 7:1-3). Đức Chúa Trời muốn việc chúng ta làm theo ý muốn Ngài xuất phát từ tấm lòng (Eph 6:60). Nếu lòng chúng ta có điều sai trái trước mặt Đức Chúa Trời, cả cuộc đời chúng ta sẽ sai trật cho dù chúng ta có thành công đến đâu trước mặt người khác.

Khi Sa-lô-môn sanh ra, ông rất được Đức Chúa Trời yêu mến và được có một cái tên đặc biệt “Giê-đi-đia” có nghĩa là “được Đức Chúa Trời yêu thương” (II Sa 12:24-25). Nhưng bây giờ chúng ta đọc rằng Đức Chúa Trời nổi giận với Sa-lô-môn vì tấm lòng của nhà vua đã xây bỏ Đức Chúa Trời. Sa-lô-môn đang quay lưng lại với những phước lành phong phú mà Đức Chúa Trời ban cho ông và phạm tội chống lại Đức Chúa Trời là nguồn của sự sáng. Đầu tiên, Đức Chúa Trời ban cho Sa-lô-môn một người cha, mặc dù cha Sa-lô-môn không hoàn hảo (vì người nào có thể hoàn hảo được?) nhưng ông đã dâng hiến cho Đức Chúa Trời một tấm lòng chân thật. Đa-vít đã cầu nguyện cho Sa-lô-môn và khích lệ con mình làm theo ý muốn Đức Chúa Trời và xây dựng đền thờ. Đức Chúa Trời đã hiện ra với Sa-lô-môn hai lần (IVua 3:5 9:2) và nhắc ông về những điều kiện trong giao ước Ngài đã lập với cha ông (II Sa 7:1-29). Chắc chắn Sa-lô-môn biết những điều kiện của giao ước trong (Phu 28:1-30:20) vì ông đã nói đến chúng trong lời cầu nguyện của mình khi cung hiến đền thờ.

Chúng ta không biết Đức Chúa Trời đem lời cảnh cáo này tới Sa-lô-môn bằng cách nào; có lẽ thông qua một vị tiên tri. Nhưng Đức Chúa Trời cảnh báo Sa-lô-môn rằng sau khi ông qua đời, vương quốc sẽ bị phân chia và con trai ông sẽ chỉ trị vì chi phái Giu-đa và Bên-gia-min. Mười chi phái còn lại sẽ trở thành vương quốc phía bắc Y-sơ-ra-ên. Từ “xé” trong câu 11 có liên hệ với “lời giảng bằng hành động” của tiên tri A-hi-gia khi ông xé áo toi của Giê-rô-bô-am thành 12 miếng (c.29). Sự phân chia vương quốc này không phải là công việc hoà bình của một nhà ngoại giao nhưng là công việc đau khổ của một Đức Chúa Trời đang nổi giận.

Nếu không phải vì giao ước của Đức Chúa Trời với Đa-vít và tình yêu Ngài dành cho Giê-ru-sa-lem, thành phố nơi đền thờ của Ngài ở tại đó, Đức Chúa Trời hẳn đã lấy toàn bộ vương quốc khỏi con cháu Sa-lô-môn. Đức Chúa Trời hứa rằng vương triều nhà Đa-vít sẽ không kết thúc, và vì thế Ngài giữ một trong những hậu tự của Đa-vít trên ngôi ở Giê-ru-sa-lem cho đến khi thành phố bị Ba-by-lôn tấn công và hủy diệt. Dĩ nhiên, sự hoàn tất sau cùng của lời hứa giao ước là trong Chúa Giê-xu Christ (Lu 1:32-33,69 Cong 2:29-36 Thi 89:34-37). Danh của Đức Chúa Trời ở trên đền thờ (IVua 8:43) vì thế Ngài bảo tồn Giê-ru-sa-lem; vì giao ước của Đức Chúa Trời với Đa-vít Ngài duy trì vương triều nhà Đa-vít. Đó chính là ân điển của Đức Chúa Trời.

Không có bằng chứng nào cho thấy Sa-lô-môn lưu tâm đến lời cảnh cáo này. Nếu ông nhớ lời cầu nguyện cung hiến của mình, có lẽ ông đã hướng về đền thờ và xưng nhận với Đức Chúa Trời tội lỗi của mình.

3. Sa-lô-môn chống lại kỷ luật của Đức Chúa Trời (IVua 11:14-25)

Những cuộc hôn nhân của Sa-lô-môn là những sự bảo đảm hòa bình của ông với các nước lân bang, và trong đời trị vì của Sa-lô-môn, đất nước được thái bình. Nhưng bây giờ hệ thống của ông bắt đầu tan rã, vì Đức Chúa Trời dấy lên “những kẻ thù nghịch” chống lại Sa-lô-môn (c.14,23,25) và dùng họ để thi hành kỷ luật với nhà vua nổi loạn. Việc Đức Chúa Trời sẽ kỷ luật người thừa kế bất tuân của Đa-vít là một phần trong giao ước (II Sa 7:14-15) và được tái khẳng định với Sa-lô-môn khi Đức Chúa Trời nói chuyện với ông ở Ga-ba-ôn (IVua 3:14). Điều này được nhắc lại

một lần nữa khi Sa-lô-môn xây dựng đền thờ (6:11-13) và sau khi đền thờ được cung hiến (9:3-9). Cũng xem trong (ISu 22:10 Thi 89:30-37). Nhà vua chắc chắn có thể đã không biết về sự nguy hiểm của việc không vâng lời Đức Chúa Trời. Ba kẻ thù của Sa-lô-môn được nói đến riêng biệt từng người.

Ha-đát người Ê-đôm (IVua 10:14-22). Sa-lô-môn có những người phụ nữ Ê-đôm sống trong hậu cung (c.1), nhưng điều này không ngăn Ha-đát khỏi việc dấy loạn Y-sơ-ra-ên. Đa-vít và Giô-áp đã có chiến thắng vang dội trước dân Ê-đôm và đã tiêu diệt những người nam (IISa 8:13-14 ISu 18:11-13 xem tựa đề Thi 60:1-12), nhưng Ha-đát, một trong những hoàng tử Ê-đôm, đã chạy trốn cùng với những người lãnh đạo của cha mình và tìm nơi ẩn náu tại Pha-ra-ôn ở Ai Cập. Đây ắt hẳn là một Pha-ra-ôn mới, người thấy không cần thiết phải công nhận hiệp ước hôn nhân giữa Sa-lô-môn với công chúa Ai Cập. Hơn nữa, không những ông cấp cho Ha-đát thức ăn và chỗ ở, ông còn gả em vợ mình cho người, và bởi người này Ha-đát có một đứa con trai. Điều này có nghĩa rằng Ai Cập và Ê-đôm bây giờ liên minh với nhau chống lại Y-sơ-ra-ên.

Sự qua đời của vua Đa-vít và tổng tư lệnh Giô-áp có nghĩa rằng Ha-đát và đồng bọn của hắn có thể trở về Ê-đôm an toàn. Tại đây Ha-đát lên kế hoạch làm nước mình vững mạnh và chỉ huy một loạt những đợt tấn công chống lại Y-sơ-ra-ên. Ha-đát biết rằng mình không thể nào tiếp quản vương quốc của Sa-lô-môn, nhưng Đức Chúa Trời dùng ông để quấy rối Sa-lô-môn và quân đội của mình trong đợt tấn công biên giới. Sự quấy rối liên tiếp từ phía nam này có thể nhắc nhở Sa-lô-môn rằng Đức Chúa Trời đang kỷ luật ông và kêu gọi ông quay trở về với đời sống của sự vâng phục.

Rê-xôn của Đa-mách (IVua 10:23-25). Khi Đa-vít đánh bại quân Sy-ri ở Xô-ba (IISa 8:5-8), một người trẻ tuổi tên là Rê-xôn chạy đến Đa-mách cùng với nhóm người của mình và tự xưng mình là vua. Đa-vít rõ ràng đã công nhận người này là vua, và Rê-xôn ắt hẳn là một người có năng lực vì sức mạnh của quân Sy-ri gia tăng dưới sự lãnh đạo của ông. Nhưng Rê-xôn liên kết với Ha-đát, người lãnh đạo Ê-đôm, bắt đầu quấy rối Sa-lô-môn từ phía bắc. Rê-xôn thành lập một vương triều gồm những người thống trị vững mạnh trong vùng (được biết đến như là A-ram). Tất cả bọn họ gây rắc rối cho vua Giu-đa (IVua 15:18-20 20:1 IIVua 8:1-13:25 15:1-16:20) khắp nơi. Rê-xôn là vua của A-ram (Sy-ri) trong thời tiên tri Ê-sai (Es 7:1-8 8:6 9:11).

4. Sa-lô-môn chống đối đầy tớ của Đức Chúa Trời (IVua 11:26-43) (IISu 9:29-31)

Ha-đát tấn công Sa-lô-môn từ phía nam và Rê-xôn từ phía bắc, nhưng Giê-rô-bô-am là một trong những người lãnh đạo của Sa-lô-môn, ông đe dọa nhà vua từ trong hàng ngũ những quan trưởng. Ông là người Ép-ra-im có tài quản lý và được Sa-lô-môn chú ý. Vì Giê-rô-bô-am thuộc chi phái Ép-ra-im, Sa-lô-môn đặt ông cai quản những nhân công người Do Thái từ nhà Giô-sép, ấy là chi phái Ép-ra-im và Ma-na-se. Vào lúc bấy giờ, đất nước đã trở nên mệt mỏi bởi vì những kế hoạch xây dựng của Sa-lô-môn và đặc biệt vì cái cách mà ông bắt ép những người Do Thái làm công việc này (IVua 5:13-18), Giê-rô-bô-am trẻ tuổi có lời giới thiệu với phong trào ngầm chống lại nhà vua. Sự nhận biết này, cộng với sự thật rằng Sa-lô-môn

đã đặt ông đứng đầu những chi phái phía bắc sẽ giúp đỡ ông khi thời cơ thành lập vương quốc riêng của mười chi phái phía bắc đến.

Một ngày nọ trong khi làm việc, Giê-rô-bô-am bị tiên tri A-hi-gia từ Si-lô chặn lại. Vị tiên tri này có thông điệp từ Đức Chúa Trời cho Giê-rô-bô-am. Trong đời trị vì của Sa-lô-môn, các vị tiên tri không có vai trò nổi bật, nhưng họ sẽ trở nên rất quan trọng từ đây cho đến khi vương quốc Giu-đa sụp đổ. Bất cứ khi nào những nhà vua hay những thầy tế lễ không vâng lời Đức Chúa Trời, Đức Chúa Trời thường phái một vị tiên tri đến cảnh cáo họ. Tiên tri là cũng nói trước những điều sẽ xảy đến nhưng họ không phải như “thầy bói”. Họ mang đến thông điệp từ Đức Chúa Trời vào thời điểm đó, và nếu họ tiết lộ bất cứ điều gì về tương lai, nó giúp họ kêu gọi dân sự trở về trong sự vâng phục ý muốn Đức Chúa Trời.

A-hi-gia thể hiện thông điệp của mình bằng cách xé áo toi của Giê-rô-bô-am thành 12 miếng đưa cho ông 10 miếng. Đây là cách Đức Chúa Trời phán Giê-rô-bô-am sẽ trở thành vua của 10 chi phái phía bắc Y-sơ-ra-ên. A-hi-gia giải thích tại sao hai chi phái lại giành riêng cho nhà Đa-vít và tại sao con trai Sa-lô-môn lại chỉ được ban cho hai chi phái này. Sa-lô-môn đã phạm tội trọng vì đã đem sự thờ thần tượng vào trong đất nước, một tội mà cuối cùng sẽ dẫn đến sự hủy diệt đất nước và dẫn họ vào sự lưu đày.

Chính vì lợi ích của Đa-vít mà Đức Chúa Trời bảo vệ Giu-đa và Giê-ru-sa-lem. Sa-lô-môn không giữ những điều kiện trong giao ước mà Đức Chúa Trời lập với cha ông (IISa 7:1-29), nhưng Đức Chúa Trời sẽ thành tín với Lời của Ngài (7:11-13). Đèn nhà Đa-vít sẽ sáng luôn cho đến khi nền quân chủ của người Do Thái kết thúc với sự sụp đổ của Sê-đê-kia (IIVua 25:1-30 IVua 11:36 15:4 IIVua 8:19 21:7 Thi 132:17).

A-hi-gia kết thúc thông điệp của mình bằng việc cảnh báo Giê-rô-bô-am rằng những gì xảy ra cho ông hoàn toàn là ân điển của Đức Chúa Trời. Ông nên nghiêm túc nhận lãnh sự kêu gọi của mình và làm theo lời của Đức Chúa Trời, nếu không Ngài sẽ thi hành kỷ luật với ông như Ngài đã làm với Sa-lô-môn. Đức Chúa Trời sẽ ban cho Giê-rô-bô-am một vương triều bền vững nếu ông tuân theo luật pháp của Ngài. Tuy nhiên, vương triều đó sẽ không thay thế vương triều của Đa-vít ở Giu-đa, vì từ vương triều nhà Đa-vít Đấng Mê-si sẽ đến và hoàn thành những lời hứa trong giao ước. Đức Chúa Trời hạ thấp những người kế vị Đa-vít bằng việc chỉ cho họ hai chi phái, nhưng Ngài sẽ không hạ thấp họ mãi mãi. Sẽ có một sự hàn gắn về việc phân chia đất nước khi Đấng Mê-si đến (Gie 30:9 Exe 34:23 37:15-28 Os 3:5 Am 9:11-12), và sau đó nhà vua sẽ trị vì toàn đất nước.

Vì chỉ có A-hi-gia và Giê-rô-bô-am ngoài đồng khi thông điệp được nói ra (c.29), chúng ta không biết những lời kêu gọi đặc biệt dành cho Giê-rô-bô-am đến tai Sa-lô-môn như thế nào. Giê-rô-bô-am có thể đã kể cho một vài người bạn thân cận của mình, những người thất vọng vì cách nhà vua đối đãi với dân sự, hay có lẽ Đức Chúa Trời cho phép A-hi-gia gửi thông điệp này đến Sa-lô-môn. Thông điệp này là những lời khiển trách và kỷ luật cuối cùng của Đức Chúa Trời dành cho vị vua bướng bỉnh. Ngài có thể làm gì hơn để thức tỉnh Sa-lô-môn ngoài việc lấy đi phần lớn vương quốc của ông khỏi người kế vị mình? Sa-lô-môn lẽ ra đã nên ăn năn hối lỗi và tìm kiếm mặt Đức Chúa Trời, nhưng thay vì vậy ông tìm cách giết

địch thủ của mình. Giê-rô-bô-am chạy đến Ai Cập tìm sự an toàn. Vị Pha-ra-ôn mới là Si-sắc không hề mang ơn với nhà Đa-vít.

Sa-lô-môn đã từ bỏ Đức Chúa Trời (c.33 IVua 9:9), và đây sẽ là tội lặp đi lặp lại của nhiều vị vua Y-sơ-ra-ên và Giu-đa (18:18 19:10,14 IIVua 17:16 21:22 22:17). Tội thờ hình tượng làm tổn thương niềm tin trong chính lòng của người Y-sơ-ra-ên, Đức Giê-hô-va là Đấng sống và có thật, là Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp.

Sa-lô-môn trị vì từ năm 971 đến 931. Ông có trở về cùng Đức Chúa Trời trước khi ông qua đời không? Những nhà giải kinh không thống nhất với nhau về những lời giải thích và câu trả lời của mình. Chắc chắn lời khuyên của ông trong (Tr 12:13-14) chỉ ra hướng ăn năn và phục hồi, chúng ta tin rằng điều này là như vậy. Những thành tựu trong suốt cuộc đời của ông được chép không những trong I Các vua và II Sử ký, nhưng còn trong một số sách chúng ta không có, bao gồm Công việc của Sa-lô-môn (có thể là sổ ghi chép chính thức), sách do tiên tri Na-than viết, cùng với những tài liệu do A-hi-gia và Y-đô chép. Sa-lô-môn là vị vua Do Thái đầu tiên mà sự qua đời của ông được ghi lại bằng “những lời trang trọng” trong câu 41-43 và (IISu 9:29-31. 9:29 12:15 26:22 32:32).

Giống như vua Sau-lơ, Sa-lô-môn được ban cho nhiều cơ hội tuyệt vời nhưng không tận dụng được hết. Ông biết rất nhiều về loài vật, cây cối, đem lại sự giàu có cho đất nước, và xây dựng nhiều công trình kiến trúc, nhưng ông lại thiếu sót trong việc chia sẻ những hiểu biết về Đức Chúa Trời cho những người ngoại đến thăm ngai vàng của ông. Giống như cha mình Đa-vít, Sa-lô-môn thích thú với phụ nữ, nhưng khi Sa-lô-môn phạm tội, ông không có tấm lòng thành khẩn và tâm hồn tan vỡ ăn năn của Đa-vít. Sự huy hoàng của vương quốc không phải là sự vinh hiển của Đức Chúa Trời là những gì chi phối cuộc sống của Sa-lô-môn.

Ông để lại đền thờ của Đức Chúa Trời, cung điện hoàng gia, một đất nước trong cảnh nô lệ, một nền kinh tế gặp khó khăn, cùng với các sách Châm ngôn, Truyền đạo, và Thi thiên của Sa-lô-môn. Đất nước được thống nhất trong đời trị vì của ông, nhưng có một sự rạn nứt trong đất nước và cuối cùng nó phôi bày ra trong sự nổi loạn và chia rẽ công khai. Sự thèm khát của cải và thành công của Sa-lô-môn đã đặt gánh nặng về tài chính lên vương quốc, và sau khi ông qua đời dân sự đã nổi dậy.

Nhưng dân sự còn làm điều tệ hơn: họ theo gương xấu của Sa-lô-môn và bắt đầu thờ lạy những vị thần của các nước láng giềng. Hơn bất cứ tội nào khác tội này đã dẫn đến sự sụp đổ của nước Do Thái. “Sa-lô-môn nhập khẩu các bà vợ”, William Sanford LaSor viết, “các bà vợ nhập khẩu các vị thần; Sa-lô-môn khoan thứ, ủng hộ, xây dựng nơi thờ phượng cho những thần tượng này. Bạn có thể mong đợi dân sự làm điều gì khác ngoài việc bắt chước làm theo?”.

Nguyện xin chúng ta luôn thật thà và trung thành với Chúa Giê-xu Christ, người “trời hơn Sa-lô-môn”, người đã chết cho chúng ta, sống vì chúng ta và một ngày kia sẽ trở lại với chúng ta!

7. ÔNG TA SẼ KHÔNG NGHE (IVua 12:1-24 14:21-23 IISu 10:1-12:16)

“Ta cũng ghét mọi công lao ta đã làm dưới mặt trời”, Sa-lô-môn viết trong Truyền đạo, “vì phải để lại cho người sau mình. Vả, ai biết rằng người ấy sẽ khôn ngoan hay lòn ngu dại?” (Tr 2:18-19).

Người kế vị của Sa-lô-môn là con trai ông Rô-bô-am, người này thỉnh thoảng mới có được một quyết định khôn ngoan còn phần lớn thời gian là một người cai trị xuẩn ngốc. Bắt đầu đời trị vì của Rô-bô-am, vì một quyết định ích kỷ của mình ông đã làm cho đất nước bị phân chia. Trong năm thứ tư đời trị vì của mình, Rô-bô-am quyết định xây bỏ Đức Chúa Trời và thờ lạy thần tượng, điều này đã mang lại cho ông sự trừng phạt của Đức Chúa Trời. Đời trị vì của ông khó có thể nói là thành công.

Theo (IVua 14:21), Rô-bô-am được 41 tuổi khi ông bắt đầu lên ngôi.¹Vì Sa-lô-môn trị vì trong 40 năm (11:42) nên có nghĩa là Rô-bô-am được sinh ra trước khi Sa-lô-môn trở thành vua. Nhưng một đoạn trích Kinh Thánh tương tự cho chúng ta biết rằng mẹ của Rô-bô-am là một người phụ nữ Am-môn tên là Na-a-ma,² như vậy có nghĩa rằng công chúa Ai Cập mà Sa-lô-môn cưới không phải là người vợ đầu tiên của ông (3:1). Cha của Sa-lô-môn là Đa-vít đã cưới một công chúa nước Ghê-su-rơ, một quốc gia ở Sy-ri, bà là mẹ của Áp-sa-lôm (IISa 3:3). Đây chắc chắn là một nước cờ chính trị của Đa-vít, vì thế cuộc hôn nhân của Sa-lô-môn với một người phụ nữ Am-môn có lẽ không làm Đa-vít phiền lòng trong những năm sau cùng của ông. Trong bản Kinh Thánh tiếng Hê-bơ-rơ, đoạn (He 14:21 ghi rằng “*Na-a-ma người Am-môn*” (*Naamah the Ammonite*), điều này cho thấy bà được phân biệt với những người phụ nữ Am-môn khác trong cung. Điều này bao gồm cả những bà vợ người Am-môn của Sa-lô-môn và những cung phi. Khi trở thành vua, Rô-bô-am được thừa hưởng những người này.

Những điều mà cuộc sống đem lại cho chúng ta phụ thuộc vào những điều có ở nơi chúng ta. Trong suốt 17 năm trị vì của Rô-bô-am, cách mà ông phản ứng lại với mọi tình huống cho thấy ông thật sự là loại người nào. Có ít nhất 4 đặc điểm nổi bật trong đời trị vì ngắn ngủi của ông.

1. Một vị vua kiêu ngạo (IVua 12:1-17) (IISu 10:1-19)

Alexander Maclaren gọi chi tiết này là “một câu chuyện đáng thương của sự khờ dại và kiêu ngạo,” và ông đã đúng. Câu chuyện cho thấy rằng, dù cho Rô-bô-am có những tài năng nào đi nữa, ông vẫn không có tài liên kết được dân sự và thấu hiểu nhu cầu của họ. Đa-vít là một vị vua yêu dân và liều cả mạng sống mình vì hạnh phúc của họ. Sa-lô-môn là một vị vua không những không phục vụ dân nhưng còn sử dụng họ để thỏa mãn những mong ước của mình. Rô-bô-am là một vị vua phớt lờ những bài học trong quá khứ và làm ngơ trước những tiếng kêu than của dân sự. Ông không đủ tư cách để quản trị.

Hội chúng tại Si-chem (IVua 12:1-3 IISu 10:1-3). Sa-lô-môn ắt hẳn đã thông báo rõ ràng rằng Rô-bô-am là vị vua kế tiếp, nhưng vẫn cần thiết cho dân sự xác nhận sự chọn lựa này và bước vào trong giao ước với Đức Chúa Trời và nhà vua. Điều này đã được làm khi Sau-lơ (ISa 10:17), Đa-vít (IISa 2:4 5:1) và Sa-lô-môn (IVua 1:28) trở

thành vua. Rô-bô-am và người của ông chọn Si-chem là nơi hội họp, Giê-rô-bô-am cùng những người của vương quốc phía bắc tham dự.³ Giê-rô-bô-am đã trở về từ nơi ẩn náu tại Ai Cập và là người lãnh đạo được thừa nhận của 10 chi phái phía bắc. Rô-bô-am biết người này là kẻ thù của mình nhưng ông không dám công khai chống lại Giê-rô-bô-am vì sợ rằng dân sự sẽ xa lánh ông. Chắc chắn Rô-bô-am biết lời tiên tri của A-hi-gia rằng Giê-rô-bô-am sẽ trở thành người lãnh đạo vương quốc phía bắc, nhưng có lẽ ông không nghĩ rằng nó thật sự sẽ xảy ra. Rất có thể ông nghĩ rằng vương triều Đa-vít cùng với sự thịnh vượng của nhà Sa-lô-môn sẽ thuyết phục được dân sự trong ngày này. Ông quên IISa (7:12-14).

Nếu Rô-bô-am chọn Si-chem cho buổi hội họp quan trọng này, đó là một trong những điều sáng suốt nhất mà ông đã làm. Si-chem cách bắc Giê-ru-sa-lem 40 dặm, là một thành phố trung tâm thích hợp cho những buổi hội họp quan trọng như thế này. Nó nằm trong chi phái Ma-na-se, và điều này sẽ làm hài lòng người dân ở 10 chi phái phía bắc. Mộ của Giô-sép tại Si-chem (Gios 24:32), đền tạm đã ở tại Si-lô trong chi phái Ép-ra-im, và tiên tri Sa-mu-ên sinh ra từ vùng núi Ép-ra-im (ISa 1:1). Áp-ra-ham, tổ phụ của dân Do Thái, đã từng ở tại Si-chem (Sa 12:6) và Gia-cốp cũng vậy (33:18). Giô-suê đã xác quyết giao ước với dân Y-sơ-ra-ên tại Si-chem (Gios 24:1-33), vì thế đối với người Do Thái Si-chem là một nơi rất quan trọng về mặt lịch sử và tôn giáo.

Phái Ép-ra-im và Ma-na-se, con cháu của Giô-sép, tự coi mình là những chi phái hàng đầu trong Y-sơ-ra-ên và đã công khai bày tỏ sự bực mình của mình về sự lãnh đạo của chi phái Giu-đa (Thi 78:60,67). Đa-vít đã chào đón những người tình nguyện từ Ép-ra-im và Ma-na-se vào đội quân của ông (ISu 12:30-31) nhưng trải qua nhiều năm, Ép-ra-im và Ma-na-se đã gieo những hạt giống chia rẽ và bất đồng trong xứ (Cac 8:1 12:1). Có lẽ Rô-bô-am nghĩ rằng được đội vương miện tại Si-chem sẽ là một bước tiến đến hòa bình và thống nhất giữa miền bắc và miền nam, nhưng hóa ra lại trái ngược.

Lời thỉnh cầu của mười chi phái (IVua 12:4-5 IISu 10:4-5). Được Giê-rô-bô-am dẫn đầu, những người lãnh đạo những chi phái phía bắc phản đối gánh nặng mà cha Rô-bô-am đã chất trên họ, bao gồm sưu thuế cao và việc lao động cưỡng bức. Khi Sa-lô-môn tổ chức lại đất nước thành 12 tỉnh (IVua 4:7-19), chi phái Giu-đa không có trong đó và chính sách này có lẽ cũng được tiếp tục khi ông thân nhân công (5:13-18). Chúng ta có thể dễ dàng hiểu được những chi phái khác phản ứng thế nào trước sự thiên vị rành rành như thế. Tại sao những người làm việc chăm chỉ này phải hy sinh chỉ vì để cho nhà vua có thể được sống trong một tòa nhà lộng lẫy, được tô tó hầu hạ, và được tiệc tùng mỗi ngày? Dân sự đang mang một gánh nặng cay đắng và quá mệt mỏi vì nó.

Trở về thời kỳ của các quan xét, khi Y-sơ-ra-ên cầu xin một vị vua, Sa-mu-ên đã cảnh báo họ rằng việc có một vị vua là một điều xa xỉ (ISa 8:10-22). Những điều Sa-mu-ên báo trước với họ đã được Sa-lô-môn thực hiện và sẽ được Rô-bô-am tiếp tục trừ phi ông thay đổi chính sách của mình. Ất hẳn Rô-bô-am bị bực mình khi Giê-rô-bô-am là người phát ngôn cho 10 chi phái phía bắc, vì chắc chắn ông biết rõ về lời tiên tri của A-hi-gia và cha ông là Sa-lô-môn đã tìm cách giết Giê-rô-bô-am (IVua 11:29-40). Hơn nữa, Giê-rô-bô-am là người được mền chuộng ở Ai Cập,

Rô-bô-am không biết được kế hoạch mà ông và Pha-ra-ôn đã hoạch định cùng nhau. Vương quốc không ở trong tình trạng tốt và chỉ có một mình Rô-bô-am mới có thể cải thiện được tình hình. Những vị khách đến Y-sơ-ra-ên bị kinh hoàng bởi những gì họ thấy, nhưng họ không thể nhận ra sự xuống cấp về đạo đức và tôn giáo đang lên vào nền tảng của vương quốc, bắt đầu từ ngai vàng.

Dân sự sẵn sàng phục vụ Rô-bô-am chỉ khi nào ông phục vụ họ và làm cho cuộc sống của họ dễ dàng hơn một chút. Tất cả những người lãnh đạo thật sự vĩ đại của Đức Chúa Trời đều là đầy tớ của dân sự- Môi-se, Giô-suê, Sa-mu-ên, và đặc biệt là Đa-vít—nhưng Sa-lô-môn đã chọn trở thành một người danh tiếng, không phải là một đầy tớ, và Rô-bô-am đang đi theo gương xấu của cha mình. Khi con trai của Đức Chúa Trời đến thế gian, Ngài đến như một đầy tớ (Lu 22:24-27 Phi 2:1-13), và Ngài dạy các môn đồ của mình rằng hãy lãnh đạo bằng cách phục vụ. Việc Chúa Giê-xu rửa chân cho các môn đồ là một tấm gương về sự phục vụ khiêm nhường (Gi 13:1-17), và Ngài muốn chúng ta noi theo gương của Ngài, không phải theo gương của “những vị lãnh đạo cao quý” trong thế tục này (Mat 20:25-28).

Lời khuyên của những vị cố vấn (IVua 12:6-11 IISu 10:6-11). Chúng ta hãy tin tưởng Rô-bô-am vì đã yêu cầu có thêm thời gian để suy nghĩ và tìm sự cố vấn. Tuy nhiên, thời gian không giải quyết được vấn đề; vấn đề quan trọng là những người lãnh đạo *làm gì với thời gian*. Không có bằng chứng nào cho thấy nhà vua đã cầu hỏi Đức Chúa Trời hay tham vấn với một thầy tế lễ thượng phẩm hoặc một vị tiên tri. Chúng ta có cảm giác rằng ông đã quyết định rồi nhưng ông sẵn sàng thông qua những kiến nghị nhằm làm hài lòng dân sự. Một trong những phẩm chất nơi người lãnh đạo Đa-vít là ông sẵn sàng hạ mình và tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời, và sau đó cầu xin sự chúc phước của Đức Chúa Trời trên quyết định của mình. Những người lãnh đạo cố gắng gây ấn tượng cho dân chúng bằng kỹ năng của mình nhưng không để thời gian tìm kiếm Đức Chúa Trời chỉ chứng minh được một điều rằng họ không biết điều quan trọng nhất trong sự lãnh đạo thuộc linh: họ đứng thứ hai trong quyền chỉ huy.

Trong những quyết định quan trọng, chúng ta nên tìm kiếm những lời khuyên thuộc linh hợp lý (Ch 11:14 15:22 24:6) nhưng phải chắc chắn những người cho chúng ta lời khuyên là những người chín chắn, có thể hướng dẫn chúng ta đi đúng đường. Nhà văn người Anh Frank W. Boreham nói, “Chúng ta thực hiện những quyết định của mình, và sau đó những quyết định này quay trở lại và ảnh hưởng trên chúng ta.” Đôi khi chúng ta quên đi những quyết định của mình, nhưng những quyết định không thể nào quên chúng ta, bởi vì chúng ta gặt những gì chúng ta gieo. Nếu con đường chúng ta đã chọn hóa ra là đường vòng, khi đó hãy thừa nhận nó, xưng nhận tội lỗi của mình, và cầu xin Đức Chúa Trời dẫn dắt chúng ta quay trở về con đường đúng đắn.

Những vị trưởng lão cho Rô-bô-am lời khuyên tốt nhất: hãy là một đầy tớ của dân sự thì dân sự sẽ phục vụ ông. Tuy nhiên, Rô-bô-am đã có quyết định trước, vì thế ngay lập tức ông phản đối câu trả lời này và quay sang những người cùng tuổi với mình, những người mà ông biết sẽ cho ông câu trả lời mà ông muốn. Ông không có ý định cân nhắc tình hình, tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời, và thực hiện sự chọn lựa khôn ngoan nhất. Trong hơn 50 năm phục vụ Đức Chúa Trời, tôi

đã từng thấy những người gọi là những nhà lãnh đạo Cơ Đốc có những bước đi giống như Rô-bô-am, gây sự thiệt hại khủng khiếp cho công việc của Đức Chúa Trời, và sau đó bỏ đi khỏi sự hỗn độn, bỏ lại đằng sau đống đổ nát phải mất nhiều năm mới dọn sạch được.

Thế giới cổ xưa tôn trọng tuổi tác và sự chín chắn, nhưng xã hội hiện đại của chúng ta tôn sùng tuổi trẻ. Trong Hội Thánh và giữa những ban ngành với nhau, có một nhu cầu rất lớn về sự cân bằng giữa các thế hệ, giữa thế hệ lớn tuổi và thế hệ trẻ giao thông với nhau và học hỏi lẫn nhau, giống như một gia đình (Tit 2:1-8 ITi 5:1-2). Một người bạn nói với tôi rằng anh muốn lập một nhà thờ chỉ dành cho những người từ 50 tuổi trở lên, và tôi đề nghị anh ta đặt một người lo tang lễ làm lãnh đạo! Đức Chúa Trời muốn Hội Thánh của Ngài phải bao gồm đàn ông và đàn bà, người già, người trẻ, và những người trung niên, tất cả họ nên học hỏi lẫn nhau. Có những người già không khôn ngoan cũng như những người trẻ ngu dốt, tuổi tác không bảo đảm cho sự khôn ngoan hay những kinh nghiệm hữu ích. Những người trẻ trong cuộc đời tôi giúp tôi bắt kịp với hiện tại, và tôi giúp họ nhớ về quá khứ, vì thế chúng tôi luôn ở trong thế cân bằng và yêu thương nhau.

Những người cố vấn trẻ tuổi chủ yếu thích được trở nên quan trọng và thích thổi phồng chính họ cũng như quyền lực của vị vua mới. Họ nghĩ rằng cách tốt nhất là phải thể hiện vũ lực. Nhìn chung những người trẻ cố gắng tìm kiếm quyền lực và tự do cho đến khi họ nhận ra sự thật đau lòng rằng họ không sẵn sàng để sử dụng những sự ban cho quý giá này một cách khôn ngoan. Sau khi đã khuyên răn cả các trưởng lão và người trẻ tuổi, Phi-e-rơ viết, “Cũng khuyên bọn trẻ tuổi, hãy phục theo các trưởng lão. Hết thấy đối đãi với nhau phải trang sức bằng khiêm nhường; vì Đức Chúa Trời chống cự kẻ kiêu ngạo, mà ban ơn cho kẻ khiêm nhường” (IPhi 5:5).

Tuyên bố của nhà vua (IVua 12:12-17 IISu 10:12-17). Một người 41 tuổi được lớn lên trong cung điện, được cho ba ngày để suy nghĩ về một vấn đề, có quyền lui tới những người có thể biết được ý muốn của Đức Chúa Trời lẽ ra không bao giờ thực hiện một quyết định như thế này. Cha ông lại còn viết một quyển sách châm ngôn thực tiễn về sự khôn ngoan, một câu trong đó nói rằng, “Lời đáp êm nhẹ làm nguôi cơn giận; Còn lời xẵng xóm trên thanh nộ thêm” (Ch 15:1). Tuy nhiên, sự lãnh đạo của Rô-bô-am bị chi phối bởi sự kiêu ngạo, không phải sự khiêm nhường, và sự kiêu ngạo không biết đến điều gọi là nhẹ nhàng và tử tế. “Lời vô độ đâm xoi khác nào gươm; Nhưng lưỡi người khôn ngoan vốn là thuốc hay” (12:18). Rõ ràng Rô-bô-am đã không để thời gian đọc và chép lại (Phu 17:18-20).

Nhà vua trả lời dân sự một cách “lỗ mãng”, trong tiếng Hê-bơ-rơ từ này cũng được dùng trong câu 4 với nghĩa là “khó nhọc”. Cách ông nói thì xẵng xóm và từ ông dùng thì gay gắt. Thay vì giảm nhẹ gánh nặng, Rô-bô-am tuyên bố rằng ông sẽ làm cho nó nặng hơn và khó nhọc hơn nữa. Ngón tay út của ông còn lớn hơn lưng của cha ông, và nếu cha ông dùng roi da, ông sẽ dùng roi bò cạp. (“Roi có mũi sắt” là tên của một loại roi trên đó có những miếng kim loại, giống như roi của người La mã.) Cả trong lời nói và thái độ của mình, vị vua mới muốn cho dân sự biết rõ rằng ông là quan trọng và đầy uy quyền, còn họ không hề quan trọng và chỉ là những người kém cỏi. Đây thật sự là một thông điệp nguy hiểm.

Rô-bô-am đại diện cho thế hệ thứ ba của vương triều Đa-vít, và thường thì đến thế hệ thứ ba, những gì thế hệ trước đã dựng nên bắt đầu bị xuống dốc. Dân Y-sơ-ra-ên đã phục sự Đức Chúa Trời trong thời Giô-suê và thời các trưởng lão mà ông dạy dỗ, nhưng khi đến thế hệ thứ ba, dân sự quay sang thờ thần tượng và đất nước bị tan rã (Cac 2:7-10). Tôi đã thấy điều tương tự trong các doanh nghiệp và những Hội Thánh địa phương. Những người sáng lập làm việc chăm chỉ và cống hiến rất nhiều để khởi đầu một doanh nghiệp hay một nhà thờ, thế hệ thứ hai trung thành noi theo gương và niềm tin của người sáng lập. Nhưng khi đến thế hệ thứ ba, họ được thừa hưởng mọi thứ mà không phải làm việc hay trả tiền cho những điều đó, và họ làm hỏng những gì người khác đã làm việc cật lực để xây dựng nên. Dĩ nhiên, nếu thế hệ thứ hai không dạy dỗ thế hệ thứ ba đường lối của Đức Chúa Trời, hay nếu thế hệ thứ ba không nhận lãnh lời dạy dỗ, không ngạc nhiên gì khi thế hệ mới đi vào con đường lầm lạc (Phu 11:18-21 32:46 Eph 6:4).

Những hậu quả do lời tuyên bố của Rô-bô-am có thể dự đoán được: “cả Y-sơ-ra-ên” (mang nghĩa là mười chi phái phía bắc) tuyên bố quyết định rằng họ sẽ tách ra khỏi hai chi phái kia và thành lập vương quốc riêng của mình. Họ la lên những lời của Sê-ba, một kẻ nổi loạn trong thời Đa-vít (II Sa 20:1), rời khỏi hội chúng và lập Giê-rô-bô-am làm vua của mình. Chỉ có một số ít người là cư dân của mười chi phái phía bắc ở lại Giu-đa vì lý do này hay lý do khác. Họ vẫn giữ sự trung thành với nhà Đa-vít.

Quyết định chính thức đầu tiên của Sa-lô-môn mang lại cho ông tiếng tốt về sự khôn ngoan lớn (IVua 3:16-28), nhưng quyết định chính thức đầu tiên của con trai ông lại cho cả nước biết rằng mình là người ngu dốt và dại dột. Trái qua nhiều thế kỷ, người Do Thái cho rằng việc đất nước bị phân chia là bi kịch lớn nhất trong lịch sử của họ và dùng điều đó để đo lường những tai ương khác. (Es 7:17).

2. Một vị vua giận dữ (IVua 12:18-24) (II Su 10:18-19 11:1-4)

Trong khi Rô-bô-am vẫn còn ở tại Si-chem, ông cố gắng thi hành một vài biện pháp ngoại giao muộn màng và phái một trong những cận thần đáng tin cậy của mình đến hội chúng nơi 10 chi phái phía bắc nhằm cố gắng đem lại hòa bình hay ít nhất cũng dập tắt sự tranh cãi. Việc ông chọn lựa người điều đình là không sáng suốt bởi vì A-đô-ram có nhiệm vụ cưỡng bức lao động, và việc cưỡng bức lao động là một trong những vấn đề gây khó chịu trong cuộc tranh luận. Có lẽ A-đô-ram được ủy quyền điều đình về những sắp xếp nhân công sao cho dễ dàng hơn hay cả về việc giảm thuế, nhưng nếu ông được ủy quyền làm những việc đó, ông đã thất bại một cách đáng thương. Dân sự ném đá ông và vị vua kinh hãi đã trốn về Giê-ru-sa-lem ngay khi ông nghe tin đó. Rô-bô-am đã làm theo lời khuyên sai trái, sử dụng những nước cờ sai lầm, và chọn sai người đàm phán. Ông có thể làm sai điều gì nữa?

Ông có thể tuyên chiến! Xét cho cùng, ông là vua, bằng việc tuyên chiến ông có thể đòi lại quyền lợi cũng như biểu dương sức mạnh quân sự của mình. Và có lẽ Giê-rô-bô-am, đối thủ của ông, sẽ là một trong những nạn nhân. Không phải cha ông là Sa-lô-môn đã muốn giết Giê-rô-bô-am hay sao (IVua 11:40), không phải cha ông là người khôn ngoan nhất thế gian này hay sao? Không phải mười chi phái

phía bắc đã nổi loạn chống lại nhà vua và giết cả một người vô tội chỉ có nhiệm vụ ủng hộ hòa bình hay sao? Vị vua được yêu mến Đa-vít đã tuyên chiến với người Am-môn chỉ vì họ đã *sỉ nhục* sứ giả của ông (IISa 10:1-19), trong khi sứ giả của Rô-bô-am lại bị *giết chết*. chi phái phía bắc đang chia rẽ những gì Đức Chúa Trời đã kết hợp vào với nhau và họ đáng bị trừng phạt. Họ lại còn lập ra một hội chúng và chỉ định Giê-rô-bô-am làm vua của mình! Việc bất chấp giao ước của Đức Chúa Trời và bỏ mặc dòng dõi Đa-vít là tội lỗi. Dường như mỗi một điều suy xét đều hợp lý dẫn đến kết luận - chiến tranh.

Mỗi một điều suy xét ngoại trừ một điều: có phải cuộc chiến này là ý muốn của Đức Chúa Trời? Sau khi Rô-bô-am đã tập hợp quân đội gồm 180.000 người, ông khám phá ra rằng mình đã phí thời gian. Đức Chúa Trời sai tiên tri Sê-ma-gia⁷ đến nói với nhà vua rằng hãy dừng cuộc chiến lại và cho các quân lính trở về nhà. Mặc dù những gì xảy ra là hậu quả do sự ngu dại của Rô-bô-am và sự hung hăng của Giê-rô-bô-am nhưng chính Đức Chúa Trời là Đấng cai trị và điều khiển việc phân chia đất nước, như thế lời tiên tri của A-hi-gia được làm thành. Mỗi người tự do hành động và những cố vấn của họ cũng vậy, nhưng ý định của Đức Chúa Trời lại được thực hiện. (2:23). Đức Chúa Trời tối cao của chúng ta rất vĩ đại, Ngài để cho dân Ngài tự quyết định nhưng qua đó lại hoàn thành mục đích của Ngài.

Kế hoạch của Đức Chúa Trời chỉ có một nhân tố; nhân tố thứ hai là việc Giu-đa và Bên-gia-min đã làm điều sai trái khi đánh anh em mình (c.24). Có vẻ lạ nhưng những mâu thuẫn của gia đình và của quốc gia cứ lặp đi lặp lại trong lịch sử của Y-sơ-ra-ên. Áp-ra-ham và Lót bất hòa với nhau (Sa 13:1-18), và Áp-ra-ham nhắc nhở cháu mình rằng họ không nên tranh chiến với nhau vì họ là anh em (IVua 13:8). Gia-cốp và Ê-sau có cuộc chiến đấu suốt đời mà con cháu họ cứ tiếp tục trong nhiều thế kỷ (Sa 27:41-46 Thi 137:7 Ap 1:10-13). Các anh trai của Giô-sép ghét ông (Sa 37:1-40), A-rôn và Mi-ri-am phê bình em trai mình là Môi-se (Dan 12:1-19). Sau-lơ là kẻ thù của Đa-vít và đã nhiều lần tìm cách giết ông. “*Kìa, anh em ăn ở hòa thuận nhau thật tốt đẹp thay*” (Thi 133:1).

Thường thì trong lịch sử của Cựu ước chúng ta thấy một vị tiên tri đối đầu với nhà vua bằng “Lời của Đức Chúa Trời nói như thế”. Bất cứ khi nào một vị vua, một thầy tế lễ, hay chính một vị tiên tri khác bước ra khỏi giới hạn, một tiên tri sẽ đến và quở trách người đó; và nếu thông điệp của vị tiên tri bị phớt lờ, bàn tay phán xét của Đức Chúa Trời sẽ bắt đầu. (IVua 13:21-22 14:6-11 16:1-4 20:28 IIVua 1:16 22:14-15). Y-sơ-ra-ên là dân sự của lời Đức Chúa Trời, và lời của Đức Chúa Trời phải được gìn giữ trọng hơn cả lời của vua.

Công của Rô-bô-am đó là đã dừng cuộc tấn công, mặc dầu những năm sau đó liên tục có những cuộc giao tranh nhỏ ngoài biên giới và những mâu thuẫn khó chịu giữa Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am (IVua 14:20 15:6,16,32 IISu 11:1). Tuy nhiên, có thể Rô-bô-am biết ơn vì kế hoạch của mình không bao giờ thành công. Giống như cha mình, ông không phải là một chiến sĩ và ông không thể chắc chắn mình sẽ chiến thắng. Kế hoạch của Đức Chúa Trời là sẽ có hai vương quốc và điều đó giải quyết được vấn đề. Ít nhất thì ông cũng chịu phục tùng lời của Đức Chúa Trời.

Tới đây thì tác giả dừng chuyện của Rô-bô-am để kể cho chúng ta nghe về chuyện của Giê-rô-bô-am. Chuyện của Rô-bô-am được bàn rộng trong (11:5-22) và sau đó được nhật nhạnh và kết luận trong (IVua 14:21-36 IISu 12:1-16).

3. Một vị vua tinh khôn (IVua 12:18-24) (IISu 11:5-22)

Rô-bô-am nghe và làm theo thông điệp của Đức Chúa Trời do Sê-ma-gia truyền lại, Đức Chúa Trời bắt đầu ban cho ông sự khôn ngoan, Ngài chúc phước cho cuộc sống và công việc của ông. Nếu ông cứ ở trong đường lối đó, ông sẽ dẫn Giu-đa bước vào sự ngoan đạo và sự cao cả thật sự, nhưng ông lại xây bỏ Đức Chúa Trời và mất đi những phước lành mà ông và dân sự có thể được hưởng.⁹

Đức Chúa Trời chúc phước trên những kế hoạch xây dựng của ông (IISu 11:5-12). Cha ông là Sa-lô-môn đã làm vững chắc biên giới của vương quốc bằng cách lập nên những pháo đài cho quân lính, ngựa, và xe ngựa (IVua 9:15-19 IISu 8:1-6), và Rô-bô-am theo gương ông. Những thành ông chọn tạo thành một bức tường bảo vệ Giê-ru-sa-lem ở phía đông và phía tây và ở bên kia phía nam. Nhà vua biết rằng Giê-rô-bô-am là người được Ai Cập yêu mến, vì thế có lẽ ông đã nghĩ đến Pha-ra-ôn khi xây dựng tuyến phòng thủ này. Thú vị là ông không đặt những thành bảo vệ ở biên giới phía bắc. Sau những lời cảnh cáo của Sê-ma-gia, có lẽ nhà vua ngần ngại khiêu khích những chi phái phía bắc hay có ý nghĩ rằng Giu-đa đang chuẩn bị cho chiến tranh. Có lẽ ông hy vọng rằng một “chính sách mở cửa” sẽ làm dịu lại sự căng thẳng và khiến cho người dân ở mười chi phái phía bắc dễ dàng đến Giê-ru-sa-lem hơn.

Đức Chúa Trời chúc phước cho người dân của ông (IISu 11:13-17). Vua Giê-rô-bô-am phong chức cho những thầy tế lễ riêng của mình và biến mười chi phái phía bắc thành một trung tâm thờ thần tượng, nhưng trong ba năm, Rô-bô-am giữ người Giu-đa làm theo luật pháp Môi-se. Kết quả là các thầy tế lễ và người Lê-vi trong Y-sơ-ra-ên, những người đã tận hiến cho Đức Chúa Trời, đến Giu-đa và làm cho đất nước thêm giàu mạnh. Một số thầy tế lễ và người Lê-vi chỉ “ủng hộ Rô-bô-am” (c.13) và ở lại Y-sơ-ra-ên, nhưng những người khác từ bỏ sản nghiệp mình trong Y-sơ-ra-ên và đến sống lâu dài tại Giu-đa (c.14). Nhóm thứ ba sống ở Y-sơ-ra-ên nhưng mỗi năm ba lần đến Giê-ru-sa-lem để dâng của lễ (c.16). (Trong một chừng mực nào đó, ngày nay chúng ta cũng có ba nhóm tương tự trong Hội thánh). Việc các thầy tế lễ và người Lê-vi tin kính Chúa thêm vào số dân Giu-đa làm cho vương quốc vững mạnh và mang đến sự chúc phước của Đức Chúa Trời. “Nước nào có Giê-hô-va làm Đức Chúa Trời mình, dân tộc nào được Ngài chọn làm cơ nghiệp mình có phước thay” (Thi 33:12).

Đức Chúa Trời chúc phước cho gia đình ông (IISu 11:18-23). Giống như Đa-vít và Sa-lô-môn, Rô-bô-am không vâng lời Đức Chúa Trời và lấy nhiều vợ (Phu 17:17). Chỉ có hai bà vợ của ông được ghi lại tên: Ma-ha-lát, cháu của Đa-vít thông qua cả cha và mẹ bà, và Ma-a-ca, con gái Áp-sa-lôm. Vì con trai Đa-vít là Áp-sa-lôm chỉ có một người con gái là Ta-ma (IISa 14:27) nên Ma-a-ca có thể là cháu ông. Trong (IVua 15:2 nói đến tên cha của Ma-a-ca là A-bi-sa-lôm, và trong (IISu 13:2 Ma-a-ca được gọi là con gái của U-ri-ên ở Ghi-bê-a. Nếu U-ri-ên thật sự là chồng của Ta-ma, con gái duy nhất của Áp-sa-lôm, thì Ma-a-ca là cháu ngoại của Áp-sa-lôm và

cháu cố của vua Đa-vít. Ít nhất thì hai trong số 18 bà vợ của Rô-bô-am là từ dòng dõi nhà Đa-vít thuần chủng.

Việc vua và hoàng hậu có một đại gia đình là điều rất quan trọng vì như thế sẽ có người thừa kế ngai vàng và nếu có điều gì xảy ra cho thái tử sẽ có người thay thế. Vua Rô-bô-am được ban cho rất nhiều con- 28 con trai và 60 con gái. Nhà vua đã làm một việc rất khôn ngoan là lập những con trai trưởng thành của mình thành những cận thần của hoàng gia, phân tán họ khắp Giu-đa và Bê-gia-min. Điều này làm được nhiều việc cho sự hòa bình và có hiệu quả trong cung điện. Trước hết, các hoàng tử không theo đuổi những sự mưu cầu riêng của mình và không dính líu đến những mưu đồ trong cung điện, như một số con trai của Đa-vít đã làm và gây đau khổ cho cha mình. Rô-bô-am đã lớn lên trong cảnh xa hoa, nhưng ông đủ sáng suốt khi đặt các con trai mình vào công việc.

Lợi ích thứ hai là Rô-bô-am có thể thấy được những cá tính và khả năng của họ để quyết định người sẽ kế vị mình. Đức Chúa Trời gọi Đa-vít làm vua và sau đó phán với ông rằng Sa-lô-môn sẽ là người kế vị ông. Không có bằng chứng nào cho thấy Đức Chúa Trời chỉ định người sẽ kế vị Sa-lô-môn, vì thế ắt hẳn Sa-lô-môn đã tự chỉ định Rô-bô-am thừa kế ngai vàng. Sau khi quan sát các con trai của mình, Rô-bô-am chọn A-bi-gia, con trai của Ma-a-ca,¹⁰ làm người kế vị mình, mặc dù Giê-úc, con trai của Ma-ha-lát, là con đầu lòng (c.18-19). Đầu tiên, Rô-bô-am lập A-bi-gia làm “trưởng giữa anh em mình” (c.22) “thái tử”. Điều này cho thấy A-bi-gia là cánh tay mặt của cha mình, có lẽ còn là người cùng nhiếp chính. Rô-bô-am nhận thấy nơi người con trai này năng lực cần thiết cho một vương triều thành công. Đáng tiếc, A-bi-gia không sống đúng với tên của mình, “Giê-hô-va là cha”.

“Những người vợ” mà Rô-bô-am cưới cho con mình có thể là “những người vợ của hiệp ước” để bảo đảm hòa bình giữa Giu-đa và các nước láng giềng. Đây cũng là kế hoạch mà cha ông là Sa-lô-môn đã thực hiện.

4. Vị vua bội đạo (IVua 12:18-24) (IVua 14:21-24 IISu 12:1-16)

Sau khi trở thành vua, Rô-bô-am bước đi theo ý muốn của Đức Chúa Trời trong ba năm (11:17), nhưng đến năm thứ tư trong đời trị vì của mình, khi ngôi vua của ông được vững chắc, ông và toàn thể Giu-đa xây bỏ Đức Giê-hô-va để thờ lạy thần tượng (12:1-2). “Và Rô-bô-am làm điều ác, vì không rắp lòng tìm cầu Đức Giê-hô-va” (12:1). Cụm từ “bỏ điều răn của Đức Giê-hô-va” xuất hiện nhiều lần trong những ghi chép về đời trị vì của các vua Giu-đa và Y-sơ-ra-ên (IVua 18:18 19:10,14 IIVua 17:16 21:22 22:17 IISu 12:1,5 13:10-11 15:2 21:10 24:18,20,24 26:6 29:6 34:21). Đa-vít đã cảnh báo Sa-lô-môn về tội này (ISu 28:9,20) và chính Đức Chúa Trời cũng làm điều đó (IVua 3:14 9:4-9 11:9-13), nhưng trong những năm sau cùng, Sa-lô-môn đã thờ phượng cả Đức Chúa Trời và những thần tượng góm ghiếc của người ngoại đạo; có lẽ Rô-bô-am chịu ảnh hưởng từ người mẹ Am-môn của mình. Dầu cho bất kỳ ảnh hưởng nào, nhà vua biết rằng ông đang phá bỏ giao ước và phạm tội cùng Đức Chúa Trời.

Sự ghen tương thánh của Đức Chúa Trời (IVua 14:21-24). Khi nói về Đức Chúa Trời như là “một Đấng ghen tương” (14:22), Kinh Thánh muốn nói đến tình yêu ghen tương Đức Chúa Trời dành cho dân sự Ngài, một tình yêu sẽ không khoan

thứ những đối thủ của mình. Y-sơ-ra-ên được Đức Chúa Trời “cưới” tại núi Si-na-i khi họ bước vào giao ước, và việc thờ lạy thần tượng là một sự vi phạm giao ước rất nghiêm trọng, giống như một người vợ đang phạm tội ngoại tình. Chắc chắn Rô-bô-am biết điều Đức Chúa Trời đã phán với dân sự tại núi Si-na-i: “vì ta là Giê-hô-va Đức Chúa Trời người, tức là Đức Chúa Trời kỳ tà” (Xu 20:5). Chân lý tương tự cũng có trong Bài ca của Môi-se: “Chúng nó giục ta phân bì, vì cúng thờ thần chẳng phải là Đức Chúa Trời; lấy sự hư không mà chọc giận ta” (Phu 32:21 Thi 78:58 Gie 44:3. Phao-lô đã sử dụng hình ảnh trong hôn nhân khi răn bảo Hội Thánh tránh xa sự thờ lạy đa thần (ICo 10:22), và Gia-cơ gọi những người tin theo thế gian là “bọn tà dân” (Gia 4:4).

Nhà vua cho phép và khuyến khích việc xây những đền đài thờ thần tượng trong xứ (“những nơi cao”), dựng những hòn đá thiêng (“trụ thờ”) và những tượng dương vật cùng tượng Át-tạt-tê (“những cây rậm”). Ông cũng cho phép những điện thờ mại dâm, đàn ông (“bọn vĩ gian”) và đàn bà, để phục vụ dân sự tại những điện thờ này, một việc làm đáng ghê tởm tuyệt đối bị luật pháp Môi-se cấm (Phu 23:17-18). Sự thờ lạy thần tượng cùng sự vô đạo đức đi liền với nhau (Ro 1:21-27), không lâu trước kia tội thờ đa thần bị luật pháp trừng phạt thì bây giờ được chấp nhận rộng rãi trong Giu-đa (Le 18:20 Phu 18:9-12). Người Do Thái không còn là ánh sáng cho dân ngoại nữa; thay vào đó, sự tối tăm của dân ngoại đã xâm chiếm xứ và dập tắt ánh sáng.

Trước khi chúng ta đoán xét vua và dân Giu-đa, có lẽ chúng ta nên xem lại đời sống của chúng ta và Hội Thánh. Những cuộc khảo sát cho thấy khi nói đến đạo đức giới tính, những người được “tái sanh” trong Hội Thánh sống không khác gì so với những người chưa được cứu bên ngoài Hội Thánh. Những thần tượng vật chất và con người của thế gian hư mất đã tìm đường vào trong Hội Thánh được chấp nhận và ủng hộ. Đức Chúa Trời đã trừng phạt Rô-bô-am vì tội lỗi của ông. Bao lâu nữa Đức Chúa Trời sẽ trừng phạt Hội Thánh của Ngài?

Sự yếu mền kỷ luật của Đức Chúa Trời (IVua 14:25-31 IISu 12:1-16). Đức Chúa Trời kiên nhẫn với Rô-bô-am và dân Giu-đa trong một năm; nhưng đến năm thứ năm đời trị vì của Rô-bô-am, sự chịu đựng lâu dài của Đức Chúa Trời đã đến lúc kết thúc. Đức Chúa Trời sai Si-sắc, vua Ai Cập, đem một đạo quân lớn đến xâm lược Giu-đa, và thay vì đánh vào những thành bảo vệ mới của Rô-bô-am, ông đánh bại từ tỉnh này sang tỉnh kia. (Một câu viết của Ai Cập nói rằng Si-sắc đã chiếm 156 thành phố của Y-sơ-ra-ên và Giu-đa). Khi quân Ai Cập đến tận Giê-ru-sa-lem, tiên tri Sê-ma-gia một lần nữa xuất hiện trong bối cảnh này với một thông điệp ngắn và vào đúng vấn đề từ Đức Chúa Trời: “*Đức Giê-hô-va phán như vậy: ‘Các người đã bỏ ta, nên ta cũng đã bỏ các người vào tay Si-sắc’*” (IVua 12:5).

Bất cứ khi nào dân sự của Đức Chúa Trời trải qua sự kỷ luật vì tội lỗi của mình, họ có thể có một sự khởi đầu mới bằng việc lắng nghe Lời của Đức Chúa Trời và hạ mình xuống trước Lời của Ngài. Đây là lời hứa của Đức Chúa Trời với dân sự khi Sa-lô-môn cung hiến đền thờ (IISu 7:13-14). Rô-bô-am và những cận thần của mình hạ mình xuống trước mặt Đức Chúa Trời và Ngài ngăn việc Si-sắc tấn công Giê-ru-sa-lem. Tuy nhiên, bây giờ Giu-đa là nước lệ thuộc Si-sắc và phải nộp cống cho ông. Dân sự của Đức Chúa Trời khám phá ra rằng sự “tự do trong tội lỗi” của

họ làm họ đau khổ và tổn hao tiền của nộp cống cho Ai Cập, vì hậu quả của tội lỗi bao giờ cũng tai hại.

Để thỏa mãn những đòi hỏi của Si-sắc, Rô-bô-am nộp cho ông vàng của đền thờ và của cung điện nhà vua. Vàng này bao gồm 500 cái khiên bằng vàng mà Sa-lô-môn đã làm cho cung điện (IVua 10:16-17). Rô-bô-am quá nghèo không thể làm lại những cái khiên bằng vàng tương tự, vì thế ông thay thế chúng bằng những cái khiên bằng đồng, và những nghi lễ hoàng gia cứ tiếp tục diễn ra như không có chuyện gì xảy ra. Thông thường khi những vật quý giá của thế hệ trước bị mất vì tội lỗi thì sau đó được thay thế bằng những vật rẻ tiền. Cuộc sống cứ tiếp diễn và dường như không ai biết được sự khác nhau. Đó là điều đã xảy ra cho Hội Thánh Lao-đi-xê (Kh 3:17-19).

Sau cuộc xâm lăng của Si-sắc vào năm 925 B.C, Rô-bô-am trị vì 12 năm nữa và qua đời vào năm 913 B.C. Nếu ông cứ tiếp tục bước đi với Chúa và dẫn dắt dân sự trung thành với giao ước của Đức Chúa Trời, Ngài đã có thể làm những việc lớn cho ông. Như những gì đã xảy ra, tội lỗi của ông và tội lỗi của dân sự, những người làm theo ông đã làm cho đất nước yếu hơn, nghèo hơn, và ở trong cảnh nô lệ. Như Charles Spurgeon nói, “Đức Chúa Trời không cho phép dân sự của Ngài thành công trong sự phạm tội”.

Rô-bô-am đi theo con đường xác thịt và qua đời ở tuổi 58. Chúng ta tin rằng sự hạ mình mà ông và những cận thần của ông đã kinh nghiệm kéo dài đến hết phần đời còn lại của họ và họ bước đi với Đức Chúa Trời.

8. VỊ VUA MỚI, TỘI LỖI CŨ (IVua 12:25-14:20)

Vua Giê-rô-bô-am I là một người hành động, không phải là một nhà triết học; ông là người đầu tiên được Sa-lô-môn chú ý vì ông bận rộn, có năng lực, đáng tin cậy và làm việc hiệu quả (11:26-28). Ông là người lãnh đạo nhân dân lý tưởng, biết đấu tranh cho cuộc chiến của dân và bên vực chính nghĩa của họ. Hỏi ông về niềm tin riêng tư của mình nơi Đức Chúa Trời thì câu trả lời của ông hơi mơ hồ. Ông đã sống ở Ai Cập khá lâu nên có sự khoan dung đối với việc thờ hình tượng cũng như có sự hiểu biết về việc tôn giáo có thể được sử dụng như thế nào để điều khiển người dân. Trong kỹ năng này, Giê-rô-bô-am giống với Nê-bu-cát-nết-sa (Da 3:1-30), Hê-rốt Ạc-ríp-ba I (Cong 12:19-25), và An-ti-Christ (Kh 13:1-18 17:1-18), và những kẻ mị dân gần đây nhất. Nhưng Giê-rô-bô-am đã phạm ba lỗi nghiêm trọng trong suốt hai mươi năm trị vì của mình.

1. Ông không tin lời hứa của Đức Chúa Trời (IVua 12:25-33)

Sự thành công trong cuộc đời tùy thuộc vào việc làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời và tin cậy vào lời hứa của Ngài, nhưng Giê-rô-bô-am đã thiếu cả hai điều này. Khi A-hi-gia nói với Giê-rô-bô-am thông điệp của Đức Chúa Trời bảo đảm cho ông ngôi vua của vương quốc Y-sơ-ra-ên (IVua 11:28-39), tiên tri nói rõ rằng sự chia cắt về chính trị không cho phép sự xa rời tôn giáo. Đức Chúa Trời có lẽ sẽ ban cho Giê-rô-bô-am toàn vương quốc nếu Ngài không lập một giao ước đời đời với Đa-vít bằng việc cho một trong những con cháu của ông ngồi trên ngai (IISa 7:1-17). Điều này bảo vệ dòng dõi Đấng Mê-si để Đấng Cứu thế có thể đến thế gian. Đức

Chúa Trời cất 10 chi phái khỏi tay Rô-bô-am vì Rô-bô-am đã đi theo gương xấu của Sa-lô-môn và dẫn dân sự vào việc thờ hình tượng. Đây lẽ ra nên là lời cảnh báo cho Giê-rô-bô-am phải trung thành với Đức Chúa Trời và tránh xa khỏi những thần tượng hư không. Đức Chúa Trời cũng hứa lập cho Giê-rô-bô-am “một nhà vững chắc” (một vương triều tiếp tục không ngừng) nếu ông vâng lời Đức Chúa Trời và bước đi trong đường lối Ngài (c.38). Thật là một lời hứa tốt đẹp biết bao, nhưng Giê-rô-bô-am không thể tin nó.

Sự sợ hãi (IVua 12:25-28). Một trong những bằng chứng đầu tiên của sự không tin là sự sợ hãi. Chúng ta rời mắt khỏi Đức Chúa Trời và bắt đầu nhìn vào hoàn cảnh. Chúa Giê-xu đã hỏi các môn đồ của mình, “Hỡi kẻ ít đức tin kia, có sao các ngươi sợ?”, (Mat 8:23-27) nhắc nhở họ rằng đức tin và sự sợ hãi không thể cùng tồn tại lâu dài trong một tấm lòng. Sự sợ hãi của Giê-rô-bô-am là vương quốc phía nam sẽ tấn công ông và dân sự của ông sẽ lìa bỏ ông, trở về Giê-ru-sa-lem để thờ phượng. Luật pháp không chỉ quy định rằng đền thờ ở Giê-ru-sa-lem là nơi dâng của tế lễ duy nhất (Phu 12:1-32), nhưng còn ra lệnh tất cả người Do Thái phải đến Giê-ru-sa-lem mỗi năm ba lần để giữ những kỳ lễ đã định (Xu 23:14-17). Điều gì sẽ xảy ra nếu người dân quyết định ở lại Giu-đa và không trở về Y-sơ-ra-ên? Thậm chí nếu họ quay trở về phía bắc sau khi đi thờ phượng, họ có thể sống bao lâu với lòng trung thành đã bị phân chia? Có lẽ Giê-rô-bô-am nhớ lại cảnh ngộ của người kế vị Sau-lơ, Ích-bô-sét, người đã cố gắng thống trị mười chi phái phía bắc nhưng đã thất bại và bị giết chết (IISa 4:1-12). Nếu trong Y-sơ-ra-ên đã từng có phong trào của người dân thống nhất hai vương quốc, Giê-rô-bô-am sẽ là người đáng chết.

Sự an ninh (c.25). Giống như Sa-lô-môn (IVua 9:15-19 11:27) và Rô-bô-am (IISu 11:5-12), vua Giê-rô-bô-am củng cố thành phố thủ đô của mình (Si-chem) làm vững chắc những thành phố trọng yếu để chống lại bất kỳ kẻ xâm lăng nào. Phê-nu-ên (Phê-ni-ên) nằm ở phía đông sông Giô-đanh và nổi tiếng vì là nơi Gia-cốp vật lộn với thiên sứ của Đức Chúa Trời (Sa 32:1-32). Có vẻ như sau này Giê-rô-bô-am dời thủ đô của mình từ Si-chem về Tiệt-sa (IVua 14:17), hay có lẽ ông có một cung điện thứ hai ở đó. Thay vì tin cậy vào Đức Chúa Trời như là cái khiên và người bảo vệ mình, Giê-rô-bô-am lại tin tưởng vào sự phòng thủ và chiến lược của riêng mình.

Vật thay thế (IVua 12:26-33). Giải pháp dễ dàng nhất cho vấn đề của Rô-bô-am nhằm giữ lòng trung thành của dân sự ông là lập một trung tâm thờ phượng cho họ trong lãnh thổ Y-sơ-ra-ên. Nhưng ông có quyền gì đặt ra một tôn giáo đối địch khi người Do Thái đã nhận lãnh cách thức của sự thờ phượng từ chính tay Đức Chúa Trời? Chắc chắn ông không thể xây dựng một đền thờ cạnh tranh với đền thờ của Sa-lô-môn ở Giê-ru-sa-lem, hay viết một luật mới sánh được với những gì Môi-se đã nhận lãnh từ Đức Giê-hô-va, hoặc thiết lập một hệ thống tế lễ bảo đảm cho sự tha tội. Ông không phải là Môi-se và chắc chắn ông cũng không thể tự xưng là Đức Chúa Trời!

Những gì Giê-rô-bô-am làm là lợi dụng xu hướng thích thờ hình tượng của người Do Thái, sự thèm muốn của hầu hết người dân về một tôn giáo tiện lợi, ít tốn kém, và gắn với niềm tin cho phép được thoải mái với lương tâm. Giê-rô-bô-am không bảo dân sự quên Đức Giê-hô-va nhưng là thờ phượng Ngài dưới hình một con bò vàng. Trong Ai Cập và đất Ca-na-an, nhà vua đã nhìn thấy những tượng

trâu và bò được “dựng nên” và cho là dạng vô hình của các thần. Trong những tôn giáo đa thần mà Giê-rô-bô-am bắt chước, bò và trâu tượng trưng cho sự sinh sản. Giê-rô-bô-am đã quay lưng lại với thông điệp quan trọng nhất được truyền bảo tại núi Si-na-i: Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên là một Đấng con người có thể *nghe* nhưng không thể *nếm* hay *rờ*. Nghe lời của Ngài là điều tạo nên đức tin (Ro 10:17), và đức tin giúp chúng ta vâng lời. Nhưng nhiều người không muốn sống bởi đức tin; họ muốn bước đi bằng việc nhìn thấy và làm hài lòng các giác quan của mình.

Những lời của Giê-rô-bô-am trong câu 28 cho thấy rằng con bò vàng của A-rôn (Xu 32:1-8) cũng có trong ý nghĩ của ông. Nhưng nhà vua bắt chước hay hơn: ông làm *hai* con bò và đặt một con tại Bê-tên ở phía biên giới xa nhất về phía nam vương quốc, chỉ cách Giê-ru-sa-lem một quãng đường ngắn, và con bò kia đặt tại Đan ở biên giới xa nhất về phía bắc (Os 8:5-6 13:2-3). Việc thờ phượng Đức Chúa Trời không thể nào dễ dàng hơn nữa! Nhà vua nói với dân sự, “Các người đi lên Giê-ru-sa-lem thật khó thay,” (c.28), và họ còn hơn việc sẵn lòng tin ông. Nhà vua xây những đền đài tại Bê-tên, Đan và cho phép dân sự xây những nơi cao gần nhà họ hơn. Bằng sự tán thành của mình, nhà vua lập nên một “tôn giáo tự làm lấy” và giống như trong sách Các quan xét, mọi người làm những điều họ cho là đúng (Cac 17:6 18:1 19:1 21:25). Nếu dân Ca-na-an và người Ai Cập có thể thờ phượng con bò thì người Hê-bơ-rơ cũng vậy! Ông quên (Xu 20:1-3,22-23)– nhưng Đức Chúa Trời không quên!

Một tôn giáo cần những người hành lễ vì thế Giê-rô-bô-am chọn tất cả mọi loại người vào chức “tế lễ” tại bàn thờ ở Đan và Bê-tên (IVua 13:33-34 IISu 11:13-17). Yêu cầu duy nhất cho mỗi người là đem đến cho Giê-rô-bô-am một con bò đực tơ và bảy con chiên đực (IISu 13:9). Đức Chúa Trời đã phán rõ ràng khi Ngài ban luật pháp cho Môi-se rằng chỉ có con trai A-rôn mới được phục vụ như những thầy tế lễ tại bàn thờ (Xu 28:1-5 29:1-9 40:12-16) và nếu người nào từ chi phái khác cố gắng làm điều này thì người đó sẽ bị chết (Dan 3:5-10,38 4:17-20 18:1-7). Những thầy tế lễ không được phép tại những đền thờ không bao giờ được đến với Đức Chúa Trời hay dâng của lễ có thể được Đức Chúa Trời chấp nhận. Đó là một tôn giáo do con người tự tạo để làm hài lòng người dân, bảo vệ nhà vua, và thống nhất đất nước–trừ những người Lê-vi trung thành đã rời bỏ vương quốc phía bắc và đến Giu-đa để thờ phượng Đức Chúa Trời theo như những gì được dạy trong Kinh Thánh (IISu 11:13-17).

Luật pháp Môi-se đòi hỏi người Do Thái phải kỷ niệm bảy kỳ lễ thánh đã định mỗi năm (Le 23:1-44), vì thế Giê-rô-bô-am tự lập một kỳ lễ cho người dân ở vương quốc phía bắc. Lễ lều tạm được định vào tháng thứ bảy trong tròn một tuần lễ. Đây là một kỳ lễ vui mừng khi dân sự nhớ lại những năm trong đồng vắng phải sống trong lều tạm và kỷ niệm sự tốt lành của Đức Chúa Trời vì sự ban cho vụ mùa thu hoạch. Kỳ lễ của Giê-rô-bô-am được tổ chức vào tháng thứ tám như thế dân sự có thể chọn họ sẽ tham gia lễ nào, điều này phân biệt được những người Do Thái trung thành khỏi những kẻ thờ phượng giả mạo trong Y-sơ-ra-ên. Nhưng tại sao phải đi một quãng đường dài đến Giê-ru-sa-lem trong khi đến Bê-tên và Đan lại dễ hơn rất nhiều?

Cùng với việc dựng lên lịch, đền thờ, bàn thờ, và chức tế lễ tôn giáo của riêng mình, Giê-rô-bô-am còn tự phong mình là thầy tế lễ (c.32-33)! Ông dâng hương và của tế lễ giống như những thầy tế lễ được phép làm trong đền thờ, ngoại trừ một điều là Đức Chúa Trời không bao giờ nhậm của lễ của ông. Của lễ trong ngày thứ mười lăm của tháng thứ tám có quan hệ với kỳ lễ mà ông đã lập, và của lễ này có thể đã bắt chước ngày lễ chuộc tội hằng năm. Ông đã có tất cả những thành tố cần thiết cho một “tôn giáo” nhưng thiếu một điều rất quan trọng—Giê-hô-va Đức Chúa Trời!

Sự bội đạo. Ngày nay chúng ta đang sống trong một thời đại khi mà “tôn giáo công nghiệp” được phổ biến, tán thành và chấp nhận. Những nhà lãnh đạo mù quáng của những người mù quáng quả quyết rằng chúng ta sống trong một “xã hội đa nguyên” và không ai có quyền tự cho là chỉ có sự mặc khải là thật và chỉ có một cách cứu rỗi linh hồn là đúng. “Những thầy tế lễ” tự phong chức và những người hành lễ kết hợp thứ thần học của riêng họ với nhau và mạo nhận nó là chân lý. Họ không mấy may quan tâm đến những gì Kinh Thánh nói; thay vào đó, họ thay thế Lời không thay đổi và đầy cảm hứng của Đức Chúa Trời bằng “những lời giả dối” của họ (II Phi 2:3), và nhiều người khờ dại sẽ bị những lời dối trá của họ lừa bịp và dẫn dụ (2:1-2). “Tôn giáo” của Giê-rô-bô-am kết hợp chặt chẽ những yếu tố từ luật pháp Môi-se và từ những nước đa thần mà người Do Thái xâm chiếm. Hệ thống của ông là cái ngày nay gọi là “chiết trung” (có chọn lọc) hay “thuyết hổ lốn” (kết hợp nhiều thứ), nhưng Đức Chúa Trời gọi nó là tà giáo và sự bội đạo. Khi tiên tri Ê-sai đối diện với những tôn giáo mới trong thời của mình, ông đã kêu gào, “*Hãy theo luật pháp và lời chứng! Nếu dân chẳng nói như vậy chắc sẽ chẳng có rạng đông cho nó*” (Es 8:20).

Vì Giê-rô-bô-am không tin những lời hứa của Đức Chúa Trời phán bởi tiên tri A-hi-gia, ông bắt đầu bước đi trong sự không tin và dẫn dân sự vào tôn giáo sai lệch. Tôn giáo mà ông sáng tạo thì thoải mái, thuận lợi và ít tốn kém, nhưng nó không được Đức Chúa Trời cho phép. Nó trái ngược với ý muốn của Đức Chúa Trời được bày tỏ trong Kinh Thánh và nó sinh ra vì mục đích thống nhất vương quốc của Giê-rô-bô-am, không phải vì sự cứu rỗi dân sự và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Nó là một tôn giáo nhân tạo và Đức Chúa Trời hoàn toàn phản bác nó. Nhiều thế kỷ sau, Chúa Giê-xu phán với người đàn bà Sa-ma-ri (vương quốc trước đây của Y-sơ-ra-ên) rằng “Các người thờ lạy sự các người không biết, chúng ta thờ lạy sự chúng ta biết, vì sự cứu rỗi bởi người Giu-đa mà đến” (Gi 4:22) NASB). Khi Ngài tuyên bố điều đó, Ngài hoàn toàn loại bỏ những tôn giáo khác và khẳng định rằng con đường cứu rỗi duy nhất đến từ người Do Thái. Chúa Giê-xu là người Do Thái và niềm tin Cơ Đốc đến từ tôn giáo của người Do Thái. Mặc dù “xã hội đa nguyên” hiện đại của chúng ta, sứ đồ Phi-e-rơ nói đúng: “*Chẳng có sự cứu rỗi trong đấng nào khác; vì ở dưới trời, chẳng có danh nào khác ban cho loài người, để chúng ta phải nhờ đó mà được cứu*” (Cong 4:12 NASB).

2. Ông không để ý lời cảnh cáo của Đức Chúa Trời (IVua 13:1-34)

Đoạn Kinh Thánh dài này không phải nói về vị tiên tri trẻ và tiên tri già; nó nói về vua Giê-rô-bô-am và tội lỗi của ông. Chức vụ của vị tiên tri trẻ trong đoạn này rất quan trọng, vì tất cả những gì ông nói và kinh nghiệm, bao gồm cái chết của

ông, là một phần trong lời cảnh cáo của Đức Chúa Trời dành cho Giê-rô-bô-am. Theo câu 33, nhà vua không xây bỏ Đức Chúa Trời: “Sau việc ấy, Giê-rô-bô-am không trở lại con đường ác mình”. Trong đoạn này, vị tiên tri chết, nhưng trong đoạn tiếp theo, thái tử chết! Rõ ràng, Đức Chúa Trời đang cố gắng thu hút sự chú ý của Giê-rô-bô-am.

Thông điệp (IVua 13:1-2). Vị tiên tri vô danh đến từ Giu-đa vì tại đó vẫn còn những đày tớ trung thành Đức Chúa Trời có thể dùng được. Ông gặp Giê-rô-bô-am tại điện thờ ở Bê-tên, nơi rất cuộc trở thành “nơi thánh của vua” (Am 7:10-12). Khi bạn tự tạo ra một tôn giáo của riêng mình, như Giê-rô-bô-am đã làm, bạn có thể làm bất cứ điều gì bạn muốn, và Giê-rô-bô-am chọn trở thành một thầy tế lễ cũng như một nhà vua. Giê-rê-mi và Ê-xê-chi-ên là những thầy tế lễ được gọi là những nhà tiên tri, nhưng luật pháp Môi-se không cho phép nhà vua phục vụ như là thầy tế lễ (IISu 26:16-23). Chúa Giê-xu là vị Vua duy nhất cũng là thầy Tế lễ (He 7:1-8:13), những người tin Chúa là “vua và thầy tế lễ” (Kh 1:6) và là “chức tế lễ nhà vua” (IPhi 2:9). “Chức thầy tế lễ” của Giê-rô-bô-am là giả mạo và bị Đức Chúa Trời bác bỏ. Đó có thể là lý do tại sao vị tiên tri vô danh đến từ Giu-đa truyền thông điệp của mình khi nhà vua đang ở tại bàn thờ.

Vị tiên tri nói với bàn thờ, không phải với nhà vua, như thế là Đức Chúa Trời không còn muốn nói với Giê-rô-bô-am, một người quá bận rộn với chính mình và kế hoạch của mình đến nỗi không có thời gian để lắng nghe Đức Chúa Trời. Thông điệp tuyên bố rằng tương lai ở với nhà Đa-vít, không phải với nhà Giê-rô-bô-am. Bởi vì đường lối ác của Giê-rô-bô-am, vương quốc Y-sơ-ra-ên trở nên quá ô uế với sự thờ lạy thần tượng và tội lỗi đi kèm với nó đến nỗi vương quốc sẽ bị tiêu diệt trong vòng hai thế kỷ. Vào năm 722, quân Sy-ri bắt Y-sơ-ra-ên và mười chi phái phía bắc đi lưu đày.⁴ Vương triều Đa-vít tiếp tục đến đời trị vì của Sê-đê-kia (597-586). Ông là vị vua cuối cùng của Giu-đa cho đến khi quân Ba-by-lôn chinh phục Giê-ru-sa-lem vào năm 586.

Thông điệp của vị tiên tri nói trước về 300 năm sau vào thời trị vì của vị vua yêu mến Chúa: Giô-si-a (640-609), người đã dẹp bỏ tận gốc sự thờ hình tượng trong vương quốc, bao gồm cả điện thờ của nhà vua ở Bê-tên (IIVua 23:15-16). Giô-si-a làm bàn thờ mất tính thiêng liêng bằng việc đốt xương người trên đó, và sau đó ông triệt hạ bàn thờ và đổ tro xuống đất. Lời tiên tri được ứng nghiệm đúng như những gì vị tiên tri nói. Lời hứa này chắc chắn đến nỗi vị tiên tri đã nói cả tên của nhà vua! (Es 44:28 45:1,13).

Phép lạ (IVua 13:4-6). Nhà vua không để ý đến thông điệp từ Đức Chúa Trời; những gì ông muốn là trừng trị kẻ mang đến thông điệp đó. Ông rất tức giận khi nghe rằng một vị vua của Giu-đa một ngày kia sẽ mạo phạm và dẹp bỏ hệ thống tôn giáo đang thành công của ông. Khi Giê-rô-bô-am giơ tay ra và chỉ vào vị tiên tri, Đức Chúa Trời đung vào tay ông và nó bị đột quy. Thật là một kinh nghiệm nhục nhã cho một vị vua kiêm thầy tế lễ đầy quyền lực! Vào lúc đó, bàn thờ tà thần nứt ra và tro trên đó đổ xuống. Thường Đức Chúa Trời minh chứng cho Lời của Ngài bằng những dấu hiệu kỳ lạ (He 2:1-4;) nhưng chỉ để nhấn mạnh thêm cho thông điệp. Mặc dầu sự kiêu hãnh ngoan cố và sự không vâng lời bướng bỉnh, Đức Chúa Trời vẫn nhân từ chữa lành cánh tay cho ông. (Xu 8:8 Cong 8:24). Tệ hơn là

nhà vua chỉ quan tâm đến sự chữa lành thuộc thể cho thân thể ông hơn là sự chữa lành về đạo đức và thuộc linh cho tấm lòng mình.

Nhà vua chứng kiến ba phép lạ chỉ trong vòng vài phút, nhưng không có bằng chứng nào cho thấy ông nhận ra được tội lỗi của mình. Bản thân những phép lạ không đem đến sự nhận thức tội lỗi hay cứu rỗi đức tin, nhưng chúng gây sự chú ý đến Lời Đức Chúa Trời. Khi Chúa Giê-xu gọi La-xa-rơ từ sự chết, một vài người chứng kiến đã tin Ngài trong khi một số khác đến ngay những nhà lãnh đạo Do Thái và dựng chuyện (Gi 11:45-54). Phép lạ không cần thiết cho sự truyền bá phúc âm (10:40-42), và những người nói rằng họ tin Chúa chỉ bởi vì phép lạ của Ngài thật sự là “những người tin không được cứu” (2:23-25).

Thủ đoạn (IVua 13:7-10). Giê-rô-bô-am là người khôn lanh và cố gắng gài bẫy vị tiên tri bằng cách mời ông đến cung điện dùng bữa. Sa-tan đến như sư tử ăn nuốt chúng ta (IPhi 5:8) và khi không làm được điều đó nó đến như con rắn để lừa gạt chúng ta (II Co 11:3 Sa 3:1). Nhà vua vừa mới nói “Hãy bắt nó đi” bây giờ thành “Hãy về cung với ta”. Nhưng vị tiên tri từ chối, vì ông biết mạng lệnh của Đức Chúa Trời cho ông là phải rời khỏi Bê-tên và không được lưu lại. Nếu vị tiên tri cùng ăn một bữa với nhà vua, chỉ hành động đơn giản đó sẽ xóa đi hiệu lực của lời chứng và công việc của ông. Ở phương đông, việc dùng bữa chung là biểu hiện của tình bạn và sự tán thành. Vị tiên tri chắc chắn không muốn trở thành bạn của một người gian ác như vậy hay gây cho người khác ấn tượng rằng mình đang tán thành công việc xấu xa của người đó. “Người công bình xiêu tó trước mặt kẻ gian ác khác nào một suối nước bị đầy đục, một nguồn nước bị hư” (Ch 25:26). Một người đầy tớ thỏa hiệp của Đức Chúa Trời làm vẩn đục nước và từ chối sự thánh khiết. Vị tiên tri từ chối tình bạn, thức ăn và tặng phần của nhà vua. Giống như Đa-ni-ên, ông nói “Vua hãy giữ lại của ban thưởng, và lễ vật vua hãy ban cho kẻ khác” (Da 5:17).

Lỗi lầm (IVua 13:11-34). Vị tiên tri trung thành từ Giu-đa không thể bị nhà vua gian ác phỉnh gạt nhưng ông lại bị một vị tiên tri già đã nghỉ hưu lừa gạt! Câu chuyện này bày tỏ một số điều làm nhiều người bối rối, nhưng chúng ta không thể quên thông điệp chính: nếu Đức Chúa Trời trừng phạt một vị tiên tri phạm tội bất tuân vì bị lừa gạt thì Ngài sẽ trừng phạt hơn như thế nào đối với một vị vua gian ác đang phạm tội với đôi mắt mở to? Nếu một vị tiên tri thật sự bất tuân và bị kỷ luật, điều gì sẽ xảy ra với những vị tiên tri giả? Vị tiên tri từ Giu-đa không thỏa hiệp trong thông điệp của mình, nhưng ông đã thỏa hiệp trong cách cư xử, và ông phải trả giá cho sự không vâng lời bằng chính mạng sống của mình. Đức Chúa Trời đang phán với Giê-rô-bô-am, “Lại nếu người công bình còn khó được rỗi thì những kẻ nghịch đạo và có tội sẽ trở nên thế nào?” (IPhi 4:18 Ch 11:31).

Có một số đặc điểm của vị tiên tri già làm tôi băn khoăn. Đầu tiên, ông làm gì khi sống ở Bê-tên khi mà chỉ cần đi vài dặm ông có thể ở Giu-đa? Chúng ta có ấn tượng rằng vị tiên tri này không chính xác là một người phi thường về mặt thuộc linh nếu không thì Đức Chúa Trời đã gọi ông vào việc quả trách nhà vua. Việc ông nói dối vị tiên tri đồng bạn đặt ra một số câu hỏi về nhân cách của ông. Việc ông khóc than cái chết của vị tiên tri trẻ *khí chính ông gián tiếp gây ra điều này*, và việc ông sau đó chôn người mà chính ông gián tiếp giết cũng làm cho chúng ta bối rối. Có phải ông đang cố gắng chuộc tội lỗi của chính ông đối với vị tiên tri?

Vị tiên tri trẻ làm tốt công việc của mình và rời khỏi thành. Nếu ông cứ tiếp tục đi và không dừng lại nghỉ dưới gốc cây thì ông sẽ thoát được khỏi lời mời cám dỗ của vị tiên tri già. Những đầy tớ của Đức Chúa Trời thường đối diện với sự cám dỗ to lớn sau những thời gian thành công rực rỡ và sôi nổi. (IVua 18:1-19:21). Con trai của vị tiên tri già chứng kiến sự đối đầu giữa Giê-rô-bô-am với vị tiên tri trẻ tại bàn thờ và kể lại cho cha mình nghe những gì vị tiên tri từ Giu-đa đã nói về nhà vua và về mạng lệnh của Đức Chúa Trời đối với ông (c.8-10). Khi vị tiên tri già bắt kịp người truyền thông điệp của Đức Chúa Trời, ông cố ý cám dỗ người bất tuân mạng lệnh của Đức Chúa Trời, *và người trẻ tuổi này đã rơi vào bẫy!* Vị tiên tri già lẽ ra không nên xúi giục một đầy tớ đồng chức vụ với mình bất tuân lời Đức Chúa Trời, nhưng vị tiên tri trẻ lẽ ra cũng không nên vội tin lời của người này. Nếu Đức Chúa Trời đã phán với người từ Giu-đa thông điệp của Ngài và những chỉ thị để truyền rao điều đó thì sau đó Ngài cũng sẽ cho ông biết những thay đổi trong kế hoạch.

Khi một người bị xáo động về tình cảm nói với Charles Spurgeon rằng Đức Chúa Trời đã bảo ông hãy giảng thuyết cho Spurgeon vào Chủ Nhật tới tại Metropolitan Tabernacle, Spurgeon trả lời rằng “Khi nào Đức Chúa Trời bảo tôi, tôi sẽ cho ông biết.” Những người tin Chúa khác có thể dùng lời Chúa để khích lệ, cảnh cáo, hay sửa dạy chúng ta, nhưng *hãy cẩn thận trong việc để cho người khác nói với bạn về ý muốn của Đức Chúa Trời cho cuộc đời bạn.* Đức Chúa Cha yêu mỗi một người con của Ngài và muốn truyền đạt ý muốn của Ngài cho mỗi người cách cá nhân (Thi 33:11). Đúng là có sự an toàn giữa vô số những người cố vấn, miễn là bạn bước đi với Đức Chúa Trời, nhưng không chắc chắn rằng bạn có được ý muốn của Đức Chúa Trời chỉ bởi vì cả một đám đông ủng hộ điều đó.

Vì vị tiên tri già biết được những gì vị tiên tri từ Giu-đa có nhiệm vụ phải làm, tại sao ông cố ý nói dối người và khuyến khích người không vâng lời Đức Chúa Trời? Có phải vị tiên tri già lo lắng rằng vị tiên tri đến thăm sẽ khuấy động mọi sự tại nơi Bê-tên dễ chịu và tạo ra vấn đề cho ông cùng những kẻ thỏa hiệp đang thỏa mãn khác? Có lẽ vị tiên tri trẻ đang tự hào về những gì ông đã làm là truyền dạy một thông điệp đầy quyền năng và thực hiện ba phép lạ—và Đức Chúa Trời dùng người già này để thử ông và đem ông trở lại nơi cần thiết. Vị tiên tri già đã cám dỗ vị tiên tri trẻ bằng việc nói dối, nhưng vị tiên tri trẻ đã tự cám dỗ chính mình (ông đã ở ngoài ý muốn của Đức Chúa Trời) và cám dỗ Đức Chúa Trời bằng việc quay trở lại Bê-tên. Tại sao vị khách trẻ không tìm kiếm mặt Đức Chúa Trời và khám phá ra ý muốn của Ngài? Đoạn Kinh Thánh này chỉ kể cho chúng ta về những sự kiện, không phải về những động cơ trong lòng của mỗi người trong cuộc, vì thế chúng ta không thể trả lời những câu hỏi này một cách dứt khoát được.

Một trong những sự kiện lạ nhất của tất cả những điều này là Đức Chúa Trời đã phán Lời của Ngài cho vị tiên tri già, người đã ở ngoài ý muốn của Ngài! Nhưng Đức Chúa Trời đã phán với Ba-la-am, một người chưa hẳn là tách biệt hay tận hiến cho Đức Chúa Trời; cũng như Ngài đã phán với Ê-li (IVua 18:1-46) và Giô-na (Gion 3:1-4:11). Sau bữa ăn, vị tiên tri trẻ trở về nhà, trên đường gặp một con sư tử và bị nó giết. Nhưng ngay cả sự kiện này cũng có khía cạnh lạ thường vì con sư tử không cắn xé xác người hay tấn công con lừa và con lừa cũng không bỏ chạy.

Những con vật này ắt hẳn đã ở đó rất lâu vì những người chứng kiến đã kể lại chuyện này trong Bê-tên và người ta đến để xem cảnh tượng này, bao gồm cả vị tiên tri già đến mang xác đi đem chôn. Chắc chắn những tin tức này bay đến cung điện và có lẽ nhà vua vui mừng vì kẻ thù của mình đã chết. Nhưng những lời của vị tiên tri sẽ không chết! Và chính cái chết của vị tiên tri là một lời cảnh cáo khác cho Giê-rô-bô-am rằng ông nên bắt đầu vâng phục Lời của Đức Chúa Trời.

Vị tiên tri già ắt hẳn đã lấy lại được can đảm, vì ông công khai tuyên bố rằng lời tiên tri được nói tại bàn thờ ở Bê-tên sẽ ứng nghiệm (c.31-32) và nó đã ứng nghiệm (II Vua 23:15-18). 300 năm sau, vua Giô-si-a nhìn thấy mộ của vị tiên tri già và lấy hết can đảm tin rằng Đức Chúa Trời sẽ làm thành Lời của Ngài. Nhưng có điều gì trong những sự kiện lạ thường này làm thức tỉnh tấm lòng của vua Giê-rô-bô-am và đem ông đến chỗ ăn năn? “Sau việc ấy, Giê-rô-bô-am không trở lại con đường ác mình” (c.33). Tuy nhiên, lời cảnh cáo tiếp theo của Đức Chúa Trời sẽ đến gần nhà hơn.

3. Ông không nhận sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời (IVua 14:1-20)

Chúng ta không đọc thấy trong Kinh Thánh rằng Giê-rô-bô-am tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời, cầu nguyện cho sự nhận thức rõ ràng về mặt thuộc linh, hay cầu xin Đức Chúa Trời khiến ông trở nên một người tin kính Ngài. Ông cầu xin sự chữa lành đôi tay, bây giờ ông cầu xin tiên tri A-hi-gia chữa bệnh cho con trai mình là thái tử và người kế vị. Rõ ràng đối với ông những phước hạnh thuộc thể quan trọng hơn những phước hạnh thuộc linh. Giống như những tín hữu danh nghĩa và những thành viên cầu thả của Hội Thánh ngày nay, lần duy nhất Giê-rô-bô-am muốn người của Đức Chúa Trời giúp đỡ là khi ông gặp vấn đề.

Người vợ giả dạng (IVua 14:1-3). Vào lúc ấy A-bi-gia không còn là một đứa trẻ nhỏ. Ông đủ lớn để được Đức Chúa Trời chấp nhận (c.13) và được dân sự đánh giá cao, vì họ than khóc ông khi ông chết (c.18). Rất có thể những người tin kính Chúa còn sót lại trong Y-sơ-ra-ên đặt hy vọng vào vị thái tử trẻ tuổi, nhưng Đức Chúa Trời đã xét đoán gia đình hoàng gia và những cư dân bội đạo bằng cách kêu gọi thái tử tránh xa nơi ô uế truy lạc được gọi là Y-sơ-ra-ên. “Người công bình chết chẳng ai để ý đến; người nhân đức bị cất đi, chẳng ai suy nghĩ rằng người công bình bị cất đi khỏi tai vạ hầu đến” (Es 57:1).

Nhà vua muốn sự giúp đỡ từ vị tiên tri, nhưng ông quá kiêu hãnh để thừa nhận điều đó hay đích thân đối diện với A-hi-gia. Vị tiên tri vẫn sống tại Si-lô (IVua 11:29). Ông quá già và ốm yếu để dời đến sống tại Giu-đa, ông muốn trung thành đến phút cuối và cảnh báo Giê-rô-bô-am về hậu quả tội lỗi của ông. Có phải nhà vua đã nghĩ rằng một sự cải trang sẽ đánh lừa được vị tiên tri tin kính Chúa nhưng mù lòa? Trong sự mù lòa của mình A-hi-gia có thể thấy nhiều hơn Giê-rô-bô-am và vợ của ông có thể thấy bằng mắt mình. Những vật phẩm mà hoàng hậu mang đi là những thứ rất thông thường của người lao động, không phải là những vật phẩm mà nhà vua thường tặng.

Vị tiên tri sâu sắc (IVua 14:4-6). Từ Tiệt-sa đến Si-lô mất khoảng 20 dặm, nhưng vị tiên tri biết bà đang đến trước khi bà đến thành phố. Vị tiên tri lớn tuổi biết ai đang đến, tại sao bà đến và ông phải có nhiệm vụ nói với bà điều gì. “Đức Giê-hô-va tỏ cho người kính sợ Ngài biết sự kín nhiệm của Ngài” (Thi 25:14). “Cũng vậy,

Chúa Giê-hô-va chẳng có làm một việc gì mà Ngài chưa tỏ sự kín nhiệm Ngài ra trước cho tôi tớ Ngài là, các đấng tiên tri” (Am 3:7). Giê-rô-bô-am sai vợ mình đến A-hi-gia, nhưng A-hi-gia lại nói rằng ông được sai đến bà! Ông truyền cho bà thông điệp bà sẽ nói với chồng mình và nó không phải là một thông điệp tốt lành.

Thông điệp được bày tỏ (IVua 14:7-16). Đầu tiên, vị tiên tri nhắc Giê-rô-bô-am nhớ về ân điển của Đức Chúa Trời trong quá khứ (c.7-8a). Đức Chúa Trời đã chọn Giê-rô-bô-am và cất nhắc ông từ một người lãnh đạo địa hạt lên thành người cai quản toàn vương quốc phía bắc.⁷ Đức Chúa Trời đã giạt mười chi phái khỏi tay nhà Đa-vít và ban chúng cho Giê-rô-bô-am. Nhưng sau đó A-hi-gia phơi bày **tội lỗi của Giê-rô-bô-am trong hiện tại** (c.8b-9). Không giống như Đa-vít, người đã tận hiến trọn cả tấm lòng cho Đức Chúa Trời, Giê-rô-bô-am làm điều ác hơn cả điều ác của Sau-lơ, Đa-vít và Sa-lô-môn cộng lại. Ông xây bỏ Đức Chúa Trời chân thật của Y-sơ-ra-ên và làm những thần tượng giả dối, sau đó cho phép dân sự của mười chi phái thờ phượng những thần tượng này. Ông lập ra một tôn giáo giả mạo, chọc giận Đức Chúa Trời, và từ chối lắng nghe những vị tiên tri được phái đến để cảnh cáo ông.

Điều này dẫn đến **Sự bày tỏ của A-hi-gia về tương lai của Giê-rô-bô-am** (c.10-16). Đầu tiên, không giống như vua Đa-vít, Giê-rô-bô-am sẽ không thiết lập một vương triều, mặc dù Đức Chúa Trời đã hứa chúc phước cho ông bằng “một nhà vững chắc” nếu ông vâng lời Đức Chúa Trời (IVua 11:38). Tất cả những con cháu trai của Giê-rô-bô-am sẽ bị chết đột ngột; Đức Chúa Trời sẽ “quét sạch” gia đình Giê-rô-bô-am và cất đi những người thừa kế có khả năng, giống như cách đầy tớ dọn phân trong nhà. (Đức Chúa Trời không nghĩ nhiều đến những đứa con của vua!). Nhưng tệ hơn nữa không một ai trong số họ trừ A-bi-gia, vị thái tử ốm yếu có được một sự chôn cất đàng hoàng. Những xác chết của các con ông sẽ bị chó trong thành ăn nuốt và chim ngoài đồng cắn rĩa, không bao giờ được chôn cất. Đây là một sự nhục nhã ghê gớm cho bất kỳ người Do Thái nào.

Sau đó A-hi-gia nói đến việc sắp xảy ra, tương lai của người kế vị ngai vàng đang đau bệnh. A-bi-gia sẽ chết, có sự chôn cất đàng hoàng và được dân sự than khóc. Con trai duy nhất của Giê-rô-bô-am độc ác, người có thể cai trị đúng đắn đã bị cất khỏi họ, không phải vì ông độc ác nhưng vì ông là người tốt và Đức Chúa Trời muốn miễn cho ông khỏi sự đau khổ đã dành cho vương quốc (Es 57:1). Trong khi A-hi-gia nói tiên tri (c.14), ông nhìn thấy Na-đáp là con trai và người kế vị của Giê-rô-bô-am sẽ trị vì được hai năm và sau đó bị Ba-ê-sa, một người về nhà Y-sa-ca giết chết (IVua 15:25-31). Ba-ê-sa không chỉ giết Na-đáp, nhưng ông tiêu diệt hết thủy gia đình của Giê-rô-bô-am, làm thành lời tiên tri của A-hi-gia (15:29).

Nhưng sau đó vị tiên tri mù còn nói tiên tri về những điều xảy ra xa hơn nữa (c.15-16) và nhìn thấy toàn vương quốc Y-sơ-ra-ên bị kẻ thù đánh bại (A-sy-ri) bị đem đi khỏi xứ, và bị phân tán khắp các nước. Điều này xảy ra vào năm 722 T.C. Vương quốc Y-sơ-ra-ên có một hệ thống tôn giáo mới nhưng họ vẫn ở dưới giao ước của Đức Chúa Trời (Le 26:1-46 Phu 28:1-30:20). Giao ước đó cảnh báo rằng sự bất tuân của họ đối với luật pháp của Đức Chúa Trời sẽ đem đến sự thất bại về quân sự và sự phân tán đất nước giữa vòng những nước khác (28:25-26,49-52 Le 26:17,25,33-39) và (Phu 7:5 12:3-4). Đây là nguyên nhân gây ra sự đoán phạt khủng

khiếp này? “Vì có tội Giê-rô-bô-am đã phạm, tức tội khiến cho dân Y-sơ-ra-ên can phạm” (c.16). Như vua Đa-vít là chuẩn mực của Đức Chúa Trời để đo lường những vị vua tốt thì Giê-rô-bô-am là thí dụ của Đức Chúa Trời về một trong những vị vua tệ nhất. (IVua 15:34 16:2-3,7,9,26,31 22:52 IIVua 3:3 9:9 10:29,31 13:2,6,11 14:24 15:9,18,24,28 17:21-22).

Sự thi hành đau đớn (IVua 14:17-20). Rõ ràng Giê-rô-bô-am có một cung điện ở Tiệt-sa và một cung điện ở Si-chem ắt hẳn nó ở ngoài bìa thành. A-hi-gia đã báo cho vợ Giê-rô-bô-am biết rằng đứa trẻ sẽ chết ngay khi bà vào thành (c.12), nhưng câu 17 cho biết nó chết khi bà đặt chân trên ngạch cửa. Toàn Y-sơ-ra-ên khóc than cái chết của người con trai này và họ tổ chức một đám tang xứng đáng với một thái tử cho ông. Tay của nhà vua đã được chữa lành và bàn thờ của ông bị phá đổ (IVua 13:1-16), và bây giờ con trai ông chết. Quân đội của ông sẽ bị vua Giu-đa cũng tên là A-bi-gia (IISu 13:1-22) đánh bại. Trước khi ông ăn năn, đã bao nhiêu lần Đức Chúa Trời phải cảnh cáo ông?

Không ai có thể phạm tội giống như Giê-rô-bô-am, con trai Nê-bát. Trong suốt 22 năm làm vua Y-sơ-ra-ên, ông dẫn gia đình và đất nước vào sự suy đồi. Một ngày nào đó Giê-rô-bô-am qua đời và con trai ông là Na-đáp, người sau này bị ám sát sẽ kế vị ông. Ngày đó đến thì không có một con cháu nào của vua Giê-rô-bô-am còn sống hay bạn có thể nhận ra được mùi chi phái của Y-sơ-ra-ên.

“Tôi thật sự lo sợ cho đất nước tôi khi tôi ngẫm nghĩ rằng Đức Chúa Trời rất công bình; rằng sự công bình của Ngài không thể ngủ yên mãi mãi...”⁸, Thomas Jefferson đã viết những lời này vào năm 1781, nhưng chúng cũng thích hợp với chúng ta ngày nay.

IVua 14:21-31 xem giải nghĩa IVua 12:18-24

9. CUỘC ĐIỀU HÀNH CỦA CÁC VỊ VUA (IVua 15:1-16:28 IISu 13:1-16:3)

Nếu không phải do bàn tay tế trị của Đức Chúa Trời tối cao, nước Do Thái không bao giờ có thể hoàn thành những gì Đức Chúa Trời kêu gọi họ làm: làm nhân chứng cho một Đức Chúa Trời hằng sống và có thực, viết Kinh Thánh và đem Chúa Cứu Thế đến thế gian. Thay vì một thì bây giờ có hai vương quốc và những người lãnh đạo cùng người dân thường trong cả hai vương quốc đã rời bỏ Đức Chúa Trời để phục vụ thần tượng. Ở Giu-đa, những thầy tế lễ vẫn tiếp tục công việc của mình tại đền thờ, nhưng trong suốt 345 năm từ đời Giê-rô-bô-am đến đời Sê-đê-kia chỉ có tám trong số mười chín vua Giu-đa được kể là “tốt”. Hầu hết trong số 20 vị vua của Y-sơ-ra-ên là những người tự lợi, được kể là “gian ác”. Một số người tốt hơn những người khác, nhưng không ai có thể so sánh với vua Đa-vít.

Lưu ý rằng sách Các Vua và Sử ký không ghi lại lịch sử chính xác từ cùng một viễn cảnh. Trong sách I Các Vua và II Các Vua, trọng tâm là về những vị vua của Y-sơ-ra-ên, nhưng I Sử ký và II Sử ký nhấn mạnh về vương triều của nhà Đa-vít trong Giu-đa. Vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên, sau này gọi là Sa-ma-ri, chỉ được nói đến trong Sử ký khi nó có quan hệ với Giu-đa. Một điều nên nhớ nữa là hai vương quốc sử dụng những hệ thống khác nhau trong việc lưu giữ văn thư

chính thức. Tại Giu-đa, đời trị vì của nhà vua được tính từ lúc bắt đầu niên lịch kế tiếp sau khi ông bắt đầu trị vì, trong khi tại Y-sơ-ra-ên, việc tính này bắt đầu vào năm nhà vua thật sự lên ngôi. Ngoài ra, một số vị vua dùng con trai mình làm người cùng nhiếp chính trong những năm cuối đời trị vì của họ. Những yếu tố này làm cho việc tính toán một số vị vua trị vì trong bao lâu trở nên phức tạp, và điều này giúp chúng ta hiểu tại sao những nhà nghiên cứu Kinh Thánh lúc nào cũng không thống nhất với nhau.

1. Một vương triều tiếp tục (IVua 15:1-24) (ISu 13:1-16:13)

Vương quốc phía bắc của Y-sơ-ra-ên có chín vương triều trong khoảng 250 năm, trong khi vương quốc phía nam trung thành giữ vững vương triều Đa-vít trong 350 năm và từ vương triều đó mà Chúa Giê-xu Christ, con trai của Đa-vít sẽ đến (Mat 1:1). Mặc cho tất cả những tội lỗi của mình, vương quốc Giu-đa vẫn gắn liền vận mệnh của mình với Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật, thực hành sự thờ phượng được cho phép trong đền thờ, và có những vị vua thuộc gia đình Đa-vít. Hai trong số những vị vua đó được kể tên trong những đoạn này là A-bi-gia và A-sa.

A-bi-gia (IVua 15:1-8 ISu 13:1-22). Người con trai này của Rô-bô-am được cha mình chọn lựa kỹ lưỡng vì những khả năng đã được chứng tỏ của ông (11:22), nhưng ông không phải là một người kính sợ Chúa (15:3). Ông chỉ trị vì trong ba năm trong khoảng 913-910 T.C. Ông là dòng dõi nhà Đa-vít từ cả cha lẫn mẹ, vì người con trai đáng hổ thẹn của Đa-vít là Áp-sa-lôm chính là ông ngoại của A-bi-gia. A-bi-gia có lẽ có dòng máu của Đa-vít chảy trong người, nhưng ông không có trái tim hoàn hảo của Đa-vít đập trong ngực. Cha của A-bi-gia là Rô-bô-am vẫn không từ bỏ cuộc chiến tranh liên tiếp với Giê-rô-bô-am, và A-bi-gia tiếp tục truyền thống đó.

Tuy nhiên, A-bi-gia biết lịch sử của mình và tin vào những điều Đức Chúa Trời đã phán với Môi-se và Đa-vít. Ông có can đảm giảng thuyết một bài cho Giê-rô-bô-am và đội quân gồm 800.000 người của ông đông gấp hai lần đội quân của Giu-đa, nhắc nhở họ về nền tảng chân thật của niềm tin của người Do Thái (13:4). Ông đứng trên núi Xê-ma-ra-im, một nơi cao nằm ở biên giới giữa Bê-gia-min và Y-sơ-ra-ên (Gios 18:22) và giảng thuyết. Ông mở đầu bài giảng thuyết của mình bằng việc nhắc Giê-rô-bô-am nhớ rằng dòng dõi Đa-vít mới chính là vương triều hoàng gia thật sự vì được khởi đầu bởi giao ước không hề thay đổi của Đức Chúa Trời với Đa-vít (c.4-5 ISa 7:1-29). Cụm từ “giao ước bằng muối” có nghĩa là “một giao ước đời đời” (Dan 18:9).

Đưa ra lý lẽ trước về việc Đức Chúa Trời cũng lập Giê-rô-bô-am làm vua, A-bi-gia giải thích tại sao đất nước bị phân chia (ISu 13:6-7). Giê-rô-bô-am đã nổi loạn chống lại cả Sa-lô-môn và Rô-bô-am rồi phải chạy trốn sang Ai Cập. Sau đó, Rô-bô-am vì còn non nớt nên nghe theo những kẻ cố vấn không khôn ngoan và đã có một quyết định dại dột dẫn đến việc Giê-rô-bô-am trở thành vua. Nhưng kế hoạch ban đầu của Đức Chúa Trời là dòng dõi Đa-vít sẽ trị vì một vương quốc thống nhất. ISử ký và IISử ký nhấn mạnh trên tính chính thống của vương triều Đa-vít (ISu 17:14 28:5 29:11,23 IISu 9:8).

Kết thúc vấn đề về việc các con trai Đa-vít nên ngồi trên ngai vàng, A-bi-gia nhắc nhở Giê-rô-bô-am rằng chỉ có những con trai của A-rôn mới có thể phục vụ trong đền thờ (13:8-12). Đền thờ thánh duy nhất của Đức Chúa Trời là ở Giê-ru-sa-lem và tại đó những thầy tế lễ, những con trai của A-rôn tiến hành các nghi lễ thờ phượng đã được Đức Chúa Trời quy định thông qua Mô-i-se. Giu-đa thờ phượng một Đức Chúa Trời hằng sống và chân thật duy nhất, trong khi Y-sơ-ra-ên thờ phượng hai tượng bò vàng. Những thầy tế lễ của Y-sơ-ra-ên là những người làm thuê, không phải là những đầy tớ thánh được chọn lựa của Đức Chúa Trời. Ở Giu-đa, dân sự tôn thờ Giê-hô-va Đức Chúa Trời. “Đức Chúa Trời ở cùng chúng ta!” Vì thế, nếu Y-sơ-ra-ên tấn công Giu-đa, Y-sơ-ra-ên đang đấu tranh chống lại Đức Chúa Trời!

Những lính gác của A-bi-gia không làm tốt công việc của mình, vì trong khi A-bi-gia đang nói, một số quân lính của Giê-rô-bô-am đi vòng đằng sau ông và lập quân mai phục. Nếu Giu-đa tấn công, quân của họ sẽ phải chia ra và đánh ở hai mặt, chắc chắn đây là một tình thế rất nguy hiểm. Có quan điểm thần học tốt là quan trọng, nhưng có chiến lược giỏi và báo cho binh lính phải đề phòng nguy hiểm và sẵn sàng hành động cũng quan trọng. Nhưng A-bi-gia đủ sức với thách thức này ông kêu cầu sự giải cứu của Đức Chúa Trời. Cùng lúc đó, các thầy tế lễ thổi kèn (Dan 10:8-10) và quân Giu-đa la to, giống như dân sự ngày xưa đã làm với thành Giê-ri-cô (Gios 6:1-27), ngay lập tức Đức Chúa Trời mang đến sự chiến thắng.² Hơn một nửa quân Giê-rô-bô-am bị quân Giu-đa giết chết và quân lính của A-bi-gia di chuyển đến phía bắc để chiếm lấy thành Bê-tên cách Giê-rô-bô-am mười dặm. Từ Bê-tên, họ di chuyển năm dặm về phía nam và chiếm Giê-na-sa, và bốn dặm về phía đông nam chiếm Ép-ran (Ép-rôn). A-bi-gia không những đánh bại quân đội Y-sơ-ra-ên và chiếm lại một số đất đai bị mất, nhưng ông còn giáng cho Giê-rô-bô-am một đòn mà ông không bao giờ khôi phục lại được. Sau đó Đức Chúa Trời đánh Giê-rô-bô-am và ông chết (IISu 13:20 IVua 14:19-20).

Chính vì vinh hiển của danh Ngài mà Đức Chúa Trời đã làm những điều này. Trong I Các Vua, A-bi-gia không được kể là một vị vua kính sợ Chúa, nhưng chúng ta ca ngợi ông vì sự hiểu biết của ông về lẽ thật của Đức Chúa Trời và niềm tin của ông nơi quyền năng của Ngài. A-bi-gia không phải là Giô-suê, nhưng Đức Chúa Trời của Giô-suê vẫn là Đức Chúa Trời của dân sự Ngài và chứng tỏ Ngài là thành tín. A-bi-gia càng trở nên cường thịnh hơn, sanh nhiều con cái và tiếp tục vương triều của Đa-vít. Đức Chúa Trời sử dụng người không hoàn hảo để thực hiện ý muốn của Ngài, miễn là họ tin vào Ngài.

A-sa (IVua 15:9-24 IISu 14:16). Con trai của A-bi-gia là A-sa trị vì trong 41 năm (910-869). Ông bắt đầu việc trị vì của mình với một tấm lòng giống như Đa-vít (IVua 15:11 IISu 14:2). Mặc dầu là một vị vua tốt trong phần lớn cuộc đời của mình nhưng trong năm năm cuối cùng, ông chống lại Đức Chúa Trời. Từ “mẹ” trong (IVua 15:10) nên là từ “bà nội” vì nó nói đến cùng một người được nhắc đến trong câu 2. Người Do Thái không phân biệt họ hàng chính xác như chúng ta ngày nay. Có ba sự phân chia chính trong cuộc đời và triều đại của A-sa.

(1) **Hòa bình và thắng lợi** (IVua 15:9-11 IISu 14:1-15:7). Nhờ vào chiến thắng của cha ông với Giê-rô-bô-am (13:1-22) A-sa có được sự hòa bình trong mười năm đầu

ông trị vì (14:1). Trong thời gian đó, ông cải tổ lại đất nước, dẹp bỏ sự thờ lạy thần tượng trong xứ và thúc đẩy dân sự tìm kiếm Đức Chúa Trời (c.2-5). Ông cũng củng cố vương quốc bằng việc xây dựng những thành phố phòng thủ và thành lập một đội quân gồm 580.000 người (c.6-8). Tuy nhiên, tầm quan trọng không phải trên những thành công về quân sự nhưng trên việc tìm kiếm Đức Chúa Trời (c.7). Chính Đức Chúa Trời đã ban cho họ sự hòa bình vì họ tìm kiếm mặt Ngài. Họ sử dụng thời gian hòa bình đó để chuẩn bị cho bất kỳ cuộc chiến nào sẽ xảy ra, vì đức tin không có việc làm thì chết. Việc A-sa chuẩn bị mọi thứ là điều tốt, vì quân Ai Cập do Xê-rách người Ê-thi-ô-bi dẫn đầu sẽ tấn công Giu-đa. Hai quân đội gặp nhau tại Ma-rê-sa, cách tây nam Giê-ru-sa-lem 25 dặm.

Giống như cha mình, A-sa biết phải kêu cầu Đức Chúa Trời như thế nào trong ngày gian truân (14:11 13:14-18). Nhà vua biết về cảnh ngộ của mình, vì ông nhận định Giu-đa là “những người không có sức mạnh”. Quân đội của Xê-rách gần như đông gấp hai lần của A-sa, và người của A-sa không có xe ngựa. Cho dù có nhiều hay ít quân lính, Đức Chúa Trời vẫn có thể hành động với quyền năng vĩ đại. Có thể ông đã nghĩ đến những lời của Giô-na-than khi cầu nguyện theo cách đó (ISa 14:6). Ông cũng có thể đang nghĩ về những điều Sa-lô-môn cầu xin trong lời cầu nguyện dâng hiến (IISu 6:34-35). Sự giải cứu tình hình giữa lúc chiến trận là chủ đề được lặp đi lặp lại trong II Sử ký (13:14-18 14:11-12 18:31 20:1 32:20-22).

Động cơ của A-sa không chỉ đơn giản là đánh bại một kẻ thù nguy hiểm nhưng còn đem lại vinh hiển cho Giê-hô-va. Giống như Đa-vít đi đến Gô-li-át, ông tấn công đội quân kẻ thù “nhân danh Đức Giê-hô-va vạn binh, tức là Đức Chúa Trời của đạo binh Y-sơ-ra-ên” (ISa 17:45). Đáp lại lời cầu nguyện bằng đức tin của A-sa, Đức Chúa Trời đánh bại quân Ai Cập một cách mạnh mẽ và cho phép A-sa và người của ông đuổi theo quân Ai Cập xuống phía nam về Ghê-ra. Tại đó người Giu-đa và Bên-gia-min cướp bóc những thành phố xung quanh Ghê-ra và mang về rất nhiều chiến lợi phẩm. Sự thất bại này của quân đội Ai Cập quá nhục nhã đến nỗi người Ai Cập không tấn công người Giu-đa lần nào nữa mãi cho đến gần 300 năm sau, khi vua Giô-si-a đương đầu với quân đội của Pha-ra-ôn Nê-cô tại Cạt-kê-mít (IISu 35:20-24).

Đức Chúa Trời phái tiên tri A-xa-ria đi đón A-sa và đội quân chiến thắng trao cho họ một thông điệp khích lệ và cảnh cáo (IVua 12:21-24 IISu 16:7). Có nhiều vị tướng đã chiến thắng trong chiến trận nhưng chung cuộc lại thất bại bởi vì kiêu ngạo hay bất cẩn và Đức Chúa Trời không muốn A-sa rơi vào cái bẫy đó. Thông điệp của A-xa-ria giống như của vua A-sa: tìm kiếm Đức Chúa Trời, vâng lời Ngài, tin cậy Ngài, và vững mạnh trong Đức Chúa Trời (15:1-7 14:4 Phu 4:29). A-xa-ria hồi tưởng lại thời kỳ đen tối của các quan xét, khi đất nước không có vua, thầy tế lễ yêu mến Chúa hay một ai để thi hành luật pháp (Cac 2:11-21). Vì dân sự đã quay sang thờ thần tượng, xứ của họ tràn lan kẻ thù và việc đi lại không an toàn (5:6 19:20). Điều này làm thành lời cảnh báo trong giao ước của Đức Chúa Trời (Phu 28:25-26,30,49-52). Nhưng bất kỳ khi nào dân sự kêu cầu Đức Chúa Trời và từ bỏ thần tượng, Ngài sẽ nhân từ tha thứ cho họ và đánh bại kẻ thù của họ. A-xa-ria khuyên răn nhà vua và dân sự bắt tay vào việc, xây dựng đất nước, trung thành phục vụ Đức Chúa Trời.

(2) *Sự cải tổ và đổi mới* (IVua 15:12-15 IISu 15:8-19). Đây là giai đoạn thứ hai trong cuộc cải tổ của A-sa và chắc chắn lần này ông nghiêm khắc giải quyết vấn đề tội lỗi trong xứ hơn giai đoạn trước. Ông đuổi những kẻ nam mãi dâm và tình dục đồng giới ra khỏi xứ, vì điều này bị luật pháp của Đức Chúa Trời cấm (Phu 23:17 Le 18:22 20:13 Ro 1:27 ICo 6:9). Ông cũng cách chức thái hậu của bà nội mình vì bà có một điện thờ thần tượng dưới những cây rậm. Điều này phải có can đảm mới có thể làm được! Chúng ta không biết những của cải đã dâng hiến này được để ở đâu, nhưng A-sa đem để chúng vào kho của đền thờ vì nó đã được dâng cho Đức Chúa Trời. Đây có thể là những của cướp được từ những kẻ thù mà ông và cha ông đã đánh bại với sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời.

Một lần nữa, ông dẹp bỏ những thần tượng khỏi xứ, và ông cũng sửa lại những bàn thờ tế lễ trong sân thầy tế lễ trước đền thờ. Kinh Thánh không nói bàn thờ bị hư như thế nào và tại sao; nhưng không có bàn thờ, các thầy tế lễ không có chỗ để dâng của tế lễ. Sa-lô-môn cung hiến đền thờ vào năm 959, và năm thứ mười lăm đời A-sa là vào năm 896 (IISu 15:10) vì thế bàn thờ đã được sử dụng liên tục trong hơn 60 năm. Có thể nó mới bị hư, nhưng một bàn thờ bị bỏ mặc không được trông nom không là lời chứng tốt cho tình hình tôn giáo trong xứ. Tiếng Hê-bơ-rơ còn có thể có nghĩa là “đổi mới”, vì thế có lẽ bàn thờ được cung hiến lại lần nữa cho Đức Chúa Trời.

Dẹp bỏ thần tượng và sửa lại bàn thờ là một chuyện, nhưng điều cần thiết nhất là việc dâng hiến lại của dân sự. Trong năm thứ mười lăm đời trị vì của mình, A-sa nhóm hiệp một hội chúng lớn tại Giê-ru-sa-lem để thờ phượng Đức Chúa Trời và nhắc lại giao ước. Không chỉ có người Giu-đa và Bên-gia-min tham dự, nhưng những người mộ đạo từ Êp-ra-im, Ma-na-se, và Si-mê-ôn cũng đến Giê-ru-sa-lem. Điều thu hút họ là sự thật hiển nhiên rằng Đức Chúa Trời ở cùng với A-sa. Vì họ nhóm hiệp vào tháng thứ ba, họ có thể kỷ niệm lễ mùa gặt (Le 23:15-22). Nhà vua đem những chiến lợi phẩm dâng cho Đức Chúa Trời, bao gồm những kim loại quý (IVua 15:15) và những con sinh tế (IISu 15:11).

Vào những thời điểm quan trọng trong suốt lịch sử Do Thái, bạn thấy những nhà lãnh đạo cùng dân sự nhắc lại lời cam kết của họ với Đức Chúa Trời. Đây là gương tốt cho Hội Thánh ngày nay noi theo. Sau khi Y-sơ-ra-ên đã băng qua sông Giô-đan và vào đất hứa, họ nhắc lại giao ước của mình với Đức Chúa Trời (Gios 8:30). Giô-suê cũng yêu cầu một buổi hội hiệp như vậy vào lúc gần cuối đời mình (24:1-33);. Khi Sau-lơ được phong làm vua, Sa-mu-ên yêu cầu tập họp hội chúng và có thời gian nhắc nhở họ (ISa 11:14-12:25). Vua Giô-ách và vua Giô-si-a đều nhắc lại giao ước giữa chính họ và dân sự với Đức Chúa Trời (IIVua 11:4 23:1). Sự thức tỉnh thuộc linh hay sự làm mới lại không có nghĩa là cầu xin Đức Chúa Trời ban cho điều gì mới nhưng làm mới lại sự tận hiến của chúng ta với những điều Ngài đã ban cho chúng ta. A-sa không tổ chức lại ban thầy tế lễ hay tu sửa lại đền thờ, ông cũng không du nhập những ý tưởng thờ phượng mới từ những nước thờ đa thần quanh ông. Ông chỉ đơn giản dẫn dân sự trở lại sự tận hiến với giao ước mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ. Họ tìm kiếm Đức Chúa Trời với tất cả tấm lòng của mình và Ngài lắng nghe họ. Đức Chúa Trời hài lòng với bước cam kết mới này và Ngài ban cho Giu-đa và Bên-gia-min 20 năm hòa bình nữa.

(3) *Sự tái phạm và sự kỷ luật* (IVua 15:16-24 IISu 16:1-14). Rõ ràng vua A-sa đã trở nên bất cẩn trong sự bước đi với Đức Chúa Trời, vì Đức Chúa Trời sai Ba-ê-sa, vua Y-sơ-ra-ên, gây chiến chống lại ông.⁵ Ba-ê-sa xây dựng Ra-ma, cách bắc Giê-ru-sa-lem khoảng sáu dặm. Từ tiền đồn này ông có thể theo dõi dân sự của ông, những người sẽ đi đến Giê-ru-sa-lem và cũng có thể mở cuộc tấn công Giu-đa.

Sau tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm cho A-sa, bạn nghĩ rằng ông sẽ kêu gọi dân sự cùng nhau xưng nhận tội lỗi, tìm kiếm Đức Chúa Trời và học biết ý muốn của Ngài về tình thế nghiêm trọng này. Nhưng thay vào đó, trong sự không tin của mình ông quay sang chính trị. Ông lấy những châu báu trong đền thờ dâng cho Bên-ha-đát, vua Sy-ri và bước vào hiệp ước với một nước thờ tà thần. (Đa-vít đã đánh bại Sy-ri! (IISa 8:3-12 ISu 18:3-4). Khi Sy-ri tấn công Y-sơ-ra-ên từ phía bắc, Ba-ê-sa sẽ phải bỏ Ra-ma và di chuyển xuống phía bắc để bảo vệ vương quốc của mình. Vua A-sa không chỉ làm theo gương xấu của A-bi-gia cha mình trong việc lập nên một liên minh vô đạo nhưng ông còn cố nài Bên-ha-đát nói dối và hủy bỏ hiệp ước với Y-sơ-ra-ên! Kinh Thánh không nói cho chúng ta biết A-bi-gia lập hiệp ước với Bên-ha-đát khi nào, nhưng có lẽ ông đã cưới một trong những công chúa Sy-ri và bằng cách đó ông có thể bảo đảm hòa bình. Ông đã làm theo gương của Sa-lô-môn (IISu 13:21).

Bên-ha-đát lấy bạc và vàng, bội ước với Y-sơ-ra-ên và giúp đỡ Giu-đa. Ông chiếm thành Y-giôn, Đan, và A-bên-Ma-im ở phía bắc, sau đó hành quân khắp chi phía Nép-ta-li và lấy tất cả những thành kho tàng quan trọng. Bằng cách này, ông giành được quyền kiểm soát những tuyến thương mại chính yếu và làm tê liệt quyền lực cũng như lợi tức của Ba-ê-sa. Sau khi đã đạt được mục đích của mình, A-sa bắt dân sự đi đến Ra-ma thu lượm đá và gỗ. Với những vật liệu này, nhà vua xây cất hai thành phố kiên cố: Mích-ba cách bắc Ra-ma khoảng hai dặm rưỡi và Ghê-ba cách đông Ra-ma cũng khoảng hai dặm rưỡi. Giu-đa đã mở rộng biên giới của mình đến tận Bê-tên (13:17) và những địa điểm quân sự mới này sẽ làm cho vị trí của họ vững chắc hơn nữa.

Mọi người ai cũng vui mừng với kết quả của hiệp ước ngoại trừ Đức Chúa Trời. Ngài sai tiên tri Ha-na-ni đến khiển trách nhà vua và trao cho ông Lời của Đức Chúa Trời. Nhiệm vụ của vị tiên tri là khiển trách nhà vua cùng những người lãnh đạo khác bao gồm cả những thầy tế lễ khi họ bất tuân luật pháp của Đức Chúa Trời. Thông điệp của vị tiên tri rất rõ ràng: nếu A-sa nhờ cậy vào Đức Chúa Trời, quân đội Giu-đa có thể đánh bại cả Y-sơ-ra-ên lẫn Sy-ri. Thay vì vậy, Giu-đa chỉ có được vài thành phố nhỏ, châu báu của Đức Chúa Trời bị cướp đi và nhà vua bây giờ ở trong một liên minh tội lỗi với Sy-ri. Ha-na-ni nhắc A-sa rằng Đức Chúa Trời đã không làm ông thất vọng khi Xê-rách và đội quân Ai Cập hùng mạnh tấn công Giu-đa. Nhà vua đã làm điều ngu ngốc trong việc nhờ cậy Sy-ri. Giu-đa sẽ phải trả giá cho tội lỗi của mình trong những năm tới, và Sy-ri trở thành một vấn đề dai dẳng đối với vương quốc Giu-đa.

Vấn đề chủ yếu không phải là sự thiếu phòng thủ của Giu-đa mà là sự thiếu lòng tin của nhà vua. Không giống như Đa-vít, người có tấm lòng thành thật trước mặt Đức Chúa Trời (IVua 15:5,11), tấm lòng của A-sa đã bị phân chia – ngày này thì tin cậy Đức Chúa Trời và ngày tiếp theo thì tin cậy vào xác thịt. Một tấm lòng hoàn

hảo không phải là một tấm lòng không có tội nhưng là một tấm lòng hoàn toàn đầu phục Đức Chúa Trời và tin cậy Ngài hoàn toàn. Vua A-sa phơi bày tính độc ác trong lòng mình bằng việc trở nên giận dữ, phản đối những lời của vị tiên tri, và giam ông vào tù. Rõ ràng có một số người phản đối chính sách ngoại giao của A-sa và sự ngược đãi của ông đối với đầy tớ của Đức Chúa Trời vì thế ông áp bức họ tàn bạo.

Đức Chúa Trời cho A-sa thời gian ăn năn, nhưng ông từ chối làm điều đó. Trong năm thứ 39 đời trị vì của A-sa, Đức Chúa Trời làm ông khổ sở với một căn bệnh ở chân. Căn bệnh này ắt hẳn làm ông rất đau đớn và khó chịu. Một lần nữa, ông quay lưng lại với Đức Chúa Trời và từ chối xưng nhận tội lỗi của mình cũng như tìm kiếm Đức Giê-hô-va, nhưng ông quay sang tìm sự giúp đỡ nơi những thầy thuốc. Hai năm sau ông qua đời và ngai vàng được trao lại cho con trai ông Giê-hô-sa-phát, người có thể đã làm nhiếp chính trong những năm cuối đời của cha mình. A-sa là người đã có một khởi đầu tốt và sống một cuộc đời bằng đức tin, nhưng đến những năm cuối của đời mình, ông chống đối lại Đức Chúa Trời. Dân sự làm lễ xông hương cho ông rất trọng thể để tỏ lòng tôn kính ông, nhưng trong cách nhìn của Đức Chúa Trời, những năm cuối cùng của A-sa chỉ như làn khói bay lên (ICo 3:13-15).⁷

2. Một vương triều chấm dứt (IVua 15:1-24) (IVua 15:25-16:22)

(IVua 15:1-24). Đến đây, các sử gia quay sang ghi chép về các vua Y-sơ-ra-ên và tiếp tục đến cuối sách. Chuyện về các vua Giu-đa chủ yếu được thấy trong II Sử ký. Vương triều nhà Đa-vít chỉ được đề cập đến trong I Các vua và II Các vua khi nào có sự tác động qua lại giữa Giu-đa và Y-sơ-ra-ên. Vương triều được bắt đầu bởi Giê-rô-bô-am bây giờ sắp chấm dứt.

Na-đáp bị ám sát (IVua 15:25-31). Giê-rô-bô-am trị vì Y-sơ-ra-ên trong 22 năm (14:20) và trở thành tấm gương hàng đầu về một vị vua gian ác (15:34 16:2,19,26 v.v...). Na-đáp thừa kế ngai vàng cùng với đường lối tội lỗi của cha mình. Ông chỉ trị vì được hai năm và sau đó nảy sinh một âm mưu dẫn đến việc vua Na-đáp bị Ba-ê-sa, một người về nhà Y-sa-ca ám sát. Na-đáp đang cùng với quân đội Y-sơ-ra-ên bao vây Ghi-bê-thôn, một thành phố của dân Phi-li-tin ở phía nam Éc-rôn. Thành phố nơi biên giới này là đầu mối của sự xích mích giữa Y-sơ-ra-ên và dân Phi-li-tin. Nó thật ra thuộc về chi phía Đan (Gios 19:43-45) và là thành của người Lê-vi (21:23), Na-đáp muốn chiếm lại cho Y-sơ-ra-ên.

Ba-ê-sa không chỉ giết nhà vua mà còn chiếm ngai vàng và đi đến hoàn thành lời tiên tri của A-hi-gia rằng gia đình Giê-rô-bô-am sẽ hoàn toàn bị tiêu diệt vì tội lỗi mà Giê-rô-bô-am đã phạm (IVua 14:10-16). Nếu Giê-rô-bô-am vâng Lời Đức Chúa Trời, ông đã hưởng được sự chúc phước và giúp đỡ của Ngài (11:38-39), nhưng vì ông phạm tội và làm cho cả nước phạm tội, Đức Chúa Trời phải đoán phạt ông và con cháu ông. Đó là sự kết thúc của triều đại Giê-rô-bô-am I.

Ba-ê-sa không vâng lời Đức Chúa Trời (IVua 15:32-16:7). Ba-ê-sa xây cất cung điện ở Tiệt-sa và trị vì Y-sơ-ra-ên 24 năm. Thay vì tránh những tội lỗi dẫn đến sự tuyệt diệt nhà Giê-rô-bô-am mà chính tay ông là người đã giết họ, Ba-ê-sa nay lại bắt chước cách sống của người tiền nhiệm! Người ta nói rằng bài học chúng ta rút

ra được từ lịch sử là chúng ta không đi theo những vết xe đổ của lịch sử. Ba-ê-sa đã tiêu diệt triều đại nhà Giê-rô-bô-am, nhưng ông không thể phá hủy Lời của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời sai tiên tri Giê-hu đem đến cho nhà vua một thông điệp trang trọng rằng sau khi ông chết, gia đình ông sẽ bị tiêu diệt và một triều đại khác sẽ bị hủy diệt vì tội lỗi của người cha. Con cháu của Ba-ê-sa sẽ bị giết và xác của họ sẽ là thức ăn cho chó và chim trời. Việc thi thể của người Do Thái không được chôn là một sự nhục nhã kinh khủng.⁸

Ê-la bị ám sát (IVua 16:8-14). Ba-ê-sa có một cái chết bình thường, nhưng con trai và cũng là người kế vị ông không được như vậy. Ê-la hóa ra là một kẻ đồi bại, thích uống rượu với bạn bè hơn là phục vụ Đức Chúa Trời và dân sự. At-sa có thể là thủ tướng. Cả hai đã quên lời của Sa-lô-môn, người biết một hay hai điều về địa vị làm vua: “Hỡi xứ, khốn thay cho mày khi có vua còn thơ ấu, và các quan trưởng mày ăn từ lúc buổi sáng! Hỡi xứ, phước cho mày khi có vua là dòng cao sang và các quan trưởng mày ăn theo giờ xứng đáng, để bổ sức lại, chớ chẳng phải để say xỉn” (Tr 10:16-17).

Kẻ ám sát lần này là Xim-ri, tướng coi phân nửa xe binh trong quân đội Y-sơ-ra-ên. Là một vị tướng có danh tiếng, ông có thể đi đến nhà vua, và có thời cơ nào tốt hơn khi nhà vua đang say rượu để giết ông? Giống như cha của Ê-la, Xim-ri cướp ngôi và một khi ông có quyền lực, ông giết từng thành viên của gia đình Ba-ê-sa. Ba-ê-sa đã làm thành lời tiên tri của A-bi-gia và Xim-ri làm thành lời tiên tri của Giê-hu. Nhưng phải chỉ ra rằng một người hoàn thành lời tiên tri thánh không phải là người không phạm tội. Cả Ba-ê-sa và Xim-ri là những kẻ giết người và phạm tội giết vua và Đức Chúa Trời bắt họ phải chịu trách nhiệm. Triều đại của Giê-rô-bô-am và triều đại của Ba-ê-sa không còn nữa. Ở Giu-đa, triều đại nhà Đa-vít vẫn tiếp tục.

IVua 16:1-28; xem giải nghĩa IVua 15:1-24

10. HÃY ĐỂ NGỌN LỬA LỤI TÀN (IVua 17:1-18:46)

Ê-li người Thi-sê-be¹ đột nhiên xuất hiện trong câu chuyện và sau đó rời đi nhanh như khi ông đến, chỉ lại xuất hiện ba năm sau đó để thách đấu với những thầy tế lễ của Ba-anh. Tên ông có nghĩa là “Giê-hô-va Đức Chúa Trời là Chúa tôi”, một cái tên thích hợp với người kêu gọi dân sự trở lại sự thờ phượng Đức Giê-hô-va (18:21,39). Vua A-háp gian ác đã cho phép vợ ông là Giê-sa-bên đem sự thờ lạy thần Ba-anh vào Y-sơ-ra-ên (16:31-33) và bà kiên quyết trừ bỏ sự thờ phượng Đức Giê-hô-va (18:4). Ba-anh là thần sinh sản của người Phê-nê-xi, thần này đem mưa và vụ mùa bội thu đến, nghi lễ liên quan đến sự thờ phượng thần thì đồi bại không tả xiết. Giống như Sa-lô-môn, người đã giúp sức cho việc thờ lạy thần tượng của những người vợ ngoại đạo của mình (11:1-8), A-háp khuất phục trước dục vọng của Giê-sa-bên còn xây cho bà một đền thờ riêng để bà có thể thờ phượng Ba-anh (16:32-33). Kế hoạch của bà là tiêu diệt những người thờ phượng Đức Giê-hô-va và làm cho toàn dân Y-sơ-ra-ên phục vụ Ba-anh.

Tiên tri Ê-li là một nhân vật quan trọng trong Tân Ước. Giảng Báp-tít đến trong tâm thần và quyền phép của Ê-li (Lu 1:17), một số người dân còn nghĩ rằng ông là Ê-li được hứa (Gi 1:21 Ma 4:5-6 Mat 17:10-13). Ê-li đã ở với Môi-se và Chúa Giê-xu

trên núi Hô-rim (Mat 17:3), và một số học giả cho rằng Mô-i-se và Ê-li là hai nhân chứng được mô tả trong (Kh 11:1-14). Ê-li không phải là người giảng đạo tao nhã như Ê-sai và Giê-rê-mi, nhưng là một nhà cải giáo vung về thô kệch, người đã thách thức dân sự từ bỏ thần tượng của họ và trở về với Đức Chúa Trời. Ông là một người can đảm, dám đối mặt trực tiếp với A-háp và quở trách tội lỗi của người này, ông cũng thách thức những thầy tế lễ của Ba-anh trong một cuộc thi công khai. Ông không những là người làm ra phép lạ nhưng còn là người kinh nghiệm những phép lạ trong chính đời sống của mình. Hai đoạn này ghi lại bảy phép lạ khác nhau mà Ê-li đã thực hiện và kinh nghiệm.

1. Đợt hạn hán trong cả nước (IVua 17:1)

Người Do Thái dựa vào những cơn mưa theo mùa cho sự thành công về vụ mùa của họ. Nếu Đức Chúa Trời không cho những cơn mưa đầu mùa vào tháng Mười và tháng Mười Một và những cơn mưa cuối mùa vào tháng Ba và tháng Tư thì trong xứ sẽ có nạn đói. Nhưng phước lành của những cơn mưa mỗi nửa năm mới có tùy thuộc vào việc dân sự tuân theo giao ước của Đức Chúa Trời (Phu 11:1-32). Đức Chúa Trời cảnh báo rằng sự bất tuân của họ sẽ biến trời thành đồng đất thành sắt (28:23-24 Le 26:3-4,18-19). Xứ này thuộc về Đức Chúa Trời và nếu dân sự làm ô uế xứ bằng những hình tượng tội lỗi của mình, Đức Chúa Trời sẽ không chúc phước cho họ.

Có lẽ Ê-li xuất hiện trước vua A-háp vào tháng Mười, vào khoảng thời gian những cơn mưa đầu mùa lẽ ra phải bắt đầu. Đã không có mưa trong sáu tháng, từ tháng Tư đến tháng Mười và vị tiên tri loan báo rằng sẽ không có mưa trong ba năm tới! Dân sự đang theo Ba-anh, không phải Đức Giê-hô-va, Đức Chúa Trời không thể giáng mưa theo như đã hứa và vẫn thành tín với giao ước của Ngài. Đức Chúa Trời luôn luôn giữ giao ước của Ngài, hoặc chúc phước vì sự vâng lời của dân sự hoặc phạt họ vì tội lỗi của họ.

Đức Chúa Trời đã ngăn mưa lại vì lời cầu nguyện tha thiết của Ê-li, Ngài sẽ lại ban mưa xuống để đáp lời cầu nguyện hộ của đầy tớ Ngài (Gia 5:17-18). Trong ba năm tiếp theo, lời nói của Ê-li sẽ kiểm soát thời tiết ở Y-sơ-ra-ên! Ba năm rưỡi hạn hán sẽ chuẩn bị cho dân sự trong cuộc tranh đấu kịch tính trên núi Cạt-mên giữa những thầy tế lễ của Ba-anh và tiên tri của Đức Chúa Trời. Ê-li đứng trước mặt Đức Chúa Trời và phục vụ Ngài giống như một đầy tớ trung thành, chăm chú vào những mạng lệnh của chủ mình. (Sau này, người kế nhiệm ông là Ê-li-sê cũng dùng thuật ngữ tương tự. (IIVua 3:14 5:16). Một đợt hạn hán kéo dài, được tiên báo và kiểm soát bởi một tiên tri của Đức Giê-hô-va, sẽ nói cho mọi người biết rõ ràng rằng thần bảo Ba-anh không phải là một vị thần chân thật.

2. Thức ăn từ những con chim bắn thiu (IVua 17:2-7)

Sau khi Ê-li lìa khỏi nhà vua, Giê-sa-bên hẳn đã xúi giục chiến dịch diệt trừ những tiên tri của Đức Chúa Trời (18:4). Khi hạn hán tiếp tục và nạn đói hoành hoành xứ, A-háp bắt đầu tìm kiếm Ê-li, người ông nghĩ đã gây ra mọi vấn đề (18:17). Theo một ý nghĩa nào đó, Ê-li đã gây ra hạn hán, nhưng chính tội dẫn dắt nước vào sự bất tuân giao ước của Đức Chúa Trời của A-háp và Giê-sa-bên đã đem đến cho họ sự trừng phạt của Ngài. Đức Chúa Trời có một chỗ ẩn náu đặc biệt dành

cho đầy tớ Ngài ở trong một con suối nhỏ nằm ở phía đông sông Giô-đanh, Ngài cũng chuẩn bị sẵn “những đầy tớ” lạ thường để nuôi ông. Đức Chúa Trời thường dẫn những tôi tớ trung tín của Ngài từng bước một khi họ hòa lòng với Lời của Ngài. Thay vào đó, Đức Chúa Trời hướng dẫn tôi tớ Ngài từng lúc và Ê-li vâng lời bởi đức tin.

“Hãy đi ẩn mình đi!” là mạng lệnh của Đức Chúa Trời, ba năm sau mạng lệnh là “Hãy đi tỏ mình ra!”. Khi rời khỏi chức vụ công khai của mình, Ê-li đã tạo ra “một cơn hạn hán” thứ hai trong xứ – sự thiếu Lời của Đức Chúa Trời. Đối với người Do Thái, Lời của Đức Chúa Trời giống như mưa từ trời (Phu 32:2 Es 55:10): nó cần thiết cho sự sống tâm linh của họ, nó làm cho khoan khoái mà chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể ban cho. Sự im lặng của đầy tớ Đức Chúa Trời là một sự phán xét từ Đức Chúa Trời (Thi 74:9), vì không nghe Lời hằng sống của Đức Chúa Trời cũng đồng nghĩa với việc bị tước mất quyền sống (28:1).

Tại suối Kê-rít (“khe Kê-rít”,), Ê-li có được sự an toàn và thức ăn. Mỗi tận khi nó khô cạn, con suối vẫn cung cấp nước, vào mỗi buổi sáng và chiều, những con quạ đem đến cho ông bánh mì và nước. Trong danh sách liệt kê những thức ăn bị cấm của Mô-i-se, con quạ bị cho là “không sạch” và “gớm ghiếc” (Le 11:13-15 Phu 14:14), nhưng Đức Chúa Trời đã dùng những con chim này để duy trì sự sống cho đầy tớ Ngài. Những con quạ không đem cho Ê-li những xác chết thối rữa mà chúng thường ăn, vì những thức ăn như vậy là không sạch đối với một người Do Thái thánh. Đức Chúa Trời chu cấp thức ăn và quạ làm công việc vận chuyển! Giống như Đức Chúa Trời đã ban ma-na xuống trại của dân Y-sơ-ra-ên trong cuộc hành trình trong đồng vắng, Ngài cũng đem đến những thức ăn cần thiết cho Ê-li khi ông chờ đợi dấu hiệu để trở về. Đức Chúa Trời ban đồ ăn cho thú vật và những con quạ dc (Thi 147:9 Lu 12:24) và Ngài có thể dùng những con quạ đem thức ăn cho đầy tớ Ngài.

Khi hạn hán ngày càng tệ hơn, con suối bị khô cạn bỏ lại vị tiên tri không có nước; nhưng ông không bao giờ bỏ đi chỗ khác cho đến khi nào Lời của Đức Chúa Trời đến bảo ông phải làm gì. Có một câu nói rằng ý muốn của Đức Chúa Trời sẽ không bao giờ dẫn chúng ta đến nơi ân điển của Đức Chúa Trời không thể giữ gìn và chăm sóc chúng ta, Ê-li biết điều này từ kinh nghiệm. (Es 33:15-16).

3. Thức ăn từ những chiếc bình rỗng (IVua 17:8-16)

Có thể Ê-li ở tại Kê-rít một năm và sau đó Đức Chúa Trời bảo ông rời đi. Những chỉ thị của Đức Chúa Trời có thể làm cho vị tiên tri kinh ngạc, vì Đức Chúa Trời ra lệnh cho ông đi về hướng đông bắc khoảng 100 dặm đến thành phố Sa-rép-ta của Phi-li-tin. Đức Chúa Trời đang phái Ê-li đi vào lãnh thổ của dân ngoại, vì Sa-rép-ta không xa thành phố Si-đôn, quê nhà của Giê-sa-bên nên ông đang sống trong vùng lãnh thổ của kẻ thù! Hơn nữa, ông được chỉ thị phải sống với một góa phụ, người mà Đức Chúa Trời đã chọn để chăm sóc ông, và góa phụ thường là những người nghèo khổ nhất trong xứ. Vì Phi-li-tin dựa vào Y-sơ-ra-ên trong phần lớn nguồn lương thực (IVua 5:9 Cong 12:20), thức ăn sẽ không có quá nhiều tại đó. Nhưng khi Đức Chúa Trời sai phái chúng ta, chúng ta phải vâng lời và để phần còn

lại cho Ngài, vì chúng ta không sống trên lý lẽ của con người- chúng ta sống trên lời hứa của Đức Chúa Trời.

Watchman Nee đã viết, “Bởi vì thiên hướng của chúng ta là nhìn vào thùng nước và quên đi suối nước nên Đức Chúa Trời thường phải thay đổi phương tiện chu cấp của Ngài để khiến cho mắt chúng ta luôn tập trung vào nguồn suối”. Sau khi Y-sơ-ra-ên vào miền đất hứa, ma-na ngừng rơi xuống trại và Đức Chúa Trời thay đổi cách Ngài nuôi dân sự (Gios 5:10-12). Vào những ngày đầu của Hội thánh tại Giê-ru-sa-lem, những Cơ Đốc nhân có tất cả những gì họ cần (Cong 4:34-35), nhưng vài năm sau, các thánh đồ ở Giê-ru-sa-lem phải nhận sự giúp đỡ từ những người tin Chúa là dân ngoại tại An-ti-ốt (11:27-30). Ê-li sắp học được rằng Đức Chúa Trời có thể hành động với những chiếc bình rỗng!

Việc người đàn bà đã được Đức Chúa Trời truyền bảo (c.9) không phải là bằng chứng cho thấy bà là người tin nơi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, vì Đức Chúa Trời cũng truyền lệnh cho một vị vua ngoại đạo như vua Si-ru (IISu 36:22) và còn gọi ông là “người chăn bầy” của Ngài (Es 44:28). Người góa phụ đề cập đến Đức Giê-hô-va như là “Đức Chúa Trời *của ông*” (c.12, những chữ in nghiêng là của tôi), vì bà có thể dễ dàng nhận ra người lạ đang nói chuyện với mình là người Do Thái; nhưng ngay cả điều này cũng không phải là bằng chứng rằng bà là người tin Chúa. Chắc hẳn Ê-li ở lại với bà hai năm (IVua 18:1), trong thời gian đó người góa phụ và con trai bà chắc chắn đã từ bỏ sự thờ lạy thần tượng và đặt niềm tin của mình nơi Đức Chúa Trời sống và chân thật.

Những gì người đàn bà có rất ít: một ít dầu trong bình, một nắm lúa mạch trong hũ lớn đựng thóc lúa và một vài que củi để chụm lửa nấu. Nhưng những gì Ê-li có rất lớn, vì Thượng Đế đã hứa sẽ chăm sóc ông, người chủ nhà của ông và con trai bà. Ê-li cho bà lời hứa của Đức Chúa Trời rằng hũ thóc và bình dầu sẽ không hết cho đến khi hạn hán và nạn đói chấm dứt. Một ngày kia Đức Chúa Trời sẽ giáng mưa xuống, nhưng cho đến ngày đó, Ngài sẽ tiếp tục chu cấp bánh cho họ và Ngài đã làm.

Trong xã hội hiện đại của chúng ta, với thẻ tín dụng và việc mua sắm thuận tiện, chúng ta cần nhớ rằng mỗi bữa ăn của chúng ta là một phép lạ từ tay Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể sống xa người nông dân, những người đã trồng những thứ chúng ta ăn, nhưng chúng ta không thể sống mà không có họ. Câu “Xin cho chúng con hôm nay đồ ăn đủ ngày” có ý nghĩa hơn là một câu trong bài cầu nguyện chúng ta có thể quá thuộc lòng. Nó là sự diễn đạt một chân lý vĩ đại rằng Đức Chúa Trời chăm sóc chúng ta và dùng nhiều cách để nuôi chúng ta.

Sau ổ bánh mì là bột mì phủ đầy tuyết,

Và sau bột mì là cối xay,

Và sau cối xay là lúa mì, mặt trời, và mưa rào,

Người nông dân và ý muốn của Đức Chúa Cha.

4. Sự sống cho một đứa bé trai đã chết (IVua 17:17-24)

Đây là trường hợp được ghi chép đầu tiên trong Kinh Thánh về việc làm sống lại một người đã chết. Bằng chứng dường như rõ ràng rằng con trai của người góa

phụ thật sự đã chết, không chỉ là bất tỉnh hay nhất thời ngất xỉu. Anh ta ngừng thở (c.17) và linh hồn anh đã rời khỏi thân thể (c.21-22). Theo (Gi 2:26 khi linh hồn một người nào đó rời khỏi thân thể thì người đó đã chết. Nỗi đau buồn lớn của cả người mẹ và vị tiên tri cho thấy rằng đức bé trai đã chết, và cả hai đã dùng từ “giết chết” có liên quan đến sự việc này (c.18,20).

Phản ứng của người mẹ là cảm thấy tội lỗi vì những tội của bà trong quá khứ. Bà tin rằng cái chết của con trai là cách Đức Chúa Trời trừng phạt bà vì những tội ác của bà. Thông thường con người cảm thấy có tội liên quan đến sự mất đi người thân, nhưng tại sao bà lại chỉ tay vào vị khách của mình? Bà nhận biết Ê-li là người của Đức Chúa Trời, có lẽ bà nghĩ sự có mặt của ông trong nhà sẽ bảo vệ bà và con trai khỏi những điều phiến hà. Hay có lẽ bà cảm thấy rằng Đức Chúa Trời đã cho vị khách biết về quá khứ của mình hay một vài điều gì đó lẽ ra bà nên xưng nhận với ông. Những lời của bà nhắc chúng ta nhớ đến câu hỏi của các môn đồ trong (Gi 9:2 “Thưa thầy, ai đã phạm tội, người hay là cha mẹ người, mà người sanh ra thì mù như vậy?”).

Phản ứng của Ê-li là mang đứa bé lên phòng cao, có lẽ là trên mái nhà, kêu khóc với Chúa vì sự sống của đứa trẻ. Ông không thể tin rằng Đức Chúa Trời đã chu cấp thức ăn cho cả ba người một cách kỳ diệu và sau đó lại cho phép đứa trai này chết. Điều này thật không hợp lý chút nào. Ê-li không nằm áp trên người đứa trẻ đã chết với hy vọng rằng ông có thể truyền sự sống của mình cho nó, vì ông biết rằng chỉ có Đức Chúa Trời mới có thể đem lại sự sống cho người đã chết. Chắc chắn đáng diệu của ông chỉ ra mối quan hệ hoàn toàn chặt chẽ giữa đứa trẻ và nhu cầu của mình, đây là một yếu tố quan trọng khi chúng ta cầu thay cho người khác. Sau lần thứ ba Ê-li nằm áp mình trên đứa trẻ thì Đức Chúa Trời gọi nó sống dậy từ sự chết. Đây là hình ảnh nhắc chúng ta nhớ về Chúa Cứu Thế sống lại từ sự chết sau ba ngày. Bởi vì Chúa sống, chúng ta có thể chia sẻ sự sống của Ngài bằng cách đặt niềm tin nơi Ngài. (II Vua 4:34 Cong 20:10).

Kết quả của phép lạ này là sự công khai xưng nhận đức tin nơi Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên nơi người đàn bà. Bây giờ bà biết chắc chắn rằng Ê-li là đầy tớ thật sự của Đức Chúa Trời và không phải là một thầy thông giáo tìm kiếm sự giúp đỡ. Bà cũng biết rằng những Lời ông đã dạy bà thật sự là Lời của Đức Chúa Trời sống và chân thật. Trong suốt thời gian sống với người góa phụ và con trai bà, Ê-li đã cho họ thấy rằng Đức Chúa Trời là Đấng duy trì sự sống (bột và dầu không hết) và là Đấng ban sự sống (đứa bé trai sống lại từ sự chết).

Ê-li đã không ở trong chức vụ trước dân chúng trong thời gian dài, nhưng chức vụ cá nhân của ông trước người đàn bà và con trai bà cũng quan trọng đối với Đức Chúa Trời và đối với họ. Người đầy tớ không “ăn mình” thi hành chức vụ với một vài người sẽ không thật sự sẵn sàng đứng trên núi Cạt-mên và gọi lửa và mưa từ trời xuống. Người chúng tỏ họ trung tín với một ít việc trong nơi nhỏ bé có thể được Đức Chúa Trời tin tưởng với nhiều việc trước nhiều người trong những nơi rộng lớn hơn (Mat 25:21). Ê-li đã chứng tỏ quyền năng của Đức Chúa Trời trong chính lãnh thổ của Ba-anh, vì thế bây giờ ông đã sẵn sàng thách đấu và đánh bại Ba-anh trong vương quốc Y-sơ-ra-ên.

Trong suốt ba năm như một người bị lưu đày và bị săn đuổi này (IVua 18:10), Ê-li đã học được rất nhiều điều về Đức Chúa Trời, về chính mình ông và về nhu cầu của dân sự. Ông đã học sống từng ngày một, tin cậy Đức Chúa Trời về sự ban bánh hằng ngày cho ông. Trong ba năm, dân sự đã luôn thắc mắc, “Tiên tri Ê-li ở đâu? Ông có thể làm gì để giảm nhẹ gánh nặng mà họ đang mang vì cơn hạn hán này?” Nhưng Đức Chúa Trời quan tâm về người làm việc hơn công việc, Ngài đã chuẩn bị Ê-li cho cuộc thách đấu về niềm tin lớn nhất trong toàn bộ chức vụ của ông.

Trước khi chúng ta bỏ qua chi tiết Ê-li lưu lại với người góa phụ Sa-rép-ta một ít lâu nữa, chúng ta phải suy gẫm về việc Chúa Giê-xu sử dụng câu chuyện này trong bài giảng trong nhà hội ở Na-xa-rét như thế nào (Lu 4:16-30). Trong phần đầu của bài giảng, những người nghe tán thành với những gì Chúa Giê-xu nói và khen ngợi Ngài về “những lời đầy ơn lành” của Ngài. Nhưng sau đó Ngài nhắc họ nhớ về ân điển cao cả của Đức Chúa Trời đã đến với những đất nước khác ngoài dân giao ước Y-sơ-ra-ên. Vị tiên tri vĩ đại người Do Thái Ê-li thật sự đã giúp đỡ một góa phụ người ngoại cùng con trai bà và còn sống chung với họ, mặc dầu ông có thể giúp đỡ bất cứ góa phụ nào trong nước Y-sơ-ra-ên. Thí dụ minh họa thứ hai của Ngài là từ chức vụ của Ê-li-sê, người kế nhiệm Ê-li. Ông thật sự đã chữa lành cho một vị quan tổng binh người ngoại bị bệnh phung (IIVua 5:1-15). Chắc chắn có rất nhiều người Do Thái bị phung ông có thể chữa lành được!

Chúa Giê-xu nhấn mạnh về ân điển của Đức Chúa Trời. Ngài muốn những người Do Thái trong nhà hội nhận biết rằng Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên cũng là Đức Chúa Trời của dân ngoại (Ro 3:29) cả người Do Thái và người ngoại được cứu bằng cách đặt niềm tin của mình nơi Ngài. Dĩ nhiên, người Do Thái không chấp nhận ý nghĩ rằng họ cũng là tội nhân giống như dân ngoại và phải được cứu, vì thế họ phản đối cả người truyền rao sứ điệp và chính sứ điệp và bắt Chúa Giê-xu ra khỏi nhà hội để ném Ngài từ trên núi xuống. Sự giúp đỡ của Ê-li đối với người góa phụ và con trai bà là bằng chứng rằng Đức Chúa Trời không phải là người hay thiên vị kẻ giàu sang và rằng “*mọi người đều đã phạm tội, thiếu mất sự vinh hiển của Đức Chúa Trời*” (3:23). Dù là người Do Thái ngoan đạo hay người ngoại thờ đa thần, cách duy nhất để được cứu rỗi linh hồn là phải đặt niềm tin nơi Chúa Giê-xu Christ.

5. Lửa từ trời (IVua 18:1-40)

Trong ba năm, Ê-li đã ẩn mình tại suối Kê-rít và sau đó là tại nhà góa phụ ở Sa-rép-ta, nhưng bây giờ ông được Đức Chúa Trời ra lệnh hãy đi “tỏ mình” cho vua A-háp gian ác. Nhưng cùng với mạng lệnh của Đức Chúa Trời là lời hứa rằng Ngài sẽ ban mưa và chấm dứt cơn hạn hán mà Ngài đã giáng xuống để trừng phạt đất nước thờ thần tượng trong hơn ba năm.

Áp-đia gặp Ê-li (c.IVua 18:1-16). Những học giả không thống nhất với nhau về tính cách của Áp-đia, tổng quản hoàng cung. Ông là người đầy quyền lực, ông quản lý cung điện hoàng gia, đồng thời là quản gia và người giám sát bất cứ tài sản nào nhà vua sở hữu. Nhưng ông có phải là người đầy tớ can đảm của Đức Chúa Trời (tên ông nghĩa là “đầy tớ của Đức Giê-hô-va”) hay là một kẻ thỏa hiệp hèn nhát, sợ cho người khác biết lời làm chứng của mình? Kinh Thánh cho chúng ta biết Áp-

địa “rất kính sợ Đức Giê-hô-va”, ông chứng tỏ điều đó bằng việc liều cả mạng sống của mình để cứu sống và giúp đỡ một trăm tiên tri của Đức Chúa Trời³ trong cuộc “thanh trừng” của Giê-sa-bên. Đó không có vẻ gì giống một người đang thỏa hiệp về lời làm chứng của mình! Liệu ông có nên nói cho nhà vua và hoàng hậu những gì ông đang làm cho Đức Chúa Trời? Đức Chúa Trời đã đặt Áp-đi-a vào cung điện để ông dùng quyền lực Ngài ban cho giúp đỡ cho những vị tiên tri trung thành với Ngài vào thời điểm việc công khai thờ phượng Đức Chúa Trời là một việc nguy hiểm.

Nhà vua và Áp-đi-a đang tìm kiếm trong xứ cỏ và những thứ lá khác có thể dùng cho ngựa và la trong quân đội ăn. A-háp không đặc biệt quan tâm đến người dân trong xứ, nhưng ông muốn quân đội của mình phải vững mạnh để phòng ngừa trường hợp có ngoại xâm. Đáng chú ý rằng nhà vua sẵn sàng rời bỏ sự an toàn và tiện nghi trong cung điện để đi lùng sục trong xứ thức ăn cho các con vật. Dường như khi A-háp ở xa Giê-sa-bên, ông là một người tốt hơn.

Đức Chúa Trời dẫn Ê-li vào con đường mà Áp-đi-a đang đi và hai người gặp nhau. Áp-đi-a rất kính trọng Ê-li và chức vụ của ông đến nỗi Áp-đi-a sắp mặt xuống đất và gọi ông, “Hỡi Ê-li, chúa tôi!”. Nhưng mục đích của Ê-li là đối diện với vua A-háp gian ác, ông không có ý định đi tìm kiếm nhà vua; vì thế ông ủy thác cho Áp-đi-a việc nói cho nhà vua biết ông đang ở đâu. Chúng ta có thể hiểu mối lo lắng của Áp-đi-a sợ rằng nhà vua trở về và không tìm thấy vị tiên tri. Trong suốt ba năm A-háp đã tìm kiếm Ê-li, chắc chắn ông đã đi theo nhiều sự chỉ dẫn sai, và A-háp không thích thú trong việc phung phí thời gian và sức lực vào thời điểm nguy kịch trong lịch sử đất nước. Hơn nữa, A-háp có thể sẽ phạt Áp-đi-a hay thậm chí nghi ngờ ông là người theo Đức Chúa Trời của Ê-li. Nhưng khi Ê-li cam đoan với vị quan rằng ông sẽ ở yên tại đó và chờ nhà vua, Áp-đi-a bèn đi báo tin cho A-háp.

Không phải tất cả những đầy tớ của Đức Chúa Trời có nhiệm vụ xuất hiện trước công chúng như Ê-li và những vị tiên tri khác. Đức Chúa Trời có đầy tớ ở nhiều nơi, làm nhiều việc Ngài kêu gọi họ làm. Ni-cô-đem và Giô-sép A-ri-ma-thê không làm om sòm về niềm tin của họ nơi Chúa Giê-xu Christ, nhưng Đức Chúa Trời đã dùng họ để chôn cất thi thể của Chúa Giê-xu đang hoàng (Gi 19:38-42). Ê-xơ-tê giữ im lặng về dòng máu Do Thái của bà cho đến khi tuyệt đối cần thiết dùng nó để cứu mạng của cả nước. Trải qua nhiều thế kỷ, có rất nhiều Cơ Đốc nhân có tiểu sử tầm thường nhưng lại có những đóng góp to lớn cho chân lý của Đấng Christ và cho sự mở rộng vương quốc của Ngài.

Ê-li gặp A-háp (IVua 18:17-19). Tất cả mọi điều Ê-li làm là làm theo Lời của Đức Chúa Trời (c.36), bao gồm việc đối mặt với nhà vua mời ông và những thầy tế lễ của Ba-anh đến họp mặt trên núi Cạt-mên. A-háp gọi Ê-li là “kẻ làm rối loạn Y-sơ-ra-ên”, nhưng thật sự chính tội lỗi của A-háp mới gây ra những rắc rối trong xứ. Chắc chắn A-háp biết những điều kiện trong giao ước và hiểu rằng những phước lành từ Đức Chúa Trời tùy thuộc vào sự vâng lời của nhà vua và dân sự ông. Cả Chúa Giê-xu và Phao-lô cũng bị gọi là “những kẻ gây rối loạn” (Lu 23:5 Cong 16:20 17:6), vì thế Ê-li có những người bạn đồng hành tốt.

Núi Cạt-mên nằm gần biên giới Y-sơ-ra-ên và Phi-li-tin, vì thế nó là một địa điểm tốt cho thần Ba-anh của người Phi-li-tin gặp Đức Giê-hô-va, Thần của Y-sơ-

ra-ên. Ê-li bảo A-háp không những đem 450 tiên tri của Ba-anh nhưng còn thêm 400 tiên tri của Át-tạt-tê, thần tượng tượng trưng cho “vợ” của Ba-anh. Dường như chỉ có những tiên tri của Át-tạt-tê xuất hiện trong cuộc thách đấu (c.22,26,40).

Những tiên tri của Ba-anh gặp Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên (IVua 18:20-40). Những người đại diện có mặt ở đó đến từ mười chi phái của vương quốc phía bắc, Ê-li đã nói chuyện với nhóm người này khi buổi họp mặt bắt đầu. Mục đích của ông không chỉ là vạch trần thần Ba-anh giả dối nhưng còn đem những người dân đang thỏa hiệp với thần tượng trở về cùng Đức Chúa Trời. Do bị ảnh hưởng những tội ác của A-háp và Giê-sa-bên, dân sự đang “đi khắp khiêng” giữa hai quan điểm cố gắng phục vụ cả Đức Giê-hô-va và Ba-anh. Giống như Môi-se (Xu 32:26) và Giô-suê (Gios 24:15) trước đó, Ê-li yêu cầu họ phải có một quyết định rõ ràng, nhưng dân sự lạng thính. Có phải điều này do tội lỗi của họ (Ro 3:19) hay do họ thà muốn nhìn thấy điều gì sẽ xảy ra tiếp theo? Họ là những người yếu đuối, không có sự nhận thức tội lỗi thật sự.

Ê-li làm cho bài thi của mình khó hơn để dành ưu tiên cho những tiên tri của Ba-anh. Họ có thể xây bàn thờ trước, chọn và dâng của tế lễ trước, họ có thể có tất cả thời gian họ cần để cầu khẩn Ba-anh. Khi Ê-li nói rằng ông là vị tiên tri duy nhất của Đức Chúa Trời, ông không hề quên những tiên tri mà Áp-đia đã đem giấu và bảo vệ. Đúng hơn, ông đang nói rằng mình là người duy nhất phục vụ Đức Chúa Trời công khai, vì thế ông thua kém 450 tiên tri Ba-anh về số lượng. Nhưng một người với Đức Chúa Trời là đa số, vì thế vị tiên tri không có gì sợ hãi. Hẳn là những lời cầu nguyện của 450 tiên tri sốt sắng sẽ được Ba-anh nghe thấy và Ba-anh sẽ đáp lời bằng việc giáng lửa từ trời xuống! (Le 9:24 ISu 21:26)

Đến trưa, Ê-li chế nhạo những tiên tri Ba-anh vì không có gì xảy ra. “Đấng ngự trên trời sẽ cười, Chúa sẽ nhạo báng chúng nó” (Thi 2:4). Những tiên tri Ba-anh đang nhảy múa điên cuồng xung quanh bàn thờ của họ và dùng gươm giáo rạch vào người mình, tuy nhiên không có gì xảy ra. Ê-li giả dụ rằng Ba-anh không thể nghe họ vì Ngài đang ngẫm nghĩ điều gì, hay bận làm một số việc, hay thậm chí đang đi xa. Những lời của ông chỉ làm cho họ trở nên thêm cuồng tín, nhưng không có điều gì xảy ra. Vào lúc ba giờ là thời gian dâng của lễ chiều tại đền thờ ở Giê-ru-sa-lem, Ê-li tiến lên và thi hành nhiệm vụ.

Ai là người đã xây bàn thờ mà Ê-li sử dụng? Có lẽ là một người trong số những người tin Chúa còn sót lại trong Y-sơ-ra-ên, người đã bí mật thờ phượng Đức Chúa Trời. Nhưng bàn thờ đó đã bị phá hủy, có thể là do những tiên tri của Ba-anh (IVua 19:10), vì thế Ê-li sửa lại và thánh hóa nó. Ông sử dụng mười hai hòn đá để tái xác nhận sự thống nhất về thuộc linh của dân sự Đức Chúa Trời mặc cho sự chia rẽ về chính trị của họ. Ê-li đã cho những tiên tri Ba-anh một số thuận lợi, vì thế bây giờ ông cho mình một số bất lợi. Ông đào một con mương xung quanh bàn thờ và đổ đầy nước vào. Ông đặt của lễ thiêu trên củi bàn thờ và làm mọi thứ ướt sũng.

Vào thời gian của lễ thiêu buổi chiều, ông cất tiếng cầu nguyện với Đức Chúa Trời của sự giao ước, Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp. Ông cầu xin rằng Đức Chúa Trời hãy tỏ ra sự vinh hiển như là Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên, một Đức Chúa Trời sống và chân thật, làm cho mọi người biết Ê-li là tôi tớ Ngài. Nhưng hơn nữa, bằng việc giáng lửa từ trời, Đức Chúa Trời sẽ nói cho dân

Ngài biết rằng Ngài đã tha thứ cho họ và sẽ làm cho lòng họ quay trở về sự thờ phượng một Đức Chúa Trời chân thật. Ê-li có lẽ đang nghĩ về lời hứa của Đức Chúa Trời cho Sa-lô-môn trong (II Su 7:12-15). Thành linh, lửa từ trời giáng xuống thiêu đốt của lễ, bàn thờ, và nước trong mương xung quanh bàn thờ. Không có gì còn sót lại để người nào có thể biến thành một vật thờ cúng hay một điện thờ. Bàn thờ Ba-anh vẫn còn đứng đó như một đài kỷ niệm sự thất bại. Những tiên tri Ba-anh bị choáng váng, còn dân Y-sơ-ra-ên sắp mặt xuống đất và thừa nhận “Giê-hô-va là Đức Chúa Trời!”

Nhưng Ê-li vẫn chưa làm xong công việc của mình, ông ra lệnh cho dân sự bắt những tiên tri giả Ba-anh và giết họ. Đây là sự vâng lời mạng lệnh của Đức Chúa Trời trong (Phu 13:13-18 17:2-5). Cuộc thách đấu đã diễn ra công bằng, những tiên tri Ba-anh bị vạch trần là những kẻ sùng bái thần tượng và đáng bị giết. Luật pháp đòi hỏi những kẻ thờ lạy thần tượng phải bị ném đá đến chết, nhưng Ê-li đã giết những tiên tri Ba-anh bằng gươm (IVua 19:1). Dĩ nhiên, hành động này làm Giê-sa-bên nổi giận vì những người này đã ăn tại bàn của bà (c.19) bà quyết tâm bắt Ê-li và giết ông.

6. Mưa trở lại (IVua 18:41-45)

Ba năm trước, Ê-li đã tiên báo rằng bởi lời của ông mà mưa ngừng và chỉ bởi lời của ông mà mới có thể có mưa trở lại (17:1). Ông đang nói đến quyền năng trong lời cầu nguyện của mình, những lời mà ông nói với Đức Chúa Trời (Gia 5:17-18). Đối với vua A-háp đây là một ngày dài và đáng thất vọng, Ê-li sai những tùy tùng lấy thứ gì cho ông ăn. Ê-li lên chót núi Cạt-mên để cầu nguyện và cầu xin Đức Chúa Trời đem đến những cơn mưa cần thiết. Nhà truyền giáo Amy Carmichael đã viết, “Mỗi ngày chúng ta sống, chúng ta phải chọn lựa việc chúng ta nên làm theo cách của A-háp hay là của Ê-li.” (Mat 6:33) đến trong tâm trí tôi.

Dáng điệu không bình thường của Ê-li gần giống như một tư thế trong bào thai và chỉ ra sự hèn mọn của vị tiên tri, sự quan tâm lớn lao ông dành cho dân sự và gánh nặng của ông cho sự vinh hiển của Đức Chúa Trời. Không giống như sự đáp lời tại bàn thờ, sự đáp lời lần này không đến ngay lập tức. Bảy lần Ê-li sai đầy tớ mình nhìn sang Địa Trung Hải và báo cho ông biết bất cứ dấu hiệu nào về bão, sáu lần đầy tớ báo không có gì. Vị tiên tri không thất vọng và cầu nguyện lần thứ bảy, người đầy tớ thấy một đám mây nhỏ đến từ biển. Đây là một tấm gương tốt cho chúng ta noi theo khi chúng ta “nhìn xem và cầu nguyện” cứ tiếp tục cầu thay cho đến khi nào Đức Chúa Trời đem đến câu trả lời.

Một đám mây nhỏ không phải là một cơn bão, nhưng nó là điềm báo hiệu cho những cơn mưa sắp đến. Ê-li bảo nhà vua lên xe ngựa trở về cung điện ở Gít-ri-ên càng sớm càng tốt. Chúng ta không được biết làm cách nào ông báo tin cho Giê-sa-bên biết là Ba-anh đã bị công khai sỉ nhục và bị tuyên bố là thần giả mạo, những tiên tri Ba-anh mà bà ủng hộ đã bị giết. Nhưng cơn hạn hán hay nạn đói đều không làm cho A-háp và Giê-sa-bên ăn năn, có thể lửa từ trời hay việc mưa đến cũng sẽ không thay đổi lòng họ (Kh 9:20-21 16:8-11). Mặc cho tất cả những dấu hiệu này, Giê-sa-bên vẫn quyết tâm giết Ê-li (IVua 19:1-2).

7. Sức mạnh cho cuộc hành trình (IVua 18:46)

Chẳng mấy chốc trời trở nên đen kịt với những đám mây và mưa như trút nước bắt đầu đổ xuống xứ. Đức Chúa Trời không chỉ chứng thực rằng Ngài là một Đức Chúa Trời sống và chân thật, nhưng Ngài còn bày tỏ sự tán đồng với chức vụ của người đầy tớ Ê-li. Ê-li không có xe ngựa lẫn tùy tùng nhưng ông có quyền năng của Đức Chúa Trời; ông chạy trước A-háp và đến Gít-ri-ên trước nhà vua. Ông đã chạy khoảng mười bảy dặm. Đây đúng là một kỳ công của một người già và bên trong đó là một dấu hiệu khác cho dân sự rằng bàn tay quyền năng của Đức Chúa Trời ở trên tôi tớ Ngài.

Đức Chúa Trời đã trừng phạt dân sự Ngài bằng hạn hán và nạn đói nhưng đã chăm sóc cho người đầy tớ đặc biệt của Ngài là Ê-li. Ngài đã giáng lửa từ trời để chứng tỏ Ngài là một Đức Chúa Trời sống và chân thật. Bây giờ Ngài đáp lời cầu nguyện của tiên tri Ngài và ban mưa tưới khắp xứ. Bạn sẽ nghĩ rằng Ê-li luôn mạnh mẽ về thuộc linh và có thể đối mặt với mọi việc, nhưng đoạn kế tiếp ghi chép điều ngược lại. Là một người vĩ đại như Ê-li, ông vẫn thất bại trước mặt Đức Chúa Trời và với chính bản thân mình.

11. NGƯỜI TRONG HANG ĐỘNG (IVua 19:1-21)

Tôi được khích lệ khi đọc (Gia 5:17), “Ê-li vốn là người yếu đuối như chúng ta”. Tôi có khuynh hướng lý tưởng hóa những người nam và người nữ trong Kinh Thánh, nhưng Kinh Thánh là “lời của lẽ thật” (ITi 2:15) mô tả những khuyết điểm của cả người vĩ đại nhất. Khi Gia-cơ viết những lời này, ông chắc chắn có nghĩ đến (IVua 18:1-19:21) vì trong hai đoạn này chúng ta thấy Ê-li ở cả hai thái cực, ở điểm cực đại và cực tiểu trên linh trình của mình. Khi người viết thi thiên ghi rằng “mỗi người dầu đứng vững cũng chỉ là hư không” (Thi 39:5), ông muốn bao gồm tất cả mọi người trừ Chúa Giê-xu. Một câu tục ngữ cổ nhắc chúng ta, “Điều tốt nhất của con người chỉ là con người ở trạng thái tốt nhất của họ” và lịch sử của Ê-li đã chứng minh điều này đúng như thế nào.

Tuy nhiên, những nhà lãnh đạo nổi bật trong Kinh Thánh, với tất cả nhân tính của mình, biết làm thế nào để tìm đường thoát khỏi cái John Bunyan gọi là “sự sa đọa vào vòng tội lỗi” quay trở lại trên con đường hẹp với Đức Chúa Trời. Chúng ta có thể học tập từ những thất bại cũng như những thành công của họ. Hơn nữa, khi học những đoạn Kinh Thánh như (IVua 19:1-21) chúng ta được nhắc nhở phải dâng sự vinh hiển lên cho Chúa, không phải cho đầy tớ của Ngài (ICo 1:27-29). Chúng ta cũng được nhắc nhở phải chuẩn bị cho những gì có thể xảy ra sau những chiến thắng Đức Chúa Trời ban cho chúng ta. Chúng ta có thể di chuyển từ đỉnh chiến thắng đến thung lũng thử thách thật nhanh chóng! Chúng ta cần phải hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời và phải sẵn sàng cho những thử thách thường theo sau sự chiến thắng.

Nếu Ê-li có thể diễn tả cảm giác của ông và điều ông nghĩ với một nhà tư vấn, người đó sẽ chuẩn đoán tình trạng của ông theo như sách nói là bị kiệt sức. Cơ thể Ê-li bị kiệt sức và ông mất sự thèm ăn. Ông thất vọng về chính bản thân, công việc của mình và càng bị sự tự thương mình điều khiển nhiều hơn. “Chỉ một mình tôi còn lại!”. Thay vì quay sang tìm sự giúp đỡ nơi người khác, ông tự cô lập mình-tệ hơn hết-ông muốn chết. (Ê-li không bao giờ chết. Ông được cất lên trời bằng xe

ngựa. (II Vua 2:1-22). Vị tiên tri kết luận rằng ông đã thất bại trong nhiệm vụ của mình và quyết định đã đến lúc phải ra đi. Nhưng Đức Chúa Trời không thấy theo cách đó. Ngài luôn nhìn thấy vượt xa hơn tâm trạng hay thay đổi cùng những lời cầu nguyện mạnh mẽ, Ngài thương xót chúng ta như cha mẹ thương xót những đứa con bị nản lòng của mình (Thi 103:13-14). Đoạn này cho chúng ta thấy Đức Chúa Trời đối đãi với chúng ta dịu dàng và kiên nhẫn như thế nào khi chúng ta ở trong vực sâu của tuyệt vọng và muốn từ bỏ mọi thứ.

Đoạn này bắt đầu với việc Ê-li chạy trốn và cố gắng cứu mạng mình. Sau đó vị tiên tri cãi lẽ với Đức Chúa Trời và cố gắng bênh vực mình. Cuối cùng, ông vâng lời Đức Chúa Trời, khuất phục chính mình và được phục hồi chức vụ. Trong tất cả những chuyện này Ê-li đang đáp lại với bốn thông điệp khác nhau.

1. Thông điệp của kẻ thù về sự nguy hiểm (IVua 19:1-4)

Khi mưa như trút nước bắt đầu đổ xuống, Giê-sa-bên đang ở Gít-ri-ên và có lẽ đã nghĩ rằng thần bão Ba-anh đã chiến thắng trên núi Cạt-mên. Tuy nhiên, khi A-háp về, ông kể cho bà nghe một chuyện hoàn toàn khác. A-háp là một người yếu đuối, nhưng lẽ ra ông nên đứng với Ê-li và tôn vinh Đức Chúa Trời là Đấng đã bày tỏ quyền năng của Ngài cách mạnh mẽ. Nhưng A-háp phải sống với hoàng hậu Giê-sa-bên và không có sự ủng hộ của bà, ông biết ông chẳng là gì cả. Nếu từng có một kẻ thống trị kiên quyết làm điều ác thì đó là Giê-sa-bên. Cả A-háp và Giê-sa-bên đều không chấp nhận bằng chứng rõ ràng diễn ra trên núi Cạt-mên rằng Đức Giê-hô-va là một Đức Chúa Trời sống và chân thật. Thay vì ăn năn và kêu gọi đất nước quay trở lại phục vụ Đức Chúa Trời, Giê-sa-bên tuyên chiến với Đức Giê-hô-va và người đầy tớ trung thành của Ngài Ê-li và A-háp cho phép bà làm điều đó.

Tại sao Giê-sa-bên gửi thư cho Ê-li khi bà có thể sai lính giết ông? Ông đang ở Gít-ri-ên và hành động này có thể dễ dàng thực hiện vào một đêm mưa gió. Giê-sa-bên là một người đàn bà gian ác; bà cũng là một nhà chiến lược sắc sảo, người biết tận dụng sự thất bại của Ba-anh trên núi Cạt-mên. A-háp là một người trốn tránh công việc, nhưng vợ ông không phải như vậy! Ê-li bây giờ là một người rất được dân sự yêu mến. Giống như Môi-se, ông đã đem lửa từ trời và giết những kẻ thờ thần tượng (Le 9:24 Dan 25:1-17). Nếu Giê-sa-bên biến ông thành người tử vì đạo, ông có thể ảnh hưởng đến dân sự bằng cái chết của mình hơn là đời sống của ông. Không, dân sự đang đợi Ê-li bảo họ phải làm gì, vì thế tại sao không *đuổi ông khỏi nơi ông chiến thắng?* Nếu Ê-li biến mất, dân sự sẽ tự hỏi điều gì đã xảy ra, sẽ có ý hướng trở lại sự thờ lạy Ba-anh để cho A-háp và Giê-sa-bên hướng dẫn đường lối của mình. Hơn nữa, dù cho là Ba-anh hay là Đức Giê-hô-va, mưa đã trở lại và đã có việc để làm!

Giê-sa-bên hoài nghi rằng Ê-li đã bị suy nhược về thể chất lẫn cảm xúc sau một ngày đòi hỏi nhiều nỗ lực trên núi Cạt-mên, và bà đã đứng. Ông cũng là con người như chúng ta, và như những cha xứ thời xưa thường dạy các môn đồ của mình rằng “Hãy cẩn thận sự đánh trả của loài người sau những nỗ lực thánh.” Bức thư của bà đã đạt được mục đích và Ê-li chạy trốn khỏi Giê-sa-bên. Trong khoảnh khắc sợ hãi,¹ khi ông quên tất cả những gì Đức Chúa Trời đã làm cho mình ba năm trước, Ê-li đem theo đầy tớ mình, rời khỏi Y-sơ-ra-ên hướng về Bê-e-sê-ba, thành

phố ở cực nam Giu-đa. Charles Spurgeon đã nói rằng Ê-li “thối lui trước một kẻ thù đã ngã gục”. Đức Chúa Trời đã đáp lời cầu nguyện của ông (IVua 18:36-37) và tay Ngài đã ở với ông trong trận bão (18:46), nhưng bây giờ ông đang bước đi bằng mắt không phải bằng đức tin (Thi 16:7-8).

Trong ba năm, Ê-li đã không có một bước đi nào không nghe và tuân theo sự chỉ dẫn của Đức Chúa Trời (IVua 17:2-3,8-9 18:1), nhưng bây giờ ông đang đi trước Đức Chúa Trời nhằm cứu mạng sống mình. Khi đầy tớ Đức Chúa Trời bước ra khỏi ý muốn của Ngài họ có khả năng làm tất cả những điều ngu ngốc *và thất bại trong điểm mạnh nhất của mình*. Khi Áp-ra-ham chạy đến Ai Cập, ông thất bại trong đức tin, vốn là sức mạnh lớn nhất của ông (Sa 12:10). Sức mạnh lớn nhất của Đa-vít là sự chính trực, đó chính là nơi ông đã thất bại khi ông bắt đầu nói dối và có mưu đồ trong chuyện Bát-sê-ba (IISa 11-12). Môi-se là người nhu mì nhất (Dan 20:1-13), nhưng ông đã mất bình tĩnh và để mất đặc ân được vào đất hứa (20:1-13). Phi-e-rơ là một người can đảm, nhưng ông đã mất lòng can đảm này và đã chối Đấng Christ (Mac 14:66-72). Giống như Phi-e-rơ, Ê-li là một người dũng cảm, nhưng sự dũng cảm này biến mất khi ông nghe thông điệp của Giê-sa-bên.

Nhưng tại sao lại chạy đến Giu-đa, đặc biệt là khi Giê-rô-bô-am, vua Giu-đa cưới con gái của A-háp là A-tha-li (IIVua 8:16-19 IISu 21:4-7). Đây là A-tha-li xấu xa, người sau này cai trị xứ và cố gắng tiêu diệt tất cả những người kế vị ngôi Đa-vít (IIVua 11:1-21). Nơi an toàn nhất cho bất kỳ con cái nào của Đức Chúa Trời là nơi được ý muốn của Ngài chỉ ra, nhưng Ê-li không thể dừng lại để tìm kiếm ý muốn của Đức Chúa Trời. Ông đi 90 đến 100 dặm tới Bê-e-sê-ba và để đầy tớ mình tại đó. Ông có nói “Ở đây cho đến khi nào ta quay lại?” hay ông chỉ trả tự do cho người đầy tớ để người này được an toàn? Nếu kẻ thù đuổi theo ông, người đầy tớ của ông có thể được an toàn hơn ở một nơi khác. Hơn nữa, nếu người đầy tớ không biết Ê-li ở đâu, anh ta không thể khai báo chống lại ông.

Bê-e-sê-ba có một ý nghĩa đặc biệt với người Do Thái vì nó có mối liên hệ đến Áp-ra-ham (Sa 21:22,33), Y-sác (26:33), và Gia-cốp (46:1). “Cây bách xù” thật ra là một loại cây bụi có hoa (“cây đậu chổi có hoa”), mọc sum suê trong đồng vắng và cho bóng mát cho các loài chim thú và khách bộ hành. Những cành của nó mảnh dẻ và dễ uốn giống như những cành cây liễu và được dùng để buộc các bó cây. (Tiếng Hê-bơ-rơ nói về loại cây bụi này là “buộc”). Rễ của cây được dùng để chum và làm than rất tốt (Thi 120:4). Khi Ê-li ngồi dưới bóng mát của nó, ông đã làm một việc khôn ngoan–cầu nguyện–nhưng không cầu nguyện một điều khôn ngoan. Ông nói với Đức Chúa Trời, “Tôi đã đủ rồi! Hãy cất lấy mạng sống tôi.”³ Sau đó ông đưa ra lý do: “Tôi không hơn gì các tổ phụ tôi.” Đức Chúa Trời không bao giờ yêu cầu ông phải hơn bất cứ người nào, nhưng chỉ cần nghe Lời Ngài và làm theo.

Sự kết hợp giữa rối loạn cảm xúc, kiệt sức, đói và cảm giác thất bại nặng nề, cộng với việc thiếu đức tin nơi Đức Chúa Trời đã làm cho Ê-li lún sâu vào sự ngã lòng. Nhưng còn có một yếu tố khác đó là sự kiêu ngạo, cả sự tự thương hại mình, vì Ê-li chắc chắn rằng chức việc can đảm của ông trên núi Cạt-mên sẽ bắt cả nước phải hạ mình. Có lẽ ông cũng hy vọng rằng A-háp và Giê-sa-bên sẽ ăn năn từ bỏ Ba-anh mà quay trở lại cùng Đức Giê-hô-va. Sự mong đợi của ông không được thực hiện, vì thế ông cho mình là thất bại. Nhưng Đức Chúa Trời ít khi cho đầy tớ

Ngài nhìn thấy tất cả những việc tốt mà họ đã làm, vì chúng ta bước đi bằng đức tin không phải bằng mắt, và Ê-li sẽ biết rằng có 7.000 người trong Y-sơ-ra-ên không quỳ trước Ba-anh và thờ lạy hắn. Chắc chắn chức vụ của chính ông đã ảnh hưởng trên nhiều người trong số họ.

2. Thông điệp của thiên sứ về ân điển (IVua 19:5-8)

Khi tấm lòng nặng nề, tâm trí và thân thể mệt mỏi, đôi khi phương thuốc tốt nhất là ngủ-chỉ đánh một giấc ngủ trưa! Dựa vào (Mac 6:31), Vance Havner thường nói rằng nếu chúng ta không tách ra và nghỉ ngơi, chúng ta sẽ ngã quỵ và Ê-li đã rơi vào trường hợp như vậy. Dường như không có điều gì đúng khi bạn quá mệt mỏi.

Nhưng khi vị tiên tri đang ngủ, Đức Chúa Trời sai một thiên sứ đến chăm lo cho nhu cầu của ông. Trong cả tiếng Hê-bơ-rơ và Hy Lạp, từ được dịch là “thiên sứ” cũng có nghĩa là “sứ giả”, vì thế một số người kết luận rằng người khách giúp đỡ này là một người khách bộ hành khác được Đức Chúa Trời đưa đến bên Ê-li vào đúng thời điểm thích hợp. Tuy nhiên, trong câu 7, vị khách này được gọi là “thiên sứ của Đức Chúa Trời”, một danh hiệu trong Cựu Ước dành cho Chúa ngôi hai, Chúa Giê-xu, con trai Đức Chúa Trời. Trong những phân đoạn như (Sa 16:10 Xu 3:1-4 Cac 2:1-4), thiên sứ của Đức Chúa Trời nói và hành động như điều Đức Chúa Trời sẽ nói và hành động. Trên thực tế, thiên sứ của Đức Chúa Trời trong (Xu 3:2) được gọi là “Đức Chúa Trời” và trong phần còn lại của đoạn là “Chúa”. Chúng ta cho rằng vị khách giúp đỡ này là Chúa Giê-xu Christ của chúng ta.

Ê-li và sứ đồ Phi-e-rơ đều được thiên sứ đánh thức (Cong 12:7) Ê-li để lấy thức ăn và Phi-e-rơ để bước ra là người tự do. Thiên sứ đã chuẩn bị một bữa ăn đơn giản nhưng đầy đủ gồm bánh mì mới nướng và nước mát, vị tiên tri ăn uống rồi lại nằm xuống tiếp tục ngủ. (Chúa Giê-xu đã chuẩn bị một bữa ăn sáng gồm bánh và cá cho Phi-e-rơ và sáu môn đồ khác của Ngài (Gi 21:9,13). Chúng ta không được biết Chúa cho Ê-li ngủ bao lâu trước khi Ngài đánh thức ông lần thứ hai và bảo ông ăn. Chúa biết rằng Ê-li dự định đi đến núi Si-na-i, một trong những nơi thiêng liêng nhất trong lịch sử Do Thái, Si-na-i cách Bê-e-sê-ba 250 dặm, và ông cần có sức khoẻ cho cuộc hành trình này. Nhưng dù cho nơi đi đến của chúng ta là đâu, chuyến hành trình là quá dài đối với chúng ta và chúng ta cần sức của Đức Chúa Trời để đến được đích. Đức Chúa Trời thật là nhân từ, Ngài đã “dọn bàn nơi đồng vắng” cho những tội tớ ngã lòng của Ngài (Thi 78:19 23:5). Ê-li vâng lời sứ giả của Đức Chúa Trời và có thể đi 40 ngày đêm nhờ vào chất dinh dưỡng từ hai bữa ăn này.

Khi bạn nhìn lại những công việc Đức Chúa Trời làm cho Ê-li được chép trong (IVua 18:1-19:21), bạn thấy có một sự tương đương với lời hứa trong (Es 40:31. Trong ba năm, vị tiên tri đã được Đức Chúa Trời che giấu, suốt trong thời gian đó ông “trông đợi Đức Chúa Trời”. Khi Đức Chúa Trời sai ông đến núi Cạt-mên, Ngài làm cho ông có thể “cất cánh bay cao như chim ưng” và chiến thắng những tiên tri Ba-anh. Sau khi Ê-li cầu nguyện thì trời bèn mưa, Đức Chúa Trời ban cho ông sức mạnh để “chạy mà không mệt nhọc” (18:46), và bây giờ Ngài bổ sức cho ông trong 40 ngày vì thế ông có thể “đi mà không mòn mỏi” (19:8). Ê-li không hoàn toàn sống

theo ý muốn của Đức Chúa Trời, nhưng ông đủ sáng suốt để biết rằng ông phải trông đợi Đức Chúa Trời nếu ông mong ước có được sức lực cho chức vụ và cho chuyến hành trình trước mắt.

Thiên sứ của Đức Chúa Trời là những sứ giả đặc biệt của Ngài, được sai đến để phục vụ dân sự Ngài (He 1:14 Thi 91:11). Thiên sứ cứu Đa-ni-ên khỏi bị sự tử ăn thịt (Da 6:22), và thiên sứ phục vụ Chúa Giê-xu sau khi Ngài bị cám dỗ nơi đồng vắng (Mac 1:12-13). Thiên sứ thêm sức cho Chúa Giê-xu trong vườn Ghết-sê-ma-nê (Lu 22:43) và nâng đỡ Phao-lô trên con tàu trong cơn bão (Cong 27:23). Các thiên sứ trên trời vui mừng khi một tội nhân ăn năn (15:7,10). Khi chúng ta về thiên đàng và Đức Chúa Trời ban đặc ân cho chúng ta nhìn lại cuộc hành trình trên đất của chúng ta, chúng ta sẽ chắc chắn khám phá ra rằng những người lạ giúp đỡ chúng ta theo những cách khác nhau thật sự là những thiên sứ của Đức Chúa Trời, được Ngài sai đến để nâng đỡ và bảo vệ chúng ta.

3. Thông điệp của Đấng tạo hoá về quyền năng (IVua 19:9-14)

Từ Bê-e-sê-ba đến Si-na-i khoảng 200 dặm, một chuyến hành trình có lẽ mất mười ngày hay một tuần. Tối đa đã hơn ba tuần kể từ khi Ê-li chạy khỏi Gít-ri-ên, nhưng chuyến đi trải dài mất 40 ngày (IVua 19:8)! Nếu Ê-li đang phải vội vã để cách xa khỏi những kẻ đao phủ của Giê-sa-bên, tại sao ông mất quá nhiều thời gian để làm việc này? Có lẽ Đức Chúa Trời hướng dẫn các bước đi của ông (Thi 37:23)–và những chặng dừng chân–vì thế ông sẽ trải qua mỗi ngày cho mỗi năm trong đồng vắng của dân Y-sơ-ra-ên sau khi họ được giải thoát khỏi Ai Cập. Chính vì sự không tin và sợ hãi của dân Y-sơ-ra-ên tại Ca-đe Ba-nê-a đã khiến cho họ bị đoán phạt (Dan 13:1-14:45), chính sự không tin và sợ hãi của Ê-li đã khiến ông phải bước vào chuyến hành trình trong sa mạc. (Chúa Giê-xu chúng ta cũng trải qua 40 ngày trong đồng vắng khi Ngài bị cám dỗ, (Mat 4:2). Khi hướng về Si-na-i, Ê-li có thể đã dự định cho chuyến đi, như thế ông có thể trải qua 40 ngày trong đồng vắng để noi gương Môi-se, người đã trải qua 40 ngày trên núi với Đức Chúa Trời (Xu 34:28). Ê-li phải đối phó với sự thờ lạy Ba-anh và Môi-se phải đối phó với sự thờ lạy bò vàng (32:1-35).

Ê-li lấy hang đá làm nhà và chờ đợi Đức Chúa Trời. Trong ngôn ngữ tôn giáo đương thời, ông đang “sống ẩn dật” nhằm giải quyết một số nan đề và gần gũi với Đức Chúa Trời. Ông quá tuyệt vọng đến nỗi ông sẵn sàng từ bỏ sự kêu gọi dành cho mình và cả mạng sống ông. Cuối cùng khi Đức Chúa Trời đến và phán với Ê-li, không phải để quở trách hay dạy dỗ ông, nhưng để hỏi ông một câu hỏi: “Người đang làm gì ở đây?”. Lời đáp của Ê-li không thật sự trả lời câu hỏi, điều này giải thích tại sao Đức Chúa Trời hỏi lần thứ hai (c.13). Ê-li chỉ kể cho Đức Chúa Trời (Đấng đã biết) rằng ông đã trải qua nhiều thử thách trong chức vụ, nhưng ông vẫn trung thành với Đức Chúa Trời. Nhưng nếu ông là một người đầy tớ trung thành, ông đang làm gì khi ẩn nấp trong một hang đá cách nơi chức vụ được xúc dầu của ông hàng trăm dặm?

Trong lời đáp này, Ê-li biểu lộ cả sự kiêu hãnh và sự tự thương hại mình, trong cách dùng đại từ “họ”, ông thổi phồng mức độ của sự đối lập. Ông làm như thể là mỗi một người Do Thái còn lại ở vương quốc phía bắc đã quay sang chống lại ông

và Đức Chúa Trời, khi thật sự chính Giê-sa-bên là người muốn giết ông. Điệp khúc⁵ “Tôi chỉ còn lại một mình” của Ê-li làm như thể ông là người không thể thiếu cho công việc của Đức Chúa Trời, khi thật sự không có đầy tớ nào của Đức Chúa Trời là không thể thiếu được. Sau đó Đức Chúa Trời ra lệnh cho ông đứng tại trên núi trước cửa hang động, nhưng dường như Ê-li không vâng lời Ngài cho đến khi ông nghe tiếng nói êm dịu nhỏ nhẹ (c.13). Một khả năng khác là ông đã ra khỏi hang đá nhưng chạy trở vào khi Đức Chúa Trời bắt đầu bày tỏ quyền năng vĩ đại của Ngài.

“Đức Giê-hô-va đi ngang qua” nhắc chúng ta nhớ đến kinh nghiệm của Môi-se trên núi (Xu 33:21-22). Tất cả điều Ê-li cần để được hồi phục lại cho sự phục vụ là một viễn cảnh rõ ràng về quyền năng và vinh hiển của Đức Chúa Trời. Đầu tiên, Đức Chúa Trời khiến một trận gió mạnh thổi qua, gió mạnh đến nỗi làm bể đá và xé núi, nhưng không có một thông điệp thánh nào đến với vị tiên tri. Sau đó Đức Chúa Trời gây ra một trận động đất làm rung chuyển núi, nhưng không có điều gì từ Đức Chúa Trời đến trong trận động đất. Sau đó Đức Chúa Trời đem đến một đám lửa, nhưng nó cũng không mang đến cho Ê-li một thông điệp nào từ Đức Chúa Trời. Chắc chắn vị tiên tri ắt hẳn đã nghĩ đến việc ban luật pháp khi ông chứng kiến sự phô bày quyền năng gây cảm xúc mạnh mẽ này (19:16-18).

Điều Đức Chúa Trời cố gắng làm trọn trong cuộc đời Ê-li thông qua những bài học tượng hình kinh hoàng và khiếp sợ này là gì? Một mặt, Đức Chúa Trời đang nhắc nhở ông rằng mọi vật trong thiên nhiên đều vâng theo Ngài (Thi 148:1-14)—gió, những nền móng của trái đất, lửa—và Ngài không thiếu những công cụ khác nhau để hoàn thành công việc của Ngài. Nếu Ê-li thối lui khỏi tiếng kêu gọi thánh dành cho ông, Đức Chúa Trời sẽ có một người khác thay thế chỗ ông. Nhưng hóa ra, Ê-li không thối lui nhưng được cho quyền kêu gọi người kế vị ông là Ê-li-sê và trải qua một thời gian với người này trước khi được cất lên trời.

Gió, động đất, và lửa là tất cả những phương tiện Đức Chúa Trời dùng để bày tỏ chính mình Ngài cho loài người. Các nhà thần học gọi những sự biểu hiện này là “theophanies”, xuất phát từ hai từ Hy Lạp (*theos*= Đức Chúa Trời; *phaino*= bày tỏ, hiện ra), khi đi cùng nhau có nghĩa là “sự bày tỏ của Đức Chúa Trời). Những đất nước thờ đa thần thấy những cảnh tượng vĩ đại này và thờ lạy những sức mạnh của thiên nhiên, nhưng khi người Do Thái thấy những điều này, họ thờ lạy Đức Chúa Trời là Đấng đã tạo dựng nên thiên nhiên. (Cac 5:4-5 Thi 18:16-18 Ha 3:1-19). Nhưng những sự bày tỏ tương tự về sự hiện diện và quyền năng kinh khiếp của Đức Chúa Trời sẽ được nhìn thấy trong những ngày cuối cùng khi Chúa Giê-xu trở lại thế gian để thiết lập vương quốc của Ngài. Những tiên tri thời Cựu Ước gọi giai đoạn này là “ngày của Đức Chúa Trời”. (Gio 2:28-3:16 Es 13:9-10 Mat 24:29 Kh 6:1-16:21). Có lẽ Đức Chúa Trời đang phán với Ê-li, “Người cảm thấy như mình đã không phán xét được tội lỗi của Y-sơ-ra-ên, nhưng một ngày kia ta sẽ đoán xét nó và sự đoán xét của ta là cuối cùng và trọn vẹn”.

Sau sự phô bày quyền năng gây cảm xúc mạnh mẽ này, có “một tiếng êm dịu nhỏ nhẹ”, cũng có thể dịch là “một tiếng thì thầm nhỏ nhẹ, một giọng nói nhẹ nhàng như gió thoảng”. Khi vị tiên tri nghe giọng nói này, ông bước ra khỏi hang đá và gặp Đức Chúa Trời. Quyền năng mạnh mẽ và tiếng động lớn của những sự

bày tỏ vừa rồi không làm lay động Ê-li, nhưng khi ông nghe tiếng nói êm dịu nhỏ nhẹ, ông nhận ra tiếng nói của Đức Chúa Trời. Lần thứ hai (Gion 3:1), ông nghe câu hỏi tương tự, “Hỡi Ê-li, ngươi ở đây làm chi?” và một lần nữa, Ê-li lặp lại câu trả lời vừa lẩn tránh vừa tự coi mình là trung tâm.

Đức Chúa Trời đang phán với Ê-li, “Ngươi đã gọi lửa từ trời, ngươi đã giết những tiên tri Ba-anh, và ngươi cầu nguyện xin một trận mưa đông rất lớn, nhưng bây giờ ngươi cảm thấy như là một thất bại. Nhưng ngươi phải nhận biết rằng ta không hành động theo cách âm ỉ, gây ấn tượng và cảm xúc mạnh mẽ. Tiếng nói êm dịu nhỏ nhẹ của ta đem Lời đến cho tấm lòng và đôi tai lắng nghe. Đúng, có lúc và có nơi cho gió, động đất và lửa, nhưng phần lớn thời gian, ta nói với dân sự bằng một giọng đầy tình yêu dịu dàng và sự thuyết phục trầm lặng.” Đức Chúa Trời không chê trách chức vụ dũng cảm của đầy tớ Ngài; Ngài chỉ đang nhắc Ê-li rằng Ngài sử dụng nhiều công cụ khác nhau để hoàn thành công việc của Ngài. Lời của Đức Chúa Trời đến như một cơn mưa rào nhẹ làm mát mẻ, sạch sẽ và sản sinh sự sống (Phu 32:2 Es 55:10).

Trong thời đại của những cuộc hội họp lớn, âm nhạc âm ỉ, và áp lực cao của sự thăng tiến ngày nay, thật khó cho một số người hiểu rằng Đức Chúa Trời ít khi hành động bằng những phương tiện khống lồ và gây ấn tượng mạnh mẽ. Khi Ngài muốn khởi đầu nước Do Thái, Ngài ban xuống một em bé–Y-sác; khi Ngài muốn giải phóng đất nước khỏi cảnh nô lệ, Ngài ban xuống một em bé khác–Môi-se. Ngài sai một thiếu niên tên Đa-vít đi giết gã khống lồ người Phi-li-tin, cậu trai đã dùng một cái trình ném đá và một hòn đá để làm điều này. Khi Ngài muốn cứu rỗi thế gian, Ngài sai Con Ngài đến như một em bé yếu ớt và không nơi nương tựa; ngày nay, Ngài cố gắng đến với thế gian thông qua chức vụ của “những chậu bằng đất” (II Co 4:7). Tiến sĩ J. Oswald Sanders phát biểu rằng “những tiếng thì thầm từ nơi Chúa bị đóng đinh có sức mạnh vô cùng hơn là tiếng sấm trên núi Si-nai đem con người vào chỗ ăn năn.”

4. Thông điệp của Đức Chúa Trời về sự hy vọng (IVua 19:15-21)

Ê-li không có gì mới để thưa với Đức Chúa Trời, nhưng Đức Chúa Trời có một thông điệp mới về sự hy vọng cho người đầy tớ đang ngã lòng của Ngài. Đức Chúa Trời có nhiều lý do để loại bỏ người đầy tớ của Ngài và để ông chết trong hang đá, nhưng Ngài không làm điều đó. “Ngài không đả chúng tôi theo tội lỗi chúng tôi, cũng không báo trả chúng tôi tùy sự gian ác chúng tôi. . . Vì Ngài biết chúng tôi nắn nên bởi giống gi; Ngài nhớ lại rằng chúng tôi bằng bụi đất” (Thi 103:10,14).

Đầu tiên, Đức Chúa Trời bảo Ê-li trở về nơi thi hành chức vụ. Khi chúng ta ra khỏi ý muốn của Đức Chúa Trời, chúng ta phải ra khỏi chốn đó và thực hiện một sự khởi đầu mới (Sa 13:3 35:1-3). Câu trả lời thành thật cho câu hỏi “Hỡi Ê-li, ngươi ở đây làm chi?” là “Tôi không làm gì cả! Tôi chỉ đang tự thương hại cho mình đây!” Nhưng Ê-li được kêu gọi để phục vụ, và có những nhiệm vụ ông phải thực hiện. Khi Giô-suê đau buồn vì việc Y-sơ-ra-ên thất bại trước thành A-hi, ông sắp mặt xuống đất trước Đức Chúa Trời cả ngày; nhưng câu trả lời của Đức Chúa Trời là “Hãy đứng dậy! Sao ngươi sắp mặt xuống đất như vậy?” (Gios 7:10). Khi Sa-mu-ên than khóc vì sự thất bại của Sau-lơ, Đức Chúa Trời quở trách ông. “Ngươi buồn

rầu về việc Sau-lơ cho đến chừng nào? Ta đã từ bỏ nó hầu cho nó không làm vua trên Y-sơ-ra-ên nữa. Hãy đổ dầu đầy sừng của người và đi. . . (ISa 16:1) Sa-mu-ên đi và xúc dầu cho Đa-vít làm vị vua kế tiếp. *Dầu cho đầy tớ của Đức Chúa Trời có quên Ngài thì Ngài cũng không quên công việc Ngài sẽ làm cho họ.* Việc của chúng ta là vâng Lời Ngài và đứng lên làm điều Ngài bảo!

Trách nhiệm đầu tiên của Ê-li là xúc dầu cho Ha-xa-ên làm vua Sy-ri. Đây là một nước của dân ngoại, nhưng Đức Chúa Trời vẫn là Đấng chọn lựa những người lãnh đạo. “Đấng Rất Cao cai trị trong nước loài người, và Ngài muốn ban cho ai tùy ý” (Da 4:25). Sau đó ông sẽ xúc dầu cho Giê-hu làm vua Y-sơ-ra-ên, vì mặc dầu đất nước bị phân chia, Y-sơ-ra-ên vẫn ở dưới giao ước thánh và Đức Chúa Trời vẫn có trách nhiệm với đất nước này. Nhiệm vụ thứ ba của ông là xúc dầu cho Ê-li-sê làm người kế nhiệm ông. Ê-li than phiền vì những thế hệ trong quá khứ đã thất bại và thế hệ trong hiện tại không làm điều gì tốt hơn (c.4). Bây giờ Đức Chúa Trời gọi ông để giúp trang bị cho thế hệ tương lai bằng việc xúc dầu cho hai vị vua và một vị tiên tri. Đây là sự diễn tả của Cựu Ước về (II Ti 2:2).

Những người được Đức Chúa Trời gọi tên không phải là những người đáng chú ý đặc biệt trong kết cấu xã hội thời đó. Ha-xa-ên là một đầy tớ của vua Bên-ha-đát, Giê-hu là người chỉ huy quân đội, và Ê-li-sê là một nông dân. Nhưng vào thời điểm Ê-li-sê và Giê-hu hoàn thành công việc của họ, sự thờ lạy Ba-anh hầu như đã bị quét sạch khỏi Y-sơ-ra-ên (IIVua 10:18-31). Không một thế hệ nào có thể làm được tất cả mọi việc, nhưng mỗi thế hệ nên hiểu rằng người trong thế hệ kế tiếp được kêu gọi và huấn luyện và rằng những công cụ được bày sẵn cho họ để tiếp tục công việc của Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời đang bảo Ê-li ngừng than khóc về quá khứ và chạy trốn khỏi hiện tại. Đã đến lúc ông bắt đầu chuẩn bị những người khác cho tương lai. Khi Đức Chúa Trời tế trị, luôn luôn có hy vọng.

Nhưng Đức Chúa Trời làm hơn việc chỉ sai đầy tớ của Ngài tuyển chọn những người làm việc mới. Ngài cũng cho ông sự bảo đảm rằng công việc của ông và công việc của những người này sẽ không vô ích. Đức Chúa Trời sẽ dùng gươm của Ha-xa-ên và Giê-hu, dùng lời nói và công việc của Ê-li-sê, để làm trọn mục đích của Ngài trong xứ. Hơn nữa, Ngài bảo đảm cho Ê-li rằng chức vụ của ông không thất bại vì vẫn còn có 7.000 người trong xứ trung thành với Đức Giê-hô-va. Thật sự, vị tiên tri không có một mình, *nhưng Đức Chúa Trời sai ông đụng chạm đến đời sống của ba cá nhân.* Đức Chúa Trời không ra lệnh cho Ê-li tập hợp tất cả 7.000 người trung thành trong một cuộc hội họp lớn và giảng đạo. Chắc chắn có nơi cho những bài giảng và những cuộc hội họp lớn, nhưng chúng ta không bao giờ được đánh giá thấp tầm quan trọng của sự làm việc với từng cá nhân. Chúa Giê-xu nói với một đám đông lớn, nhưng Ngài luôn luôn có thời gian cho từng cá nhân và cho nhu cầu của họ.

Cụm từ “Tôi còn lại” trong câu 18 có nghĩa “Chỉ mỗi mình tôi còn sót lại”. Đây là “một phần còn sót lại theo sự lựa chọn của ân điển” mà Phao-lô đã viết trong (Ro 11:1-6). Dầu cho thế gian có gian ác như thế nào, Đức Chúa Trời luôn có một số người còn lại trung thành với Ngài. Đôi khi số người còn sót lại đó nhỏ, nhưng Đức Chúa Trời luôn luôn vĩ đại và làm trọn mục đích của Ngài.

Không chần chừ, Ê-li rời khỏi chỗ mình và trở về nơi thi hành chức vụ. Si-nai cách A-bên Mê-hô-la (c.16) 150 dặm. Tại đó ông sẽ tìm thấy Ê-li-sê đang cày ruộng. Tên của Ê-li-sê nghĩa là “Đức Chúa Trời có sự cứu rỗi”. Việc Ê-li-sê đang dùng mười hai đôi bò 24 con vật đắt tiền cho thấy rằng gia đình ông có thể khá khá về tài chính hơn phần lớn những người Y-sơ-ra-ên. Ê-li không nói một lời nào với người trai trẻ nhưng chỉ ném áo choàng (áo ngoài) của mình cho anh ta để chỉ rằng Đức Chúa Trời kêu gọi anh phục vụ vị tiên tri và sau đó trở thành người kế nhiệm ông. Ê-li-sê và gia đình anh là “phần còn sót lại của ân điển” mà Đức Chúa Trời đã để riêng ra cho Ngài. Dầu cho thời đó ảm đạm như thế nào, Đức Chúa Trời có dân sự của Ngài và biết thời điểm nào để kêu gọi họ.

Cách cư xử của Ê-li-sê dường như trái với những gì Chúa Giê-xu nói trong (Lu 9:57-62), nhưng không phải như vậy. Ê-li-sê toàn tâm toàn ý vâng theo sự kêu gọi đi theo Ê-li, trong khi những người trong sách Phúc âm lưỡng lự và hạn chế, Chúa Giê-xu biết điều đó. Ê-li-sê chứng tỏ sự sốt sắng của mình bằng việc giết hai con bò và dùng nông cụ bằng gỗ chụm củi để nấu một buổi tiệc chia tay. Theo ngôn ngữ thời đó, ông đang “đốt cây cầu đằng sau mình”. Ông không có ý định bỏ tay khỏi cây và sau đó trở lại với nó. Lời đáp của Ê-li có nghĩa là “Ta đã làm gì? Ta không gọi người, Đức Chúa Trời đã gọi. Ta đã chặn người lại? Hãy làm như điều Đức Chúa Trời muốn người làm.” Bản dịch mới đã ghi “Hãy trở lại tiếp tục công việc của người! Nhưng hãy nghĩ về điều ta đã làm với người.” Gia đình và bạn bè Ê-li-sê nghĩ về sự thay đổi thiên hướng đột ngột này như thế nào chúng ta không được biết, nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy họ phản đối quyết định của Ê-li-sê.

Khi bạn nhìn lại phân đoạn này, bạn có thể thấy những lỗi lầm mà Ê-li mắc phải và Đức Chúa Trời đã tể trị trên chúng Ngài làm trọn ý muốn của Ngài như thế nào. Ê-li bước đi bằng mắt chứ không phải bằng đức tin, nhưng Đức Chúa Trời giữ vững ông. Ông nhìn vào chính mình và những thất bại của mình thay vì nhìn vào sự vĩ đại và quyền năng của Đức Chúa Trời. Ông quá quan tâm đến việc làm trở lại hơn những công việc các tổ phụ mình đã làm trong quá khứ thay vì kêu gọi và chuẩn bị những người đầy tớ mới cho tương lai. Ông tách biệt mình khỏi dân sự của Đức Chúa Trời do đó ông mất đi sức mạnh và sự khích lệ từ tình bằng hữu và từ những lời cầu nguyện. Nhưng chúng ta đừng quá khắc nghiệt với Ê-li vì ông đã có một đôi tai nhạy cảm với tiếng gọi êm dịu nhỏ nhẹ của Đức Chúa Trời, ông đã làm theo những gì Đức Chúa Trời bảo ông làm. Đức Chúa Trời quở trách ông nhẹ nhàng và đem ông ra khỏi hang động và trở về với sự phục vụ tích cực. Chúng ta hãy giữ những điều này trong trí và nhớ lại chúng vào lần tiếp theo khi chúng ta đang ở dưới cây bách xù hay đang ở trong hang động!

Cuối cùng, chúng ta hãy ở giữa những người nhìn về tương lai và tìm kiếm để tuyển chọn những người phục vụ Đức Chúa Trời. Tán tụng hay phê bình quá khứ ít đạt tới điều gì; điều quan trọng là chúng ta làm công việc của mình trong hiện tại và huấn luyện cho những người khác để tiếp tục nó sau khi chúng ta đi. Đức Chúa Trời đem những tội tớ của Ngài về nước Ngài, nhưng những công việc của Ngài cứ tiếp tục phát triển.

12. A-HÁP KỂ NÔ LỆ CHO TỘI LỖI (IVua 20:1-22:53)

Trong tác phẩm Moby-Dick, Herman Melville đã lấy tên A-háp để đặt cho vị thuyền trưởng chuyên gây rối của chiếc tàu đánh cá voi Pequod (Melville cũng xây dựng một nhân vật khác là “tiên tri” có tên là Ê-li). Nhân vật A-háp trong Kinh Thánh là một người đàn ông nhu nhược, đã phá hoại chính bản thân và gia đình mình bởi vì ông đã để cho người vợ gian ác là Giê-sa-bên biến ông thành một con người quái ác. Cái tên Giê-sa-bên đã trở nên quen thuộc với mọi người ngày nay và nó cũng đã có trong từ điển: “Giê-sa-bên: người phụ nữ gian ác, vô liêm sĩ”. Việc gọi một người nữ là Giê-sa-bên đồng nghĩa với việc đặt người đó ở tầng lớp hạ đẳng nhất của xã hội (Kh 2:20-23). Tiên tri đã mô tả chính xác về A-háp khi ông gặp vị vua này: “Phải, tôi có gặp vua, bởi vì vua đã bán mình đặng làm điều ác trước mặt Đức Giê-hô-va.” (IVua 21:20)

Những đoạn này mô tả bốn sự kiện trọng đại trong cuộc đời A-háp: ba trận đánh với quân Sy-ri (A-ram) việc tranh giành đất đai dẫn tới sự bắt bớ phi pháp và những vụ ám sát. Bởi vì không có mối quan hệ đúng đắn với Đức Chúa Trời và Lời của Ngài nên A-háp dễ rơi vào cạm bẫy của tội lỗi, nhưng “tiền công của tội lỗi là sự chết” (Ro 6:23), và A-háp đã phải nhận lãnh thích đáng. Chúng ta sẽ đi qua bốn sự kiện này và xem xét những hành động của A-háp:

1. Tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời (IVua 20:1-30)

Đây là lần đầu tiên trong hai lần vị vua yếu đuối này bày tỏ một sự hiểu biết thuộc linh mờ mờ của mình. Đất nước Y-sơ-ra-ên chỉ vừa thoát khỏi ba năm đói kém thì Bê-ha-đát, vua Sy-ri lại lợi dụng cơ hội này để gây chiến. Vua Đa-vít đã đánh bại các vương quốc phía bắc (gọi là Sy-ti những bản dịch cũ, hoặc A-ram trong những bản dịch mới), nhưng các quốc gia này sau đó đã dần dần được độc lập. Và một lý do khác khiến Bê-ha-đát tấn công Y-sơ-ra-ên là việc vương quốc A-sy-ri ở phía bắc đang lớn mạnh. Bê-ha-đát muốn nắm quyền điều khiển tuyến đường thương mại xuyên qua Y-sơ-ra-ên bởi ông đã để mất tuyến thương mại tới A-sy-ri, ông cũng muốn Y-sơ-ra-ên cung cấp người và vũ khí phòng trường hợp A-si-ri sẽ xâm lược nước mình.

Sự bao vây (IVua 20:1-12) Ba mươi hai vua liên kết với Bê-ha-đát là những người cầm quyền những thành ở phía bắc vốn là nơi thanh bình và thịnh vượng nhờ vào hiệp ước Sy-ri là quốc gia vững mạnh. Chúng ta không biết rõ cuộc bao vây thành Sa-ma-ri kéo dài bao lâu, nhưng sau cùng Sy-ri cũng đã dồn A-háp đến chỗ đầu hàng. Ban đầu Bê-ha-đát đòi của cải cùng người nhà của A-háp và ông đã đồng ý. Bê-ha-đát muốn nắm giữ gia đình A-háp như những con tin để đảm bảo rằng A-háp không rút bỏ giao kèo của mình. Thay vì cầu hỏi sự giúp đỡ của tiên tri Ê-li hay những vị tiên tri khác, A-háp đã nhanh chóng đầu hàng. (Quyết định này hoàn toàn trái ngược với quyết định của Sau-lơ trong ISa-mu-ên 11) Bê-ha-đát không thỏa mãn với sự sắp đặt này và ông muốn hơn thế nữa, nhưng sự tham lam đã dẫn ông đến chỗ sa bại. Thêm vào việc chiếm lấy của cải và gia đình của vua Y-sơ-ra-ên, Bê-ha-đát còn muốn sai quân lính lục soát cung điện và chiếm lấy bất cứ thứ gì họ muốn! Chấp nhận yêu cầu này thì quả là điều quá sỉ nhục đối với một A-háp đầy kiêu hãnh, như vậy vua và các cận thần từ chối yêu cầu này.

Khi nhận thông điệp này, Bên-ha-đát có thể đang say rượu, cảm thấy mình chẳng sợ ai cả và ông đã có một quyết định thiếu khôn ngoan. Ất hẳn ông đã quên những thứ mà ông muốn chiếm lấy mà không phải hy sinh một binh sĩ nào nhưng bây giờ ông lại thề rằng sẽ nghiền Sa-ma-ri thành bụi, và ông đã phải hành động theo sự kiêu ngạo của mình. A-háp đã đáp trả lại bằng câu tục ngữ thông dụng có thể áp dụng cho chính ông cũng như Bên-ha-đát. Câu tục ngữ này tương đương với câu, “Chưa đẻ thì đừng có mà đặt tên” hoặc là “Nói trước thì bước không qua”.

Lời hứa (IVua 20:13-21). Trái ngược với Bên-ha-đát, A-háp không có gì để nương tựa vào, nhưng bởi ân điển Đức Chúa Trời đã ban cho ông một thông điệp của sự hi vọng: Đức Chúa Trời sẽ ban cho A-háp sự chiến thắng. Đức Chúa Trời không làm điều này bởi vì A-háp xứng đáng được như vậy nhưng bởi vì Đức Chúa Trời muốn tôn cao danh của Ngài trước mặt vị vua đang nao núng và dân Y-sơ-ra-ên. Những điều Ngài đã làm trên đỉnh Cạt-mên thì Ngài cũng sẽ làm nơi chiến trận: Ngài sẽ chứng tỏ rằng Ngài là Đức Chúa Trời duy nhất (18:36-37). Chúng ta khen ngợi A-háp vì đã tiếp nhận lời hứa của Đức Chúa Trời và cầu xin thêm nữa sự dẫn dắt của Ngài. Có lẽ Giê-sa-bên không có ở nhà ngày hôm đó để có thể khiến nhà vua có quyết định sai lầm.

Theo gót của Sa-lô-môn (4:7), cha của A-háp là Ôm-ri đã chia vương quốc Y-sơ-ra-ên thành các tỉnh hành chính, mỗi nơi có “quan cai hàng tỉnh” đứng đầu và người này cũng là tướng lãnh của đạo binh. Đức Chúa Trời đã chọn những quan cai hàng tỉnh này để đánh trả quân Sy-ri, A-háp cầm đầu đạo quân nhỏ với số lượng khoảng 7.000 người. Họ kéo ra vào buổi sớm lúc Bên-ha-đát, những tướng lãnh của ông ta đang say sưa ăn uống và không có chút gì chuẩn bị để sẵn sàng đánh trận. Ngay cả khi những trinh sát của Bên-ha-đát thuật lại rằng có một đạo quân Y-sơ-ra-ên đang tiến đến trại quân Sy-ri thì vua Sy-ri vẫn không lo sợ mà còn sai bắt sống họ. Chiến thuật để bắt sống tù binh sẽ khác biệt nhiều so với tiêu diệt một đạo quân, những người của A-háp đã làm cho quân Sy-ri đầy kinh ngạc và sau đó họ tiến đến diệt sạch quân Sy-ri. Thay vì nghiền Sa-ma-ri thành bụi như họ đã đe dọa (c.10), thì Bên-ha-đát phóng lên ngựa và chạy thoát thân. Còn A-háp đã tin vào lời hứa của Đức Chúa Trời và hành động theo lời hứa đó nên Đức Chúa Trời đã ban cho ông chiến thắng vĩ đại.

Thách thức (IVua 20:22-30). Một vị tiên tri không rõ tên đã cảnh báo A-háp phải củng cố, làm vững mạnh quân đội và chuẩn bị để đối đầu với một cuộc xâm lược mới. Trong khi A-háp đang lắng nghe thông điệp của Đức Chúa Trời, thì Bên-ha-đát đang lắng nghe những quàn thần của mình giải thích về cuộc đại bại của Sy-ri. Họ đang cố gắng hàn gắn lại sự kiêu hãnh đã bị đổ vỡ của vua Sy-ri đồng thời cũng nhờ đó mà bảo vệ sự sống của chính mình. Họ giải thích rằng quân đội hùng mạnh của họ không có lỗi mà thất bại nằm ở chỗ họ chọn sai địa thế. Họ giải thích rằng thần của Sy-ri là “thần ở đồng bằng” còn thần của “Y-sơ-ra-ên là thần núi”. Nếu thay đổi địa thế thì Sy-ri sẽ giành chiến thắng.

Bây giờ chúng ta có một kịch bản khác, bởi vì giờ đây Sy-ri không chỉ thách thức dân sự của Đức Chúa Trời mà họ dám thách thức chính Ngài. Cuộc thi đấu tại núi Cạt-mên cứ lặp đi lặp lại, và Đức Chúa Trời sẽ không để nó trôi qua dễ dàng. Đức Giê-hô-va là chúa tể của cả trái đất! Ngài sai một người khác của Đức Chúa

Trời để đảm bảo với A-háp về chiến thắng, nhưng chỉ vì Ngài muốn A-háp, quân đội Y-sơ-ra-ên, và những người Sy-ri thấy rằng chỉ Giê-hô-va là Đức Chúa Trời duy nhất. Chúa ban cho dân Y-sơ-ra-ên chiến thắng trong trận chiến này, quân thù phải chạy trốn vào thành A-phéc, Đức Chúa Trời đã khiến một cơn động đất nổi lên và giết chết 27.000 binh lính Sy-ri. Bởi ân điển của Đức Chúa Trời, A-háp giành được chiến thắng thứ hai.

2. Bất tuân mạng lệnh của Đức Chúa Trời (IVua 20:31-43)

Khi Đức Chúa Trời sai vua Sau-lơ đi đánh dân A-ma-léc, Ngài đã phán rõ ràng rằng Ngài muốn dân Y-sơ-ra-ên phải tiêu diệt hoàn toàn dân này. (ISa 15:1-35) Sau-lơ đã không vâng theo và kết quả là ông đã mất vương quốc. Ất hẳn Đức Chúa Trời cũng đã ban cho A-háp mạng lệnh như vậy (c.42), nhưng ông cũng không vâng theo. A-háp đã giành chiến thắng trong trận đấu nhưng chung cuộc ông lại để mất chiến thắng. Khi kẻ thù không thể thực hiện mục đích của chúng bằng vũ khí, chúng sẽ sử dụng chiêu thức lừa dối. Nếu Sa-tan không thể thành công với con sư tử hay cầu xé (IPhi 5:8) thì nó sẽ đến với hình hài con rắn để lừa dối (II Co 11:3). Ngay cả Giô-suê cũng rơi vào cạm bẫy tương tự như vậy (Gios 9:1-27).

Những tướng lãnh của Bên-ha-đát là những người khôn khéo và họ biết rằng việc thử đưa ra lời thỉnh cầu nhắm đến sự kiêu hãnh của A-háp cũng đáng giá. Đức Chúa Trời đã ban chiến thắng nhưng A-háp đã hưởng công trạng về mình và sau đó chính ông đã phá hoại nó. Bằng cách thức ăn mặc cũng như thái độ của mình, những quan tướng của Bên-ha-đát bày tỏ sự quy hàng đầy khiêm nhường với A-háp khi ông đứng đợi trong xe ngựa của mình (c.33). A-háp hẳn nhiên thích thú với “sự tôn vinh” mà ông nhận được sau chiến thắng vẻ vang nhưng ông chưa lần nào dâng vinh hiển cho Đức Chúa Trời. Khi nghe Bên-ha-đát là tôi tớ của ông thì ông vui sướng trong lòng và sẵn sàng tha mạng cho hắn ta. Sau đó, Ha-xa-ên đã giết Bên-ha-đát và trở thành vua (IIVua 8:1-29).

Bên-ha-đát ngay lập tức đã thiết lập một thỏa ước với A-háp và trao trả những thành phố mà cha ông đã chiếm giữ (IVua 15:20). Ông cũng cho phép A-háp buôn bán những sản phẩm và hàng hóa của Y-sơ-ra-ên ở tại Đa-mách, nó chẳng khác gì là một thỏa thuận về thương mại. Một vị vua của Y-sơ-ra-ên mà đã có một thỏa thuận với kẻ thù của mình như vậy thì thật đáng để ý, nhưng A-háp không bị cáo trách gì cả (ngoại trừ việc ông nghe những lời trách móc của vợ mình) và luôn luôn tìm cách êm đẹp để chạy trốn khỏi hoàn cảnh. Cũng nói thêm rằng A-háp cần sự hỗ trợ của A-ram phòng khi A-sy-ri định tiến về phía nam. Giao ước giữa A-háp với Sy-ri kéo dài ba năm (22:1).

Đức Chúa Trời không thể cho phép A-háp bất tuân mạng lệnh Ngài rồi lẩn đi chỗ khác nên Ngài đã sai một người trong vòng các con trai tiên tri đến cáo trách nhà vua về tội lỗi của ông. “Các con trai của những tiên tri” là những chàng thanh niên có ân tứ đặc biệt về tiên tri và nhóm lại thành một nhóm để học với những tiên tri lớn tuổi giống như Sa-mu-ên (ISa 7:17 28:3), Ê-li và Ê-li-sê (IIVua 2:3-7,16 4:38,40).

Hiểu rằng mình phải làm cho A-háp ngạc nhiên để thu hút sự chú ý của nhà vua, người thanh niên này đã dựng nên một “bài giảng sống động” để khơi dậy sự

chú tâm của nhà vua. Chàng trai này kêu bạn tấn công mình bằng vũ khí, nhưng người bạn đã từ chối. Chúng ta có thể hiểu rằng người bạn này không muốn làm tổn thương bạn mình, nhưng cũng giống A-háp, người tiên tri trẻ này đã không vâng phục Đức Chúa Trời, và anh ta phải trả giá bằng mạng sống của mình. Điều này sẽ đặt sự kính sợ nơi nhưng học trò khác, bởi vì người trai trẻ tiếp theo khi được yêu cầu làm như vậy thì sẵn sàng tuân theo. Cải trang thành một binh lính bị thương, chàng trai đã sẵn sàng để ra ra sứ điệp của mình.

Vào thời đó, một người có thể ra mắt vua để giúp đỡ trong việc quyết định những vấn đề cần sự sáng tỏ của pháp luật; khi A-háp thấy “người lính bị thương này” ngồi bên vệ đường thì nó kích thích sự tò mò của nhà vua. Lúc này chúng ta nhớ lại cách thức Na-than tiếp cận với Đa-vít sau khi nhà vua đã phạm tội ngoại tình với Bát-sê-ba (Isa 12:1-25), cũng như vua Đa-vít đã nhìn nhận rõ tội lỗi của mình thì A-háp cũng được thông báo về tội lỗi của ông ta! Nghe rằng “người lính” này đã để mất một tù binh quan trọng trong cuộc chiến và phải trả giá bằng chính mạng sống của mình hoặc phải trả một khoản tiền phạt khổng lồ (75 pao bạc, 1 pao bằng 450g). Và vua đã trả lời, “Ấy là sự đoán xét của người, chính người đã định lấy” (c.40). Nhà vua đã có thể ban cho người này môn ân huệ để cứu mạng sống anh ta, nhưng ông muốn người này phải chết. Nhưng khi làm như vậy, A-háp đã tuyên cáo chính tội lỗi của mình và kết án chính mình!

Làm cách nào A-háp nhận ra rằng người trai trẻ này là con trai của các tiên tri? Hẳn là A-háp không gần những học trò của Ê-li-sê đủ để biết họ cách cá nhân. Khi dải băng được tháo ra, có phải nó để lộ một dấu hiệu đặc biệt nào đó chăng? Hay là A-háp đã nhìn thấy người này trên đỉnh Cạt-mên? Chúng ta không thể nào biết được, nhưng cảnh tượng này đã khiến nhà vua bị sốc. Người mà nhà vua buộc tội bây giờ lại là người buộc tội lại nhà vua và thông báo rằng Sy-ri sẽ giết chết A-háp một cách tàn nhẫn. Nhưng thay vì ăn năn và tìm kiếm sự tha thứ của Đức Chúa Trời, A-háp trở về nhà và bĩu môi như một đứa trẻ (c.43 IVua 21:4).

3. Vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời (IVua 21:1-16)

Bên-ha-đát là người mà đáng lẽ ông phải giết đi nhưng ông lại để cho hắn sống; còn Na-bốt là người mà A-háp phải bảo vệ thì ông lại giết đi! Khi bạn bán mình cho sự gian ác, bạn gọi xấu là tốt còn tốt là xấu, sáng là tối và tối là sáng (Es 5:20). Câu chuyện đáng hổ thẹn về vườn nho của Na-bốt đã bày tỏ sự vô đạo, xem thường pháp luật của vua A-háp và vợ mình là Giê-sa-bên. Chúng ta hãy xem xét tội lỗi mà họ đã phạm và những điều răn của Đức Chúa Trời mà họ đã xem thường và không vâng theo.

Thờ thần tượng. Hai điều răn đầu trong mười điều răn là Đức Chúa Trời là chân thần duy nhất và những kẻ thờ phượng thật không thờ phượng và hầu việc những thần khác, hoặc là những tạo vật và Đức Chúa Trời đã dựng nên hoặc là những vật do tay người làm ra (Xu 20:1-6). A. W. Tozer đã viết rằng, “Bản chất của sự thờ hình tượng là sự ấp ủ những tư tưởng cho rằng Đức Chúa Trời là Đấng không xứng đáng.” Giê-sa-bên đã đem sự thờ phượng Ba-anh vào Y-sơ-ra-ên và A-háp cho phép nó được tràn lan trong lãnh thổ. Khi bạn quay lưng khỏi lẽ thật,

điều đó chứng tỏ rằng bạn tin vào những lời dối trá, sau đó bạn bắt đầu yêu thích sự dối trá và sau đó bạn bị điều khiển, thống trị bởi sự dối trá.

Sự tham lam (IVua 21:1-14) A-háp và Giê-sa-bên có một cung điện mùa hè ở Gai-rơ, nhưng nhà vua không thể thỏa mãn hoàn toàn nếu thiếu một vườn rau. Những người có quyền lực chiếm giữ hết điều này đến điều khác, nhưng khi họ chiếm được, học chẳng bao giờ thật sự thỏa mãn. Henry David Thoreau viết trong quyển Walden chương hai rằng, “một người trở nên giàu có tỷ lệ thuận với những thứ họ có thể chi trả để trở nên càng đơn độc hơn”. Và ông viết thêm, “Những của cải không cần thiết chỉ có thể mua những thứ không cần thiết mà thôi. Tiền không thể mua được ngay cả chỉ một sự thỏa mãn cho linh hồn”.

Vị vua muốn có vườn nho của Na-bốt bởi vì ông thèm muốn một mảnh vườn nằm cạnh cung điện của mình.

“Chớ tham lam” là điều răn cuối trong mười điều răn (20:17) nhưng có lẽ đó là điều răn khó nhất để vâng giữ. Thêm vào đó, một tấm lòng tham lam thường sẽ dẫn chúng ta đến chỗ vi phạm tất cả những điều răn còn lại của Đức Chúa Trời. Chín điều răn đầu nhấn mạnh đến việc cấm những hành động biểu hiện ra bên ngoài như: làm tượng chạm và thờ lạy, trộm cắp, giết người... nhưng điều răn này chú trọng đến những tham muốn bên trong lòng. Chính mười điều răn đã giúp Sau-lơ người Tạt-sơ, một người Pha-ri-si, nhận ra con người tội lỗi của mình (Ro 7:7-25) và cũng vì chính điều răn này mà người trai trẻ giàu có đã từ chối vâng theo khi ông nhìn vào tấm kính của luật pháp (Mat 19:14-30).

A-háp che đậy tham muốn của mình bằng cách ban đầu đề nghị muốn mua vườn nho hoặc đổi một khoản tài sản khác để lấy vườn nho. Đó là đề nghị hợp lý, nhưng Na-bốt lại quan tâm nhiều hơn đến việc vâng lời Đức Chúa Trời hơn là làm vua lòng nhà vua hay kiếm tiền. Na-bốt biết rằng mảnh đất đó thuộc về Đức Chúa Trời và Ngài phân bổ nó cho dân Y-sơ-ra-ên thụ hưởng chừng nào họ còn vâng giữ giao ước Ngài. Tất cả sản nghiệp phải được giữ trong gia đình (Le 25:23-28), điều này có nghĩa rằng Na-bốt bị cấm không được bán mảnh đất cho nhà vua. Thể hiện cá tính trẻ con của mình, A-háp trở vào nhà, leo lên giường và bĩu môi.

Làm chứng dối (IVua 21:5-10). “Người chớ làm chứng dối cho kẻ lân cận người” là điều răn thứ chín và nhấn mạnh tầm quan trọng của việc nói thật, cho dù ở trước toà án hay là ở hàng rào sau nhà đi nữa. Lẽ thật như là xi-măng gắn kết xã hội lại với nhau, khi lẽ thật đã bị dẹp bỏ thì mọi thứ bắt đầu rơi rớt hết (Es 59:14). Giê-sa-bên là người nữ kiên quyết và không bao giờ để cho lẽ thật cản đường cho những mong muốn của mình, như vậy bà đã bịa đặt một lời dối trá chính thức, ngay trong phòng làm việc, bà đóng dấu bằng con dấu của nhà vua. Nhưng không sự che đậy nào của hoàng gia có thể thay đổi sự thật rằng A-háp và Giê-sa-bên đã vi phạm luật pháp của Đức Chúa Trời.

Lý lẽ mà Giê-sa-bên đưa ra cho việc Na-bốt phải chết là gì? Chồng bà là vua! Bởi vì bà đến từ Phê-ni-xi, bà có quan điểm của dân ngoại về thẩm quyền của nhà vua: nhà vua là người quan trọng, có thể giành lấy những điều mình muốn và dùng quyền lực để chăm lo cho chính mình. Sa-mu-ên đã cảnh báo về vương quyền loại này (ISa 8:14), và Chúa Giê-xu cũng cảnh báo môn đồ không được theo triết lý của

sự cai trị nhưng phải phục vụ mọi người trong sự yêu thương (Mat 20:20-28). Một người lãnh đạo chân chính dùng thẩm quyền của mình để gây dựng dân sự mình, còn kẻ độc tài thì dùng dân chúng để xây dựng thẩm quyền cho mình và dân chúng là thứ mà họ có thể hủy hoại. Giê-sa-bên cũng lồng vào kế hoạch của mình những nghi lễ tôn giáo và sai những người có thẩm quyền ở địa phương tuyên bố sự kiêng ăn. Nếu bạn có thể bọc đường cho những âm mưu của mình bằng những nghi thức tôn giáo, mọi người sẽ dễ dàng nghe theo. Nhưng cho dù chỉ dụ của hoàng gia trông có vẻ hợp pháp và thuộc linh thế nào đi nữa thì trong sự quan sát của Đức Chúa Trời thì tất cả chỉ là sự dối trá và Đức Chúa Trời đoán phạt kẻ dối trá. Mọi điều mà Đức Chúa Trời ghét thì A-háp và Giê-sa-bên đã làm (Ch 6:16-19).

Giết người (IVua 21:11-13). Cách tiến hành mà Giê-sa-bên đưa ra đều dựa vào luật pháp (Phu 17:6-7 19:15 Dan 35:30), nhưng sự cáo buộc là dối trá, những nhân chứng là kẻ nói dối và những quan án đã bị mua chuộc bởi sự đe dọa của hoàng gia. Trong mỗi thành đều có “người của Bê-li-ên, những đồng bạn bất xứng”, những người mà có thể làm bất cứ điều gì vì tiền hoặc để trở nên người quan trọng. Không ai ngoại trừ A-háp và có thể là Giê-sa-bên nghe về việc Na-bốt từ chối bán vườn nho, không có điều gì trong lời nói của A-háp có thể diễn giải rằng phạm thượng. Rửa sả Đức Chúa Trời là tội tử hình (Le 24:13-16) và rửa sả vua là vô cùng nguy hiểm bởi vì Đức Chúa Trời đã xúc dầu cho vua (Xu 22:28 Cong 23:5).5

Trộm cướp (IVua 21:14-16). Những kẻ cầm quyền nhu nhược của thành mà Na-bốt ở đã theo mệnh lệnh của Giê-sa-bên, chỉ đạo cuộc bắt bớ trái luật đem Na-bốt và các con trai của ông (IIVua 9:26) ra khỏi thành và ném đá họ. Không ai trong gia đình còn sống để thừa kế mảnh đất, như vậy A-háp được tự do để chiếm nó. Các quan chức báo cáo cho Giê-sa-bên, chứ không phải A-háp, về cuộc bắt bớ, cho nên chúng ta thấy rõ ai là người nắm uy quyền trong hoàng tộc. Nhưng mảnh đất đó không thuộc về A-háp, luật pháp nói rằng, “người chớ trộm cắp” (Xu 20:15). Ngay cả mảnh đất đó cũng không thuộc về Na-bốt, nó thuộc về Đức Chúa Trời. A-háp đang trộm cướp tài sản của Đức Chúa Trời.

Nếu có hai người phạm tội phạm thượng Đức Chúa Trời và vi phạm luật pháp của Ngài thì đó là A-háp và Giê-sa-bên, sự đoán phạt đang sắp rơi xuống đầu họ.

4. Lắng nghe bản án từ Đức Chúa Trời (IVua 21:16-29)

“Chúa Giê-hô-va chẳng có làm một việc gì mà Ngài chưa tỏ sự kín nhiệm Ngài ra trước cho tôi tớ Ngài, là các đấng tiên tri” (Am 3:7). Chúng ta đã không nghe nhắc đến Ê-li kể từ khi ông kêu Ê-li-sê làm người kế nghiệp mình, nhưng bây giờ Đức Chúa Trời đem tôi tớ Ngài vào trung tâm của sân khấu để cảnh cáo nhà vua. Như cách mà Ngài vẫn thường làm khi giao một công tác, Đức Chúa Trời cho Ê-li biết những điều sẽ phải nói với vị vua gian ác này. A-háp đã làm đổ huyết vô tội và huyết gian ác của ông ta sẽ bị chó liếm. Ôi, vua Y-sơ-ra-ên mà phải kết thúc sự cai trị của mình như vậy sao!

Trước đây A-háp gọi Ê-li là “kẻ làm rối loạn Y-sơ-ra-ên” (IVua 18:17), nhưng bây giờ ông gọi nhà tiên tri bằng một tên theo cách cá nhân hơn là “kẻ thù nghịch”. Thật ra, bằng cách chống nghịch lại với Đức Chúa Trời, A-háp là kẻ thù của chính mình và phải nhận lãnh bản án mà tiên tri Ê-li tuyên đọc. A-háp sẽ chết cách nhục

nhã và chó sẽ liếm máu ông. Giê-sa-bên sẽ chết và bị chó ăn thịt. Tất cả sự thịnh vượng của họ sẽ bị tiêu diệt sạch khỏi xứ. Họ đã tận hưởng những năm tháng của đục vọng xấu xa và theo đuổi sự ích kỷ nhưng tất cả sẽ kết thúc bằng sự đoán phạt.

Thay vì trở về nhà bĩu môi, A-háp đã thật sự ăn năn! Suy nghĩ của Giê-sa-bên về cách xử sự của ông không được ghi nhận, nhưng Đức Chúa Trời là Đấng nhìn thấy trong lòng chấp nhận sự khiêm nhường của ông, Ngài nói điều đó với tôi tớ Ngài. Đức Chúa Trời hủy bỏ hình phạt đã được tuyên bố nhưng hoãn nó cho tới đời con của A-háp là Giô-ram. (II Vua 9:14-37). A-háp bị thương trong chiến trận và con chó liếm máu ông ở ao Sa-ma-ri (IV Vua 22:37-38). Bởi vì sự hoãn hình phạt nên chó đã liếm máu con trai ông là Giô-ram tại chính sân nghiệp của Na-bốt y như lời phán của Ê-li (II Vua 9:14-37). Những sự kiện sau đó chứng tỏ rằng sự ăn năn của A-háp rất ngăn ngủ nhưng ít nhất Đức Chúa Trời cũng đã cho ông một cơ hội khác để quay lưng khỏi tội lỗi và vâng lời Ngài. A-háp cần còn cần có những chứng cứ nào nữa? Tuy nhiên những ảnh hưởng của người vợ không thể bẻ gãy dễ dàng, bởi vì khi A-háp cưới bà ta, ông đã bán mình cho tội lỗi.

5. Nhận lãnh sự đoán xét của Đức Chúa Trời (IV Vua 22:1-53) (IISu 18:1-34)

Lúc này chúng ta được giới thiệu về một người tin kính là Giô-sa-phát, vua Giu-đa. Tóm tắt của triều đại vua này được chép trong đoạn (IV Vua 22:41-50) và ngay cả còn đầy đủ hơn trong (IISu 17:1-20:37). Ông đi theo đường lối của Đa-vít và tìm kiếm sự đẹp lòng Đức Chúa Trời (17:1-6). Ông sai những thầy tế lễ chịu trách nhiệm giảng dạy đi khắp xứ để giảng giải về luật pháp của Đức Chúa Trời cho dân sự (17:7-9) và giao nhiệm vụ cho những thầy tế lễ khác phục vụ với tư cách là những quan xét trung tín cho những tranh chấp giữa vòng dân sự. Đức Chúa Trời ban cho Giu-đa sự thanh bình và Giô-sa-phát tận dụng cơ hội này để làm cho xứ thêm vững mạnh (17:10-19).

Ông là một vị vua tốt và một nhà lãnh đạo tin kính, ông đã rơi vào ba sự thỏa hiệp đáng giá. Thứ nhất là “sự thỏa hiệp về việc cưới vợ”, ông cưới con gái của A-háp và Giê-sa-bên cho con trai mình (18:1 21:4-7 IV Vua 22:44 II Vua 8:16-19). Điều này dẫn đến “thỏa hiệp về chiến trận”, ông vướng vào vụ việc cha vợ của con trai mình khi Sy-ri tấn công Y-sơ-ra-ên (IV Vua 18:19:3). Sự gian ác của A-háp tác động đến triều đại của cháu nội của Giô-sa-phát là A-cha-xia (IISu 22:1-9) và sự thỏa hiệp trong chiến trận này đã khiến ông phải trả bằng mạng sống của mình (IV Vua 22:32-33). Thỏa hiệp thứ ba là “thỏa hiệp về tàu bè”, ông đã gia nhập cách đại dột với đội tàu của con trai A-háp là A-cha-xia (22:48-49 IISu 20:31-37) và cố gắng làm giàu bằng cách nhập khẩu vàng từ nước ngoài. Đức Chúa Trời đã làm cho đội tàu của ông bị đắm và quở trách ông về sự liên minh sai trật này.

Một trong những thành tựu to lớn của Giô-sa-phát là đánh bại dân Mô-áp, A-môn, Ê-đôm, là một lực lượng mạnh tấn công Giu-đa (20:10). Nhà vua hạ mình trước mặt Đức Chúa Trời, kêu gọi kỳ kiêng ăn cho cả vương quốc và khuyến khích dân sự tìm kiếm mặt Đức Chúa Trời. Tại một cuộc hội họp của toàn thể dân sự tại Giê-ru-sa-lem, Giô-sa-phát đã cầu nguyện sự dẫn dắt và sự giúp đỡ của Đức Chúa Trời, nhắc lại giao ước của Ngài với Áp-ra-ham (c.7) và việc Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện của Sa-lô-môn khi ông cung hiến đền thờ (c.8-9 6:12-7:22). Nếu dân

sự hướng về đền thờ và cầu nguyện, Đức Chúa Trời hứa rằng Ngài sẽ nghe và trả lời. Đức Chúa Trời có thể thấy cả đạo quân vùng dậy đang tiến đến và nhà vua xin Ngài đoán phạt chúng. (Tên “Giô-sa-phát” có nghĩa là “người được Đức Chúa Trời phân xử”, có nghĩa là “Đức Chúa Trời biện hộ cho duyên cớ của ông”.)

Lời cầu nguyện được theo sau bởi sự giảng giải lời của Đức Chúa Trời của Gia-ha-xi-ên (IVua 20:14-17). Ông cũng bảo đảm với nhà vua và dân sự rằng Đức Chúa Trời sẽ thật sự can thiệp và ban cho Giu-đa chiến thắng. “Vi trận giặc này chẳng phải của các người dẫu, bèn là của Đức Chúa Trời” (c.15). Nhà vua và dân sự tin cậy vào lời hứa của Đức Chúa Trời và ngợi khen Ngài ngay cả trước khi chiến trận bắt đầu. Ngày hôm sau, Giô-sa-phát sai quân đội đi ra với những người ca hát đứng ở đằng đầu! Đức Chúa Trời khiến ba đạo quân của địch đánh giết và tiêu diệt lẫn nhau, để lại chiến lợi phẩm cho Giu-đa. Đạo quân Giu-đa đã ngợi khen Đức Chúa Trời trước và trong trận chiến, và giờ đây họ ngợi khen Đức Chúa Trời trong đền thờ sau trận chiến. Đức tin, sự cầu nguyện, và sự ngợi khen là thứ vũ khí sắc bén nhất!

Trong đoạn 22, trước giả của I Các vua nhấn mạnh đến “sự thoả hiệp trong chiến trận”.

A-háp thoả hiệp với vị vua thuộc về Đức Chúa Trời (IVua 22:1-6). Sau ba năm, Bên-ha-đát đã không giữ thoả thuận trả lại cho Y-sơ-ra-ên những thành mà cha người đã chiếm lấy (21:34), A-háp quyết định đó là thời điểm để đánh Sy-ri và lấy lại chúng. Con trai của Giô-sa-phát đã cưới con gái A-háp, như vậy Giô-sa-phát phải thân thiện với A-háp và giúp đỡ ông ta đánh trận. Ông đã không vâng lời Đức Chúa Trời trong bước này (IISu 19:1-3), nhưng sự thoả hiệp này dẫn đến sự thoả hiệp khác. Là con cháu của Đa-vít, đáng lẽ Giô-sa-phát phải tránh xa A-háp và không bao giờ cho phép dòng giống của Đa-vít pha trộn với dòng giống của A-háp. Tất cả những tiên tri giả đã đồng ý với nhà vua, đảm bảo rằng A-háp sẽ thắng trận, nhưng Giô-sa-phát đủ khôn ngoan để yêu cầu A-háp cầu vấn Đức Chúa Trời.

Vâng, có một tiên tri của Đức Chúa Trời ở Y-sơ-ra-ên, và ông ta đã ở nơi mà những tiên tri thật thường được tìm thấy đó là trong tù! A-háp sai mời kẻ thù mình là Mi-chê, trong khi hai vị vua đang ngồi chờ các tiên tri đã dùng những cách để thể hiện lời tiên tri của mình. Xê-đê-kia, dường như cầm đầu bọn họ, làm những sừng bằng sắt để minh họa cách Y-sơ-ra-ên sẽ đẩy lùi và húc dân Sy-ri và sẽ giành thắng lợi. Tất cả những tiên tri khác đều đồng ý và la lên lời tán đồng của mình. Nhưng để thắng trận thì đòi hỏi không chỉ nhiệt huyết, đặc biệt là khi Đức Chúa Trời đã bày tỏ mạng lệnh của Ngài theo hướng khác.

A-háp khước từ lời cảnh báo của Đức Chúa Trời (IVua 22:7-28). Mi-chê đang ở dưới áp lực vô cùng to lớn để đồng ý với các tiên tri giả rằng vua A-háp sẽ đánh bại Sy-ri. Mi-chê không chỉ bị áp lực bởi một mình chống chọi với lượng bốn trăm tiên tri giả mà những quan quân đem ông vào ra mắt hai vua cũng cảnh báo ông phải đồng ý số đông. Thông thường trong Kinh Thánh, ý muốn của Đức Chúa Trời thường được thể hiện bởi thiểu số, Mi-chê xác định rằng mình phải trung tín chứ không phải làm vừa lòng người. Cảnh hai vua ngồi trên ngai, mặc triều phục, ắt hẳn rất ấn tượng, nhưng nó không lung lạc được Mi-chê. Lời nói của ông trong câu 13 được nói cách châm biếm và A-háp hiểu nó, nhưng lời đáp lại của A-háp

không trung thực. Ông chỉ muốn gây ấn tượng với Giô-sa-phát rằng ông thật sự muốn biết ý muốn của Đức Chúa Trời.

Đức Chúa Trời ban cho Mi-chê hai khái tượng, cả hai đều thông báo sự đoán phạt cho vua A-háp. Trong khái tượng đầu, ông thấy dân Y-sơ-ra-ên lang thang một cách vô vọng, giống như chiên không có kẻ chăn; đây rõ ràng là sự mô tả một nước không bậc cầm quyền (Dan 27:12-25). Chúa Giê-xu dùng hình ảnh này để mô tả dân Do Thái không có sự dẫn dắt thuộc linh (Mat 9:36). A-háp nhận được thông điệp rằng ông sẽ bị chết trong chiến trận.

Khái tượng thứ hai giải thích cách sự việc này sẽ được ứng nghiệm: một thần lừa dối sẽ đem đến cho A-háp sự tự tin giả tạo để ông ta sẽ thực hiện cuộc chiến. Việc Đức Chúa Trời của lẽ thật lại cho phép thần lừa dối làm tròn công việc của Ngài là một vấn đề khó hiểu đối với nhiều người, nhưng nó không khác biệt gì nhiều so với việc Đức Chúa Trời cho phép Sa-tan tấn công Gióp (Giop 1:1-2:13) hoặc xui giục Giu-đa phản Chúa Giê-xu (Gi 13:21-30). Đức Chúa Trời đối xử với con người dựa trên căn bản về đặc tính của họ. *“Đối cùng kẻ thanh sạch, Chúa sẽ tỏ mình thanh sạch lại; Còn đối cùng kẻ trái nghịch, Chúa sẽ tỏ mình nhật nhiệm lại.”* (Thi 18:26) A-háp đang chống nghịch lại với Đức Chúa Trời, giống như bất cứ võ sĩ quyền anh hay đô vật giỏi nào, Đức Chúa Trời nhìn thấy trước được chuyển động của họ và đáp trả chính xác. A-háp là một kẻ dối trá điêu luyện và Đức Chúa Trời đã đáp trả với ông ta theo đặc tính của chính ông.

Đức Chúa Trời không nói dối A-háp; trái ngược lại, qua môi miệng của Mi-chê, Ngài phán lẽ thật và cho A-háp lời cảnh báo đúng đắn về những gì sẽ xảy đến. Sự kiện Đức Chúa Trời cảnh báo A-háp trước trận chiến cho thấy rằng Đức Chúa Trời buộc tội A-háp về cái chết của ông. Phản ứng của Xê-đê-kia và bốn trăm tiên tri giả cũng không tin Mi-chê. Một điều bí ẩn lớn hơn là tại sao một người tin kính như vua Giô-sa-phát lại tham gia vào trận chiến để tính mạng mình bị nguy hiểm tại đó. A-háp ra lệnh bắt giam vị tiên tri chân chính vào tù và cho bánh và nước nuôi ông như thể là cách trừng phạt này có thể làm thay đổi sứ điệp của vị tiên tri này. Sự thử nghiệm tiên tri là thật hay không nhờ vào việc lời tiên tri được ứng nghiệm hoàn toàn (Phu 18:17-22 Dan 16:29) và Mi-chê biết điều này. Vì vậy ông đã nói với A-háp rằng, “Nếu vua trở về bình-an thì Đức Giê-hô-va không cậy tôi phán.” (c.28)

A-háp đối diện với sự chết (IVua 22:29-40,51-53). Làm sao nào mà vua Giô-sa-phát lại không nhận ra những gì A-háp đang làm với mình? Nếu A-háp đặt mục tiêu vào lưng Giô-sa-phát, hẳn ông đã không để cho kẻ thù giết mình dễ dàng như vậy! Nếu Giô-sa-phát chết thì con trai của ông sẽ kế vị, con gái của A-háp sẽ trở thành Giê-sa-bên của Giu-đa! Nếu A-háp có thể hiệp nhất hai ngai vàng và trộn lẫn dòng giống của Đa-vít với dòng giống của mình thì điều gì sẽ xảy ra với giao ước mà Đức Chúa Trời đã lập với Đa-vít và dòng dõi của Đấng Mê-si? Nhưng Đức Chúa Trời là Đấng cầm quyền điều khiển tất cả và gìn giữ Giô-sa-phát, đồng thời cho phép một mũi tên ngẫu nhiên bắn trúng chỗ A-háp không mặt giáp và giết chết ông ta. A-háp đã cải trang và cuối cùng ông bị giết chết trong khi Giô-sa-phát trong bộ triều phục của mình lại không bị đụng đến. A-háp đã tha cho vua Sy-ri trong khi ông phải giết hẳn thì nay Sy-ri lại giết A-háp.

Lời tiên tri của Mi-chê được ứng nghiệm và lời tiên tri của Ê-li cũng vậy (IVua 20:42 21:10-21).

Con trai của A-háp là A-cha-xia nối ngôi và tiếp tục con đường gian ác của cha mẹ mình (C.51-53). Triều đại của ông chỉ kéo dài hai năm và em trai ông là Giô-ram nối ngôi. Lời tiên tri về việc chó sẽ liếm máu trong sản nghiệp của Na-bố được ứng nghiệm trong cái chết của Giô-ram (21:29 IIVua 9:25-26).

XEM LẠI CÁC VUA – SỰ PHẢN ÁNH CỦA TINH THẦN TRÁCH NHIỆM

Người phụ trách chuyên mục của một tờ báo Abigail Van Buren viết: “Nếu bạn muốn con mình đứng vững trên đôi chân của chúng thì hãy giao cho chúng một trách nhiệm nào đó.” Trách nhiệm không phải là một sự rửa sạch; nó là một phước hạnh. Adam và Ê-va cũng đã có trách nhiệm trong vườn Ê-đen trước khi tội lỗi đến với thế gian, và Con trai hoàn hảo của Đức Chúa Trời đã làm việc như một thợ mộc trước khi Ngài bắt đầu chức vụ cộng đồng của mình. Booker T. Washington đã nói rằng: “Có ít điều có thể giúp đỡ một người hơn là giao cho người đó một trách nhiệm, và để cho anh ta biết rằng bạn tin tưởng anh ta.”

Sau khi giết em trai mình là Abên và nói dối về việc đó, Ca-in hỏi: “Bộ tôi là người giữ em trai tôi sao?” Anh ta đang lẩn tránh trách nhiệm cũng che giấu việc mình đã làm, một thực tế trở nên rất phổ biến ngày nay. Một người nghiện rượu nói rằng: “Chính ma quỷ đã xui khiến tôi làm như vậy” và mọi người đều cười khi đọc đến điều đó. Khi tổ phụ của chúng ta phạm tội, họ chạy trốn khỏi Đức Chúa Trời, và khi đối diện với tội lỗi của mình, họ lại đổ thừa cho nhau. Sau cùng, họ đã phải gánh lấy trách nhiệm của việc mình làm, trách nhiệm đó cũng đem đến hy vọng và lời hứa. Những người thiếu trách nhiệm có thể chạy trốn, viện cớ, che đậy, hay đổ lỗi cho nhau, nhưng nếu họ làm như vậy thì họ sẽ không bao giờ biết được ý nghĩa của một đặc tính lành mạnh, sự chính trực, một lương tâm trong sạch, và niềm vui khi bước đi cùng Đức Chúa Trời.

Sách I Các vua mở đầu với cái chết của vua Đa-vít và kết thúc với cái chết của vua A-háp, giữa hai sự kiện đó, đã có những người thành công hay thất bại, sống hay chết bởi những quyết định có trách nhiệm hay vô trách nhiệm. Thế giới của Đa-vít và A-háp không hề giống với thế giới của chúng ta ngày hôm nay, nhưng bản chất của con người thì không hề thay đổi và những nguyên tắc cơ bản của cuộc sống thì khá vững chắc. Chúng ta nên đối chiếu những gì học được từ sách I Các vua và đưa ra một vài kết luận thực tế phù hợp với cuộc sống ngày hôm nay.

1. Đa-vít: Người có thể tạo nên sự khác biệt

Càng suy gẫm về cuộc đời vua Đa-vít, ngay cả những lỗi lầm, bạn càng thấy được sự vĩ đại của ông. Ông được sinh ra cùng với khả năng lãnh đạo, sự gan dạ, nhìn biết lẽ phải, Đức Thánh Linh đã ban cho ông sự nhạy cảm đối với ý muốn của Đức Chúa Trời và một năng quyền đặc biệt khiến ông biệt riêng ra như người của Đức Chúa Trời. Người tiền nhiệm của ông, vua Sau-lơ, đã hầu như hủy phá cả đất nước, nhưng Đa-vít đã nhận lấy trách nhiệm khó khăn của việc tái thiết lại đất nước khiến nó trở nên một quốc gia hùng mạnh. Vua Đa-vít đã đánh bại kẻ thù của dân Y-sơ-ra-ên; thu thập châu báu để xây dựng đền thờ; tổ chức quân đội, chính quyền, và các chức vụ trong đền thánh; viết những bài hát để cho chi phái

Lê-vi ca ngợi Chúa; thậm chí sáng tạo nên những nhạc cụ. Quả là một con người vĩ đại!

Giao ước của Đức Chúa Trời đối với vua Đa-vít là nước Y-sơ-ra-ên sẽ tồn tại đời đời và cuối cùng đã được làm trọn khi Chúa Giê-xu đến với thế gian. Chính bởi lời hứa của Ngài với Đa-vít mà Chúa đã giữ lại ngôi vua cho một trong những người kế nhiệm của ông trong suốt những năm suy tàn của vương quốc Giu-đa. Trong suốt lịch sử của chế độ quân chủ, Đức Chúa Trời đã đánh giá từng vị vua, và mặc dù có một vài ngoại lệ nhưng không ai trong họ có thể sánh được với vua Đa-vít.

Một người có thể tạo nên sự thay đổi, nếu người đó sẵn sàng nhận lấy trách nhiệm và bước đi cùng với Đức Chúa Trời. Ai cũng có thể xoay sở được khi ở cùng với mọi người, nhưng khi Đức Chúa Trời tìm kiếm những cá nhân sẵn sàng đứng ra đơn độc nếu cần thiết, Ngài sẽ hành động và hình thành nên những người lãnh đạo. Lời của Tiến sĩ Lee Roberson đã vang lên trong tâm trí tôi nhiều năm nay: “Mọi thứ đều có thể dấy lên hay ngã xuống bởi sự lãnh đạo.”

2. Sa-lô-môn: Thành công đôi khi dẫn đến thất bại

Thật tốt là có những thứ có thể mua được bằng tiền, miễn là bạn đừng đánh mất những thứ mà tiền không mua được. Sa-lô-môn là một người vô cùng tài giỏi có thể bàn luận mọi thứ từ việc gây dựng công chúng cho đến việc xây nên các pháo đài, tuy nhiên ông đã làm hỏng cuộc đời của mình và mở đường cho sự chia cắt của đất nước. Trong suốt thời kỳ vàng son của Sa-lô-môn, các quốc gia đã phải kinh ngạc trước sự khôn ngoan và phải ghen tỵ trước tài sản ông có được (có thể cả việc ông có nhiều vợ nữa), nhưng chính Sa-lô-môn đã tự khiến mình trở thành một con người rỗng tuếch khi xoay khỏi Đức Giê-hô-va là Đấng đã ban phước cho ông cách dư dật. Ông có lẽ là người khôn ngoan mà khờ dại nhất trong lịch sử Kinh Thánh.

Khi bạn đọc những dòng này, bạn hiểu ra được rằng chính cuộc sống xa hoa, bao phủ bởi vẻ đẹp quyến rũ và khoái lạc, đã đưa vào đất nước Y-sơ-ra-ên những con vi-rút mà cuối cùng chúng đã ăn mất trái tim thuộc linh của một quốc gia. Phải, chúng ta cần có học vấn, nhưng chúng ta cũng cần xin Chúa sự khôn ngoan để sử dụng nó theo đúng cách chúng ta nên sử dụng. Chúng ta cũng cần có tiền để mua thức ăn, quần áo, chỗ ở “Cha các người ở trên trời vốn biết các người cần dùng những điều đó rồi,” Chúa Giê-xu phán (Mat 6:32) nhưng nếu kiếm tiền chỉ vì lợi ích mà tiền đem lại thì chúng ta đã đầu hàng với lòng ham muốn của mình và trở nên quá quan tâm đến vật chất đến nỗi bỏ qua các giá trị.

Sa-lô-môn là một người thiếu trách nhiệm đối với nhiều lãnh vực trong cuộc sống, con trai của ông Rô-bô-am cũng thừa hưởng phần nào lối suy nghĩ đó, và sau cùng là chia cắt đất nước. Đức Chúa Trời khiến Đa-vít trở nên một lãnh đạo bằng cách sai ông đi chăn chiên; thử thách ông với sự tử, gấu, người khổng lồ; buộc ông phải trốn chạy để giữ lấy mạng sống trong suốt 10 năm; khiến ông phải chờ đợi ngôi vua đã được hứa cho ông. Sa-lô-môn được lớn lên trong sự chiều chuộng và bảo bọc; có thể ông có một vài năm phục vụ trong hoang mạc. Bằng việc thâu góp những cô vợ, ngựa, của cải, ông đã đem đến sự thanh bình cho đất nước,

nhưng đó là sự thanh bình được mua bằng cái giá của sự vâng theo luật pháp Đức Chúa Trời.

Chẳng có điều tốt đẹp nào trong của cải và sự xoay bỏ Chúa, cũng như chẳng có điều kỳ diệu nào trong của cải và kiến thức. Các lãnh đạo chính quyền bảo chúng ta rằng: “Nếu mọi người tài giỏi hơn và giàu có hơn thì chúng ta sẽ giải quyết được những nan đề của xã hội.” Con người đã tài giỏi hơn và giàu có hơn đấy chứ, và họ tạo ra một đống những rắc rối mới. Billy Sunday đã từng nói: “Khi tôi còn nhỏ, chúng tôi đi xuống sân ga và ăn cắp những thứ trong các toa chở hàng. Bây giờ lại có hẳn một gã đi học đại học và học cách ăn cắp luôn cả chiếc xe lửa.” Con người thông minh đến nỗi họ có thể ngồi ngay bàn phím vi tính mà ăn cướp một nhà băng cách đó hàng ngàn dặm. Bản chất con người không hề thay đổi.

3. Sức mạnh và đặc tính của một dân tộc bắt nguồn từ trong gia đình

Nếu như vua Đa-vít thể hiện sự kỷ luật và sức mạnh ông có nơi chiến trường thì lịch sử Do Thái có lẽ đã khác. Một phần của vấn đề là ông có quá nhiều vợ, cộng với thực tế là không phải lúc nào cũng dễ dàng cho một đứa trẻ có danh tiếng được lớn lên bình thường. Nhưng cho dù lý do gì đi nữa, một vài người con của Đa-vít đã thật sự hư hỏng, những gì họ làm đã ảnh hưởng đến đất nước.

Dựa theo Sáng thế ký đoạn 3, ma quỷ đã trở nên một kẻ nói dối và mục tiêu đầu tiên của nó là cuộc hôn nhân của con người. Từ lúc đó nó đã và đang tấn công điều này. Theo Sáng 4, nó trở nên một kẻ giết người và mục tiêu thứ hai của nó là gia đình. Nó khiến Ca-in đổ kị và giận dữ để rồi giết A-bên. Có lời nói rằng trong gia đình hiện đại, máy thu âm và Ti-vi được thích nghi tốt hơn là các thành viên trong gia đình. Người ta phàn nàn việc con nít không thể cầu nguyện ở trường, nhưng lại có rất ít phụ huynh khuyến khích con mình cầu nguyện ở nhà.

Gia đình là một trường học dạy về tính cách, nơi chúng ta học cách yêu thương, lắng nghe, vâng phục, và giúp đỡ lẫn nhau. Nói tóm lại, nó là nơi chúng ta học lấy tinh thần trách nhiệm.

4. Rô-bô-am: Các thế hệ phải hiệp tác với nhau

Cho dù ở nhà, hay ở văn phòng của chính phủ, hay trong Hội Thánh địa phương, các thế hệ phải làm việc cùng nhau và học hỏi lẫn nhau. Rô-bô-am, con trai Sa-lô-môn, đã khờ dại không chịu lắng nghe kinh nghiệm của người trưởng thành mà lại chọn nghe những lời tán thưởng nịnh bợ từ phía những người đồng trang lứa, và kết quả là ông đánh mất hầu hết vương quốc của mình. Bằng việc gán cho các thế hệ những danh hiệu khác nhau và để cho họ tự do làm việc riêng của mình, “Ồ, họ là như vậy đấy!”, chúng ta đã làm yếu đi tình đoàn kết trong xã hội, chia cắt gia đình, ngăn cản các thế hệ thừa hưởng những tinh hoa trong quá khứ, và thuyết phục giới trẻ rằng họ thực sự có thể tự mình làm nên chuyện.

Đức Chúa Trời đã quy định rằng cha mẹ phải trưởng thành hơn con cái của mình. Ngài cũng ra lệnh cho bậc cha mẹ phải yêu thương con cái, dạy cho chúng biết cách lắng nghe và vâng lời, bảo vệ chúng khỏi điều ác, phải làm gương tốt cho chúng. Nhưng cha mẹ cũng có thể học hỏi từ con cái của mình. Ở đây có một mối liên hệ hai chiều. Tôi vun đắp tình bạn với giới trẻ, bởi vì tôi cần họ và họ cần tôi.

Tôi giúp họ bắt nhịp với quá khứ còn họ giúp tôi bắt nhịp với hiện tại. Tôi không phải lúc nào cũng đúng và họ không phải lúc nào cũng sai. Thế hệ đi trước trao cho thế hệ đi sau một di sản quý giá từ quá khứ, nhưng nếu chúng ta không hiểu thế giới mà họ đang sống và cảm nhận của họ về thế giới đó thì chúng ta không thể giúp họ sử dụng di sản đó vì lợi ích của họ cũng như lợi ích của xã hội.

Phao-lô xem Hội Thánh địa phương như một gia đình của Đức Chúa Trời (Tit 2:1-8), trong đó các thế hệ chăm sóc lẫn nhau. Người trẻ cư xử với người lớn hơn như chính cha mẹ, ông bà của mình, và người lớn cư xử với người trẻ hơn như với con cái của mình. Khi một gia đình ngồi lại cùng nhau, không phải lúc nào họ cũng đồng ý với nhau về mọi thứ, nhưng họ cố gắng để giúp đỡ nhau trong suốt các giai đoạn khác nhau của cuộc sống. Đó là điều nên được nhìn thấy trong gia đình, Hội thánh cũng như đất nước.

5. Giê-rô-bô-am: Sự lãng phí cơ hội

Đức Chúa Trời đã trao cho Giê-rô-bô-am một cơ hội vô giá để xây dựng đất nước Y-sơ-ra-ên vì sự vinh hiển của Ngài, nhưng ông đã lãng phí nó. Thay vì nhìn lại vua Đa-vít, noi theo gương lãnh đạo của ông, và tìm sự giúp đỡ từ Chúa, Giê-rô-bô-am lại để cho bản ngã của mình chiến thắng và làm mọi thứ theo cách của mình. Ông tự tạo cho mình một thứ tôn giáo và khiến cho dân sự cảm thấy dễ dàng hơn đối với việc không vâng lời Đức Chúa Trời. Ông đã bỏ qua thẩm quyền thiêng thượng của Lời Đức Chúa Trời và lập nên các thầy tế lễ không thánh khiết và thiếu phẩm chất. Đức Chúa Trời đã gửi đến cho ông những dấu hiệu và sứ điệp, nhưng ông từ chối tuân theo. “Tội lỗi của Giê-rô-bô-am” được nhắc đến hơn 20 lần trong Kinh Thánh.

Sự chia cắt của đất nước Do Thái là một chương trình của Chúa, nhưng nếu cả Rô-bô-am và Giê-rô-bô-am biết lắng nghe tiếng Chúa thì họ đã có thể cứu đất nước mình ra khỏi cảnh đổ nát. Một khi cơ hội đã qua đi, nó sẽ không trở lại. Mỗi cơ hội đều là một cuộc thử nghiệm về cách nhìn cũng như giá trị của những người có liên quan. Chúa đã ban cho Giê-rô-bô-am một lời hứa chắc chắn (Ivua: 11:29-40) nhưng vị vua đã không xem trọng nó và tin cậy nơi Đức Chúa Trời để làm thực hiện nó. Cơ hội không đến một cách âm ỉ, nó đến thềm lặng, và tai chúng ta phải thật chú ý. Cơ hội đến gõ cửa chứ không đá ầm ầm vào cánh cửa, và chúng ta tốt hơn là nên cảnh giác để mở cửa. Nhà thơ người Mỹ John Greenleaf Whittier có viết:

Trong tất cả những lời đáng buồn được nói ra hay viết ra

Lời đáng buồn nhất đó là: “Lẽ ra sự việc phải như thế!”

Phốt lờ cơ hội Đức Chúa Trời ban cho là một sự lãng phí quá khứ, hủy hoại tương lai và làm hỏng hiện tại.

6. Ba-anh: khối ung thư âm thầm của sự thờ hình tượng

Giê-rô-bô-am thì đúc lên những con bò vàng còn Giê-sa-bên đem vào sự thờ thần Ba-anh, trước đó rất lâu, cư dân ở vương quốc phía Bắc đã từ bỏ Đức Giê-hô-va để thờ những hình tượng vô tri vô giác. Một hình tượng không chỉ là một sự sỉ nhục với Đức Chúa Trời mà còn sỉ nhục đối với loài người, bởi vì con người đã được dựng nên theo ảnh tượng của Đức Chúa Trời để phản chiếu sự vinh hiển của

Đức Chúa Trời có thật và hằng sống. Việc tạo nên một thần trong trí của chúng ta và thờ phượng nó là một điều hết sức tai hại, bởi vì chúng ta sẽ trở nên giống như những thần mà chúng ta thờ lạy (Thi 115:8).

Nếu bạn muốn sùng bái thần tượng và vẫn thỏa lòng với những khoái lạc của tội lỗi thì khi đó sự thờ hình tượng là con đường dẫn tới việc đó. Thế nhưng cái sự tự do của nó sẽ dẫn tới sự nô lệ và những khoái lạc của nó dẫn tới nỗi đau và sự chết. Cho dù thần tượng chúng ta đang thờ phượng là tiền bạc, thanh thế, quyền lực, tình dục, giải trí, hay sự thỏa mãn thói tự cao tự đại, nó cũng không bao giờ có thể sánh được với những gì chúng ta nhận được khi chúng ta thờ phượng Đức Chúa Trời có thật và hằng sống thông qua Con một của Ngài là Đức Chúa Giê-xu Christ.

7. Ê-li: Sự cải tạo và đổi mới

Một quốc gia, một Hội Thánh hay một cá nhân không bao giờ làm lạc quá xa đến nỗi Đức Chúa Trời không thể ban cho một sự khởi đầu mới. Ê-li là kẻ thù của A-háp bởi vì A-háp đã làm theo ý riêng của ông chứ không phải của Đức Chúa Trời. Ê-li là tôi tớ của Đức Chúa Trời và ông đã liều phò sự sống mình để đem đất nước trở lại với Đức Chúa Trời của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. Sự cải tạo thật sự nên dẫn đến sự đổi mới về mặt tâm linh. Việc phá bỏ bàn thờ ngoại đạo và phế truất thầy tế lễ của Ba-anh là chưa đủ. Chúng ta phải xây lại bàn thờ của Đức Giê-hô-va và cầu xin một ngọn lửa mới từ trời để thiêu đốt của lễ thiêu.

Sự cải tạo có nghĩa là giữ bỏ những phát sinh của cái mới để trở lại với nền tảng của cái cũ. Khi dân bỏ mặc giao ước của mình với Đức Giê-hô-va, họ không còn là con cái của Đức Chúa Trời nữa và trở nên giống như những dân tộc khác. Đền thờ đẹp đẽ từng là nơi đầy dẫy sự vinh hiển của Đức Chúa Trời nay trở thành một đồng đồ nát như là nhân chứng cho một dân tộc vô ơn và vô tín. Những người được chọn của Đức Chúa Trời đã quên đi quá khứ lừng lẫy của mình và cố tình tạo ra một tương lai đầy sự xấu hổ và đổ vỡ.

Nạn đề chủ yếu trong đức tin của bất kỳ một quốc gia nào cũng luôn là cuộc đấu giữa những tiên tri thật và tiên tri giả. Cả hai đều phát biểu dựa trên danh của Chúa. Các tiên tri giả sẽ nói với chúng ta điều chúng ta muốn nghe trong khi tiên tri thật lại nói những điều chúng ta nên nghe. Các tiên tri giả không đưa ra những chẩn đoán sâu sắc và thấu đáo về bệnh tật của đất nước; họ chỉ gãi nhẹ lên bề mặt mà thôi. Còn tiên tri thật, họ cắt sâu và phơi bày ra những khối ung nhọt ẩn sâu bên trong; giống như Giăng Báp-tít, họ dùng rìu đốn tận gốc rễ của cái cây (Mat 3:10) và không phí thời gian để bứt từng chiếc lá từ những cành cây chết.

“Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu?” Ê-li-sê đã hỏi điều đó khi ông bắt đầu chức vụ tiên tri của mình (II Vua 2:14). Chúng ta biết được câu trả lời: “Đức Giê-hô-va ở trong đền thánh của Ngài” (Ha 2:20). Nhưng câu hỏi thật sự không phải là: “Giê-hô-va Đức Chúa Trời của Ê-li ở đâu?” nhưng là “Ê-li ở đâu?” Đức Chúa Trời vẫn đang tìm kiếm những người nào có lòng hướng về Ngài, những con người Ngài có thể sử dụng để khôi phục quá khứ, đổi mới hiện tại, và cứu vãn tương lai.

8. A-háp và Giê-sa-bên: Sự lạm dụng quyền lực

Cách đây một vài năm tôi bắt đầu đọc một cuốn tiểu sử của Adolph Hitler, nhưng càng đọc, tôi càng cảm thấy buồn bực, cuối cùng tôi phải ngưng không đọc nó nữa. Tôi chẳng bao giờ đọc xong cuốn sách đó. Tôi cũng cảm thấy như thế đối với A-háp và Giê-sa-bên. A-háp thì nhu nhược còn vợ ông là một người không có trái tim, họ cùng nhau là hiện thân của sự tàn ác. Nếu họ sống trong thời đại ngày nay thì chắc Hollywood đã làm một bộ phim truyện về họ và họ sẽ xuất hiện nổi bật nhiều kỳ trên truyền hình. Với máy quay phim trong tay, giới báo chí sẽ theo họ từng bước và tường thuật chi tiết từng hành động của họ. Sẽ chẳng có gì khác với A-háp và Giê-sa-bên vô tín trong Kinh Thánh, người thiếu đi đặc tính và lý tưởng thánh khiết. Công chúng cứ nuôi dưỡng trí tưởng tượng bệnh hoạn của mình trên những con người thối nát đó và còn cầu hỏi thêm nữa. Cảm ơn cái bản chất sa ngã của con người, luôn luôn có thêm nhiều điều nữa.

Hãy ôn lại lịch sử của thế kỷ 20 và bạn sẽ thấy kinh ngạc trước việc làm thế nào mà các quốc gia trên thế giới lại tồn tại một sự lạm dụng quyền lực quy mô đến như vậy. Rất nhiều sự tàn bạo, dẫn đến cái chết của hàng triệu người vô tội. Một số được thực hiện dưới hình thức ngụy trang khéo léo, những kẻ lạm dụng thì đeo găng tay trắng, trông thánh thiện, nhưng cũng đều đưa đến sự hủy diệt. Những kẻ lạm dụng không dùng dao, súng, lò hủy diệt, họ dùng lời nói, và điều này còn bao gồm cả những người tự xưng là Cơ Đốc Nhân trong Hội Thánh. Thế gian cứ đứng đó nhìn và nói: “Xem kìa, xem họ ghét nhau chưa kìa!” Tôi đã từng ở trong chức vụ hơn 50 năm, và trong 10 năm vừa qua, tôi đã nghe nhiều câu chuyện kinh khủng về Hội thánh hơn là trong suốt 40 năm trước đó.

Cho dù đó là quyền lực về hành chính, quyền lực tài chính, quyền lực về thể chất hay tinh thần, hay quyền lực cao nhất là giữa sự sống hay cái chết, quyền lực mà chúng ta có đến từ Đức Chúa Trời và phải được sử dụng theo ý muốn của Ngài. Vua và hoàng hậu, hoàng đế và thủ tướng, kẻ độc tài và tổng chỉ huy, cha mẹ và giáo viên, cơ quan FBI và cơ quan KGB, tất cả họ đều có trách nhiệm giải trình với Chúa và một ngày nào đó sẽ phải trả lời trước mặt Chúa về những việc mình đã làm.

Vua Giê-xu là tấm gương vĩ đại nhất của việc sử dụng thẩm quyền cách đúng đắn. Ngài là một người Đầy tớ biết lãnh đạo và là một Lãnh đạo biết phục vụ, và Ngài làm điều đó bởi vì Ngài yêu chúng ta.

9. Đức Chúa Trời là Đấng tế trị!

Kể từ thời của Gióp, người ta đã và đang có gắng cảm nhận xem điều gì đang diễn ra trên thế giới này, vẫn chưa có ai khám phá ra được điểm mấu chốt. Chúng ta có thời gian vừa đủ để dự đoán về thời tiết, hãy tự mình hiểu được đầy đủ những động cơ của lịch sử hay thậm chí từng hoàn cảnh cá nhân trong cuộc sống của chúng ta. Một ngôi sao điện ảnh nổi tiếng đã nói: “Cuộc sống giống như một kịch bản của loại phim rẻ tiền. Nó cũ rích. Nếu tôi mà làm phim về câu chuyện cuộc đời tôi, tôi sẽ dẹp bỏ những điều đó.”¹ Nhà soạn kịch người Mỹ Eugene O'Neill có một nhân vật trong *Strange Interlude* nói: “Cuộc sống của chúng ta chỉ đơn thuần là khoảng thời gian giải lao tối đen kỳ lạ trong buổi trình chiếu bằng điện của Đức Chúa Trời.” Điều đó chẳng khích lệ gì cho lắm.

Việc nhận biết sự tể trị của Đức Chúa Trời trong mọi vật đem đến cho chúng ta niềm can đảm và đức tin chúng ta cần để sống và hầu việc trong cái thế giới sa ngã này. “Đức Giê-hô-va làm bại mưu các nước, khiến những tư tưởng các dân tộc ra hư không. Mưu của Đức Giê-hô-va được vững lập đời đời. Ý tưởng của lòng Ngài còn đời này sang đời kia” (Thi 33:10-11). Ngài ban cho chúng ta quyền chọn lựa và quyền quyết định, và Ngài không áp đặt ý muốn của Ngài trên chúng ta; nhưng nếu Ngài không đặt ra các luật lệ thì Ngài sẽ cai trị. Cho dù có sự chống cự hay nổi loạn của chúng ta, ý muốn của Ngài sẽ được thực hiện “ở đất cũng như trời.” Ngài vận hành cả vũ trụ bởi những luật lệ khôn ngoan của Ngài và không cần phải triệu tập một cuộc họp hội đồng để tìm sự đồng ý của những tạo vật của Ngài. “Con người có ý chí tự do,” A. W. Tozer viết, “bởi vì Đức Chúa Trời là Đấng tể trị. Nếu Đức Chúa Trời mà thiếu khả năng tể trị thì sẽ không dám đặt để sự tự do về mặt đạo đức cho những tạo vật của Ngài. Ngài sẽ sợ làm việc đó.”

Tuy nhiên, Đức Chúa Trời thật nhẫn nhục chịu đựng với cả người được cứu và người hư mất! Ngài cho phép Giê-sa-bên giết một vài tiên tri của Ngài, Ngài cho phép Ê-li chạy trốn khỏi nhiệm vụ của mình. Sự quyết định vĩ đại nhất mà Ngài đưa ra đó là để cho con người làm theo ý muốn riêng của mình và rồi nhận lấy hậu quả của những việc đó. “Chúa ôi! Cho đến chừng nào? Cho đến bao giờ?” là lời cầu nguyện đau thương của những người tin theo Ngài trên đất này (13:1,2) cũng như trên thiên đàng (Kh 6:10), nhưng thời gian của chúng ta đều nằm trong tay Ngài, và Ngài biết thời điểm kết thúc ngay từ khi mới bắt đầu. Khi những tin tức hằng ngày làm tôi buồn rầu, tôi dừng lại và thờ phượng Đức Chúa Trời tể trị đời đời, Đấng chưa bao giờ ngạc nhiên hay thiếu chuẩn bị trước một điều gì. Điều này giúp tôi tránh khỏi sự bực dọc hay ngã lòng và giữ cho đời sống tôi cân bằng.

Sách I Các vua cho chúng ta thấy được tội lỗi trong lòng của con người, sự thành tín của một Đức Chúa Trời yêu thương, sự nghiêm túc của việc là một trong những người tin theo Đức Chúa Trời còn lại trên đất này. Trước khi Chúa Giê-xu trở lại để thiết lập vương quốc của Ngài, nhiều điều đang trở nên xấu đi, chúng ta có thể trở nên ngã lòng và bị cám dỗ để lui đi. Khi đó chúng ta hãy nhớ rằng trách nhiệm có nghĩa là đáp ứng của chúng ta đối với quyền năng của Đức Chúa Trời. Ngài vẫn đang ngự ở trên ngai, vì vậy chúng ta hãy hoà cùng những kẻ thuộc về Ngài và hát bài hát của những người chiến thắng: “*A-lê-lu-gia! Vì Chúa là Đức Chúa Trời chúng ta, là Đấng Toàn năng, đã cầm quyền cai trị*” (Kh 19:6).